

Những Cuộc Phiêu Lưu Của Huckleberry Finn

Tác giả: Mark Twain

Thể loại: Tuổi Học Trò

Biên soạn: Gió

Website: <http://motsach.info>

Date: 07-December-2012

Giới Thiệu Tác Phẩm

Tiếp nối Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer, năm 1883 Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn là đứa con tinh thần xuất sắc nhất của Mark Twain đã được ra đời sau hơn 5 năm thai nghén.

Với Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn, bạn đọc sẽ được phiêu lưu cùng cậu bé Huck thông minh, dũng cảm, nhân hậu và Jim - người bạn da đen của Huck trên con sông Mississippi hùng vĩ và những miền đất dọc theo dòng sông này.

Bạn đọc sẽ nhiều phen thót tim và hồi hộp với những câu chuyện đầy hấp dẫn, ly kỳ mà Huck cùng Jim đã trải qua trên con đường đi tìm đến miền đất tự do.

Song song đó, bạn đọc còn được sống trong cảm giác thú vị và cười một cách sảng khoái vì những suy nghĩ và câu nói chân thật đến ngây ngô của Jim, vì sự dí dỏm, lém lỉnh trong những trò nghịch ngợm của Huck.

Và hơn nữa bạn đọc còn cảm thấy được đồng hành cùng cậu bé Huck, cùng Jim trên con đường vượt lên những bất công của xã hội, đi tìm tự do, hướng đến những lý tưởng cao đẹp.

Đại văn hào Ernest Hemingway đã nói rằng: "Toàn bộ nền văn học Mỹ hiện đại đều bắt nguồn từ Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn. Đó là một tác phẩm hay nhất mà chúng ta từng có".

Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn (tiếng Anh: Adventures of Huckleberry Finn) là tiểu thuyết được xuất bản năm 1884 của nhà văn Mỹ Mark Twain. Nó được viết trong ngôi thứ nhất, là một trong những tiểu thuyết Mỹ đầu tiên dùng phương ngữ để viết. Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn thường được đánh giá là một trong những tác phẩm vĩ đại nhất trong nền văn học Hoa Kỳ.

Huckleberry Finn được xem là cuốn tiếp theo của quyển Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer, xuất bản năm 1876. Nhân vật kể chuyện, Huckleberry Finn, là bạn của Tom Sawyer. Câu chuyện kể về những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn trên dòng sông Mississippi với người bạn là Jim, một nô lệ đang chạy thoát. Quyển sách miêu tả những cảnh vật trên dòng sông và chiêm nghiệm những quan điểm ở miền Nam Hoa Kỳ thời tiền chiến, đặc biệt là quan điểm kỳ thị chủng tộc. Hình ảnh Huck và Jim trên chiếc bè chạy theo dòng sông, đi đến tự do, là một trong những hình ảnh bất hủ nhất trong văn học Hoa Kỳ.

Chương 1

Có lẽ các bạn sẽ không biết tôi, nếu như các bạn chưa đọc cuốn sách có tên là “Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer”; nhưng điều đó cũng chẳng sao. Tác giả cuốn sách ấy ông Mark Twain, và trong đó phần lớn là ông ấy đã kể sự thật. Cũng có những chỗ ông ấy hơi phóng đại, nhưng đại đa số là những câu chuyện có thật. Tôi chưa bao giờ thấy ai hay nói dối hết lần này đến lần khác như cái bà Polly, hay bà goá, hay có lẽ cả Mary nữa. bà Polly tức là dì của thằng Tom, rồi Mary, rồi bà goá Douglas; tất cả những người đó đều có xuất hiện trong cuốn sách trên đây, và, như tôi đã nói, nó là một cuốn sách hầu hết đúng sự thật, chỉ trừ có vài cái nói hơi quá đáng mà thôi.

Cuốn sách ấy có nội dung như sau: Tom và tôi, hai đứa một hôm vớ được món tiền của bọn cướp giấu trong hầm kín, thế là chúng tôi bỗng trở nên giàu to. Chia ra, mỗi đứa được đến sáu nghìn đô la, toàn bằng vàng cả. Dem chất đồng số tiền vàng ấy thì khiếp lắm. Thế rồi lão chánh án Thatcher lấy ngay số tiền đó của chúng tôi đem cho vay lãi: còn bọn tôi thì mấy ngày lão trả cho mỗi đứa một đồng, cứ như thế quanh năm. Còn bà goá Douglas cứ coi như tôi là đứa con đẻ, và ta lại tự cho mình cái quyền là phải khai hoá cho tôi. Nhưng tôi nghĩ cứ sống quanh quẩn mãi trong cái nhà này thì cũng khổ, vì tôi cứ phải gò mình làm thế nào cho đúng với mọi điều khuôn phép của bà ấy. Cho nên, đến lúc không chịu được nữa, tôi phải tính cách chuồn đi.

Tôi lại mặc vào người bộ quần áo cũ rách rưới, và đem theo cả cái hũ kẹo của tôi nữa, thế là tôi ra đi và lại được tự do, thoải thích. Nhưng thế nào thằng Tom Sawyer nó lại lúng được tôi, nó bảo rằng tôi hiện có đang sắp sửa thành lập một bọn cướp và có thể cho tôi nhập bọn, nhưng bây giờ thì nó khuyên tôi hãy nên quay về với bà goá và ăn ở ngoan ngoãn đi đã. Thế là tôi lại quay trở về.

Bà goá thấy tôi về thì oà lên khóc, bà ta bảo tôi là một con chim non lạc đàn tội nghiệp quá, rồi lại gọi tôi bằng bao nhiêu những cái tên kì quái, thật ra bà ấy chẳng có ý hại tôi đâu. Bà ta lại bắt tôi phải mặc bộ quần áo mới, cái thứ quần áo mặc vào cứ toát cả mồ hôi và người như bị trời chặt vào ấy. Thôi, thế là những cảnh cũ ở trong cái nhà này lại tái diễn. Bà goá rung chuông gọi đi ăn, phải liệu mà có mặt cho đúng giờ. Đến ngồi bàn ăn rồi nhưng cũng chưa được ăn ngay đâu, còn phải chờ bà ta đến, lại nhai một hồi những vẻ các món ăn, mà thực ra chẳng có gì đáng nói cả. Vì món ăn nào thì trước sau cũng vẫn như vậy, toàn những đầu thừa đuôi thẹo đem trộn lên rồi đổ vào chung quanh một thứ nước sốt.

Ăn uống xong, bà ta dạy tôi về chuyện Moses... Tôi thì nghĩ nát cả óc mà vẫn chẳng hiểu được Moses là ai; nhưng rồi dần dà tôi cũng hiểu là Moses đã chết từ lâu lắm rồi. Thế là tôi cũng bỏ mặc, chẳng hơi đâu mà bận tâm đến Moses làm gì nữa, vì tôi thiết gì nghe chuyện những người đã chết cơ chứ.

Lát sau tôi muốn hút thuốc, tôi mới bảo bà goá cho phép tôi được hút. Bà ta nhất định không cho. Bà ta nói rằng đó là một tật xấu mà cũng chẳng sạch sẽ gì rồi ra sức khuyên tôi phải cố mà bỏ đi đừng có hút nữa. Đấy, có những người như thế đấy, họ cứ dính đến những cái mà họ chẳng biết gì về những cái đó cả. Cũng như bà ta cứ đi lo lắng về chuyện Moses chẳng bà con họ hàng gì với bà và cũng chẳng ích lợi gì cho ai cả, vì Moses đã chết từ tám đời rồi. Ấy thế

nhưng bà ta còn cứ cố bắt tôi phải lấy đó mà học và bà cho rằng như thế là tốt lắm. Còn chính bản thân bà thì bà cũng hút, cố nhiên mục đích là tốt, vì đó là mục đích tự nhiên. Cô em của bà ta, cô Watson là một bà cô già, người thì khá gầy guộc, mắt thì đeo đôi kính trắng, vừa mới đến ở chung trong cái nhà này với bà góa. Bây giờ thì lại đến lượt cô Watson làm tôi khổ với quyển sách đọc đánh vần. Cô ấy dạy tôi thật vất vả cứ độ một giờ đồng hồ thì bà góa lại cho cô nghỉ, còn tôi thì cũng không thể chịu lâu hơn được. Suốt trong một giờ ấy, tôi thật buồn đến chết và cứ nhấp nhúm đứng ngồi không yên. Cô Watson thì cứ chốc chốc lại: Huck, đừng ngồi ghech chân lên thế, rồi lại: Huck, đừng có vắn vẹo như thế, ngồi cho ngay ngắn nào hoặc: Huck, đừng có ngáp dài với vươn vai thế, sao không chịu ngồi cho tử tế? Rồi cô ấy bảo cái ngữ tôi rồi cũng chỉ đến bị đẩy vào những nơi khổ cực mà thôi. Tôi bảo rằng tôi cũng đang muốn thế đấy, thế là cô ấy tức điên lên. Nhưng thật ra tôi cũng không định trêu chọc gì cô ấy cả. Tôi chẳng muốn gì khác hơn là cho tôi đi đến một nơi nào, tôi chỉ muốn có sự thay đổi mà thôi, chứ tôi cũng chẳng đòi hỏi gì đặc biệt cả. Cô ấy bảo tôi nói như thế là bậy bạ, cô ấy chỉ muốn ăn ở thế nào để được đi đến chỗ tốt đẹp mà thôi. Nhưng tôi thì thấy rằng theo con đường của cô ấy cũng chẳng hay gì, cho nên tôi cũng chẳng thiết. Nhưng tôi không nói ra, vì sợ nói ra chỉ thêm phiền nhiễu. Cô ấy bảo đi đến chỗ đó thì người ta suốt ngày chỉ có việc đi nhớn nhợ đàn hát thôi. Tôi cũng chẳng thiết cái đó nữa, nhưng hơi đâu mà nói ra. Tôi hỏi cô ấy rằng xem chừng thằng Tom Sawyer nó có thể đi đến chỗ tốt đẹp ấy được không, cô ấy bảo xét kỹ ra thì không được. Nghe nói vậy tôi thích quá, vì tôi, cứ muốn rằng hai đứa cùng sống với nhau, đừng đứa nào đi đâu cả.

Cô Watson cứ bắt tôi mãi như vậy, thật là khó chịu quá, nhưng ngay sau đó, họ gọi những người hầu da đen vào, và ai nấy cầu kinh rồi về chỗ ngủ. Tôi cũng trở về buồng riêng, mang theo một ngọn nến đặt trên bàn. Tôi ngồi phịch xuống chiếc ghế bên cửa sổ, cố nghĩ đến một cái gì vui vui, nhưng không sao nghĩ được. Lúc ấy tôi cảm thấy mình quá cô đơn và lại mong rằng giá mình chết đi thì hay nhỉ. Trên bầu trời, sao lấp lánh. Tiếng lá xào xạc trong rừng nghe vô cùng buồn thảm. Tôi nghe thấy tiếng cú rúc xa xa như đang hú gọi người nào đã qua đời, rồi tiếng một con chim rừng hay một con chó đang gào hét về một người nào sắp chết, gió thì như muốn thủ thủ điều gì với tôi mà tôi không thể đoán ra được nó định nói gì. Nghĩ thế, đâm ra tôi run run mình lạnh toát cả người. Rồi một lát, ở phía rừng xa lại nghe thấy một thứ tiếng gì như ma quỷ lúc nó định nói ra những điều nó đang băn khoăn nhưng không làm thế nào cho ai hiểu được; hình như nó không thể nằm yên nghỉ dưới mộ được mà đêm nào cũng phải đi lang thang ai oán như thế ấy. Tôi nghĩ vậy lại càng hoảng hốt, sợ hãi quá chừng, và lúc đó muốn có một người nào ngồi bên cạnh tôi. Bỗng một con nhện ở đâu nhảy đến, lồm cồm bò trên vai áo, tôi vội lấy tay búng nó đi, nó bắn ngay vào ngọn nến đang cháy, tôi chưa kịp kéo nó ra thì nó đã chết queo. Lúc đó, chẳng cần phải có ai bảo tôi rằng đó là một điều xấu và rồi tôi sẽ gặp phải rủi ro, tôi cũng đã hoảng sợ lắm rồi và cuống quýt rũ mạnh quần áo trên người. Tôi chồm dậy, quay đi quay lại một chỗ đến ba bốn vòng, rồi lại làm dấu trước ngực rất nhiều lần. Rồi tôi lại lấy sợi dây buộc chặt mớ tóc trên đầu để làm cái bùa đuổi yêu quái đi. Nhưng rồi tôi lại cũng không tin. Đây là cái tục lệ khi người nào đánh mất một cái gì, sau tìm thấy thì lễ ra phải đem đóng nơ ở trước cửa ra vào; nhưng tôi thật cũng chưa nghe thấy ai nói rằng làm như thế để tránh khỏi gặp phải điều chẳng may sau khi đã làm chết một con nhện bao giờ.

Tôi lại ngồi xuống ghế, trong người bối rối không yên. Tôi lấy điếu ra hút, vì lúc này trong nhà đã im lặng như chết cả rồi còn bà góa thì cũng chẳng biết đấy là đâu. Rồi một lúc sau nữa, khá lâu, rồi nghe tiếng chuông đồng hồ xa xa ngoài tỉnh boong - boong - boong dần điểm mười hai tiếng, rồi đầu đấy lại yên lặng hơn lúc nào hết. Được một lát, tôi bỗng nghe thấy tiếng cành cây khô gãy ở phía lùm cây tối đến - lại hình như có vật gì động đậy. Tôi ngồi im lặng nghe lộp tộp

thấy rõ ràng có tiếng meo meo từ phía đó vang tới. Hay quá! Tôi cũng khe khẽ đáp lại meo meo rồi tắt phụt ngọn nến tôi trèo qua cửa sổ ra ngoài, hướng về phía bóng tối, tụt nhanh xuống đất rồi luồn vào đám cây. Đúng là thằng Tom Sawyer đang chờ tôi ở đó.

Chương 2

Hai đứa chúng tôi nhón chân đi men theo con đường nhỏ dưới lùm cây phía góc vườn của bà goá, và cứ phải cúi lom khom để đầu khỏi đụng vào cành cây. Lúc đi qua cửa bếp, tôi vấp phải cái rễ cây nên có tiếng động. Hai đứa vội nằm rạp người xuống đất im thít. Anh da đen to lớn làm việc cho cô Watson, tên Jim, lúc đó đang ngồi ở cửa bếp. Chúng tôi có thể nhìn thấy Jim rất rõ, vì sau lưng hắn có ánh đèn. Nghe thấy động, Jim choàng dậy, thò cổ ra ngoài nghe ngóng một lúc rồi lên tiếng hỏi:

- Ai đấy?

Nghe một lát không thấy gì, hắn kiễng chân nhẹ nhẹ đi xuống đứng ngay ở giữa hai đứa chúng tôi. Chỉ gờ tay với ta chúng tôi có thể chạm đến người hắn. Lâu lắm, hình như qua đến mấy phút không có lấy một tiếng động nhỏ nào, mà cả ba người thì ở ngay sát cạnh nhau như thế. Lúc đó, cổ chân tôi thấy ngứa, rồi đến lưng, ngay ở chỗ giữa hai bắp vai. Tưởng như lúc đó mà không được gãi thì chết mất. Ngay lúc đó, Jim lên tiếng hỏi:

- Này, ái thế, ở chỗ nào đấy? Quái thật, rõ ràng mình nghe thấy có tiếng gì ở đây mà. Thôi được, tôi đã có cách, tôi cứ ngồi ở đây cho đến lúc nào tôi nghe thấy có tiếng động nữa mới thôi.

Nói thế rồi hắn ngồi phệt ngay xuống đất, giữa chỗ tôi và thằng Tom. Hắn dựa lưng vào thân cây, duỗi thẳng hai chân ra, suýt nữa thì chân hắn đụng phải tôi. Mũi tôi lại bắt đầu thấy ngứa. Cái tội nợ ấy nó kéo dài đến sáu bảy phút và hình như còn lâu hơn thế nữa. Bây giờ thì trong người tôi ngứa ran lên cả thảy đến mười một chỗ. Tôi tính có lẽ không thể chịu được như vậy đến một phút nữa đâu, nhưng tôi vẫn cứ cắn chắc răng và sẵn sàng chịu đựng. Vừa lúc ấy, tiếng Jim thở hổn hển, rồi sau đó là tiếng hắn ngáy. Người tôi lập tức trở lại dễ chịu ngay.

Thằng Tom ra hiệu cho tôi và tôi làm hiệu bằng cách khe khẽ háng lên một tiếng. Hai đứa chúng tôi lại bò đi. Ra khỏi chỗ đó độ mười bước, thằng Tom nói thầm vào tai tôi rằng nó muốn trói Jim vào thân cây, đùa một tí cho vui, nhưng tôi bảo đừng, nhờ thức dậy làm oang lên thì lúc đó trong nhà họ sẽ biết là tôi không có mặt trong ấy. Thằng Tom lại nói là không có đèn nến gì cả, nó muốn mò vào trong bếp kiểm mấy cây nến. Tôi không muốn cho nó như vậy, tôi bảo nhờ Jim hắn tỉnh dậy chạy vào thì sao. Nhưng thằng Tom nhất định cứ muốn liều; thế là chúng tôi mò vào nhặt ba cây nến, rồi Tom để lại năm xu trên bàn để trả tiền nến. Rồi chúng tôi bước ra, tôi thì nóng ruột muốn chạy biến đi ngay, nhưng không hiểu tại sao thằng Tom lại bò trở lại chỗ Jim, thấy nó cúi lom khom như đang nghịch ngợm cái gì ở phía trên đầu Jim. Tôi phải chờ một lúc khá lâu. Chung quanh vẫn im ắng lặng lẽ.

Chờ thằng Tom quay lại, chúng tôi chạy theo con đường nhỏ vòng cái hàng rào ở quanh vườn, rồi lát sau chạy lên cái dốc ở trên đồi phía bên kia nhà. Thằng Tom nói là nó đã nhấc cái mũ ở trên đầu Jim và mắc lên cành cây ngay ở phía trên chỗ hắn ngủ, Jim có cựa quậy một tí nhưng vẫn không tỉnh dậy. Chuyện này rồi về sau chính Jim lại đi phao lên rằng có yêu quái bắt mất hồn của hắn, dẫn hắn đi lang thang khắp xứ, rồi một lần khác cũng kể lại chuyện này thì Jim lại nói rằng yêu quái đã dẫn hắn đi xuống tận vùng New Orleans. Lần khác nữa, cứ mỗi khi kể lại

chuyện này thì hẳn lại bịa thêm một ít, dần dần cho đến lúc hẳn nói rằng yêu quái đã dẫn hẳn đi khắp nơi cả thể giới, làm hẳn mệt gần chết, và lung hẳn thì sung vù cả lên. Jim lấy làm tự mãn về câu chuyện này lắm, thành ra cái đó làm cho hẳn ít để ý đến những anh em da đen khác nữa. Anh em đi hàng năm sáu dặm đến để nghe Jim kể lại cái câu chuyện yêu quái này, dần dần ở trong vùng, Jim dần ra được coi trọng hơn các anh em khác. Những người da đen ở xa đến thì cứ há hốc miệng ra mà nhìn Jim khắp người, coi như Jim là một cái kỳ quan vậy. Anh em da đen thường hay chờ đến đêm tối ngồi bên cạnh bếp lửa nói chuyện về yêu quái, ma quỷ; hễ khi nào có ai ở đâu nói chuyện ấy và tỏ ra mình cũng biết đủ thứ về yêu quái thì bỗng thấy Jim cũng ở đâu mò đến và nói: Hừ! Anh thì biết gì về yêu quái cơ chứ? Thế là anh kia nín thít ngay và lẩn về phía sau ngồi để nhường chỗ cho hẳn. Jim vẫn luôn luôn có hai đồng năm xu buộc vào giày đeo ở cổ, và khoe rằng đó là cái bùa mà tự tay quỷ thần trao cho hẳn và dặn hẳn rằng có thể dùng nó mà chữa bệnh cho mọi người; lại có thể bất cứ lúc nào cũng gọi yêu quái đến được, chỉ việc nói nhỏ vài tiếng với đồng năm xu đó mà thôi. Nhưng chẳng bao giờ hẳn cho ai biết là hẳn sẽ nói với cái bùa đó như thế nào. Người da đen ở quanh vùng có cái gì cũng đem đến cho Jim và chỉ cần được trông thấy đồng năm xu ấy mà thôi. Nhưng cũng không ai dám sờ vào nó vì họ sợ rằng đã có bàn tay của quỷ thần đặt lên đó rồi. Thật quả là nguy hại cho Jim vì là kẻ đi ở như hẳn mà lại giương giương tự đắc là đã được gặp quỷ thần và bị yêu quái dẫn đi khắp mọi nơi.

Khi thằng Tom với tôi đến lung đôi, nhìn về phía đôi thấy ba bốn đống lửa lập loè, có lẽ ở đó đang có người ốm chằng. Những vì sao khuya trên đầu chúng tôi vẫn lấp lánh trông rất đẹp. Ở dưới kia, gần làng là một con sông rộng đến gần một dặm, lặng lẽ trôi một cách kinh sợ. Chúng tôi bước xuống chân đôi đã thấy thằng Joe Harper với thằng Ben Rogers và hai đứa nữa, đang nấp trong cái nhà thuộc da cũ. Chúng tôi tháo một chiếc thuyền nhỏ, rồi kéo xuống phía dưới sông đến hơn hai dặm. Đến tận một cái mô đất lớn ở bên đôi mới lên bờ.

Bọn chúng tôi đi đến một bụi rậm cây cối chi chít, thằng Tom bắt cả bọn phải thề giữ bí mật. Rồi nó chỉ một cái hốc ở trên đôi, ngay chỗ bụi cây rậm rạp nhất. Chúng tôi thấp nển lên, rồi lại lom khom bò đi. Được gần hai trăm thước thì đến cửa hang. Thằng Tom loay hoay tìm lối, rồi thoát một cái nó đã chui xuống dưới chân một bức tường mà chả ai ngờ rằng ở chỗ đó có cái lỗ. Chúng tôi lách người theo một lối đi rất hẹp và đi đến một nơi trông như căn phòng, vừa ẩm ướt, vừa lạnh. Rồi tất cả dừng lại đó. Thằng Tom nói:

- Nào, chúng mình bắt đầu thành lập một bọn cướp ở đây và đặt tên là bọn Tom Sawyer. Những ai muốn nhập bọn thì phải thề, và phải ghi tên bằng máu.

Đứa nào nghe thấy cũng thích. Thằng Tom rút ra một mảnh giấy trong đó nó đã viết sẵn lời thề và đem đọc lên. Lời thề nói rằng tất cả những đứa nào đã vào bọn thì phải trung thành, không được tiết lộ bất cứ một bí mật nào; và nếu như có kẻ xâm phạm bất cứ bằng cách gì đến một đứa trong bọn thì đứa ấy sẽ được lệnh đi giết kẻ kia cùng cả nhà nó và phải thi hành lệnh ấy; mà không được ăn được ngủ cho đến khi nào đã giết được chúng và vạch vào ngực chúng một cái dấu chữ thập tức là dấu hiệu riêng của bọn mới mà thôi. Tất cả những ai không thuộc người trong bọn thì không được dùng dấu hiệu đó. Mà nếu kẻ khác làm như vậy sẽ bị đem ra truy tố, nếu còn tái phạm sẽ bị xử tử. Còn nếu ai thuộc trong bọn mà tiết lộ bí mật thì sẽ bị chặt đầu, xác sẽ bị đem thiêu để tro tàn bay tứ tung tên tuổi sẽ bị lấy máu xóa nhoè trong danh sách và không bao giờ còn ai nhắc nhở đến nữa, người đó sẽ bị nguyên rửa và mãi mãi sẽ bị bỏ quên.

Cả bọn, đứa nào cũng nói rằng lời thề như thế thật là hay và hỏi rằng có phải là tự thằng Tom nó nghĩ ra được như thế không. Nó nói là một phần do nó nghĩ ra, còn thì rút ở trong những

cuốn sách nói về trộm cướp, và bọn cướp nào nổi tiếng cũng đều làm như vậy cả.

Lại có đứa trong bọn nghĩ rằng nếu đứa nào tiết lộ bí mật thì đem giết cả gia đình nó đi có lẽ cũng tốt. Thằng Tom bảo đấy cũng là một ý kiến hay, thế là nó rút bút chì ra viết luôn cái điều đó vào. Thằng Ben Rogers hỏi:

- Thế thằng Huck Finn đây thì sao, nó không có gia đình thì làm thế nào?

- Ờ thế nào không có bố à?- Thằng Tom hỏi.

- Có, nó có bố, nhưng hiện nay không tìm thấy bố nó được đâu. Bố nó chỉ chuyên môn say khướt với đám người bán thuốc ở trong nhà thuộc da ấy, mà đến hơn một năm nay chẳng thấy bố nó quanh quẩn ở vùng này nữa.

Chúng nó bàn một hồi lâu rồi định đuổi tôi ra khỏi bọn. Vì chúng nó bảo rằng đứa nào cũng phải có gia đình hay phải có một người nào để mà giết, nếu không thì không được và không công bằng. Rồi chẳng đứa nào nghĩ ra cách gì khác. Đứa nào cũng bí cả, ngồi im bật. Tôi gần phát khóc. Nhưng rồi tôi cũng nghĩ ra một cách, tôi đề nghị với chúng nó rằng có thể giết cô Watson được. Chúng nó reo lên: ồ cô Watson, giết được đấy. Hay lắm... Cho thằng Huck vào bọn được rồi.

Mỗi đứa mới lấy kim châm vào đầu ngón tay, lấy máu ra ký tên; tôi cũng vạch tên tôi lên mảnh giấy ấy.

Thằng Ben Rogers hỏi:

- Nào, bây giờ bọn ta định hành động như thế nào đây?

- Chỉ có việc cướp của giết người thôi - Thằng Tom đáp.

- Nhưng mà cướp của ai bây giờ chứ? Cướp nhà cửa, hay trâu bò, hay là...

Thằng Tom Sawyer ngắt lời:

- Lấy trâu bò với những cái như thế đâu có phải là cướp, đấy chỉ là trộm vặt. Chúng mình không phải là những tên ăn trộm. Đó không phải là cái kiểu làm của chúng mình. Đây, chúng mình là những tay cường đạo; giữa đường cái lớn, ta chặn xe cộ lại, đeo mặt nạ, giết người rồi cướp đồng hồ, tiền của hành khách.

- Những có nhất thiết phải giết người không?

- Có chứ. Đó là cách tốt nhất. Có một số những tay có tiếng tăm thì nghĩ khác, nhưng hầu hết đều cho giết người là tốt hơn cả, trừ khi có những người mà mình mang họ về giam giữ trong hang này chờ đến khi nào họ được chuộc lại.

- Chuộc lại? Nghĩa là thế nào?

- Tao cũng chả biết. Nhưng thấy người ta vẫn làm như thế. Tao xem trong sách thấy nói như vậy. Và cố nhiên, chúng mình cũng phải làm như vậy chứ.

- Nhưng mình không biết nó là cái gì thì mình làm thế nào được chứ?

- Sao? Mặc kệ, chúng mình nhất định phải làm thế. Tao đã bảo rằng trong sách nói thế mà lại. Chúng mày định làm khác với những điều nói trong sách à? Định làm cho mọi thứ rồi định rồi mù cả lên hay sao?

- Này Tom Sawyer, tất cả những cái đó nói thì hay lắm rồi, nhưng thật chúng tao không biết rằng chuộc lại là như thế nào. Mình không biết làm như thế nào đối với họ thì gọi là chuộc? Chính đó là điều chúng tao muốn hiểu thôi. Nào, mày hiểu chuộc nghĩa là như thế nào?

- Tao không biết. Nhưng có lẽ là nếu mình giam giữ họ đến khi nào họ được chuộc lại, tức là giam cho đến lúc họ chết chứ gì?

- Đại khái nó như vậy. Thế có phải xong không. Thì tại sao mày không nói rõ từ nãy? Nghĩa là mình sẽ giam giữ họ đến lúc họ được chuộc cho đến chết; ô lại còn một đồng những cái phiền phức nữa cơ, nào là ăn uống đủ thứ này, nào là họ luôn tìm cách trốn đi này!

- Ben Rogers, mày nói lạ nhỉ. Họ làm thế nào mà trốn được, đã có người của mình canh gác chứ, hể họ rục rịch là sẵn sàng bắn chết ngay.

- Có người canh gác? à, thế thì tốt. Như vậy là phải có người ngồi đó suốt đêm để canh họ và không được ngủ chứ. Tao nghĩ rằng như thế thì thật là điên rồ. Vậy thì tại sao không có người nào cầm cái gậy mà chuộc ngay cho họ một cái khi mới bắt họ về đây có được không?

- Tại sao à? Tại vì sách không có nói đến việc đó chứ tại sao nữa. Này Ben Rogers, tao hỏi mày có muốn làm mọi cái cho đúng quy cách hay là mày không muốn - chỉ có thế thôi. Thế mày tưởng rằng cái người làm ra những cuốn sách ấy không biết cái gì là đúng hay sao? Mày tưởng rằng mày dạy được người ta cái gì ư? Thôi, đừng hòng. Không đâu, ông ạ, chúng mày chỉ có việc làm như thế và chuộc họ theo đúng quy cách như vậy thôi.

- Thôi được, tao không cần. Nhưng dù sao, tao cũng vẫn bảo rằng như vậy là điên rồ. Này, thế chúng mày có giết cả đàn bà nữa không?

- Này, Ben Rogers, nếu tao cũng ngu dốt như mày thì tao sẽ không nói chuyện làm gì nữa. Giết cả đàn bà? Không, chả bao giờ tao thấy trong sách nói như thế cả. Mình đưa họ về hang, rồi luôn luôn lúc nào cũng phải đối đãi với họ rất ngọt ngào, dần dà họ sẽ đem lòng yêu mình và chẳng muốn đòi trở về nhà nữa.

- à, nếu mà như vậy thì tao đồng ý; nhưng chuyện ấy thì tao không thiết. Vì rồi chẳng bao lâu thì cái hang này của mình lại nhốn nháo đầy những đàn bà, với những người chờ đó để bị chuộc, rồi lại không còn chỗ để mà chứa bọn cướp chúng mình nữa. Nhưng thôi, mày cứ nói nốt đi, tao không hỏi gì nữa.

Thằng Tommy Barnes còn bé, từ nãy đã ngủ khi, lúc cả bọn đánh thức nó dậy thì thằng bé sợ oà lên khóc, đòi về nhà với mẹ, và nó bảo thôi, nó không muốn đi làm cướp nữa.

Cả bọn thấy thế càng trêu nó, gọi nó là thằng nhè, làm nó tức điên lên và bảo nó rằng sẽ bỏ ngay lập tức rồi đi nói toang tất cả bí mật ra. Nhưng thằng Tom cho nó nằm xu để nó im đi, rồi bảo tất cả bọn hãy về nhà để đến tuần sau lại gặp nhau, sẽ đi cướp hoặc giết một người nào đó.

Thằng Ben Rogers bảo rằng nó không được ra khỏi nhà luôn đâu, chỉ có ngày chủ nhật thôi, vì thế nó muốn rằng chủ nhật sau sẽ bắt đầu khởi sự. Nhưng cả bọn nói là nếu làm việc đó vào

ngày chủ nhật thì sẽ bị quỷ thần trừng phạt. Thế là hỏng. Rồi cả bọn lại đồng ý là thôi, để khi nào gặp nhau sẽ định ngày càng sớm càng tốt. Rồi, chúng nó bầu thằng Tom Sawyer làm chỉ huy thứ nhất của bọn, thằng Joe Harper làm chỉ huy thứ hai. Xong đâu đấy, cả bọn kéo về nhà.

Tôi trèo qua mái chuồng ngựa rồi luồn vào cửa sổ vừa lúc trời sắp sáng. Bộ quần áo mới của tôi dính đầy những đất cát bẩn thỉu, còn tôi thì mệt đứt hơi.

Chương 3

Đến sáng, tôi bị cô Watson thuyết cho một hồi về chuyện quần áo bẩn thỉu; còn bà goá thì bà ta không rầy mắng gì tôi cả mà chỉ lặng lẽ lau sạch những vết bẩn đi thôi. Thấy vậy, tôi cũng đâm ra ân hận và tôi nghĩ nếu có thể thì cũng nên ăn ở ngoan ngoãn ít lâu. Rồi vô Watson kéo tôi vào trong buồng con, cầu nguyện. Nhưng chẳng ăn thua gì. Cô ấy bảo tôi ngày nào cũng phải cầu nguyện, và làm như thế thì rồi muốn gì được nấy. Nhưng thật ra có như vậy đâu, tôi đã thử mãi rồi. Một lần tôi kiếm được cái cần câu mà không có lưỡi câu. Không có lưỡi câu thì chịu chả làm ăn gì được. Bà bốn lần tôi đã chịu khó cầu nguyện nhưng không ăn thua gì. Tôi bèn nhờ cô Watson cầu hộ thì cô ấy lại bảo tôi là thằng điên. Cô ấy không nói tạo sao, còn tôi thì chả làm thế nào mà hiểu được.

Một lần, tôi ngồi tít trong rừng và nghĩ ngợi rất lâu về chuyện ấy. Tôi tự hỏi nếu như một con người muốn cầu nguyện cái gì được cái ấy thì tại sao lão Deacon Winn lại không đòi lại được món tiền mà lão đã bị mất về đám lợn? Tại sao bà goá lại không lấy lại được cái hộp đựng thuốc bằng bạc bị mất cắp? Tại sao cô Watson lại không béo ra được? Không, chẳng làm gì có chuyện đó đâu; tôi tự nhủ như thế. Tôi bèn đi nói với bà goá cái ý nghĩa của tôi như vậy thì bà ta bảo rằng cái thứ người ta cầu nguyện để mà cô ấy chỉ là những cái lộc được hưởng về tinh thần mà thôi. Cái đó đối với tôi thật khó hiểu quá.

Nhưng rồi bà ta bảo ý bà ta muốn nói là như thế này: rằng mình phải giúp đỡ người khác, làm mọi điều mình có thể làm cho người khác, luôn luôn sẵn sóc đến người khác và đừng bao giờ nghĩ đến mình. Nếu mà tôi hiểu đúng thì đây nên tính cả cô Watson nữa. Tôi lại đi ra phía ngoài rừng và cứ quanh quẩn bới óc nghĩ về chuyện đó rất lâu, nhưng tôi không thể nào thấy cái đó có lợi gì cho tôi mà chỉ lợi cho người khác. Cuối cùng, tôi quyết định là thôi không băn khoăn gì về chuyện đó nữa, cứ để mặc kệ nó đấy. Có đôi khi bà goá kéo tôi ra một chỗ và nói về chuyện Thượng đế ban lộc; góm nghe mà thêm rõ rã. Nhưng cũng có thể hôm sau cô Watson lại vợ lấy chuyện ấy mà nói khác hẳn. Tôi nghĩ rằng tôi đã thấy ra là có hai thứ ông Thượng đế; ai khổ sở thì đi theo cái ông Thượng đế mà bà goá nói ấy, nhưng nếu ai chẳng may gặp phải ông Thượng đế của cô Watson thì thôi thế là hết đường làm ăn. Tôi nghĩ đi nghĩ lại mãi về chuyện này và định rằng tôi sẽ đi theo cái ông Thượng đế của bà goá, nếu như ông ta bằng lòng; mặc dầu tôi chưa rõ ràng sau này ông ta có còn tốt hơn như trước nữa không, khi biết là tôi dốt nát, lại hay thích những chuyện oái oăm, nhỏ nhặt.

Bố tôi thì bỏ đi đã hơn một năm nay. Điều đó cũng làm cho tôi dễ chịu, vì tôi không muốn gặp bố tôi nữa. Lúc nào không say rượu mà vợ được tôi là chỉ những đánh đập; cho nên tôi luôn luôn bỏ chạy vào rừng, nhất là những khi bố tôi đi dạo quanh nhà. Hồi đó người ta thấy bố tôi chết trôi ở quãng sông phía dưới, cách tỉnh chừng khoảng hai mươi dặm. Họ bảo rằng cái người chết trôi ấy đúng là khổ người của bố tôi, quần áo rách bươm, có bộ tóc dài chẳng giống ai. Mà những cái đó thì thật đúng như bố tôi rồi. Nhưng chẳng ai nhìn thấy rõ mặt mũi, vì cái xác đã ngâm dưới nước quá lâu rồi nên mặt cũng không còn ra mặt nữa. Họ nói là bố tôi trôi ngửa trên mặt nước. Họ đã vớt lên đem chôn ở trên bãi sông ấy. Nhưng tôi yên lòng không được bao lâu thì bỗng nghĩ đến một điều. Tôi biết rõ ràng là một người đàn ông chết đuối thì không bao giờ trôi ngửa, mà trôi sấp. Nếu đúng như thế thì cái xác đó không phải là bố tôi, mà có lẽ là một

người đàn bà mặc quần áo đàn ông. Nghĩ thế tôi lại đâm lo. Tôi đoán thế nào ông ấy cũng sắp quay trở về. Và tôi cứ mong là ông ấy đừng về nữa.

Thỉnh thoảng, bọn chúng tôi giả làm cướp, chơi được gần một tháng, rồi sau tôi rút lui, không chơi nữa. Cả bọn cũng thôi. Chúng tôi chưa cướp của ai bao giờ, chưa giết người nào, mà chỉ làm giả như thế thôi. Chúng tôi thường chạy ra ngoài rừng, làm bộ tấn công vào những người chăn cừu và những bà chở xe rau đi chợ. Nhưng chúng tôi chẳng bao giờ xúm vào lấy của họ cái gì. Thằng Tom Sawyer gọi những con cừu là những thoi vàng còn những củ xu hào, bắp cải là những quần áo đồ đặc. Xong đâu đấy, cả bọn chúng tôi kéo nhau về hang bàn cãi về những hành động vừa làm, xem đã giết được bao nhiêu người, đã vạch được bao nhiêu dấu hiệu trên người chết. Nhưng rồi tôi thấy cái đó chẳng ích lợi gì. Có một lần thằng Tom phai một đứa chạy lên tỉnh, tay cầm một bó đuốc sáng mà nó gọi đó là cái khẩu hiệu (tức là cái dấu hiệu của bọn tôi mỗi khi tụ tập với nhau). Rồi nó bảo rằng vừa mới nhận được tin mật báo do những tay do thám của nó đưa về; báo rằng hôm sau sẽ có một đoàn lái buôn người Tây Ban Nha và người ả Rập rất giàu có sẽ qua đó, đóng trại nghỉ chân ở Hang Lỗ; đoàn này có hai trăm con voi, sáu trăm con lạc đà với hơn một ngàn con la, toàn chở kim cương châu báu; mà họ chỉ vền vẹn có bốn trăm lính gác. Vì vậy chúng tôi sẽ bố trí phục kích, thằng Tom nó nói thế, phục kích và phải giết cả đoàn người đó rồi cướp thật nhanh lấy những đồ vật ấy. Nó dặn chúng tôi phải lau chùi thật kỹ những dao kiếm, súng ống và chuẩn bị sẵn sàng. Ngủ nó thì ngay đến một cái xe chở rau cũng chẳng bao giờ làm gì được, nhưng nó cứ nhất định phải có gươm, có súng lau chùi cho sáng loáng để làm những việc đó; mặc dầu gươm súng đây chỉ là những cái que gỗ, cán chổi, có lau chùi hay đánh bóng cho đến rã cánh đi nữa thì nó cũng vẫn chẳng giá trị gì hơn một đám củ. Tôi không tin rằng bọn tôi có thể đánh nổi cả một đoàn người Tây Ban Nha và ả Rập như thế được, nhưng bụng tôi muốn được xem voi và lạc đà, cho nên hôm sau tôi cũng có mặt trong trận phục kích. Hôm đó thứ bảy, sau khi nhận được lệnh, chúng tôi ra khỏi rừng và chạy băng xuống chân đồi. Nhưng chẳng thấy người Tây Ban Nha và ả Rập đâu cả, cũng chả thấy lạc đà với voi nữa. Chỉ là đám học trò nhỏ của trường nhà Dòng đi cắm trại chiều thứ bảy. Chúng tôi nhảy ủa vào đám đó là lừa tụi trẻ con lên hang. Nhưng bọn tôi chẳng kiếm được gì khác ngoài một bánh mì ngọt với thịt muối thằng Ben Rogers vớ được một con búp bê rách, thằng Joe Harper vớ được quyển sách hát của nhà thờ và một cuốn kinh nhỏ. Lúc đó bỗng thấy ông giáo ở đây chạy ra làm chúng tôi phải vứt bỏ cả xuống mà tháo chạy. Tôi chả thấy kim cương châu báu gì cả. Tôi bảo thằng Tom Sawyer thế. Nó nói chẳng có vô khối đấy à. Nó lại bảo là có cả người ả Rập, cả voi nữa, đủ các thứ ở đấy. Tôi hỏi thế sao tôi không trông thấy? Nó bảo là sao tôi dốt thế, nếu mà tôi đã được đọc một cuốn sách tên là Đông Ki sót rồi thì tất là sẽ biết mà chẳng cần phải hỏi nó như thế nữa. Nó nói rằng đó là do sự phù phép nên mới như vậy. Ở đó có hàng trăm lính, rồi voi, rồi kho tàng vân vân... nhưng vì chúng tôi có nhiều kẻ thù, ở đâu nó gọi là những nhà ảo thuật đã biến tất cả những thứ đó thành đám học trò trẻ con đi cắm trại cho nên mới hại chúng tôi như vậy. Tôi nói rằng đã thế thì bây giờ đi tìm những nhà ảo thuật ấy mà đánh chứ. Thằng Tom Sawyer bảo tôi là ngốc. Nó nói:

- Như thế làm sao được? Nhà ảo thuật có thể gọi đến một lô những ông thần, họ sẽ băm mảy ra từng mảnh ngay tức khắc ấy chứ. Những ông thần ấy to bằng cái cây, lớn bằng cái nhà thờ ấy.

Tôi nói:

- Giá chúng mình có vài ông thần như vậy giúp một tay thì có thể đánh tan được đám khác không?

- Làm thế nào mà mình có những ông thần ấy được?
- Tao cũng không biết. Nhưng thế làm sao mà họ lại có được?
- Họ lấy tay cọ sát vào cái đèn bằng thiếc hay vào cái nhẫn bằng sắt, thế là ông thần kia ầm ầm kéo đến, có sấm sét và chớp lóe hiện lên theo ở quanh mình rồi khói bay lên cuồn cuồn, rồi bất cứ sai họ việc gì là họ cũng làm ngay được chứ sao. Họ có thể không cần phải dùng đến sức lực mà cũng nhổ bật một cái pháo đài hoặc đem buộc ông giám thị của trường hay bất cứ ai lên đó rồi đội cả đi cũng được.
- Thế thì ai có thể gọi họ kéo đến ầm ầm ở chung quanh như vậy được?
- Người nào cọ sát vào chiếc đèn hay chiếc nhẫn ấy chứ còn ai nữa. Những ông thần này là thuộc quyền bất cứ ai cọ sát vào cái đèn cái nhẫn, và phải làm mọi cái theo lệnh của người đó. Nếu bảo xây một toà lâu đài bốn mươi dặm toàn bằng kim cương, và chất đầy kẹo cao su vào trong toà lâu đài ấy, hay bất cứ cái gì mình muốn, rồi dẫn về đó cho mình một cô công chúa con gái ông Hoàng để ở Trung Hoa để cưới làm vợ, họ đều phải làm theo tất cả, mà lại phải làm xong những cái đó trước khi mặt trời mọc sáng hôm sau nữa cơ, lại còn thế này nữa: những ông thần ấy phải đem cái toà lâu đài đi khắp nơi nào mình muốn nữa. Mà y hiểu chưa?

Tôi nói:

- Nếu thì tao nghĩ rằng họ chỉ là một đám ngốc không biết giữ lấy toà lâu đài ấy cho mình mà lại đi phung phí như vậy. Hơn nữa, nếu tao là một trong những ông thần ấy thì tao sẽ xin đủ thôi, chả tội gì bỏ việc của mình mà đi hầu người ta mỗi khi họ cọ sát vào cái đèn bằng thiếc như thế.
- Huck Finn, mà y ngốc lắm. Khi người ta cọ sát vào cái đèn thì muốn hay không muốn đã là những ông thần kia thì tất là phải kéo đến rồi.
- Thế thì tao cũng sẽ to bằng cái này, lớn bằng cái nhà thờ à? Vậy thì hay lắm: tao sẽ đi đến chỗ đó; nhưng mà tao thì định sẽ bắt người ấy phải treo lên một cái cây nhất ở xứ này.
- Thôi đi Huck Finn, nói chuyện với mà chán tận cổ. Trong mà y cũng không đến nỗi là không biết gì cả, ấy thế mà hoàn toàn là ngu ngốc.

Tôi lại phải nghĩ ngợi về chuyện này mất vài ba ngày. Tôi tính để rồi sẽ xem trong đó có cái gì thật không. Tôi đi kiếm một cái đèn bằng thiếc đã cũ và một cái nhẫn bằng sắt đem ra ngoài rừng, lấy tay cọ sát, cọ sát mãi đến toát cả mồ hôi, trong bụng đã tính sẵn sẽ xây một toà lâu đài mà bán đi. Nhưng vô ích, chẳng thấy ông thần nào tới cả. Sau đó, tôi cho rằng tất cả những chuyện vô lý ấy chỉ là một trong bao nhiêu cái nói láo của thằng Tom Sawyer mà thôi. Tôi đoán chắc nó tin rằng có những người Ả Rập kia và có voi thật; nhưng còn tôi thì tôi nghĩ khác. Vì rõ ràng đó chỉ là đám học trò trường nhà Dòng mà thôi.

Chương 4

Ba bốn tháng trôi qua, bây giờ đã đến giữa mùa đông. Lâu nay tôi vẫn đi học và đã có thể đánh vần được, đọc được, viết được chút ít và đã có thể thuộc bảng cửu chương đến chỗ sáu lần bảy là ba mươi lăm. Tôi không tin chắc là mình có thể giỏi được hơn thế nữa nếu mình còn sống. Dù sao thì tôi cũng không thích cái môn toán cho lắm.

Lúc đầu, tôi rất ghét đến nhà trường, nhưng dần dà đi học thì tôi thấy cũng chịu được. Lúc nào thấy trong người mệt, không bình thường, thì tôi trốn học. Và hôm sau bị trận đòn, tôi lại học hành tử tế, hăng hơn. Cứ thế, việc học đối với tôi dễ dàng dần dần. Tôi cũng đã quen với tính nết của bà goá và thấy không đến nỗi bức mình lắm. Sống trong một căn nhà, ngủ trên một chiếc giường riêng, lắm khi tôi cũng thấy nó trói buộc mình thế nào ấy. Vì thế, trước đây lúc trời còn chưa lạnh lắm, thỉnh thoảng tôi vẫn hay lẩn ra ngủ ngoài rừng. Đối với tôi, như vậy là nghỉ ngơi được. Tôi chỉ thích nhất những cách sống cũ. Nhưng khi phải sống mới như thế này, tôi cũng hơi thích một chút. Bà goá bảo tôi rằng uốn theo những cái đó tuy có chậm chạp nhưng chắc chắn, và cũng không có chỗ nào chệch tránh được cả. Bà ta nói là bà ta không đến nỗi phải hổ thẹn về tôi.

Một buổi sáng trong khi đang ăn lót dạ thế nào tôi đánh đổ cái đĩa đựng muối. Tôi vội vàng lấy tay vét thật nhanh, vớt ra sau vai bên trái để tránh điều đen rủi, nhưng bỗng cô Watson ở đâu vào đứng ngay trước mặt và chặn lại. Cô ấy bảo:

- Huck, bỏ tay ra, sao lúc nào cũng nghịch bẩn thế?

Bà goá thêm vào một câu nhẹ thôi; nhưng cái đó cũng không thể làm cho tôi tránh khỏi cái không may được, tôi biết như thế lắm. Sau bữa ăn, tôi bước ra ngoài, trong lòng thấy lo lắng run sợ, không biết rằng cái điều không may ấy sẽ rơi vào tôi ở chỗ nào và không biết nó sẽ ra sao đây. Cũng có những cách để tránh khỏi một số điều đen đủi, nhưng trường hợp này không ở trong số đó; cho nên tôi chẳng còn biết làm thế nào, chỉ luẩn quẩn với những ý nghĩa buồn rầu sợ sệt.

Tôi xuống dưới vườn, trèo qua cái ngạch hàng rào, ở bên chỗ người ta vẫn ra vào. Trên mặt đất, tuyết xuống mới được phủ vài ba phân, tôi bỗng thấy có vết chân người. Những vết chân này từ phía núi đã đi tới vết chân dừng lại ở chỗ ngạch này một lúc rồi lại đi quanh hàng rào. Thật lạ quá, ai đứng quanh quẩn ở đó như vậy mà sao lại không vào. Tôi không sao đoán ra được. Dù thế nào, cái đó cũng rất kỳ lạ. Tôi đang định đi lần theo vết chân, nhưng tôi cúi xuống nhìn kỹ vết chân đã. Lúc đầu không thấy có gì, nhưng sau tôi nhận ra. Có một dấu chữ thập ở gót giày bên trái đóng bằng đinh to, cái đó để tránh khỏi gặp phải quỷ thần.

Tôi vùng ngay dậy và mãi miết chạy xuống đồi. Chốc chốc lại ngoái nhìn về đằng sau, nhưng không thấy một ai. Tôi chạy ba chân bốn cẳng đến nhà bà chánh án Thatcher. Lão ta thấy tôi, hỏi:

- Sao thế, làm gì mà hốt hải thế. Đến lấy tiền lãi phải không?

Tôi đáp:

- Không phải đâu ông ạ. Thế có tiền lãi cho cháu đấy ư?

- Có chứ. Đến hôm qua vừa được nửa năm. Như vậy là đi hơn một trăm năm mươi đô la. Một món ketch sụ cho cậu đấy. Nhưng tốt nhất là cậu hãy cứ gửi lại để tôi góp thêm vào với món sáu nghìn đồng cũ, không thì cậu lấy về lại cũng đến tiêu hết thôi.

- Không, ông ạ, cháu chẳng muốn tiêu đâu cả sáu nghìn trước cũng thế. Cháu muốn ông cầm lấy, biểu ông đấy, cả sáu nghìn, tất cả.

Lão ta rất ngạc nhiên. Hình như lão ta không thể hiểu nổi tại sao.

Lão hỏi:

- Cậu nói như vậy nghĩa là thế nào?

- Xin ông đừng hỏi cháu một câu nào về cái đó nữa.

Ông hãy giữ lấy món tiền ấy, ông có muốn thế không?

Lão ta nói:

- Tôi thật khó nghĩ quá. Có chuyện gì thế hả cậu?

Tôi đáp:

- Xin ông cứ cầm lấy cả vàng và đừng hỏi cháu làm gì nữa. Cháu không muốn nói dối đâu.

Lão ta suy nghĩ một lát rồi nói:

- Thôi tôi hiểu rồi. Tức là cậu muốn bán tất cả tài sản đó của cậu cho tôi, chứ không phải là biểu. Đúng thế chứ?

Rồi lão viết cái gì trên một mảnh giấy, đọc lên và nói:

- Cậu thấy không? Trong này nói là giao kèo. Như vậy nghĩa là tôi đã mua cả của cậu và trả tiền cho cậu. Đây nhé cậu hãy cầm lấy một đô la. Bây giờ cậu ký vào đây đi.

Tôi ký tên rồi ra về

Jim, anh da đen làm việc cho cô Watson, có một búi lông to bằng quả đu đủ mà hắn ta lấy ở cái ngăn dạ dày thứ tư của một con bò, và hắn vẫn dùng cái đó làm trò ảo thuật. Hắn bảo rằng trong búi lông ấy có con mà nó biết tất cả mọi thứ. Đêm đó, tôi tò mò đến chỗ Jim và nói với hắn rằng bố tôi ở trên tuyết. Điều tôi muốn biết là bố tôi sẽ làm gì và có định ở lại đấy không? Jim lấy búi lông ra, nói lảm nhảm những gì với nó một lúc, rồi giơ lên cao, lại buông ra cho nó rơi xuống sàn nhà. Cái búi lông rơi xuống đánh bịch một cái và lăn đi vài ba tấc. Jim lại nhặt lên, lại thả cho rơi xuống một lần nữa, cái búi lông lẳng nghe. Nhưng vô ích. Jim bảo là cái búi lông nó không muốn nói. Jim bảo rằng có khi không có tiền thì nó không chịu nói đâu. Tôi bảo tôi có đồng tiền hai mươi lăm xu làm giả, đã cũ rồi và cũng không thể đem tiêu được. Tôi cứ nói đi nói lại mãi như vậy (tôi đã tính sẵn trong bụng là không đả động gì đến đồng đô la mà lão chánh án Thatcher vừa đưa cho tôi). Tôi bảo đồng tiền đó xấu lắm, nhưng có thể là cái búi lông nó chịu nhận. Vì có lẽ nó không phân biệt được tốt xấu thế nào chẳng. Jim cầm lấy đồng tiền, ngửi ngửi, đưa lên rằng cần thử, rồi xoa xao cho sạch. Rồi hắn bảo là sẽ nói khéo để cho cái búi lông

tưởng là đồng tiền tốt. Hấn nói là sẽ bỏ đôi một củ khoai sống rồi đem áp đồng tiền vào giữa, để qua một đêm đến sáng hôm sau về không còn thấy nó trơ đồng ra nữa và cũng không còn vết bẩn, bất cứ ai trên tỉnh cũng có thể nhầm mà lấy chứ đừng nói cái búi lông. Trước đây, tôi cũng đã biết lấy củ khoai làm như thế, nhưng lâu ngày rồi quên đi.

Jim để đồng tiền xuống dưới búi lông rồi lại quỳ xuống lắng nghe. Lần này hấn bảo cái búi lông đã ứng quả rồi. Hấn bảo cái búi lông sẽ phán cho tôi được giàu to đến như tôi muốn. Tôi bảo ừ, được, cứ làm đi xem nào. Thế là cái búi lông nói với Jim, và Jim truyền lại cho tôi rằng:

- Chưa biết là ông bố cậu sẽ làm gì đây. Có thể ông ấy sẽ đi xa, cũng có thể ông ấy định ở lại. Nhưng tốt nhất là cứ yên trí và cứ để mặc ông ấy muốn làm gì thì làm. Có hai vị thiên thần đang bay quanh người ông ấy. Thiên thần trắng và sáng lấp lánh. Còn một thiên thần thì đen. Thiên thần trắng dẫn ông ấy đi theo con đường tốt ít lâu, rồi thiên thần đen nhảy vào và phá hỏng hết. Chưa thể nói được là cuối cùng thiên thần nào sẽ bắt ông ấy đi. Nhưng còn cậu thì không hề gì. Đời cậu sẽ gặp nhiều cái rắc rối, mà cũng có nhiều cái vui mừng đấy. Có khi cậu bị đầu đón lại có khi ốm yếu, nhưng rồi lần nào cậu cũng trở lại lành lặn như thường. Có hai cô thiếu nữ bay lượn ở bên cậu trong suốt cuộc đời cậu. Một cô trắng trẻ, một cô đen đui. Một cô giàu một cô nghèo. Cậu sẽ cưới cô nghèo trước, rồi sau đến lượt cô giàu. Cậu phải tránh xa những chỗ sông nước, xa chùng nào hay chùng đó. Và nhất là đừng có làm gì mạo hiểm, nhớ ra người ta ghi tên tuổi cậu vào sổ thì cậu sẽ bị treo cổ.

Đêm đó, lúc tôi vừa thắp cây nến và đi lên buồng thì thấy bố tôi ngồi trong đó từ bao giờ, thôi, đích thật là bố tôi rồi!

Chương 5

Tôi vừa khép xong cánh cửa, quay lại thì đã thấy ông ấy ngồi đó. Lúc nào trông thấy ông ấy là tôi cũng khiếp sợ, vì ông ấy đánh đập tôi quá nhiều. Ngay lúc đó tôi nghĩ cũng kinh hãi lắm, nhưng chỉ một phút sau, tôi đã thấy rằng tôi lầm - nghĩa là sau cái giật mình đầu tiên, có thể nói như vậy, khi mà hơi thở của tôi bỗng dưng bị tắc nghẹn vì chuyện quá bất ngờ thấy ông ấy ở đó, thì tôi lại không còn thấy sợ nữa, và như vậy thì chẳng có gì đáng lo ngại.

Bố tôi chắc năm mươi tuổi. Tóc dài, bù xù, rũ xuống, và cái bần. Nhìn qua bộ tóc ấy có thể trông thấy đôi mắt sáng chiếu ra, khác nào như ông ấy đứng nấp sau dàn nho mà nhìn mình vậy. Bộ tóc toàn một màu đen không một sợi bạc nào, cả hai bên tóc mai dài chằng chịt vào nhau cũng vậy. Nhìn mặt ông ấy trừ những chỗ không có râu tóc thì không có màu sắc gì khác, chỉ thấy trắng, không phải cái trắng như của mọi người, nhưng là một cái trắng làm cho những thớ thịt của người ta phải co rúm lại. Một màu trắng của cây leo, một cái màu trắng của bụng con cá. Còn quần áo ông ấy thì ngoài mấy mảnh rách mướp ra, chẳng có gì. Ông ấy ngồi vắt chân chữ ngũ, chiếc giày bên phía chân vắt lên đã há mõm, một ngón chân thò ra ngoài, chốc chốc lại ngo nguẩy. Chiếc mũ của ông ấy quăng trên sàn nhà là một chiếc mũ rộng vành, màu đen, đã cũ và trên cái quả mũ đã thủng một lỗ to tướng trông như cái khung cửa để chui xuống hầm tàu vậy.

Tôi đứng nhìn ông ấy. Ông ấy cũng ngồi nhìn tôi, lưng ghé hơi ngả về đằng sau. Tôi đặt cây nến xuống. Tôi để ý nhìn ra thấy cánh cửa sổ đã dựng lên, thì ra ông ấy đã treo qua mái nhà kho mà vào đây. Ông ấy nhìn mãi khắp người tôi như vậy. Lát sau, ông ấy lên tiếng:

- Áo quần trông oách lắm nhỉ. Mày tưởng mày đã ra vẻ một người quan trọng lắm ư?

Tôi đáp:

- Có thể như vậy, mà cũng có thể không.

Ông ấy lại hỏi:

- Có phải mày vẫn nói xấu tao đấy không? Từ khi tao đi vắng xa, mày ở đây lên mặt lên mày lắm hả? Rồi tao sẽ kéo mày xuống bót trước khi tao từ bỏ mày. Nghe thấy người ta nói mày cũng có học hành, đọc được, viết được. Bây giờ mày đã tưởng là hơn bố mày, phải không; vì bố mày không biết đọc, biết viết mà. Được, rồi tao sẽ cho mày biết. Ai bảo mày lại có thể đi dính dáng đến những chuyện điên rồ như thế, hử? Ai bảo mày được quyền như thế?

- Bà goá, bà ấy bảo con thế?

- Bà goá? Thế ai bảo bà ta nhúng tay vào cái việc không phải của bà ấy?

- Chẳng ai bảo bà ấy cả.

- Được rồi, tao sẽ dạy cho bà ấy biết là đừng có mà dính dáng. Còn mày thì nghe đây: mày hãy thôi đi, không được học nữa, nghe không? Tao sẽ bảo cho họ biết rằng đừng có nuôi dạy một đứa trẻ để rồi nó lên mặt với bố nó và để cho nó tưởng rằng nó đã khá hơn được cái bản thân

nó. Tao còn bắt được mày đi học nữa thì liệu hồn, nghe không? Mẹ mày trước kia không biết đọc, mà viết cũng không biết viết cho đến khi chết cũng vẫn không biết. Cái họ nhà này trước khi chết không có ai biết đọc biết viết cả. Tao cũng không biết. Thế mà bây giờ đến mày thì sao lại được quyền như vậy hử? Tao không phải là thứ người chịu nổi được cái đó, nghe không? Này, mày thử đọc lên cho tao nghe xem nào?

Tôi cầm một quyển sách lên, bắt đầu đọc một tí về đoạn Washington với chiến tranh, Tôi đọc được.

Chừng nửa phút thì ông lấy tay hất bắn ngay quyển sách ra góc nhà và nói:

- À, mày lại đọc được nữa ư? Nghe người ta nói như vậy, nhưng tao còn ngờ, chưa tin hẳn. Này nghe đây, hãy thôi đi đừng làm cái bộ ta đây nữa, tao không thích thế. Tao bảo cho mày biết, con ơi. Tao mà bắt được mày còn lớn vồn ở cái trường học ấy nữa thì tao sẽ dẫn cho mày một trận nên thân. Trước hết mày hãy biết là phải nghe lời tao đã. Chưa bao giờ tao thấy có đứa con như vậy.

Ông ấy nhặt lên một tấm ảnh xanh xanh vàng vàng trong đó có mấy con bò với một đứa trẻ, hỏi tôi:

- Cái gì đây?

- Cái đó là họ thưởng cho con vì đã học thuộc bài

Ông ấy xé toang ngay bức ảnh rồi nói:

- Tao sẽ cho mày một cái hay hơn. Tao cho mày cái roi.

Rồi ông ấy ngồi lẩm bẩm, lầu nhàu một hồi lâu và lại nói:

- Cái kiểu công tử bột, sức nước hoa rồi phải không? Có giường, khăn trải giường. Lại có cả gương soi nữa. à, lại có cả tấm thảm trải trên sàn nhà nữa. Còn bố mày thì phải ngủ với lợn ở trong nhà thuộc da. Chưa khi nào tao lại thấy có đứa con như vậy. Nhất định tao phải làm cho mày bỏ hết những cái ra vẻ ta đây ấy đi đã, rồi sẽ nói chuyện với mày sau. Chà, mày còn chưa hết những điều bộ ấy cơ à, họ đồn là mày giàu lắm, có phải không? Làm thế nào mà mày lại giàu được?

- Họ nói dối đấy, làm gì có như vậy.

- Này, ăn nói với tao thì liệu hồn. Tất cả những cái gì tao đã có thể làm được thì bao giờ tao đều dám làm cả, vậy đừng có bịp tao. Tao ở ngoài tỉnh hai ngày hôm nay rồi. Xuống tận bờ sông cũng thấy người ta nói thế. Cho nên tao mới tìm đến đây. Mai mày phải đưa số tiền đó cho tao, tao cần dùng đến tiền.

- Con làm gì có tiền

- Nói lão. Ông chánh án Thatcher cầm số tiền đó. Chính mày có. Tao cần đến số tiền ấy.

- Con nói thật đấy, con không có tiền đâu. Bố cứ đến hỏi ông chánh án Thatcher mà xem, ông ấy cũng sẽ nói với bố như thế.

- Được, rồi tao hỏi ông ấy, tao sẽ nói chuyện với ông ấy xem đầu đuôi ra sao. Này, trong túi mày

hiện giờ có bao nhiêu. Hãy đưa đây tao, tao đang cần.

- Con chỉ có một đô la. Con định để...

- Định để làm gì mặc kệ mày, tao không cần biết, hãy cứ đưa đây đã.

Ông ấy cầm ngay lấy đồng tiền rồi đưa lên rằng cần thử xem có tốt không; rồi ông ấy nói đi xuống phố kiếm ít rượu whisky, bảo là cả ngày hôm nay chưa được nhấp một tí nào. Bước ra đến ngoài bóng tối rồi còn ngoái cổ lại đe tôi đừng có làm ra vẻ ta đây muốn hơn ông ấy. Khi tôi đoán là ông ấy đã bị hấn rồi thì lại thấy ông quay lại thò đầu vào tôi hãy coi chừng với cái trường học ấy không thì ông ấy sẽ đi bắt về đánh cho một trận nếu như tôi không chịu thôi học.

Hôm sau, ông ấy say mềm, mò đến nhà lão chánh Thatcher sùng sọ định bắt lão ta phải đưa hết số tiền cho ông ấy. Nhưng chẳng ăn thua gì; rồi ông ấy thề là sẽ đưa lão chánh ra trước pháp luật.

Lão chánh và bà goá đã đi trình toà cho tôi được thoát khỏi tay bố tôi, và để toà giao cho một trong hai người đỡ đầu cho tôi. Nhưng đây lại là một ông chánh án mới ở đầu về, chẳng rõ bố tôi là người như thế nào, nói rằng toà án không có quyền nhúng tay vào việc chia rẽ gia đình người ta, mà trái lại phải đoàn tụ, càng không thể bắt đứa trẻ phải xa bố. Thế là lão chánh Thatcher và bà goá đành phải thôi.

Điều đó làm cho ông bố tôi khoái trí lắm, đến nỗi ông ấy đứng ngồi không yên. Ông ấy bảo sẽ đánh cho tôi thâm tím mình mẩy nếu tôi không chịu rời tiền ra cho ông ấy. Tôi vay tạm ba đồng đô la của lão chánh Thatcher đưa về, ông ấy lại cầm đi uống rượu say bí tỉ; rồi đi ngồi lê la khắp nơi ba hoa nhảm nhí gây chuyện khắp tỉnh; tay cầm cái chày sắt lang thang đến tận nửa đêm. Rồi người ta mới bắt giam ông ấy lại, cho ngồi tù một tuần lễ. Nhưng ông ấy lại bảo làm như vậy là thoả mãn rồi; ông ấy hài lòng lắm, vì đã có uy tín đối với đứa con là tôi.

Khi ông ấy ra khỏi nhà tù, ông chánh án mới đổi về ấy bảo là sẽ dạy cho bố tôi thành người. Ông chánh án đưa bố tôi về nhà riêng, cho ăn mặc sạch sẽ, đẹp đẽ.. Sáng, trưa chiều cùng cho ngồi ăn chung với gia đình, đối đãi với bố tôi rất ngọt ngào. Đại khái như vậy. Ăn bữa chiều xong, ông chánh án ngồi nói chuyện cho bố tôi nghe về cách sống như thế nào cho đúng mực với những kiểu này kiểu khác, đến nỗi bố tôi nghe xong phải khóc lên, bảo rằng mình thật là điên rồ và đã làm hại cả đời mình. Bố tôi hứa từ nay sẽ sửa đổi tư cách và sẽ trở thành một con người mà không ai hổ thẹn về ông ấy nữa. Rồi lại còn mong rằng ông chánh án sẽ giúp đỡ cho và đừng có khinh miệt mình. Ông chánh án bảo nghe bố tôi nói những lời như vậy thật là đáng mừng. Thế là cả vợ chồng ông chánh cũng khóc nữa. Bố tôi nói rằng cái mà một con người trước đây vẫn bị hiểu lầm. Ông chánh thì bảo ông cũng tin là như thế. Bố tôi lại nói rằng cái mà một người cần có ở tận đáy lòng mình ấy là cảm tình. Ông chánh nói: đúng như vậy. Thế là cả hai bên lại khóc. Lúc đến giờ đi ngủ, ông bố tôi đứng dậy, dang tay ra nói:

- Đây, các ông các bà nhìn tôi đây. Xin hãy cầm lấy tay tôi và cho tôi bắt tay. Đây là một bàn tay trước kia như tay con lợn; nhưng bây giờ không phải nữa; mà đây là bàn tay của một con người đã bắt đầu bước vào cuộc đời mới. Nếu còn quay lại đường cũ sẽ xin chết. Các ông các bà hãy nhớ kỹ cho những lời nói ấy, và xin đừng quên là chính tôi đã nói như vậy. Bây giờ là một bàn tay sạch sẽ rồi xin cứ bắt tay đừng sợ.

Lần lượt người này người khác đến bắt tay, rồi tất cả đều khóc. Bà vợ ông chánh án lại còn cúi

xuống hôn cái bàn tay ấy. Rồi ông bố tôi làm dấu thề. Ông chánh án nói rằng đó thật là cái lúc thiêng liêng nhất, hay là cũng gần như vậy. Rồi họ đưa ông bố tôi vào một căn phòng lộng lẫy, đó là căn phòng riêng. Đến đêm, lúc bố tôi khát nước quá mới trèo qua mái cổng, bám vào cột tụt xuống đất, đem cái áo họ vừa mới cho đi đổi lấy một chai rượu bố, rồi lại vắn chúng nào tạt ấy trèo về phòng ngồi uống thoải thích cho đến lúc sáng rõ mới bò ra, say khướt, đâm cả vào cổng đến nỗi tay bên trái bị thương mấy chỗ. Sáng ngày ra, lúc có người tìm thấy ông ấy thì đã bị lạnh gần chết cứng. Khi mọi người bước vào căn phòng riêng kia thì thấy đồ đạc đã lung tung lộn xộn cả lên rồi.

Ông chánh án lấy làm buồn lắm. Ông ấy bảo có lẽ chỉ một phát súng mới giúp cho ông bố tôi sửa đổi tính nết, chứ chẳng còn cách nào khác nữa.

Chương 6

Thế rồi, ngay sau đó bố tôi đã lại nhổm dậy, đi loanh quanh, tìm đến nhà lão chánh Thatcher để bắt lão ta phải trả lại số tiền, rồi lại đi tìm tôi hỏi tại sao tôi chưa thôi học. Ông ấy nắm giữ lấy tôi một lúc lâu vào đánh tôi. Nhưng tôi vẫn cứ đi học như thường. Suốt ngày phải tránh mặt, bỏ trốn. Trước kia, tôi không muốn đi học lắm, nhưng bây giờ tôi lại nghĩ mình phải đi học để cho bố biết tay. Cái vụ đem xử trước pháp luật ấy sao mà chậm chạp. Hình như họ chưa bắt đầu hay sao ấy. Thỉnh thoảng tôi cứ phải đến mượn lão chánh vài ba đô la để đưa cho ông bố tôi và để khỏi bị đánh đập. Mỗi lần có tiền là ông ấy lại say rượu, và mỗi lần say rượu là lại đi tác quái ở ngoài tỉnh, và mỗi lần gây chuyện thì lại một lần ngồi tù. Quen lệ như thế rồi, nó đã thành tật.

Ông bố tôi cứ quanh quẩn bám vào bà goá mãi, bà goá bảo nếu ông ấy không chịu đi kiếm ăn chỗ khác thì bà ấy sẽ làm lòi thối cho mà xem. Chà, không biết ông ấy có điên hay không chứ; ông ấy còn nói sẽ tỏ cho mọi người biết rằng ai là người có quyền biết rằng ai là người có quyền hành đối với Huck Finn. Thế rồi một ngày mùa xuân, ông ấy rình mò thế nào vớ được tôi đưa tôi xuống một chiếc thuyền và đi ngược sông khoảng ba dặm; rồi chèo lên đến bờ Illinois, ở một nơi có nhiều cây cối rậm rạp, chẳng có một ngôi nhà nào ngoài một căn lều cũ bị cây cối um tùm che kín, ai không biết thì cũng không thể tìm ra chỗ ấy.

Suốt ngày đêm, ông ấy giữ tôi kè kè bên cạnh, tôi chẳng có cách nào trốn đi học được. Thế là hai người sống trong căn lều ấy. Bố tôi suốt ngày khoá cửa; đêm đến cất chìa khoá ở đầu giường. Ông ấy có một khẩu súng mà tôi đoán là đã lấy cắp được ở đâu về. Hai người cùng đi câu cá, săn bắn, cứ như vậy sống ngày này sang ngày khác. Thỉnh thoảng ông ấy khoá trái cửa, nhốt tôi trong nhà rồi đi xuống một cửa hàng cách chỗ đó ba dặm, tại bến đò đổi chim, đổi cá lấy rượu uity sky đem về say sưa một chập rồi vớ tôi mà đánh. Về sau, bà goá tìm được chỗ tôi ở, mới phái người đến rình bắt tôi về. Nhưng bố tôi vác súng ra đuổi đi. Sống như vậy ít lâu tôi dần ra quen với nơi này, và cũng lấy làm thích. Tôi thích tất cả, trừ cái món bị đánh đập mà thôi.

Thật là một kiểu lười biếng mà dễ chịu. Suốt ngày thoải mái, chỉ hút thuốc, câu cá, không sách vở mà cũng chẳng học hành gì. Khoảng hai tháng sau thì quần áo của tôi đã bẩn thỉu, rách rưới cả. Tôi cũng không nghĩ rằng trước đây ở với bà goá đã có lúc nào tôi thích như vậy không. Vì ở đó phải giặt giữ quần áo. Phải ăn bằng bát bằng đĩa, phải chải đầu, phải đi ngủ và dậy đúng giờ, phải luôn luôn lo nghĩ đến quyển sách, quyển vở, lại bị cô Watson nói ra nói vào suốt ngày. Tôi không thiết quay trở về nơi ấy nữa. Trước đây, tôi đã thôi không ăn nói bậy bạ nữa, vì bà goá không ưa như vậy. Nhưng đến bây giờ, lại bắt đầu rồi, vì bố tôi không có ngăn cấm gì cả. Những ngày sống ở rừng thật là thú vị, đâu đâu cũng thấy khoái như thế cả.

Nhưng dần dà khi bố tôi đã quá quen thuộc với khu rừng này rồi thì tôi lại bắt đầu thấy không thể chịu được nữa. Tôi vẫn cứ bị đánh đập hoài. Ông ấy hay đi xa và nhốt tôi ở trong nhà. Có một lần ông ấy khoá trái cửa và nhốt tôi ở trong đó và đi vắng ba ngày liền. Tôi thấy mình cô đơn một cách kinh khủng. Tôi nghĩ rằng nhờ mà ông ấy chết đuối ở đâu thì tôi cứ đành chịu giam ở đây không ra được. Tôi sợ quá và nghĩ bụng nhất định thế nào cũng phải tìm cách trốn đi thôi. Đã mấy lần tôi xoay sở mà không được. Không có một lỗ cửa sổ nào vừa cho một con chó chui lọt. ống khói lò cũng hẹp quá không chui qua nổi. Cánh cửa thì dày, toàn bằng những

phiến gỗ lim rất chắc. Bố tôi đã cẩn thận mỗi khi đi vắng không để lại một con dao hay bất cứ một vật gì khác trong nhà. Tôi tính có lẽ tôi đã đi lòng khắp nơi trong nhà, đến hàng trăm lượt rồi lúc nào cũng chỉ nghĩ cách trốn ra, mà thời gian cũng chỉ dành cho làm việc đó nhưng vẫn chưa ăn thua. Thế nhưng lần này thì tôi đã tìm ra một cái rồi. Tôi tìm thấy một lưới cửa đã cũ han gỉ, không có cán, nhét ở dưới khe mái nhà. Tôi đem lau sạch đi và bắt đầu khởi sự. Có một miếng dạ để lót yên ngựa đóng vào chỗ tường đã nát ở phía góc nhà, ngay sau chiếc bàn, để che gió khỏi lùa qua những khe hở thổi vào làm tắt đèn. Tôi luồn xuống gầm bàn, nâng miếng dạ lên rồi cửa một lỗ chỉ đủ để người tôi chui lọt. Thật là một việc mất khá nhiều thì giờ, nhưng tôi cũng cố gắng làm đến cùng. Giữa lúc ấy có tiếng súng của bố tôi nổ ở trong rừng. Tôi xoa sạch những dấu vết, buông miếng dạ phủ xuống rồi dấu cửa đi. Vừa xong thì bố tôi bước về.

Nhìn ông ấy lúc đó vẻ như không được vui. Vả lại vốn dĩ đã như thế rồi. Ông ấy nói là vừa ở dưới tỉnh về, và công việc thì hỏng hết cả. Ông trạng sư bảo bố tôi sẽ được kiện và được tiền, nếu như họ đem việc này ra phân xử. Nhưng rồi họ kiếm cách kéo dài việc ấy ra, mà lão chánh Thatcher thì lão ta thạo về cái món này lắm. Rồi ông ấy lại nói người ta ở ngoài tỉnh đang mong có một vụ xử nữa để cho tôi được thoát khỏi tay bố tôi, rồi đưa tôi trở về với bà goá để bà ta che chở cho, mà họ lại cho rằng lần này thì nhất định được. Điều đó làm cho tôi rất bối rối, vì ý tôi không muốn trở về với bà goá để mà bị trói buộc và để được khai hóa như tôi vẫn nói. Xong đó, bố tôi bắt đầu chửi, chửi tất cả mọi thứ, tất cả mọi người. Nghĩ đến người nào chửi người ấy. Chửi mãi chửi mãi để ra điều rằng ông ấy không có chừa một ai, rồi sau khi đã chửi hết cả lượt thì ông ấy làm một câu chửi tóm tắt, kể cả một số lớn người mà ông ấy không biết tên tuổi nữa. Nghĩa là những người mà mỗi khi nhắc đến để chửi thì ông ấy phải gọi là cái thằng gì.. gì. Chửi chán rồi quay lại chửi từ đầu.

Ông ấy nói là để xem bà goá định bắt tôi về như thế nào. Ông ấy sẽ canh gác tôi cẩn thận, nếu họ định bày ra trò gì để lừa ông ấy thì có một chỗ cách đây sáu bảy dặm ông ấy sẽ đem tôi đi nhét vào đó, tha hồ cho họ đi săn lùng, lùng đến chán thì thôi cũng không thể tìm thấy tôi được. Điều đó làm cho tôi chột dạ. Nhưng chỉ một phút thôi. Vì tôi đã tính rằng tôi sẽ chẳng còn ở đây cho đến lúc ông ấy làm cái chuyện kia nữa đâu.

Ông ấy sai tôi ra ngoài thuyền lấy những thư ông ấy vừa mang về. Có một bao mỳ khoảng hơn hai chục cân, một miếng mỡ, đạn và bốn chai rượu uity sky lớn, có cả một quyển sách cũ với hai tờ báo để lau chùi, và vài thứ lặt vặt khác nữa. Tôi vác tất cả lên, bước ra để xuống mũi thuyền rồi ngồi nghỉ. Tôi nghĩ mãi trong bụng, tính rằng lúc nào trốn đi sẽ mang theo khẩu súng với mấy cái cần câu chạy vào rừng. Tôi định sẽ không ở lý một chỗ mà sẽ đi khắp nơi trong xứ, sẽ đi về đêm, vừa săn bắn vừa câu cá mà sống. Cứ như vậy đi thật xa để cho bố tôi và bà goá không bao giờ có thể tìm thấy tôi nữa. Tôi đã nghĩ sẽ cửa đứt hẳn miếng gỗ và chuồn ngay đi đêm đó nếu mà bố tôi đã say khướt rồi, mà tôi đoán thế nào ông ấy cũng say. Tôi nghĩ quá nhiều về chuyện đó đến nỗi không biết mình ngồi đây đã bao lâu. Tới lúc bố tôi hét lên gọi, hỏi tôi là ngủ hay chết đuối ở đó.

Tôi vác tất cả mọi thứ vào trong lều. Lúc ấy, trời đã sắp tối. Trong khi tôi đang chuẩn bị bữa ăn chiều, ông ấy lại nốc thêm vào cốc rượu nữa, ấm người lên rồi, ông ấy lại đi gây sự. Lúc trước ở dưới tỉnh ông ấy cũng đã say khướt rồi, đêm nào cũng ngủ ngoài vệ đường, trông rất thảm hại, người ta có thể cho ông ấy là Adam. Khắp người đầy những bunn, khi rượu ngấm vào rồi ông ấy thường hay tìm đến gặp chính phủ. Lần này đến ông ấy nói.

- Hừ! Thế mà cũng gọi là chính phủ à? Thử xem nó đã làm sao nào. Đây là pháp luật này. Pháp

luật sẵn sàng bắt con người ta đem đi đầy hủ? Đứa con riêng của người ta phải lo lắng vất vả mất bao nhiêu công phu nuôi dạy. Phải, đúng thế, người ta có con nuôi cho khôn lớn, đến lúc nó sắp sửa đi làm đi ăn để kiếm cái gì nuôi nấng đỡ dần cho bố thì bây giờ hoá ra như vậy. Pháp luật làm ra để giúp đỡ người ta chứ. Thế mà cũng gọi là chính phủ! Chẳng phải chính phủ đểch gì cả. Pháp luật đi ủng hộ cái lão chánh Thatcher ấy và giúp nó lấy hết cả cơ nghiệp của tôi à? Đây này, pháp luật làm thế này đây; pháp luật lấy người ta sáu nghìn đô la rồi dồn người ta vào một cái bẫy cũ kỹ ở một cái nhà như thế này này, để người ta phải đi lang thang, với những quần áo cho lợn mặc cũng không đáng. ầy thế mà cũng gọi là chính phủ. Với cái chính phủ như thế này thì người ta chẳng ai có quyền gì cả. Có lúc tôi nghĩ rằng thà cứ nhất quyết bỏ cái xứ này mà đi còn hơn. Phải, tôi nói với mọi người như vậy đấy, tôi nói thẳng vào mặt lão Thatcher như vậy đấy. Vô khối người đã nghe tôi nói thế và có thể chứng thực là tôi đã nói thế. Tôi bảo rằng chỉ cần cho tôi hai xu là lập tức bỏ cái xứ đang nguyên rửa này mà đi ngay và không bao giờ thêm quay trở về nữa. Mà ai cũng nói thế cả. Đây này, hãy thử nhìn cái mũi của tôi xem - nếu như các ngày còn có thể gọi nó là cái mũi, cái chóp thì bật ra, còn cái quả mũi thì tụt xuống mặt đến tận cằm. Làm sao còn ra cái mũi được nữa. Chui đầu vào cái mũi thì khác nào như nhét vào cái ống khói lò sưởi. Đây này, nhìn xem, cái mũi tôi đội nó thế này này. Nếu như tôi có được đủ những quyền lợi của tôi thì tôi đã là một trong những người giàu có nhất tỉnh rồi...

À, phải, phải, cái chính phủ này thật tốt lắm. Đấy, thử xem. Có một anh da đen tự do ở Ohio đến, anh ta lại da trắng, gần như một người da trắng. Anh ta mặc một chiếc áo sơ mi trắng nhất chưa ai thấy bao giờ, đội một cái mũ bánh nhất. Không ai trong tỉnh này lại có quần áo đẹp hơn của anh ta; rồi anh ta lại có chiếc đồng hồ vàng, với dây vàng, có một chiếc gậy đầu bịt bạc, thật là một tay triệu phú, tóc hoa râm, ghê gớm nhất xứ này. Các ngài nghĩ sao? Thiên hạ bảo anh là một giáo sư đại học, có thể nói các thứ tiếng, biết đủ mọi thứ. Mà đó cũng chưa phải là cái tệ nhất đâu. Họ còn bảo rằng anh ta cứ ngồi ở nhà cũng có thể bầu cử được. Ờ, thế thì ai mà nghe được cơ chứ. Tôi nghĩ không biết cái xứ này rồi sẽ ra làm sao đây? Hôm bầu cử, tôi sắp sửa đi bỏ phiếu - nếu như tôi không say rượu và có thể đi tới đi được - thì bỗng nghe nói rằng ở nước này có một bang người ta không cho người da đen bầu cử, thì tôi lập tức rút ngay phiếu lại. Tôi bảo rằng tôi sẽ không bao giờ thêm đi bầu cử, trong xứ muốn nói tôi ra sao thì nói. Tôi còn sống một ngày nào nhất định tôi sẽ không đi bỏ phiếu. Cứ nhìn thái độ thản nhiên của anh da đen đó thì xem, anh ra sẽ không sẵn sàng nhường chỗ cho tôi đâu, nếu như tôi không đẩy anh ta sang một bên. Tôi bảo mọi người rằng tại sao lại không đem anh da đen ấy mà bán đấu giá? Tôi chỉ cần biết thế. Các ngài có hiểu người ta trả lời tôi thế nào không? Còn thế nào nữa, họ nói rằng anh ta đến xứ này chưa được sáu tháng nên không thể đem bán được. ờ, thì ra đây là một cái chính phủ tự cho mình là chính phủ, và cứ khẳng khẳng mãi rằng mình là chính phủ, tưởng như thế là chính phủ; ầy thế mà cứ lặng thinh đến sáu tháng mới dám đụng chạm đến một anh da đen đi cướp của, góm ghiếc; mặc áo sơ mi trắng và tự do đảng hoàng ấy, Rồi thì...

Bố tôi vừa nói vừa đi lại như vậy, và cũng không để ý rằng đôi chân đã già nhưng còn dẻo dai ấy đưa mình đến tận đâu. Bỗng thế nào ngã dúi cả đầu vào cái thùng thịt muối, sút cả hai ống chân. Thôi, thế là phần cuối bài diễn văn của ông ấy biến thành một thứ ngôn ngữ hết sức soi nổi - phần lớn vẫn chỉ nói đến anh da đen và chính phủ - trong khi ông ấy bực mình đã cái thùng lăn khắp nhà. Ông ấy đi lò cò một chân quanh phòng, tay ôm một bên ống chân, rồi thả xuống rồi lại ôm chân kia, rồi bất thành linh co chân đạp vào cái thùng một nhát rất mạnh. Nhưng chẳng may thế nào vì một bên giày há mồm có mấy ngón chân thò ra. Đâm vào cái thùng; ông ấy kêu rú lên một tiếng nghe rợn tóc gáy; thế là ông ấy lăn ra đất, tay ôm lấy đầu ngón chân. Bây giờ thì không biết ông ấy chửi tôi bao giờ. Sau này, chính là ông ấy cũng nói lại như vậy.

Ông ấy đã từng nghe nói đến cụ Sowberry Hagan hồi còn oanh liệt và bảo rằng cụ đã ảnh hưởng đến ông ấy. Nhưng tôi thì cho rằng có lẽ đó chỉ là chuyện bố tôi bịa đặt ra mà thôi.

Ăn bữa chiều xong, bố tôi lại vớ lấy chai rượu, bảo là trong đó còn đủ để uống hai lần bình thường và một lần thật say nữa. Lần nào cũng nói vậy. Tôi đã định bụng rằng trong khoảng độ một giờ đồng hồ thì ông ấy sẽ say mềm không biết gì nữa, lúc đó tôi sẽ lấy cặp cái chìa khoá hoặc cửa đứt hẳn miếng gỗ để chui ra; một trong hai cách. Bố tôi vẫn uống tí tí rồi lát sau nằm vật xuống giường. Nhưng thật là tôi chẳng gặp may tí nào. Không phải là bố tôi ngủ say, mà chỉ mệt thôi. Ông ấy làu nhàu, lèm nhèm, quay bên này, giở bên kia một lúc lâu. Sau cùng, tôi chờ mãi cũng buồn ngủ quá không sao mở mắt được nữa. Thành ra, trước khi hiểu rằng mình ra sao thì tôi đã ngủ tít từ lúc nào mà ngọn nến thì vẫn đang cháy.

Tôi không rõ mình đã ngủ được bao nhiêu lâu; nhưng bỗng có tiếng hét làm tôi giật mình tỉnh dậy. Nhìn bố tôi mặt rất giận dữ, chạy quanh từ góc này sang góc kia, miệng thì hét có rần. Ông ấy bảo rần bò lên chân rồi bỗng vùng dậy la hét, kêu là có một con hổ vào má. Tôi chả thấy con rần đâu cả, còn ông ấy thì cứ vẫn chạy quanh ở trong nhà, miệng kêu: Bắt nó ra! Bắt nó ra! Nó cắn vào cổ tôi đây này! Chưa bao giờ tôi thấy ai có đôi mắt dữ tợn như thế. Được một lúc, ông ấy mệt quá ngã vật xuống thở dốc; rồi lặn người đi rất nhanh, chân đập phải mọi đồ đạc trong nhà, tay thì quờ quạnh đập vào không khí, miệng vẫn là hét, kêu rằng có ma quỷ ở đâu đến bắt ông ấy đi. Dần dần mệt quá, ông ấy nằm im một lúc, nhưng miệng vẫn rên rĩ. Rồi nằm im hẳn, không còn tiếng động gì nữa. Tôi vẫn nghe tiếng cú rúc và tiếng chó sủa trong rừng xa; và lúc đó không gian im lặng một cách khủng khiếp. Bố tôi vẫn nằm yên ở góc nhà. Lát sau, ông ấy nhồm dậy nghiêng đầu về một bên nghe ngóng, rồi nói khe khẽ:

- Lộc - cọc, lộc - cọc; người chết đi qua đây; lộc - cọc, lộc - cọc; chúng nó đuổi theo tôi đấy, nhưng tôi không đi đâu. Ôi, ôi, họ đã đến đây rồi này! Đứng mớ vào người tôi! Đứng! Đứng! Cút đi, tay họ sao mà lạnh quá thế! Bỏ tôi ra nào! Ôi! ôi! Xin tha cho thằng khốn nạn này!

Rồi ông ấy quỳ cả bốn chân, vừa bò vừa lậy để người ta tha cho, rồi lại cuộn mình vào trong chăn, rồi lúc xuống gần chiếc bàn cũ bằng gốc thông; miệng vẫn van xin, van xin chán rồi khóc. Qua cái mền chăn, tôi nghe rõ mồn một từng tiếng.

Rồi lát sau nữa, ông ấy tung chăn ra đứng thẳng người lên. Mặt trông càng dữ tợn, nhìn chăm chặp vào tôi và bước đến gần. Ông ấy đuổi tôi chạy quanh trong nhà, tay cầm con dao nhíp, miệng gọi tôi là thần chết, và nói là sẽ giết tôi. Như vậy thành ra tôi không đến gần ông ấy được. Tôi van xin, bảo ông ấy rằng tôi chỉ là thằng Huck đấy thôi. Nhưng ông ấy cười lên một tiếng ghê rợn, gầm lên chửi lại và cứ thế đuổi tôi. Tôi chạy, rồi bỗng quay ngoắt người lại lượn dưới tay ông ấy, thế nào ông ấy quờ lại túm được lưng áo tôi. Tôi đã nghĩ bụng thôi thế là mình chết. Nhưng nhanh như chớp tôi lại tụt được áo ra và chạy thoát. Được một chốc, ông ấy mệt quá quy xuống, dựa lưng vào cánh cửa, vào bảo rằng ông ấy nghỉ một phút rồi sẽ giết tôi. Ông ấy nhét con dao xuống ***** , bảo là ngủ một tí cho khoẻ đã rồi sẽ cho tôi biết tay.

Rồi ông ấy gật gà ngủ. Lát sau, tôi chui tụt vào gầm ghế, khe khẽ nhoi lên, không có một tí tiếng động nào và tôi nhắc khẩu súng xuống. Tôi rút cái quy lát ra để coi lại chắc chắn xem có đàn không, rồi tôi đặt súng lên trên cái thùng củ cải, chĩa miệng súng vào đúng bố tôi. Rồi tôi ngồi yên đó chờ xem ông ấy có đụng đây gì không. Lúc đó sao mà thời gian đi chậm chạp và lặng lẽ thế.

Chương 7

- Dậy! Mày định làm gì thế này?

Tôi mở choàng mắt ra nhìn quanh, cố nghĩ xem mình đang ở đâu. Lúc đó mặt trời đã mọc, và tôi vừa đánh một giấc say. Bố tôi đang đứng trước mặt, coi vẻ buồn bã mệt mỏi. Bố tôi hỏi:

- Mày đem súng ra đây làm gì?

Tôi đoán là bố tôi chẳng biết gì về những cái ông ấy đã làm đêm trước, nên tôi nói:

- Có ai định vào nhà hay sao ấy, nên con phải ngồi đây gác.

- Sao mày không gọi cho tao dậy?

- Có, con đã gọi bố dậy nhưng không được. Lay mãi bố không dậy.

- Thôi được, mày đừng có ngồi đây nói lời thôi nũa. Ra ngoài kia xem ở đầu dây có con cá nào không đem về ăn bữa sáng. Tí nữa tao ra.

Bố tôi mở khoá, tôi chạy vụt ra bờ sông. Thấy mấy cành củi trôi lênh bênh và lác đác những mảnh vỏ cây, tôi biết là nước đã bắt đầu lên. Tôi nghĩ bụng giá lúc này ở ngoài tỉnh thì đã đang chơi đùa thoải thích. Tháng sáu vào mùa nước lên, đối với tôi bao giờ cũng có nhiều may mắn. Vì hễ nước lên thì có củi gỗ trôi xuống, lại có những mảnh bè mảng, có khi đến mấy chục cái một lúc. Thế là chỉ việc vớt lên đem bán cho xưởng gỗ hay nhà máy cưa thôi.

Tôi theo dọc bờ sông đi ngược lên phía trên, một mặt để ý bố tôi, một mặt nhìn xem nước lên có gì kiếm chắc được chẳng. Bỗng có một chiếc xuồng trôi tới, chiếc xuồng rất đẹp, khoảng ba bốn thước chiều dài, mũi xuồng nghểnh lên như con vịt. Từ trên bờ sông, tôi chui đầu nháy tùm xuống như con ếch, cứ mặc nguyên quần áo như vậy bởi ra chỗ có chiếc xuồng. Tôi đoán thế nào cũng có người nằm trong xuồng, vì thường hay có những người nằm bên trong khi ấy mới thò đầu ra cười cho một mẻ. Nhưng lần này thì không. Chắc hẳn đây là một chiếc xuồng bị bỏ trôi. Tôi trèo lên rồi lấy chân khua nước đánh vào bờ. Tôi nghĩ bụng chắc bố tôi trông thấy sẽ thích lắm - cái xuồng đáng giá mười đô la - Nhưng vào đến bờ vẫn chưa thấy bố tôi đâu. Tôi đẩy xuồng vào một cái khe nhỏ, bên trên um tùm những lá nhỏ và liễu, lúc đó tôi bỗng nảy ra ý nghĩ khác. Tôi tính sẽ giấu kỹ chiếc xuồng đi, như vậy đáng lẽ chạy trốn vào rừng thì tôi sẽ xuôi dòng sông độ dăm chục dặm và cắm ở một chỗ, chẳng phải mất thì giờ mà không phải vất vả chạy bộ.

Chỗ này khá gần căn lều. Tôi tưởng như nghe thấy tiếng chân bố tôi đi tới. Nhưng tôi đã giấu xuồng rồi, giấu xong tôi bước nhìn qua bụi liễu, thấy bố tôi đang bước xuống con đường nhỏ và đang giương súng lên ngắm bắn chim. Như vậy tức là ông ấy chưa biết gì cả.

Lúc bố tôi quay lại, tôi lúng túng vớ vội lấy một chiếc cần câu. Ông ấy hỏi tôi làm gì mà lâu thế, tôi bảo vừa ngã xuống sông nên mới lâu như vậy. Tôi biết ông ấy nhìn thấy quần áo tôi thì ướm sững thì thế nào cũng hỏi. Hai người kéo được năm con cá to ở đầu dây rồi quay về căn lều.

Ăn bữa sáng xong, chúng tôi đi nằm ngủ lại. Hai người đều đã mệt nhừ. Tôi nghĩ xem có cách gì

để bố tôi và bà goá đều không thể theo đuổi được nữa. Có lẽ tin vào may rủi, đi thật xa để họ không tìm được tôi nữa là chắc chắn hơn cả. Vì biết đâu lại không có chuyện gì xảy ra. Nghĩ một hồi lâu, chẳng tìm ra cách gì. Bố tôi ngồi nhồm dậy một lát, uống nước, rồi nói:

- Lần sau có người nào đến rình mò chung quanh đây, mày phải gọi tao ra ngay, nghe không? Cái người đó đến đây không phải là muốn tốt đâu. Tao sẽ bắn chết. Lần sau nhớ gọi ra, nghe không?

Rồi ông ấy lại nằm vật xuống ngủ. Cái điều ông ấy vừa nói thật hợp lý với tôi. Tôi tự nhủ rằng mình có thể vin vào cái cớ đó, và từ nay sẽ không còn ai nghĩ đến chuyện đuổi theo tôi nữa.

Đến độ mười hai giờ trưa thì hai chúng tôi bước ra khỏi nhà đi dọc theo bờ sông. Nước sông lên khá nhanh. Cành cây mục cũng trôi theo với nước lên. Lúc sau có một cái bè chín mảnh trôi xuống. Chúng tôi đánh thuyền ra kéo vào bờ. Rồi đi ăn bữa trưa. Nếu là người nào khác không phải là bố tôi thì đã chờ đó suốt ngày xem có thể nhặt thêm cái gì khác, nhưng bố tôi không phải là người như vậy. Chín mảnh bè ấy cũng đủ để kiếm ăn một lần, vì như vậy là ông ấy có thể đem lên tỉnh bán được rồi. Thế là ông ấy lại khoá trái cửa nhốt tôi vào và ra lấy thuyền con kéo những mảnh bè đi. Lúc đó khoảng ba rưỡi chiều. Tôi đoán đêm nay ông ấy sẽ không về. Tôi chờ đến lúc tính rằng ông ấy đã đi khỏi rồi mới đem cái cửa ra và tiếp tục cửa chỗ tường gỗ ấy. Trước khi bố tôi sang bên kia bờ sông thì tôi cũng đã chui qua khỏi lỗ. Nhìn bố tôi với chiếc bè chỉ còn là một chấm nhỏ trên mặt nước rất xa.

Tôi lấy bao mì và đem ra chỗ giấu xuống gặt cành lá um tùm ra đặt xuống vào đó. Rồi lấy mỡ, lấy chai rượu uity sky, lấy tất cả cà phê với đường để trong nhà ra lấy hết đạn, cả bông nhồi thuốc, cả gáo múc nước, chậu gỗ, lấy một cái thìa với một cốc sắt, lấy cửa của tôi và hai cái chân, cái xoong và ấm pha cà phê. Tôi lấy cả cần câu, diêm và những thứ khác, bất cứ cái gì chỉ đáng một xu cũng lấy. Xong rồi, tôi quét dọn sạch sẽ. Tôi cần có một cái riu, nhưng trong nhà chẳng có cái nào. Chỉ có một cái để ở tận đồng cũi, nhưng tôi đã có ý định trước rồi nên cứ để đó. Tôi lấy khẩu súng nữa. Thế là xong tất cả mọi thứ.

Vì phải bò qua cái lỗ ra ngoài và chuyển nhiều thứ đồ đạc qua lỗ nên mặt đất ở chỗ này bị cày lên một khoảng lớn. Cho nên tôi tính rằng từ phía ngoài tôi sẽ phủ lên để che chỗ gỗ ghè với vết mìn cửa. Rồi tôi lấp mảnh gỗ trở lại chỗ cũ. Tôi kê hai hòn cuội ở dưới và một hòn ở trên để giữ cho chặt mảnh gỗ vào đó, và chỗ ấy nghiêng dốc đi mà lại không chạm tới đất. Nếu như có người đứng cách xa bốn năm bước thì không thể nhìn thấy chỗ bị cửa và không thể biết được, và lại đây là phía sau nhà và có lẽ cũng chẳng ai vớ vẩn đi vòng ra đó làm gì.

Còn từ trong này ra đến chỗ giấu xuống thì toàn là cỏ nên không có dấu vết gì để lại cả. Tôi dạo quanh một lượt xem lại. Tôi đứng trên bờ sông nhìn ra phía xa. Tất cả đều an toàn. Rồi tôi cầm cây súng đi một quãng vào rừng. Thường lợn nhà hễ bỏ chuồng trong trại mà đi thì dễ biến thành lợn rừng. Tôi liền bắn ngay cho anh lợn này một phát rồi kéo về nhà.

Tôi lấy cái riu choàng một nhát thật mạnh vào cửa. Đập mãi, đập khá lâu mới phá được cửa. Tôi kéo con lợn vào trong, lôi đến gần cái bàn rồi bỏ một nhát riu vào cổ con lợn, để nó nằm dưới đất như thế một lúc cho tuôn máu ra. Tôi nói đất vì đó là đất thực, đất nện thôi, chẳng lát gỗ gì cả, sau đó tôi kiếm một cái bao cũ nhét đầy những hòn cuội to vào bao, đủ nặng cho tôi có thể kéo được, rồi tính từ chỗ con lợn tôi kéo cái bao cuội ra cửa, kéo qua rừng cây đến chỗ bờ sông, rồi vút xuống đó. Chiếc bao cuội chìm ngấm, mất tăm. Ai nhìn cũng có thể thấy rằng đã có một

vật gì bị kéo lê trên mặt đất. Tôi muốn thằng Tom Sawyer có mặt ở đây lúc này vì tôi biết nó sẽ rất thích cái chuyện như thế này và còn thêm thắt vào đó cho có vẻ ly kỳ nữa. Vì những chuyện như thế thì chẳng có ai huênh hoang hơn thằng Tom Sawyer được đâu.

Rồi tôi nhổ mấy sợi tóc, bôi đầy máu vào lưới riu, dính mấy sợi tóc vào cái riu, đem vút ở góc nhà. Tôi bế con lợn lên ôm vào ngực, lấy vật áo chùng ta ngoài (để cho nói khỏi rõ máu xuống) ra đến một chỗ phía sau nhà quăng con lợn xuống sông. Bấy giờ tôi lại nghĩ đến một cái khác nữa. Tôi ra xuống lấy bao bột mì và cái cửa đem vào nhà. Tôi để bao mì vào chỗ cũ, lấy cửa chọc một lỗ dưới đáy bao, phải lấy cửa mà chọc vì ở đây chẳng có con dao nhíp làm mọi việc. Rồi tôi xách cái bao mì đi chừng một trăm thước qua bờ bãi cỏ, rồi qua bụi liễu ở phía đông của căn lều, đến một cái hồ nông nhưng rộng đến năm dặm mọc đầy những cây sậy có thể đến mùa thì cũng đầy những vịt nữa. Có một con ngòi nhỏ dẫn đến bờ bên kia hồ xa tới mấy dặm. Tôi không biết chỗ nào nhưng chắc chắn nó không chạy ra sông. Mì rơi qua lỗ bao ra ngoài, vạch thành một vết dài suốt từ nhà nó ra đến hồ. Tôi vút cả hòn đá mài của bố tôi ở đó nữa, để cho có vẻ vô tình mà làm như vậy. Rồi tôi lấy một sợi dây buộc tím cái lỗ ở bao mì lại cho nó khỏi tuôn ra nữa. Rồi lại đem cả bao mì với cái cửa trở về xuống.

Lúc này trời đã gần tối. Tôi đẩy chiếc xuống xuống phía dưới, chỗ lùm cây liễu ở trên bờ rủ xuống, và tôi ngồi đó chờ trăng lên. Tôi buộc xuống vào gốc liễu, lấy một miếng bánh ra ăn, ăn xong nằm ngả ra xuống, hút một điếu thuốc để nghĩ ra kế hoạch mới. Tôi tự bảo thế nào rồi họ cũng theo vết cái bao cuối lần ra bờ sông rồi dọc theo bờ đi tìm mình. Rồi lại theo vết bột mì ra đến hồ, và theo ngòi đi đến chỗ nào đó để tìm bọn cướp đã giết tôi và lấy đồ đạc. Họ sẽ sục sạo trên sông với mỗi cái việc là đi tìm xác tôi thôi.

Tim mãi họ sẽ mệt và chán chả buồn nghĩ đến tôi nữa. Hay lắm, tôi có thể dừng lại bất cứ nơi nào tôi muốn. Đảo Jackson là nơi tôi có thể trú chân được. Tôi biết kỹ cái đảo ấy lắm, chẳng có ai đến đó bao giờ. Rồi đêm đêm tôi có thể đánh xuống lên đỉnh, đi mò quanh quẩn, và lấy cắp những thứ gì tôi cần dùng đến.

Lúc đó tôi đã khá mệt. Điều trước nhất là phải ngủ. Khi tỉnh dậy phải mất đến một phút tôi không biết là mình đang ở đâu. Tôi ngồi dậy, nhìn quanh, hơi sợ. Rồi tôi nhớ ra. Con sông rộng bao la hàng dặm. Trăng sáng quá. Tôi không sao đếm hết những mảnh gỗ trôi, đen sì, lặng lẽ cách bờ vài trăm thước. Mọi vật đều im lặng như chết. Hình như đã khuya lắm rồi thì phải, tôi ngủ thấy như đã khuya lắm. Chắc các bạn cũng hiểu tôi định nói gì - tôi không tìm ra chữ để nói cho đúng được.

Tôi ngáp một cái thật dài, vươn vai. Vừa định cởi áo ra và bắt đầu lên đường thì bỗng nghe thấy tiếng gì xa xa trên mặt nước. Tôi lắng tai nghe và nhận ra ngay đó là tiếng cọt kẹt của mái chèo nghiêng vào cọc chèo trong đêm khuya tĩnh mịch. Tôi thò đầu ra ngoài bụi liễu, thấy một chiếc thuyền đang lướt trên sông. Không thể đoán được trên thuyền có bao nhiêu người. Chờ cho nó đến gần qua mặt mới thấy trên thuyền chỉ có một người. Tôi đoán có lẽ là bố tôi, mặc dầu trong bụng tôi nghĩ rằng ông ấy chưa thể về được. Chiếc thuyền vẫn trôi theo dòng nước, qua chỗ tôi nấp, rồi lát sau ghé vào bờ, chỗ nước đứng. Nó ghé gần đến nổi suýt nữa thì tôi vội tay ra lấy khẩu súng và nhằm hấn. Ôi, thôi đúng là bố tôi rồi - mà lại không say rượu nữa, vì cứ xem cái cách gác mái chèo thì đủ biết.

Tôi không để mất một tí thì giờ nào. Chỉ một phút sau đó là tôi đã lướt xuống xuống phía dưới sông, nhẹ và nhanh, trong bóng tối sát gần bờ. Tôi chèo đi đến hơn hai dặm, rồi chèo thêm

mấy trăm thước nữa ra giữa sông. Vì chỉ lát nữa là tôi sẽ đi qua bến đò, nhờ có người trông thấy họ sẽ gọi.

Tôi cho xuống đi giữa đám củi trôi trên sông, nhét mấy cây xuống đáy xuống để cho nó cứ thế trôi đi. Tôi lại nằm xuống nghỉ, hút một điếu thuốc, mắt nhìn lên bầu trời trong không vắng một đám mây. Đêm sáng trăng mà nằm ngửa mặt lên nhìn trời thì thấy nó cao vô cùng; tôi chưa bao giờ thấy trời cao như thế. Những đêm như vậy, người ta có thể nghe rõ tiếng động trên mặt nước rất xa. Tôi nghe có tiếng người nói chuyện ở phía bến đò. Tôi nghe rõ mồn một từng câu hò. Một người nói bây giờ đã đến độ ngày dài mà đêm thì ngắn rồi.

Một người khác nói đây chưa phải là một trong những đêm ngắn; và cả hai cùng cười. Rồi họ đánh thức một người khác dậy để lại cười, nhưng người kia không cười văng một câu tục bảo để cho anh ta ngủ yên. Người thứ nhất bảo thôi để đem cái đó về nói với mẹ vợ già - mẹ sẽ nghe lọt tai. Rồi bảo rằng cái đó chưa thấm gì đối với những cái hấn nói từ trước đến giờ. Tôi lại nghe một người nói bây giờ đã gần ba giờ sáng rồi; muốn đừng để cho phải chờ đến hơn một tuần lễ nữa mới sáng. Rồi sau đó câu chuyện xa dần; xa dần, tôi không nghe rõ từng tiếng nữa. Nhưng vẫn còn nghe thấy tiếng rì rầm, thỉnh thoảng vài tiếng cười, nhưng hình như đã xa lắm.

Bây giờ, tôi đã cách xa phải dưới bến đò. Tôi ngồi dậy, nhìn thấy đảo Jackson, khoảng hơn hai dặm phía dưới dòng sông. Đảo có nhiều cây cối rậm rạp, nằm giữa sông, vừa to vừa tối, vừa vững vàng như một chiếc tàu thủy lớn không có đèn. Đường cập vào cảng không có gì ngăn trở cả, những mô đất đã chìm xuống dưới mặt nước.

Tôi chèo đến nơi không mất nhiều thì giờ lắm. Tôi quành xuống qua chỗ nước xoáy và rẽ vào dòng êm, rồi, lướt hấn vào chỗ nước đứng, cập vào bờ về phía Illinois. Tôi đẩy xuống vào một cái vũng sâu ở trong bờ mà tôi đã biết từ trước. Tôi phải rẽ những đám liễu ra để đẩy xuống vào, và tôi làm thật nhanh để khỏi có ai ở phía ngoài trông thấy.

Tôi lên ngồi trên một cây gỗ đã ngã xuống ở đầu hòn đảo và nhìn ra sông rộng. Nhìn những đám gỗ trôi đen xì, rồi nhìn về phía tỉnh cách đó ba dặm, thấy có ba bốn ánh đèn lấp lánh. Một chiếc bè gỗ to tướng đang từ phía trên đi xuống, cách chỗ tôi ngồi chừng một dặm; giữa bè thấp một ngọn đèn. Tôi nhìn theo một chiếc bè lù lù trôi đến ngay chỗ tôi một người nói: Chèo khoẻ lên! Thế! Miết cạnh má chèo xuống cơ! Tôi nghe tiếng oang oang như người đó đứng ngay cạnh mình vậy.

Trời đã bắt đầu xam xám. Tôi bước vào trong rừng nằm xuống ngủ một giấc trước khi ăn bữa sáng.

Chương 8

Lúc tôi tỉnh dậy, mặt trời đã lên cao lắm rồi, tôi đoán lúc ấy đã hơn tám giờ. Tôi nằm trên cỏ, trong bóng râm mát lạnh, đầu nghĩ đến nhiều thứ, tôi cảm thấy được nghỉ ngơi, vừa vững dạ, vừa thoải thích. Qua một vài tháng trống, tôi có thể trông thấy mặt trời. Chung quanh toàn là cây to nên chỗ nào cũng tối cả. Cũng có chỗ ánh nắng xuyên qua kẽ lá chiếu xuống mặt đất, và ánh nắng chỗ đó rung rinh như một làn gió nhẹ thổi qua. Một đôi sóc ngồi trên cành nhìn tôi rúc rích kêu một cách thân mật.

Tôi thấy ở đây thoải mái, vững vàng quá lại hoá lười không muốn ngồi dậy nấu bữa ăn lót dạ. Nhưng rồi lúc nhắm mắt ngủ lại thì tôi bỗng nghe thấy tiếng nổ bùm ở phía ngoài sông. Tôi nhồm dậy, chống khuỷu tay nghe ngóng. Lúc sau lại thấy có một tiếng nữa. Tôi đứng hẳn dậy bước ra và nhìn ra ngoài một kẽ hở trong tùm cây. Một đám khói mù trải trên mặt nước, lan đi xa dần - có lẽ đến tận bến đò. Rồi chiếc thuyền chở đầy những người đang đi xuống phía dưới này. Bây giờ tôi đã biết có chuyện gì rồi. Bùm! một làn khói trắng từ chiếc phun ra. Đó là đại bác họ đang bắn xuống sông để cho xác tôi nổi lên trên mặt nước.

Tôi đã đói bụng, nhưng lúc này chưa thể nhóm lửa lên được, vì họ có thể trông thấy khói. Cho nên vẫn cứ phải ngồi đó nhìn khói đại bác và nghe tiếng nổ. Quảng sông ở đây rộng càng đẹp. Nếu như có cái gì lọt lòng thì tôi sẽ ngồi đó thật lâu để xem họ đi tìm xác chết của tôi như thế nào. Tôi nghĩ không hiểu tại sao người ta lại hạy nhét thủy ngân vào những khoanh bánh thả trôi sông, rồi những khoanh bánh ấy trôi thẳng đến chỗ nào có xác người chết đuối thì nó sẽ đứng lại. Tôi tự bảo cứ yên xem thế nào, nếu không thấy có những khoanh bánh như vậy trôi đến tìm tôi thì tôi sẽ tự ra mắt. Tôi đi vòng hòn đảo sang phía bờ Illinois xem may ra có gì chẳng. Và tôi không đến nỗi thất vọng. Có một khoanh bánh thật to trôi tới. Tôi lấy một cái que dài khều vào, nhưng bị trượt chân, khoanh bánh lại trôi ra xa. Chỗ tôi đứng đó là chỗ dòng nước chảy gần bờ nhất, tôi đã biết rồi. Lát sau lại có miếng khác trôi đến, và lần này tôi vớt lên được. Tôi cắt cái nút bịt và lắc lắc cho thủy ngân rơi ra rồi đưa lên mồm cắn. Chà, đúng là một miếng bánh chính cống rồi, rất giá trị, không phải như cái thứ bánh ngô khốn nạn mà tôi vẫn phải ăn từ trước.

Tôi đi tìm một chỗ tốt trong đám cây rậm rạp, ngồi trên một khúc gỗ vừa nhai bánh vừa theo dõi chiếc thuyền, trong lòng khoan khoái vô cùng. Bỗng tôi giật mình; vì lúc đó tôi nghĩ nhớ bà goá, hoặc ông thầy ở trường, hoặc một người nào đấy đã cầu nguyện để cho những miếng bánh này tìm thấy tôi rồi thì sao đây. Nếu thế thì trong bánh chắc là phải có cái gì. Nghĩa là có một cái mà khi những người nhà bà goá hay ông thầy ở trường đã cầu nguyện vào đó rồi, tức là nó đã nằm trong miếng bánh rồi? Nhưng tôi nghĩ đối với tôi chắc không hề gì. Vả có gì đi nữa thì chắc cũng chỉ là điều tốt lành cho tôi mà thôi.

Tôi châm lửa hút điếu thuốc, kéo một hơi dài, rồi lại ngồi nhìn ra ngoài. Chiếc thuyền vẫn đi theo dòng, và tôi sẽ có dịp nhìn kỹ xem những ai ngồi trên thuyền ấy khi nào nó xuống đến gần chỗ tôi. Vì thế nào nó cũng đến gần, như miếng bánh đã trôi được tới đó. Lúc nó đến thật gần chỗ tôi rồi, tôi bỏ điếu ra và đi về chỗ lúc này tôi vớt miếng bánh. Tôi nằm phệt xuống nắp sau khúc gỗ, chỗ này hơi quanh đặng, cho nên ở đầu khúc gỗ nút tôi có thể ghé nhìn ra ngoài được.

Rồi chiếc thuyền đến gần nữa, sát gần đến nỗi chỉ vút một mảnh ván là có thể bước lên bờ được. Trên thuyền đủ mặt mọi người; bố tôi, lão chánh Thatcher, rồi Becky con gái lão Thatcher, rồi Joe Harper, rồi thằng Tom Sawyer, rồi di Polly của thằng Tom, rồi cả Sid, cả Mary, rồi mấy người khác nữa. Ai cũng đang bàn về vụ ám sát. Nhưng bỗng người chủ thuyền nói:

- Coi kỹ đây nhé, dòng nước chỗ này chảy gần bờ nhất, có lẽ nó bị dạt lên đất và mắc vào một bụi cây nào đó gần bờ nước. Tôi hy vọng như vậy.

Nhưng riêng tôi thì chẳng mong thế. Cả bọn người nhổm lên, nhô ra mạn thuyền, gần ngay trước mặt tôi, và ai nấy im lặng chăm chú nhìn. Tôi trông thấy họ rất rõ, nhưng họ thì không thể nhìn thấy tôi. Bỗng người chủ thuyền hét lên:

- Lùi ra này.

Rồi tiếng đại bác nổ vang ngay trước mặt làm tai tôi ù điếc cả và mắt thì gần như bị mù vì đám khói súng, suýt nữa tôi tưởng là mình đi đứt. Nếu như trong đó có đạn thật thì chắc là họ sẽ thấy được cái xác đang tìm. Lạ trời may quá, tôi nhìn thấy mình không bị thương gì cả. Chiếc thuyền lại tiếp tục đi và khuất sau chỗ ngoặt của hòn đảo. Thỉnh thoảng còn nghe thấy tiếng bùm, bùm xa dần, rồi đến độ một giờ sau không nghe thấy gì nữa. Hòn đảo dài ba dặm, tôi đoán họ đã đi tới đầu đàng kia rồi thôi chịu bỏ không tìm kiếm nữa. Nhưng họ còn tiếp tục. Họ đi vòng đầu đàng kia hòn đảo rồi cứ thế đi theo quãng sông hẹp lên phía bờ Missouri rồi quay trở về. Thôi thế là bây giờ yên chuyện rồi. Chẳng còn ai đi tìm kiếm tôi nữa. Tôi lấy đồ đạc ở xuống lên, cắm một chỗ nghỉ chân xinh xinh ở trong đám cây rậm. Tôi lấy chăn dựng thành cái lều nhỏ rồi để các đồ đạc ở trong đó cho khỏi bị mưa ướt. Tôi bắt một con cá, lấy lưới của mỗ cá, và chờ đến khi mặt trời lặn thì bắt đầu nhen ngọn lửa trại của tôi lên nấu bữa ăn chiều. Sau đó, tôi thả sẵn một dây câu xuống sông để sáng mai dậy có cá ăn bữa sáng.

Trời tối hẳn, tôi ngồi bên đống lửa hút thuốc và cảm thấy rất thú vị. Nhưng dần dần tôi cũng thấy nó cô đơn thế nào ấy, nếu tôi ra ngồi bên bờ sông nghe sóng nước rì rầm chảy, nhìn lên trời đếm sao, rồi lại đếm những cành cây với bè mảng trôi từ trên kia xuống; chán rồi đi ngủ. Khi để giết thì giờ. Không thể ngồi yên như thế mãi được, sao rồi cũng phải sớm chấm dứt đi.

Tôi vẫn cứ sống như thế ba ngày đêm. Chẳng có gì khác. Mọi sự vẫn thế. Ngày hôm sau nữa, tôi lùng chung quanh chỗ tôi ở, lần xuống phía dưới hòn đảo. Tôi làm chủ hòn đảo. Cả hòn đảo là của tôi, phải nói như vậy, và tôi muốn biết kỹ tất cả mọi thứ về hòn đảo này. Thực ra, chỉ là muốn cho qua thì giờ. Tôi tìm được rất nhiều dâu chín và rất ngon, rồi cả nho xanh mùa hè; cả những trái com xôi cũng bắt đầu nhú ra, dần dà rồi cũng sẽ đến lúc được hái cả thôi.

Cứ như vậy, tôi đi lang thang mãi vào rừng sâu cho đến lúc tôi đoán chỗ này không còn xa đầu kia của hòn đảo là mấy nữa. Tôi có khẩu súng trên tay nhưng chưa bắn một phát nào. Súng chỉ là để hộ thân, và tôi cũng nghĩ sẽ bắn một con vật gì ở gần hang của nó. Vừa lúc đó, suýt nữa thì tôi dẫm phải một con rắn khá lớn, con rắn luồn vào đám cỏ hoa mà chạy. Tôi đuổi theo định bắn cho được con rắn. Tôi đang bám riết bỗng thế nào đâm ngay phải một đám tro của ngọn lửa trại nào còn đang âm ỉ cháy.

Tim tôi như nhảy lên ở trong lồng ngực. Tôi không đợi nhìn xem có gì nữa, tôi từ từ hạ súng xuống và khe khẽ đi giật lùi bằng đầu ngón chân, lùi rất nhanh. Thỉnh thoảng dừng lại một giây trong đám cành lá um tùm và nghe ngóng; nhưng hơi thở của tôi phì phào mạnh quá nên tai tôi

không còn nghe thấy gì. Tôi hít vào một hơi dài, rồi lại nghe; rồi lại hít hơi nữa. Thấy một thân cây gãy nằm ngang, tôi đã tưởng có người. Dẫm phải một cành cây khô gãy rác một tiếng, tôi cũng tưởng như có ai cắt hơi thở của tôi làm hai và tôi chỉ còn giữ được một nửa hơi thở rất ngắn.

Trở về chiếc lều, tôi thấy trong lòng không yên. Thấy mình không còn được mạnh bạo như trước nữa. Nhưng tôi tự bảo: thì giờ đâu mà đi quanh quẩn. Rồi lại đem tất cả đồ đạc dọn xuống xuống để khỏi có ai trông thấy. Tôi tắt ngọn lửa, xoa xoa đồng tro ra chung quanh để trông có vẻ như ngọn lửa cũ đốt từ năm ngoái, rồi tôi trèo lên cây ngồi.

Tôi đoán chừng ngồi trên cây đã đến vài tiếng đồng hồ, chẳng thấy gì, cũng không nghe thấy gì khác. Nhưng trong bụng thì tưởng như đã nghe thấy, nhìn thấy hàng ngàn thứ. Thôi, tôi không thể nào ở mãi trên cây như vậy được. Sau đó, tôi tụt xuống những chiếc vắn đứng trong đám cây rậm rạp mắt luôn luôn ngó nhìn ra ngoài. Tôi chỉ mới ăn vài cái quả trên cây với một ít thức ăn còn để lại từ bữa sáng.

Lúc đó đã đến đêm rồi. Bụng tôi đói mềm. Chờ đến lúc thật tối mịt, tôi mới thò ra khỏi bờ, trước lúc trăng lên, và đẩy xuống về phía bờ Illinois, khoảng non nửa dặm. Tôi đi vào rừng nấu bữa ăn chiều và tính sẽ ở lại đây suốt đêm. Bỗng tôi nghe tiếng lộc cộc, lộc cộc. Tôi tự bảo: có ngựa đến. Sau đó, có tiếng người. Tôi lại vội vàng bê tất cả xuống xuống, rồi lại bỏ vào rừng xem có thấy gì không. Bò chưa được mấy bước, nghe có tiếng người nói:

- Nếu đi tìm được một chỗ nào tốt thì ta nên dừng lại đây hơn, ngựa đã mệt lắm rồi. Để coi chung quanh đây nào.

Tôi không chờ đợi gì nữa, tuồn trở lùi và đẩy xuống đi ngay. Tôi lại buộc xuống vào chỗ cũ và định ngủ dưới xuống.

Tôi không ngủ được nhiều. Vả chăng cũng không thể ngủ vì phải nghĩ ngợi. Mỗi lúc chợt tỉnh dậy tôi tưởng như có người nào đến túm lấy cổ tôi. Thành ra ngủ cũng chẳng có ích gì. Dần dần, tôi tự bảo mình không thể sống như thế này được, phải đi tìm xem ai cái người đến sống trên hòn đảo này với tôi như vậy. Tôi sẽ tìm cho ra, nếu không thì phải chuồn đi. Tôi nghĩ nên làm ngay là hay hơn cả.

Rồi tôi lại đẩy xuống lướt ra khỏi bờ một quãng, và cứ để cho xuống trôi xuống phía dưới.

Trăng vọi vọi. Trừ những chỗ có bóng tối ra, ánh trăng soi sáng như ban ngày. Tôi đánh xuống đi như thế đến như đến một giờ đồng hồ; mọi vật đều im lặng và ngủ say như những tảng đá. Lần này tôi đã đến tận đầu kia hòn đảo. Một làn gió hiu hiu mát lạnh bắt đầu thổi tới. Nói như vậy nghĩa là sắp hết đêm rồi. Tôi lấy chân đập nước, quay ngoắt mũi xuống và đi đến ven rừng. Tôi ngồi xuống một thân cây đổ, nhìn qua đám lá cây. Trăng đã chạy đi đâu rồi, và màn đen lại phủ trên sông. Nhưng lát sau, nhìn lên qua ngọn cây thấy một vệt sáng, tôi biết lại sắp đến ban ngày. Tôi cầm súng lên đi đến chỗ gặp cái lửa trại hồi sớm. Đi được một hai phút lại dừng bước nghe ngóng. Nhưng rủi thay là không tìm thấy có ánh lửa. Tôi từ từ, rất cẩn thận, bước đến chỗ đó. Tới nơi, nhìn vào thấy trên mặt đất có người nằm.

Tôi đã tưởng ma. Người nằm đó quấn một mảnh chăn lên đầu và gói đầu ngay gần kề đồng lửa, Tôi đứng im lặng đằng sau bụi rậm, cách chỗ người đó nằm chừng hơn một thước, và nhìn chăm chặp. Trời đã mờ mờ sáng. Lát sau, người đó ngáp, vươn vai rồi tung chăn ra, ồ hoá ra Jim, anh

da đen làm việc cho cô Watson. Tôi thật rất mừng được thấy Jim ở đây. Tôi lên tiếng:

- Chào Jim!

Rồi nhảy vọt ra.

Jim giật mình nhảy chồm lên và nhìn tôi kinh hãi. Rồi hấn quỳ xuống, chấp hai tay nói:

- Xin đừng làm gì tôi, đừng! Tôi không bao giờ làm hại đến ma đâu. Bao giờ tôi cũng yêu những người đã chết, và làm gì được cho người chết tôi cũng xin làm. Xin cậu trở lại dưới sông đi. Cậu ở đâu ra thế, xin cậu đừng làm gì Jim, tội nghiệp. Tôi bao giờ cũng là bạn của cậu đây mà!

Tôi cũng chẳng phải mất nhiều thì giờ để nói cho hấn hiểu là không phải tôi đã chết. Tôi gặp Jim ở đây mừng quá. Bây giờ tôi không còn cô đơn nữa. Tôi bảo hấn là nếu hấn có đi mách với mọi người rằng tôi ở đây thì tôi cũng không sợ. Tôi cứ nói mãi mà hấn vẫn ngồi đó nhìn tôi chẳng hé miệng. Rồi tôi bảo.

- Trời sáng rồi. Ta hãy ăn lót dạ thôi. Anh thổi lửa lên đi.

- Nhóm lửa lên làm gì. Để mà nướng đậu với mấy cái rau dại ở đây à? Nhưng mà cậu có khẩu súng đấy phải không? Có thể kiếm cái gì mà ăn hơn là quả đậu cậu ạ!

- Đậu với rau dại, ô thế anh sống bằng những thứ đó à?

- Tôi chả kiếm được cái gì khác

- ồ, thế anh ở hòn đảo này bao nhiêu lâu rồi?

- Tôi đến đây ngay sau cái đêm cậu bị giết đấy!

- Sao, suốt từ hôm ấy đến nay à?

- Vâng, đúng đấy

- Thế thì chắc anh gần chết đói rồi đấy nhỉ?

- Tối tính bây giờ nếu có thì tôi ăn được nhiều lắm. Được, cậu ạ. Thế cậu ở trên hòn đảo này bao nhiêu lâu rồi?

- Từ cái đêm tôi bị giết ấy

- ồ, sao thế nhỉ? Thế cậu sống bằng gì? à, nhưng mà cậu có khẩu súng. Phải, cậu có súng. Thế thì tốt lắm. Bây giờ cậu đi bắn con gì đi, rồi tôi ở đây nhóm lửa lên.

Cả hai chúng tôi ra chỗ giấu xuống. Rồi trong khi Jim nhóm bếp trên một đám cỏ giữa chỗ cây cối quanh đây thì tôi đi lấy bánh mớ và cà phê, lấy ấm pha cà phê; lấy cái xoong, rồi đun, rồi cốc sắt. Anh da đen rất hoảng sợ vì anh ta nghĩ rằng tất cả những thứ này đều do có phép phù thủy ra cả. Tôi kiếm được con cá to, Jim lấy con dao nhíp của hấn mổ cá rồi đem rán.

Làm xong, chúng tôi cứ nằm trên cỏ mà ăn bữa sáng nóng sốt. Jim ăn cật lực, vì hấn đã quá đói. No nê rồi, chúng tôi nằm dài ra không buồn làm gì nữa.

Rồi Jim nói:

- Nhưng này, cậu Huck, thế ra không phải là cậu thì ai bị giết trong cái nhà ấy?

Lúc đó tôi mới kể lại đầu đuôi câu chuyện cho hắn nghe; hắn bảo thật là tài tình. Hắn nói rằng ngay Tom Sawyer cũng không thể có mẹo nào hay hơn cái của tôi được. Tôi hỏi:

- Jim, thế anh làm sao mà lại đến chỗ này, và làm thế nào mà đến được?

Hắn có vẻ lúng túng đến một phút không nói gì, rồi mới trả lời:

- Có lẽ tôi không nên nói thì hơn, cậu ạ

- Sao thế Jim?

- Vì nhiều lẽ. Nhưng nếu tôi nói với cậu thì cậu đừng nói lại với ai nhé, cậu Huck!

- Jim, tôi thế không nói với ai cả

- Được, tôi tin ở cậu. Tôi... tôi trốn đi đấy.

- Jim!

- Đấy, cậu đã bảo là không nói mà. Cậu nhớ là cậu hứa rằng không nói lại với ai đấy, cậu Huck.

- Ủ, tôi đã nói thế rồi mà lại. Tôi bảo không nói là không nói. Tôi sẽ giữ lời hứa. Dù cho người ta có bảo tôi là tên hèn mạt, thuộc phe chống áp bức người da đen, và cho người ta khinh tôi vì đã giữ miệng thì cũng được, chẳng sao cả. Tôi sẽ không nói. Mà tôi cũng không trở về chỗ đó nữa cơ mà. Thôi, bây giờ anh kể lại tất cả đi.

Đây, thế này cậu ạ. Bà cô, tức là bà Watson ấy, suốt ngày cứ dằn vặt tôi và đối đãi với tôi tệ quá lắm. Thế nhưng bà ấy vẫn bảo rằng sẽ không đem tôi xuống Orleans để bán tôi đi đâu. Mà tôi thì thấy quanh vùng gần đây có một người buôn nô lệ da đen mới tới, tôi bắt đầu sờ sợ. Thế rồi có một đêm khuya, tôi bò đến bên cửa, cửa không khép kín, tôi nghe bà ấy nói với bà goá rằng sẽ đem tôi đi Orleans bán, nhưng chưa muốn bán ngay, là vì còn có thể nèo thêm được tám trăm đồng đô la về tôi nữa. Với số tiền lớn như vậy thì chắc bà ấy không thể dùng được. Bà goá thì muốn bảo bà ấy đừng làm thế. Nhưng lúc đó tôi không chờ để nghe xem về sau thế nào. Tôi trốn đi thật nhanh. Tôi nói thật với cậu như vậy đấy.

Tôi ăn một bữa thật no rồi chạy rảo xuống đồi, hy vọng có thể đánh cắp được một chiếc xuồng nào ở dọc bờ sông trên tỉnh chẳng, nhưng có nhiều người đi lại quá, tôi phải nấp vào cái quán rượu cũ đã đổ nát ở bên sông để chờ cho mọi người đi hết đã. Tôi phải chờ đến hết năm. Chung quanh lúc nào cũng thấy có người. Đến khoảng sáu giờ thì thuyền bắt đầu đi qua cũng chỉ thấy nói chuyện về việc bố cậu vừa lên tỉnh báo tin là cậu bị giết. Máy chiếc thuyền đi sau cũng toàn chở những ông bà sang trọng đi đến tận nơi để xem xét. Thỉnh thoảng, họ ghé thuyền vào bờ nghỉ một lát rồi lại tiếp tục đi. Thành thử nghe nói chuyện tôi mới được biết đầu đuôi việc giết người chứ. Nghe nói cậu bị giết thật, tôi đau lòng quá, cậu Huck ạ. Nhưng bây giờ thì tôi không còn đau lòng nữa.

Suốt ngày tôi cứ phải nằm trốn ở đây như thế. Bụng đói nhưng sợ thì tôi không sợ. Vì tôi biết bà Watson và bà goá ăn sáng xong thì đi xem việc đó ngay. Như vậy cũng phải đi hết ngày. Và các bà ấy cũng biết rằng ban ngày thì tôi đi chăn bò nên cũng chẳng thấy tôi quanh quẩn ở đấy được, có hỏi đến tôi thì cũng phải chờ đến tối mịt. Còn bọn người làm khác thì không ai cần đến tôi

làm gì, mà các chủ vừa ra khỏi nhà thì họ cũng chuồn đi nghỉ hết.

Trời sẩm tối, tôi mới mò ra; đi dọc theo con đường ven sông và đi chừng vài ba dặm đến một nơi không có nhà cửa gì cả. Tôi đã tính kỹ trong đầu là sẽ làm như thế nào rồi. Cậu ạ, nếu như tôi cứ đi bộ thế thì chó nó có thể đánh hơi tìm thấy tôi, nếu tôi ăn cắp một cái xuồng để qua sông thì họ thấy mất thuyền sẽ biết và tìm được tôi sang sông ở chỗ nào và rồi cũng mò được vết chân tôi. Cho nên tôi đã nghĩ chỉ có vài bè mảng thì hơn cả, vì đi mảng sẽ chẳng để lại dấu vết gì.

Rồi lúc đó có ánh đèn chiếu, tôi toàn người ra vớ lấy một mảnh ván đang trôi trước mặt, bơi ra đến giữa sông; người tôi lặn vào với đám củi mục trôi trên sông, tôi rút cổ lại và cứ thế bơi xuôi dòng nước một quãng xa theo mấy mảnh bè trôi. Rồi tôi cứ vừa rút cổ vừa bơi như vậy; lại kéo thêm cả mấy cây củi vào với mảnh ván cho chắc. Lúc đó mây kéo đen cả nên trời tối được một lúc. Tôi leo lên nằm trên tấm ván ở phía có đèn sáng vẫn có người đi lại. Nước sông đang lên to, chảy xiết. Tôi dự đoán khoảng đến bốn giờ sáng thì tôi đã trôi đến hai mươi lăm dặm về phía sông; tôi mới bơi vào bờ trước lúc trời sáng. Rồi tôi đi vào rừng về phía Illinois.

Nhưng thật tôi chẳng may. Lúc tôi vừa đến đầu hòn đảo thì có một người cầm đèn đi sau. Thấy không thể chậm trễ được, tôi lập tức nhào người xuống nước rồi hòn đảo bơi đi chỗ khác. Gớm thật, tôi tưởng chỗ nào cũng có thể lên bờ được, ấy thế mà không đâu, bờ sông chỗ nào cũng dựng đứng lên cả. Khi bơi gần đến đầu đàng kia thì hòn đảo thì tìm ra được một chỗ tốt. Tôi đi vào rừng, nghĩ bụng không thể tiếp tục dùng bè mảng được nữa, vì bè trôi như vậy thì thế nào cũng gặp ánh đèn. Tôi có cái điều và cái bao đựng thuốc đã rách với mấy que diêm ở trong áo mà không bị dính ướt, thế là yên trí rồi.

- Thế suốt từ bữa đó đến nay, anh không có thịt, có bánh gì ăn ư? Sao không kiếm củ ở dưới bùn mà ăn?

- Làm thế nào ra lấy được. Làm sao mà móc lên được? Chỉ có hòn đá trong tay thì làm ăn gì? Lại đêm tối nữa thì lấy thế nào? Ban ngày thì tôi không dám ra bờ sông sợ có người trông thấy.

- À, ra thế, vậy là anh cứ phải suốt ngày ở trong rừng. Đúng rồi. Thế anh có nghe thấy họ bắn súng đại bác không?

- Có chứ. Tôi biết là họ đang tìm cậu. Tôi có trông thấy họ qua đây. Tôi nấp trong bụi nhìn ra.

Một vài con chim non ở đây bay tới, chỉ bay từng quãng ngắn một vài thước rồi lại đậu. Jim bảo đó là diêm mưa. Hẳn bảo gà con bay vặt là sắp mưa nên thấy chim bay như thế cũng đoán là sắp mưa. Tôi định bắt vài con chim, nhưng Jim không cho. Hẳn bảo làm thế chết đấy. Hẳn nói rằng bố để ra hẳn trước kia có một lần ốm nặng, rồi có người khác bắt chim thì ông bảo hẳn là làm như thế thì bố hẳn sẽ chết. Ấy thế mà chết thật.

Jim lại bảo là không nên tính trước mình sẽ nấu ăn bữa chiều bằng thứ gì, vì như vậy sẽ gặp điều không may. Rồi lúc mặt trời lặn mà đêm rữ cái khăn trải bàn cũng thế. Hẳn lại bảo người khi mặt trời mọc sáng hôm sau, những con ong ấy nó sẽ biết trước. Nếu không thì đám ong cũng ốm liệt, không chịu làm gì nữa và cũng chết nốt, Jim bảo là giống ong không bao giờ đốt những anh ngốc. Nhưng tôi không tin như vậy, vì đã mấy lần thử rồi mà vẫn không thấy nó đốt.

Trước đây, tôi đã từng nghe nói những chuyện ấy nhưng không được nghe tất cả mọi thứ. Jim

biết các thứ điềm báo hiệu. Hấn bảo hấn biết hầu hết. Tôi nói hình như tôi thấy tất cả mọi điềm báo hiệu đều là báo những chuyện chẳng may cả, nên tôi hỏi Jim xem có cái nào báo hiệu tốt không? Jim nói:

- ít lắm. Và những cái đó cũng chẳng ích lợi gì cho ai cả. Cậu muốn biết để làm gì, muốn giữ lấy nó à? Rồi Jim lại nói:

- Nếu ở cánh tay và ngực mình có nhiều lông thì đó là dấu hiệu sắp giàu to đấy. Điềm như thế thì còn có ích; vì càng có nhiều lông càng may mắn. Cậu thấy không, có thể là thời gian đầu mình nghèo khó. Nhưng nếu không biết trước rằng đó là điềm mình sẽ giàu thì có thể chán nản mà tự tử mất.

- Thế anh có nhiều lông tay không, Jim?

- Hỏi như vậy có ích gì, cậu không nhìn thấy tôi có đấy à.

- Ủ, thế anh có giàu không?

- Không, trước kia đã có một lần tôi giàu rồi, và rồi tôi sẽ lại giàu nữa. Một lần tôi có mười bốn đồng đô la, nhưng tôi đem đi buôn đầu cơ, chẳng may thế nào mất hết.

- Đầu cơ cái gì, Jim?

- Trước hết là tích trữ

- Tích trữ cái gì?

- Còn cái gì nữa - gia súc, cậu biết không. Tôi bỏ ra mười đô la mua một con bò cái. Nhưng rồi suýt nữa tôi chẳng còn đồng nào vì con bò vừa vào tay tôi nó đã chế nghèo.

- Thế là anh mất mười đô la nhỉ?

- Không, tôi không mất cả mười đồng, Tôi chỉ mất gần chín đồng thôi. Vì tôi đem da bò bán được đồng mốt.

- Như vậy là anh còn lại năm đồng mốt. Thế anh còn đầu cơ cái gì khác nữa không?

- Có chứ. Cậu có biết cái lão da đen thọt làm cho cụ Bradish không? Hấn ta mới lập ra một cái nhà băng. Hấn bảo ai bỏ vào đó một đô la thì cuối năm có thể lấy ra bốn đô la. Thế là tất cả anh em da đen đều bỏ tiền vào đó. Nhưng họ cũng chả có bao nhiêu. Chỉ mỗi tối là nhiều nhất. Tôi bỏ ra hơn bốn đô la, và tôi bảo nếu không được thì tôi sẽ tự mình lập ra nhà băng vậy. Cố nhiên là lão da đen ấy không muốn để tôi nhúng tay vào việc ấy mà vì hấn bảo nếu lập hai nhà băng thì không đủ để chạy việc. Vì vậy hấn bảo tôi có thể bỏ vào đó năm đồng đô la đến cuốn năm trả tôi thành ba mươi lăm đồng.

Thế là tôi bỏ tiền vào. Tôi tính rằng sau đó sẽ lại đầu tư cả mười lăm đô la ấy luôn để cho vốn càng to nữa. Có một anh da đen khác tên là Bob, mới tậu được căn nhà gỗ mà chủ nhà anh ta không biết, tôi bèn mua lại của anh ta và bảo đến cuối năm thì anh ta sẽ đến lấy ba mươi lăm đô la. Nhưng đến đêm hôm đó thì đã có người nào lấy cắp mất căn nhà đó rồi. Hôm sau thì lão da đen thọt đến bảo tôi rằng nhà băng cũng đã đổ. Thế là cả bọn chẳng đứa nào lấy được tiền về.

- Vậy còn lại mười xu thì anh làm gì, Jim?

- Ấy, lúc đó tôi sắp đem tiêu mười xu đó thì tôi bỗng nằm mơ, và giấc mơ bảo tôi là nên đem mười xu ấy cho một anh da đen tên là Balum Balum, họ gọi tắt tên hắn là Ass Hấn là một trong những người rất ngốc nghếch, cậu có biết không? Nhưng hắn ta lại hay gặp may, thấy họ nói vậy, tôi chả biết. Còn tôi thì chẳng gặp may bao giờ. Giấc mơ ấy bảo tôi rằng Balum sẽ đem mười xu của tôi đi đầu tư và sẽ làm cho tôi phát tài. Thế là tôi đưa tiền cho Balum. Khi hắn vào nhà thờ nghe thấy ông mục sư nói kẻ nào bỏ tiền vào cái thùng này cho Chúa thì sẽ được Chúa ban lại gấp trăm lần. Thế là Balum móc túi lấy ra mười xu bỏ ngay vào thùng. Rồi hắn cúi xuống nhìn xem có trong thùng đó có ban lại cái gì cho hắn không.

- Ờ, thế có cái gì ban lại không?

- Có đâu, chẳng thấy gì cả. Tôi cũng chẳng làm thế nào lấy lại được cái tiền ấy nữa. Balum cũng chịu. Thôi, tôi chẳng tội gì mà đem tiền cho vay nữa, nếu như tôi không chắc chắn. Sẽ được ban lại gấp trăm lần số tiền bỏ ra! Ông mục sư nói thế đấy! Nếu tôi lấy lại được mười xu ấy thì coi như hoà, và như vậy là đã may mắn lắm rồi.

- Thôi Jim ạ, dù sao thế cũng được, vì sau này còn có lúc anh giàu nữa có mà.

- Phải, bây giờ tôi đang giàu đây, cậu đến gần nhà xem. Tôi đã có cái thân tôi rồi. Thân tôi đáng giá tám trăm đồng đô la đấy. Trước kia tôi chỉ mong có tiền, nhưng đến bây giờ tôi chẳng thiết nữa.

Chương 9

Tôi muốn đi coi lại cái chỗ ở đúng giữa hòn đảo mà tôi đã tìm ra trong khi thám hiểm. Cả hai chúng tôi cùng đi và tìm ra ngay, vì hòn đảo chỉ có ba dặm chiều dài và phần tư dặm chiều ngang.

Chỗ này là một cái gò cao độ hơn chục thước vừa dài vừa dốc. Chúng tôi trèo lên đỉnh gò cũng khá vất vả, vì hai bên sườn dốc đứng lại bụi cây rất rậm, phải lần từng bước vòng quanh gò, rồi lát sau mới tìm thấy một cái hang lớn trong vách đá, ăn sâu đến tận đỉnh về phía bờ Illinois. Cái hang rộng bằng hai ba căn phòng ghép lại và Jim có thể đứng thẳng người trong đó được. Chỗ này lạnh lắm. Jim muốn đem ngay đồ đạc của chúng tôi vào đây, nhưng tôi bảo hơi đâu mà suốt ngày trèo lên trèo xuống.

Jim bảo chúng tôi đã có cái xuồng giấu ở chỗ kín, và đồ đạc thì để trong hang này, nếu có ai đến đảo, thì chúng tôi có thể trốn chạy vào đây. Mà nếu họ không đem theo chó đi thì không thể tìm thấy chúng tôi được. Jim còn bảo rằng những con chim non đã báo trước là trời sắp mưa chẳng lẽ để cho đồ đạc ướt hết cả hay sao?

Thế là chúng tôi quay về xuồng, đẩy xuồng lên phía bờ ngang chỗ có cái hang rồi khuân tất cả đồ đạc lên hang. Sau đó chúng tôi tìm một chỗ ở gần đó giấu xuồng, giấu trong một bụi liễu rậm rạp. Chúng tôi vớt mấy con cá ở đầu dây lên, rồi thả lưới câu xuống nước và bắt đầu chuẩn bị ăn trưa.

Cửa hang khá rộng có thể đủ để lặn một thùng rượu to vào được. Một phía bên cửa hang có chỗ đất nhô ra, bằng phẳng, có thể lấy chỗ này làm bếp rất tốt. Chúng tôi đặt bếp nấu bữa trưa.

Chúng tôi trải chăn ở phía trong làm cái thảm để ngồi đó ăn. Còn đồ đạc tiện lấy đều để ở bên trong cả. Một lúc sau, trời tối sầm lại và bắt đầu có sấm chớp; quả là những con chim kia báo trước rất đúng. Lập tức trời mưa liên, đổ nước xuống như thác, và chưa bao giờ tôi thấy gió thổi dữ tợn như thế. Đó là cơn giông thường xảy vào mùa hè. Trời càng tối, nhìn ra ngoài mọi vật xanh xanh tím tím rất đẹp. Nước mưa đổ xuống nhiều đến nỗi những ngọn cây cao cao một chút là nhìn cũng không rõ; trông chỉ như cái mạng nhện. Rồi mỗi cơn gió thổi đến thì kéo những cây ấy ngã xuống và biến đổi cả cái màu xám nhạt ở dưới những cành lá. Rồi lại một trận gió khác dữ hơn cuốn đến bắt những cành cây phải vươn ra như những cánh tay thú vật. Rồi sau đó, đến lúc chỗ nào cũng biến sang màu xanh màu tím cả rồi thì - úi chà; bỗng sáng hẳn lên, trong cơn giông bão ấy cứ thử nhìn lên những ngọn cây xa xa mà xem, lại có thể thấy nó xa hơn lúc này hàng trăm thước; rồi chỉ trong một giây đồng hồ lại tối như bùng; lúc đó mới nghe thấy tiếng sét vang lên một cách kinh khủng khiếp, rồi đến những tiếng ầm ầm, rầm rầm, dần dần từ trên cao vọng xuống và đi đến tận phía bên kia thế giới, y như tiếng người ta lặn cái thùng rỗng xuống cầu thang vậy, mà cầu thang dài cơ, cái tiếng nó cũng rầm rầm như vậy. Tôi nói:

- Thú quá Jim ạ! Tôi chỉ muốn ở đây chứ không đi đâu cả. Đưa cho tôi một khúc cá và một miếng bánh nóng nào.

- Đấy nhé, nếu không có Jim thì cậu cũng chẳng lên trên hang này, mà cậu ở trong đám rừng kia không có gì ăn, và chưa biết chừng lại bị chết đuối nữa đấy. Gà con nó biết lúc nào sắp mưa

cả chim con cũng thế.

Nước sông vẫn lên cao, lên mãi đến mười mười hai ngày, tràn cả lên bờ. Nước ngập trên hòn đảo đến hơn một thước ở những chỗ thấp và ở đầu hòn đảo về phía bờ Illinois. Phía ấy, đảo rộng đến mấy dặm, nhưng về phía Missouri thì cũng đến nửa dặm vì bờ Missouri khác nào như một bức tường lớn dựng đứng.

Ban ngày chúng tôi có thể chèo xuồng đi lại khắp trên đảo. Trời khá lạnh. Ở trong rừng sâu thì lại càng tối, mặc dầu bên ngoài trời vẫn nắng. Chúng tôi cho xuồng đi lách giữa những thân cây. Có nhiều chỗ nhỏ trữu xuống vương lối đi, phải quay lại đi vòng lối khác. Những chỗ có cây mục đổ xuống có thể có thỏ; có rắn, và những con vật khác. Khi nào đảo bị ngập nước một vài ngày thì những con vật đó thật là hiền lành vì chúng đã bị quá đói rồi. Lúc ấy có thể chèo xuồng đến tận nơi, thò tay ra là bắt được ngay. Nhưng có rắn và rùa thì không được, vì chúng luôn luôn xuống đáy nước cả. Ở một chỗ trong hang chúng tôi cũng có nhiều giống này lắm, muốn bắt để mà nuôi cũng được vô khối.

Một đêm chúng tôi vớt được cả một đoạn bè gỗ, toàn bằng những tấm ván gỗ thông. Rộng đến ba thước, dài bốn năm thước, dày đến hai mươi phân. Gỗ này lát nền nhà rất chắc. Ban ngày chúng tôi cũng thấy nhiều mảnh gỗ đã cưa rồi trôi qua đấy, nhưng chúng tôi để mặc cho nó trôi đi; vì ban ngày chúng tôi không dám thò ra ngoài.

Một đêm khác, lúc chúng tôi ra đến đầu hòn đảo vào lúc gần sáng, thì thấy cả một căn nhà gỗ từ phía trên, trôi đến bờ phía Tây. Căn nhà có gác; nằm nghiêng nghiêng sắp đổ. Chúng tôi trèo xuống ra, nhảy lên rồi leo qua cửa sổ tầng gác mà vào. Chúng tôi mới buộc xuồng liền vào đó và ngồi chờ cho sáng rõ.

Chiếc nhà trôi đến đầu hòn đảo thì trời bắt đầu sáng. Từ ngoài cửa sổ, chúng tôi nhìn vào thấy có một chiếc giường, một cái bàn, hai cái ghế cũ và trên sàn gác thì bao nhiêu thứ đồ đạc khác; trên vách lại có mắc cả quần áo nữa. Có một vật gì nằm trên sàn ở trong góc nhà trông như người. Jim lên tiếng gọi:

- Này! Này!

Không thấy động đậy. Tôi lại gọi nữa. Rồi Jim nói:

- Cái người này không phải ngủ, mà là chết, Cậu đứng im đây, để tôi vào xem.

Jim đi vào, cúi xuống nhìn, rồi nói:

- Một người chết. Đúng rồi, mà lại trần truồng nữa. Hắn bị bắn vào lưng. Tôi chắc đã bị chết hai ba ngày nay rồi. Vào đây, cậu Huck, nhưng mà đừng nhìn mặt hắn, có nhiều vết rạch, kinh lắm.

Tôi không dám nhìn. Jim vút cái quần áo rách phủ lên người chết. Nhưng việc gì hắn phải làm thế, tôi có muốn xem người chết đâu. Có một đồng những lá bài cũ đã bắn quăng rải rác trên sàn nhà, mấy chai ứt sky, vài cái mặt nạ làm bằng vải đen; còn trên vách thì chỗ nào cũng có những chữ viết rất dốt với những hình vẽ nguệch ngoạc bằng than củi. Có hai chiếc áo cũ bằng vải dày, một cái mũ đội đi nắng, mấy cái đồ lót của đàn bà treo trên tường, với mấy cái quần đàn ông nữa. Chúng tôi nhặt đem bỏ cả vào xuồng để sau này có lúc sẽ dùng đến. Trên sàn lại có một chiếc mũ của trẻ con, tôi cũng nhặt lên nốt.

Rồi có một chai sữa trong đó còn sữa, một chiếc mũ cao su cho trẻ con bú đã rách. Chúng tôi định lấy cả chai sữa nhưng đã vỡ rồi. Có một cái hòm cũ rách nát mà một cái rương bện bằng lông đã gãy bản lề. Cả hai đều mở toang, nhưng ở trong chẳng còn cái gì đáng giá. Trông cái kiểu đồ đạc vứt lổng chổng thế này chúng tôi đoán rằng người nào đó đã vội vã bỏ chạy và không bình tĩnh để có thể đem được hết đồ đạc đi.

Chúng tôi nhặt được một cái đèn sắt cũ, một con dao thái thịt đã mất chuôi với một con dao găm kiểu Barlow còn mới, mua ở cửa hàng nào cũng phải đến hai hào; với một lô cây nến mỡ bò, một cái chân nến bằng sắt; một cái cốc sắt, rồi cái chăn còn để đắp chăn đã bị chuột gặm, một cái bao con đưng đồ khâu có đủ cả kim chẻ sáp ong, khuy cái cần câu chỉ nhỏ bằng ngón tay út của tôi mà mấy cái lưỡi câu thì to sù, một cuộn da hoẵng, một cái cổ dê chó, một - cái móng ngựa, mấy lọ thuốc chẳng có nhãn hiệu gì cả. Rồi vừa lúc chúng tôi sắp bỏ đi thì lại thấy một cái bàn chải ngựa còn khá tốt. Jim nhặt thêm được một cái vĩ kéo đàn bà cũ, đứt, với một cái chân gỗ. Những dây da đã đứt cả, nhưng buộc lại cũng còn tốt, mặc dầu tôi dùng thì dài quá mà Jim thì hơi ngắn. Rồi sau mặc dầu đã kiếm quanh nhưng không thấy được cái chân bên kia nữa.

Thế là chúng tôi vớ được một mẻ to và khuôn tất cả đi. Lúc sắp ra khỏi căn nhà thấy mình đã bị đưa trôi đi đến phần tư dặm về phía dưới hòn đảo, mà trời lúc ấy đã sáng rõ, cho nên tôi bảo Jim nằm xuống xuống lấy cái chăn con đắp phủ lên người. Vì nếu Jim ngồi dậy người ta trông thấy sẽ biết ngay là một anh da đen bỏ trốn. Tôi chèo xuống về phía bờ Illinois, bị trôi thêm một quãng đến nửa dặm nữa. Đến chỗ nước lặng, tôi bơi ngược dần lên. Không xảy ra chuyện gì và cũng chẳng có ai cả. Chúng tôi trở về nhà, an toàn.

Chương 10

Ăn bữa sáng xong xuôi, tôi muốn nói chuyện về cái người chết trong căn nhà trôi ấy và muốn đoán thử xem vì sao mà bị giết. Nhưng Jim không thích nói chuyện ấy. Jim bảo nói chuyện sẽ gặp điều không may, hơn nữa người chết có thể hiện về. Jim nói rằng người chết mà không được chôn thì lại hay hiện về nhiều hơn là người chết được chôn cất tử tế. Điều đó nghe cũng có lý, nên tôi không nói gì nữa; nhưng tôi không thể nghĩ mãi về chuyện này, muốn biết ai đã bắn người kia và bắn để làm gì?

Chúng tôi lục lọi trong đám quần áo mang về, tìm được tám đồng đô la bằng bạc khâu kín vào đường viền của một cái mền áo ngoài. Jim bảo có lẽ cái người ở trong nhà đó ăn cắp chiếc áo, vì nếu biết có tiền thì đã không để lại. Tôi nói có lẽ họ giấu người ấy đây, nhưng Jim vẫn không muốn nói gì về chuyện này. Tôi nói:

- Anh bảo là không may; thế hôm kia tôi tìm thấy cái da rắn lột ở trên đỉnh gò đấy thì là anh bảo sao? Anh chả nói là sờ vào da rắn lột sẽ gặp điều không may nhất trên đời đấy ư? Đấy, không may đây này; chúng mình nhặt được bao nhiêu là thứ này, lại được cả tám đô la nữa. Tôi mong ngày nào cũng gặp cái không may thế này, Jim ạ!

- Đừng tưởng, cậu ơi, đừng tưởng. Cậu chờ vội mừng. Rồi cậu sẽ thấy. Cậu nên nhớ rồi sẽ thấy, tôi bảo thật đấy.

Quả nhiên cái không may đến thật đấy. Chúng tôi nói với nhau câu chuyện ấy vào ngày thứ ba. Thế thì đến ngày thứ sáu, sau bữa ăn chiều, chúng tôi đang nằm chơi trên bãi cỏ ở đỉnh gò, thuốc hút vừa hết, tôi trở về hang lấy thuốc bỗng thấy một con rắn nằm trong đó. Tôi giết con rắn chết ngay, nhưng tôi cuộn nọ lại vứt xuống dưới chân ở chỗ Jim nằm. Cũng là nghịch tự nhiên vậy thôi, tưởng rằng Jim bất ngờ thấy thế mà sợ thì mình sẽ được một mẻ cười. Nhưng đèn đêm, việc con rắn tôi đã quen khuấy đi rồi, lúc Jim vừa chui vào chân và tôi vừa châm đèn lên thì con rắn cái đã ở trong từ lúc nào, nó mổ ngay vào Jim.

Jim nhảy chồm lên hét, tôi soi đèn nhìn thấy con rắn cái đang cuộn lại lấy đà và sắp văng mình một cái nữa. Tôi vớ lấy gậy đập luôn một nhát chết, còn Jim thì quơ lấy chai rượu ứt sky của bố tôi đổ ộc vào miệng. Jim đi chân đất, và con rắn đã mổ vào đúng góc chân Jim. Tôi mới thấy rằng mình thật điên rồ tại sao không nhớ rằng mình đánh chết một con rắn rồi để đó thì con rắn vợ hay chồng nó sẽ tìm đến cuộn tròn nằm bên cạnh. Jim bảo tôi chặt đứt đầu con rắn đi vứt ra ngoài xa, rồi lột da đem nướng một mẩu rằng như vậy sẽ chữa được độc. Hắn lại bảo tôi dứt cái vòng ở đuôi cả hai con rắn mà buộc vào cổ tay nữa. Jim bảo như thế sẽ không việc gì cả. Rồi lặng lẽ đi ra ngoài, đem vứt xác hai con rắn và bụi cây thật xa; vì tôi không nghịch như vậy có hơn không.

Jim nốc rượu, lại nốc rượu, thỉnh thoảng vươn cổ, lắc lư cái đầu và rú lên; nhưng sau mỗi lần trở lại bình thường rồi thì lại nốc rượu. Chân Jim sưng vù lên rất nhanh, rồi đến bắp chân nữa. Dân dân rượu ngấm và tôi nghĩ Jim sẽ không việc gì. Nhưng tôi lại còn nghĩ thà bị rắn cắn còn hơn là nốc rượu ứt sky kia của bố tôi.

Jim nằm liệt bốn ngày đêm. Rồi những chỗ sưng biến mất và Jim đi lại được. Tôi nghĩ bụng nhất

định từ nay sẽ không mó vào cái da rắn lột nữa, vì vậy đã thấy nó tại hại như thế nào rồi. Jim bảo rằng hẳn mong từ lần sau tôi sẽ tin lời hắn. Rồi hắn nhắc lại là sờ vào cái da rắn lột thì hết sức không may, mà có lẽ mình chưa biết rõ sẽ tai hại đến như thế nào. Jim nói thà là phải liếc nhìn mặt trắng lười liềm qua phía vai bên trái đến một nghìn lần còn hơn là phải cầm trong tay cái da rắn lột. Tự tôi cũng thấy thế, vì tôi cũng hiểu nhìn mặt trắng lười liềm qua phía bên trái của mình là một trong những điều không cẩn thận và đại dột nhất mà không ai làm bao giờ. Ông cụ Huck Bunker đã có một lần làm như vậy rồi cứ khoe mãi. Thế mà chỉ mới chưa được hai mươi năm đã có chuyện ông cụ say rượu và ngã từ trên chòi cao xuống đất, nằm sòng sọt như một thanh gỗ để chèn gốc cây, có thể nói như vậy; rồi họ phải khiêng ông cụ qua cửa sổ để cho quan tài mà đem chôn. Nghe họ kể lại như vậy, tôi chưa trông thấy tận mắt. Bố tôi cũng nói thế. Dù sao cũng là do ông cụ đã dám nhìn mặt trắng cái kiểu như thế. Thật là điên dại.

Ngày ngày trôi qua, nước sông đã rút xuống nằm giữa hai bờ rồi. Việc đầu tiên chúng tôi làm mắc mối vào một lưới câu to, mỗi bằng con thỏ lột da. Thả mỗi xuống, bắt được một con cá he lớn bằng người, dài gần hai thước nặng gần một trăm cân. Chúng tôi không kéo nổi con cá lên, mà chả biết chừng nó có thể lôi chúng tôi đến tận Illinois ấy. đành cứ để mặc đấy mà nhìn nó quẫy đến lúc nó chết. Chúng tôi moi được một chiếc khung đồng trong ruột con cá, với một quả bóng ra, trong đó có một cuộn dây lõi. Jim bảo là cái ấy đã có sẵn ở trong quả bóng từ trước, họ đem bọc ra ngoài làm thành quả bóng. Tôi chắc đây là con cá to nhất chưa bao giờ thấy con cá nào to hơn thế. Nếu là ở trong làng thì đã bán được nhiều tiền lắm. Với con cá như thế này, họ chặt ra làm nhiều khúc nhỏ từng nửa cân một đem ra chợ bán; ai cũng muốn mua một vài miếng. thịt nó trắng như tuyết, đem rán lên rất thơm.

Sang hôm sau, tôi bảo Jim rằng mình thấy buồn và mỏi mệt, nên muốn tìm cách nào hoạt động lên một chút. Tôi định ra phía ngoài sông xem có cái gì ở đó không. Jim cũng đồng ý như thế, nhưng bảo tôi chờ đến tối hãy đi và phải để ý nhìn cẩn thận. Hắn nghĩ một lúc rồi nói tôi có nên bỏ mấy cái quần áo cũ đang mặc đi và cải trang làm cô gái chẳng? ý kiến đó nghe cũng hay. Thế là chúng tôi đem một cái váy vải cắt ngắn đi, xắn ống quần lên đến đầu gối rồi mặc váy vào. Jim lấy cái lưới câu túm đằng sau váy lên trông rất vừa mắt. Tôi đội cái mũ rộng vành lên, buộc dây mũ xuống cằm. Nếu như có người nào muốn nhìn tận nơi và xem mặt tôi thì cũng phải cúi xuống như nhìn vào ống khói bếp lò. Jim bảo là chẳng ai nhận được ra tôi đâu, dù ngay giữa ban ngày cũng vậy, khó mà nhận ra lắm. Suốt ngày hôm đó tôi tập đi lại cho quen, dần dần tôi cũng thấy mình khá thoải mái trong cái bộ đồ ấy; nhưng Jim bảo tôi đi chưa giống cái dáng điệu người con gái; và bảo tôi phải thôi không được kéo váy lên để đút tay vào túi quần nữa. Tôi theo lời, bắt chước được đúng hơn.

Trời vừa tối thì tôi đi xuống lên phía bờ Illinois.

Tôi đi quá lên phía tỉnh, ở dưới bến đò một quãng, dòng nước đưa xuống tôi đến tận cuối tỉnh. Tôi được xuống bước lên, đi dọc theo chân đê. Có ánh sáng ở trong một căn lều nhỏ hình như đã lâu không ai ở. Tôi lấy làm lạ không biết ai đã đến ở đây rồi. Tôi lần đi lên, ghé mắt nhìn qua khe cửa sổ. Trong lều, một người đàn bà chắc bốn mươi tuổi đang ngồi khầu dưới ngọn nến đặt trên chiếc bàn bằng gỗ thông. Tôi không nhận ra mặt; bà ta là một người lạ ở đây mới đến, vì trong tỉnh này không có ai là tôi không biết mặt. Thế này thì may quá; vì lúc này tôi đang còn sợ lo rằng đến đây nhờ có ai có thể nhận ra tiếng nói của tôi và biết được tôi chẳng. Nhưng nếu người đàn bà kia đã đến cái tỉnh nhỏ này được hai ngày rồi thì bà ta có thể nói được cho tôi nghe tất cả những điều tôi muốn biết.

Nghĩ vậy, tôi gõ cửa, và tự nhắc lại cho tôi khỏi quên rằng mình đang đóng giả một cô con gái.

Chương 11

Người đàn bà nói:

- Cứ vào.

Tôi bước vào. Bà ta nói:

- Ngồi xuống đây.

Tôi ngồi xuống. Bà ta nhìn khắp người tôi bằng một đôi mắt nhỏ nhưng rất sáng, rồi hỏi:

- Tên cháu là gì?

- Sara Willim

- Cháu ở đâu? Có gần đây không?

- Không, cháu ở Hookerville, cách đây bảy dặm về phía dưới kia. Cháu đi bộ suốt từ đó lên đây, bây giờ đã mệt rồi.

- Chắc, cháu cũng đói rồi nhỉ, Để tôi kiếm cái gì cho cháu ăn nhé.

- Không, cháu không đói đâu. Lúc nãy cháu đã dừng lại ở một trại cách đây hai dặm, lúc ấy thì đói nhưng bây giờ thì không đói nữa. Vì vậy nên cháu mới đi chậm. Mẹ cháu ốm nặng, không có tiền mà cũng chẳng còn gì. Cháu đi tìm để báo tin cho bác cháu là Abner Moore. Mẹ cháu bảo là bác cháu ở phía đầu tỉnh dưới kia. Cháu chưa đến nơi này bao giờ. Bà có biết bác cháu không?

- Không, tôi chưa biết ai cả. Tôi mới đến đây chưa được hai tuần. Từ chỗ này đến cuối tỉnh cũng nhiều đường đất lắm đấy. Cháu hãy nghỉ lại đêm nay ở đây. Hãy bỏ mũ ra đã.

- Không ạ, tôi đáp. Không, cháu chỉ nghỉ đây một lát rồi lại đi ngay thôi, cháu chả sợ đêm tối đâu.

Bà ta bảo là sẽ không để cho tôi đi một mình đâu. Chồng bà ta sắp về, khoảng độ một giờ rưỡi nữa thôi, và bà ta sẽ bảo ông chồng cùng đi với tôi. Rồi bà ta nói luôn về chuyện chồng, cùng những người quen thuộc ở đầu sông, cuối sông, về những chuyện trước kia ở nơi cũ sung sướng bao nhiêu, rồi vì không biết mà lại đến ở cái tỉnh này thật là dài vô cùng, đáng lẽ cứ ở một mình thì hơn - và vân vân, vân vân... Đến nỗi tôi đâm sợ vì mình đã đại dốt mò vào đây để hỏi ba ta về những chuyện ở tỉnh. Nhưng rồi lát sau bà ta nói đến chuyện bố tôi và vụ giết người. Tôi muốn cứ để cho bà ta nói mà nghe. Nào là chuyện tôi với thằng Tom Sawyer kiếm được mười hai nghìn đô la (bà ta nói là hai mươi nghìn), nào là tất cả mọi chuyện về bố tôi, bảo bố tôi là người rất ngang ngạnh, và tôi cũng là người rất ngang ngạnh. Rồi cuối cùng bà ta nói đến chỗ tôi bị giết. Tôi hỏi:

- Ai giết thế? Cháu ở Hookerville nghe người ta nói nhiều về chuyện ấy, nhưng cháu không biết ai là người giết Huck Finn.

- Tôi nghĩ dân ở đây cũng có nhiều cái đặc biệt thật đấy. Chính tôi cũng muốn biết ai là người đã giết Huck Finn.

- Không! Thật thế ư bà?

- Lúc đầu thì hầu hết ai cũng nghĩ thế. Nhưng rồi đến buổi chiều thì người ta lại thay đổi ý kiến và bảo rằng đó là do một tên da đen đã bỏ trốn tên là Jim giết Huck Finn.

Ơ không - hần...

Tôi im bật ngay. Tôi nghĩ rằng tốt hơn là cứ ngồi im. Bà ta nói tiếp, không để ý đến câu tôi vừa nói chen vào.

- Tên da đen bỏ trốn đúng vào cái đêm Huck Finn bị giết. Họ treo giải thưởng để bắt nó: ba trăm đô la. Rồi cũng treo giải thưởng để bắt cả bố thằng Finn nữa: hai trăm đô la. Cháu biết không, lão ta ra tỉnh vào buổi sáng hôm sau khi xảy ra vụ giết người; lão ta kể lại chuyện ấy rồi lại đi với họ trên chiếc thuyền dò tìm xác chết. Thế rồi ngay sau đó, lão ta cũng bỏ trốn đi nốt. Chiều tối họ định đem lão ra xử thì lão ta cũng trốn mất rồi. Rồi hôm sau lại thấy tên da đen bỏ trốn đi nữa. Họ bảo là hồi mười giờ đêm hôm xảy ra vụ giết người thì trông thấy nó. Thế là họ buộc tội cho nó, cháu có biết không. Sau khi họ đã chắc chắn như thế rồi thì hôm sau lại thấy lão Finn mò về, khóc vang lên, đòi lão chánh Thatcher phải bỏ tiền đi lùng bắt tên da đen ở khắp vùng Illinois. Lão chánh đưa ra một ít tiền, đến tối, bố thằng Finn lại say rượu và quanh quẩn đến tận nửa đêm với hai người lạ mặt rất xấu xí, rồi cùng với hai người này ra đi. Từ đó đến nay không thấy lão ta quay về nữa, mà người ta cũng chẳng đi tìm lão làm gì. Kể như chuyện này đã qua rồi; nhưng bây giờ có người cho rằng chính lão Finn đã giết con rồi bố trí những cái như thế để mọi người tưởng rằng có kẻ cướp gây ra việc này; để rồi lão ta được lấy số tiền của thằng Huck mà chẳng lo gì phải bị ai kiện cáo nữa. Họ bảo rằng lão ta làm như thế không tốt. Ồ, mà tôi nghĩ rằng lão ta khôn ngoan lắm. Nếu như trong vòng một năm nữa lão ta không trở về thì thế là yên chuyện. Chẳng có chứng cứ gì buộc lão ta được, cháu hiểu không. Thế là lúc đó mọi chuyện đều ổn cả, và lão ta được đảng hoàng tiêu tiền của thằng Huck để như chơi.

- Vâng, cháu cũng nghĩ như thế bà ạ. Cháu thấy cái đó, chả có gì khó. Thế bây giờ mọi người đã thôi không ai nghĩ rằng anh da đen làm việc đó hay sao?

- Ồ không, không phải mọi người đâu. Nhiều người vẫn cho là tên da đen làm chuyện ấy. Nhưng rồi đây họ sẽ bắt được tên da đen, và có lẽ họ vẫn còn nghi cho nó lắm.

- Sao, họ vẫn đang tìm bắt hần ư?

- Ồ hay, cháu thật ngây thơ nhỉ. Có phải ngày nào người ta cũng dễ dàng kiếm được ba trăm đô la đâu. Có người cho rằng tên da đen trốn không xa đây lắm. Tôi cũng nghĩ thế, nhưng tôi chưa nói với ai. Cách đây vài bữa, tôi nói chuyện với một đôi vợ chồng già ở căn nhà gỗ bên hàng xóm, họ bảo rằng ít có người nào đến hòn đảo títt dưới kia, gọi là đảo Jackson ấy. Tôi hỏi thế có ai ở trên đảo ấy không? Họ nói: không, chẳng có ai ở đó cả. Tôi không nói gì nữa, nhưng trong đầu tôi vẫn suy nghĩ. Tôi ở đây cũng gần nên tôi chắc chắn là đã có trông thấy khói ở phía đó bốc lên, ở phía đầu hòn đảo ấy, trước đây một vài ngày. Tôi tự hỏi có lẽ tên da đen ấy trốn ở hòn đảo chẳng. Tôi bảo dù sao cũng nên chịu khó đi đến hòn đảo ấy mà lũng một phen xem sao. Từ hôm ấy, tôi lại không thấy khói lên nữa, nên tôi nghĩ nếu có tên da đen thật thì nó đã

bỏ đi nơi khác rồi. Nhưng chồng tôi sẽ đi lên đó xem, đi cùng với một người nữa. Ông ấy đi ngược lên đầu sông, hôm nay mới trở về. Cách đây hai giờ ông ấy vừa bước về nhà thì tôi đã nói chuyện ấy ngay.

Lúc này tôi thật bối rối vô cùng, không thể ngồi im được nữa. Tôi không cử động hai bàn tay một tí mới được, tôi nhặt chiếc kim khâu để trên bàn và khâu chỉ. Tay tôi run lẩy bẩy, không khâu được. Người đàn bà ngừng nói trông lên, và nhìn tôi với một vẻ hơi là lạ, rồi mỉm cười. Tôi bỏ kim chỉ xuống làm ra vẻ như chính mình cũng đang quan tâm đến chuyện ấy, tôi nói:

- Ba trăm đô la, món tiền ấy to lắm. Cháu cũng mong cho mẹ cháu có được số tiền như thế. Thế chồng bà đêm nay có đi hòn đảo ấy không?

- Ồ, có chứ. Ông ấy đang lên phố với các người tôi vừa nói ban nãy để kiếm một cái xuồng và để xem có mượn được khẩu súng nữa không. Khoảng quá nửa đêm là các ông ấy sẽ đi đấy.

- Sao không đợi để đến ban ngày có nhìn rõ hơn không?

- Phải, nhưng ban ngày tên da đen cũng lại nhìn mình dễ hơn. Qua nửa đêm tên da đen có thể ngủ say, như vậy các ông có thể đi luồn qua rừng và nếu như nó có đốt lửa trong đêm tối thì có thể dễ tìm hơn.

- Không chắc chắn như vậy đâu.

Người đàn bà nhìn tôi với vẻ nhóc mách, làm cho tôi càng ngồi chẳng yên. Bà ta hỏi:

- Lúc nãy, cháu nói tên là gì nhỉ?

- M - Mary William

Quái, hình như lúc nãy không phải tôi nói là Mary hay sao ấy. Nghĩ thế nhưng tôi không nhìn lên. Hình như lúc nãy tôi nói là Sara thì phải. Tôi cảm thấy như đang bị dồn vào góc tường, đâm ra sợ không dám ngược lên nhìn nữa. Bà ta càng im lặng, tôi càng thấy bối rối. Nhưng rồi bà ta hỏi:

- Tôi tưởng khi nãy mới vào cháu nói là Sara cơ mà?

- Vâng, đúng thế đấy ạ. Sara Mary William, Sara là tên đầu của cháu. Có người gọi là Sara, có người gọi là Mary.

- à ra thế đấy?

Tôi đã thấy dễ thở hơn rồi. Nhưng tôi mong dù sao cũng không phải ngồi đó nữa.

Tôi vẫn chưa nhìn lên được.

Nhưng rồi bà ta lại bắt sang chuyện nào là đời sống vất vả, nghèo khổ như thế nào, rồi nào là ở đây chuột chạy ra chạy vào tự do là chúng nó làm chủ cái nhà này ấy, vân vân.... Lúc đó tôi cũng dễ chịu hơn, Bà ta nói liền về chuyện chuột. Cứ chốc chốc lại thấy một con chuột thò mõm ra khỏi cái lỗ ở góc nhà. Bà ta bảo là phải luôn luôn cầm một cái gì trong tay để lúc nào ở nhà một mình thì ném chuột. Không thì lũ chuột chả để cho ba ra ngồi yên. Bà ta đưa cho tôi xem một thỏi chì đã vặn xoắn lại như cái nút, và bảo vẫn dùng cái đó để ném chuột rất tốt. Nhưng mới đây vài ngày bà ta bị sai tay vẫn để ý rình, rồi bất thành linh ném bằng một cái,

nhưng còn cách con chuột rất xa. Bà ta kêu ối một tiếng; thế là lại đau tay. Rồi bà ta bảo tôi ném thử con sau. Tôi muốn bỏ ra đi trước khi chồng bà ta về, nhưng rồi thế nào lại không đi được. Tôi vớ lấy thỏi chì, chờ lúc có một con chuột nữa thò mõm ra là tôi ném liều. Thỏi chì trúng con chuột nằm lăn ra đó, trúng một con chuột ốm. Bà ta bảo giỏi thật, và tưởng tôi sẽ ném con sau nữa. Bà ta đi nhặt thỏi chì lại, rồi đem đến một cuộn sợi và bảo tôi gỡ giúp. Tôi chia hai tay ra, bà ta mắc cuộn sợi vào tay tôi và lại tiếp tục nói chuyện về vợ chồng bà ta nữa. Nhưng rồi bà ta im bật rồi nói:

- Để ý nhìn chuột nhé. Cháu cứ cầm sẵn thỏi chì trong tay đi.

Bà ta thả thỏi chì vào vạt váy của tôi vừa lúc tôi khép hai chân lại để giữ lấy thỏi chì. Bà ta lại nói chuyện. Nhưng chỉ được một lúc. Rồi bà ta nhắc cuộn sợi ra nhìn thẳng vào mặt tôi vẻ vui đùa hỏi:

- Này, nói thật đi, tên cháu là gì?

- Bà nói sao?

- Tên thật của cô là gì? Là Bin, là Tom hầy Bob? hay là gì?

Tôi tưởng mình run lên một chiếc lá, và thật cũng không biết làm thế nào. Nhưng tôi trả lời:

- Xin bà đừng trêu ghẹo một cô gái khổ sở như cháu. Nếu cháu ngồi đây mà có làm phiền bà thì cháu xin...

- Không, không, cháu đừng đi đâu. Hãy cứ ngồi yên đây. Tôi không làm hại gì cháu đâu, và cũng không đi nói cho ai biết về cháu đâu, cháu cứ tin ở tôi, cháu nói thật với tôi đi. Tôi sẽ giữ kín cho cháu nữa, tôi sẽ giúp đỡ cháu. Tôi sẽ bảo cả chồng tôi giữ kín cho cháu nữa, nếu cháu muốn. Cháu hiểu không, cháu chỉ là một con ngựa non khờ dại bỏ bầy mà chạy đi thôi, chẳng có gì khác. Mà có sao đâu cơ chứ, Cháu bị đối đãi khổ sở rồi cháu quyết tâm là phải trốn đi chứ gì. Khổ, tội nghiệp quá, tôi sẽ không nói với ai về cháu đâu. Bây giờ thì hãy nói hết cả cho tôi nghe đi, nào cậu... con trai ngoan ngoãn.

Tôi nghĩ bụng cứ đóng kịch mãi thì cũng chẳng ăn thua gì, tôi sẽ thú thật với bà ta và nói hết cả ra, nhưng bà ta phải không nuốt lời hứa mới được. Thế rồi tôi nói với bà ta rằng bố mẹ tôi đã chết cả, rồi pháp luật đã trói buộc tôi phải ở với một người chủ điền vừa già vừa độc ác ở vùng cách xa con sông đến ba mươi dặm. Người ta cư xử với tôi tệ quá nên không thể ở đấy được nữa. Nhân lúc lão chủ điền kia vắng nhà vài ngày, tôi mới thừa cơ bỏ trốn và ăn cắp mấy cái quần áo của con gái lão ta, đi rông rã ba đêm nay bây giờ tôi mới tới đây. Đêm thì đi, ngày thì nấp vào một nơi ngủ. Cái bọc bánh với thịt mang theo chỉ đủ ăn dọc đường. Tôi lại nói là tôi tin rằng ông bác tôi là Abner Moore sẽ nuôi tôi, vì vậy tôi mới lần mò đến vùng Goshen này.

- Goshen đâu, cậu bé ơi! Đây không phải là Goshen, đây là Peterburg. Goshen ở mãi mười dặm đi ngược lên trên sông nữa cơ mà. Ai bảo với cậu đây là Goshen?

- Vậy ư? Thế mà có một người cháu gặp lúc còn tờ mờ sáng hôm nay, lúc cháu định rẽ vào rừng để ngủ, bảo cháu đến ngã ba thì rẽ bên phải, rồi đi năm dặm nữa thì đến Goshen.

- Chắc hẳn ta say rượu. Hẳn nói thế là hoàn toàn sai rồi.

- Vâng, trông hắn ta đúng là say rượu. Nhưng thôi thì bây giờ làm thế nào được. Cháu lại phải đi quãng đường nữa. Cháu sẽ tìm đến Goshen trước khi trời sáng.

- Khoan đã, hãy chờ một lát, để tôi lấy cái gì cho cậu ăn qua loa đã. Hắn là cậu phải đói rồi.

Bà ta đem cho tôi ăn rồi lại hỏi:

- Này cậu, khi một con bò đang nằm dưới đất mà nó đứng đằng nào lên trước? Trả lời ngay, không được nghĩ. Đàng nào đứng lên trước?

- Đàng đuôi

- Thế rêu mọc trên thân cây thì mọc ở phía nào?

- Phía bắc

- Nếu mười lăm con bò ăn cỏ trên đồi thì bao nhiêu con châu đầu về một phía?

- Cả mười lăm con

- Được, như thế là tôi biết cậu đã ở nông thôn. Tôi tưởng cậu lại định bịp tôi nữa. Thế bây giờ tên thật của cậu là gì?

- George Peter bà ạ.

- Được, cậu nhớ đây nhé, George. Trước khi đi cậu hãy nhớ nói với tôi rằng cậu là Alexander rồi đến ngoài đường thì nói rằng tôi bắt gặp được cậu thì cậu chính là tên George Alexander. Mà đừng có mặc cái đồ vải cũ ấy đi đến chỗ nào có đàn bà. Cậu đóng giả cô gái nghèo thì được đấy nhưng đàn ông người ta vẫn để ý. Thật tội nghiệp cho cậu, lúc nào xỏ chỉ vào lỗ kim thì đừng có giữ cho im cái kim rồi hãy xỏ chỉ vào lỗ kim; đàn bà bao giờ người ta cũng làm thế, còn đàn ông thì khác. Rồi khi nào ném chuột hay ném vật gì khác thì hãy nhớ kiễng chân lên một tí, rồi giơ tay lên qua đầu làm ra vẻ hết sức ngượng nghịu, và ném cách xa con chuột chừng một vài thước. Phải ném thế nào trông nó có vẻ cứng nhắc suốt từ bả vai xuống, y như có một cái chốt ở vai mà xoay cánh tay đi, như vậy nó mới ra con gái, chứ không phải ném bằng cổ tay hay khuỷu tay và giang rộng cánh tay sang một phía như con trai. Rồi lại còn nhớ rằng khi một cô gái cũng nhích hai đầu gối ra chứ không kẹp vào nhau như cậu làm khi nãy để giữ thoải chí. Lại gì đâu, ngay từ cậu xỏ chỉ vào lỗ kim, tôi đã biết rằng cậu là con trai, cho nên tôi mới thử lại cái đó để biết chắc chắn. Thôi, bây giờ đi tìm bác cậu đi, Sara Mary William Georgo Alexander Peter. Nếu có gặp chuyện gì lôi thôi thì nhắn về cho tôi, tức là bà Judith Loftus. Tôi có thể làm gì được tôi sẽ làm để giúp đỡ cậu. Cứ theo con đường ven sông, và lần sau có đi bộ xa thế thì phải đi giày đi tất vào, Đường ven sông có nhiều sỏi đá; tôi tính đến được Goshen thì chân cậu sẽ đau lắm đấy.

Tôi đi ngược lên phía trên sông độ dăm chục thước rồi quay lộn lại, vọt chạy đến chỗ để xuống, ở dưới căn nhà đó một quãng. Tôi nhảy vào xuống, vội vã chèo đi. Tôi đi ngược lên khá xa, đến tận đầu hòn đảo, rồi tạt ngang. Tôi cởi mở chiếc mũ ra, vì bây giờ cũng chẳng cần phải cải trang làm gì nữa. Khi nãy đi đến giữa chừng thấy tiếng chuông vang đi, nhòa trên mặt nước nhưng nghe còn rõ, đã mười một giờ. Đến đầu hòn đảo, mặc dầu gió đang thổi mạnh tôi cũng không cần lánh xuống nữa mà cứ nhằm đâm thẳng vào chỗ có khúc gỗ mà tôi đã nấp hồi mới tới và đã từng đốt lửa ở một nơi cao ráo. Tôi chèo riết đến chỗ chúng tôi ở, hơn một dặm về phía dưới. Rồi lên bờ, nhảy vọt qua khúc gỗ, trèo lên đỉnh gò vào chạy xộc vào hang. Jim nằm đó, đang

ngủ say trên mặt đất. Tôi lay hắn dậy và nói:

- Dậy đi, chết rồi Jim ơi. Không được chậm trễ một phút nào. Họ đang lùng bắt chúng mình đấy!

Jim chẳng hỏi han gì cũng chẳng nói năng nhưng cứ nhìn cái điệu hắn hấp tấp khoảng nửa giờ sau đó cũng biết hắn đang sợ lắm. Lúc chiếc bè đã sẵn sàng để ra khỏi cái bụi liễu, nơi chúng tôi vẫn giấu ở đó. Việc đầu tiên là chúng tôi tắt rui đóng lửa trong hang, và sau đó cũng không thắp một cây nến nào lên cả.

Tôi lấy xuống chèo ra khỏi bờ một quãng để thăm dò trước. Nhưng giá có một cái thuyền nào để ngay đó cũng không thấy gì được, vì trời tối đen, chỉ có ánh sáng sao, chẳng nhìn thấy gì. Rồi chúng tôi đẩy bè ra, cho bè lướt xuống dòng sông, trong bóng tối đi qua phía đầu đàng kia hòn đảo, im lặng như chết không ai hé miệng câu nào.

Chương 12

Có lẽ cũng phải đến gần một giờ đêm thì chúng tôi mới tới phía dưới hòn đảo. Mà hình như bè của chúng tôi đi chậm vô cùng. Nếu như có chiếc thuyền hay tàu nào đi tới thì chúng tôi đến phải sang xuống mà bỏ chạy lên bờ Illinois ngay. Nhưng thật may, chẳng có thuyền bè nào đi tới, và chúng tôi cũng không nghĩ đến bỏ khẩu súng vào trong xuống, hoặc cần câu hay đồ ăn gì cả. Lúc đó chúng tôi vội quá, cuống lên, không nghĩ thấu hết mọi thứ. Vả lại tất cả cái gì cũng bỏ hết lên bè thì không lợi.

Nếu như hai người kia họ tìm đến hòn đảo thì tôi chắc thế nào thì cũng thấy chỗ lửa trại của chúng tôi sẽ rình ở đó suốt đêm chờ cho Jim đến. Dù sao họ cũng còn xa hơn chỗ chúng tôi, và nếu như đám lửa của chúng tôi đánh lừa được họ thì đó cũng không phải lỗi tại tôi. Nhưng càng chơi xỏ được họ đến đâu thì cứ chơi.

Khi tia sáng đầu tiên của ban ngày ló ra, chúng tôi buộc bè vào một cái khe ở gần bãi lớn phía Illinois; lấy riu chặt một ít cành cây bông phủ lên để làm ra vẻ như ở ven sông này từ lâu đã có một chỗ lồm vào như vậy. Phía đầu là một cái bờ cát. cây bông mọc rậm rạp tua tủa như răng bừa.

Bên phía bờ Illinois là núi. Còn bên bờ Illinois thì toàn là cây to. Quãng sông này có con lạch chảy về phía bờ Illinois, nên chúng tôi không sợ có ai đi qua đây. Chúng tôi nằm đó suốt ngày, nhìn theo những bè mảng với tàu thủy đi xuống phía bờ Illinois, cả những chiếc tàu đi ngược lên chạy âm âm giữa sông. Tôi kể lại cho Jim nghe cái lúc tôi ngồi nói chuyện huyền thuyên với cái người đàn bà ấy, và Jim bảo tôi đó thật là một người đàn bà quái lạ; nếu như chính bà ta đã lòng bắt chúng tôi thì chắc sẽ chẳng tội gì ngồi rình ở đồng lửa trại đâu, mà trái lại, thưa ngài, bà ta sẽ dắt cho đi lòng bắt đấy. Tôi bảo thế thì tại sao bà ta không xui chồng đem chó đi? Jim nói rằng hẳn đoán chắc là bà ta đã nghĩ đến chuyện ấy khi người chồng sắp sửa đi, và chắc là ông kia lên tỉnh kiểm con chó nên mới mất nhiều thì giờ như vậy. Có thể thì mình mới chạy được đến chỗ này xa làng xóm đến mười sáu mười bảy dặm chứ, nếu không thì mình sẽ còn được ở lại cái tỉnh cũ kỹ ấy. Tôi nghĩ chừng nào mà họ chưa tóm được mình thì cũng chẳng cần biết nguyên nhân tại sao họ chưa bắt được mình.

Trời bắt đầu xẩm tối, thì chúng tôi thò đầu ra khỏi mớ cánh bông, nhìn trước nhìn sau, không thấy gì. Rồi Jim nhấc mấy mảnh ván trên bè lên, dựng thành một cái lều để có thể chui vào đó khi mưa nắng và để che đồ đạc cho khỏi ướt. Jim lại làm thêm ở bên ngoài một cái nền gỗ cao khoảng ba mươi phân để mỗi khi gặp tàu thủy có sóng to vỗ vào thì khỏi bắn ướt lên đồ đạc. Ở giữa lều chúng tôi làm một cái chỗ trống xuống đổ đất vào đấy, chùng một tắc, quây gỗ chung quanh để làm bếp lửa, gặp khi trời mưa rét, và cũng để ở trong lều nữa cho người ta khỏi trông thấy. Chúng tôi dựng một chiếc gậy ngắn ở đầu gậy có chắc để treo cái đèn cũ lên khi nào gặp tàu thủy đi xuôi xuống, để tránh khỏi bị đâm vào nhau. Còn đối với những thuyền bè đi ngược sông thì chúng tôi không phải thấp đèn làm gì, nếu như không gặp trường hợp gọi là đi tắt ngang; vì nước sông ở trên mặt thì chảy khá mạnh, dưới lòng sông thì nhiều soi ngầm, cho nên thuyền bè đi ngược không phải lúc nào họ cũng đi giữa dòng mà hay chọn chỗ nào nước ít chảy xiết hơn mới đi.

Trong đêm thứ hai, chúng tôi đi chèo bảy tám tiếng đồng hồ, trên dòng nước chảy nhanh mỗi giờ đến bốn dặm. Chúng tôi bắt cá, tán chuyện, thỉnh thoảng lại nhảy xuống tắm một tí cho khỏi buồn ngủ. Đi trên sông lớn và lặng lẽ này nghe nó nghiêm trang làm sao ấy. Chúng tôi nằm ngửa nhìn sao trên trời không lúc nào dám nghĩ đến nói to, cũng không mấy lúc cười. Chỉ ngậm miệng phì phào mấy tiếng. Nói chung là tiết trời rất đẹp, đêm đó đêm sau, rồi đêm sau nữa chẳng xảy ra chuyện gì.

Đêm nào chúng tôi cũng qua những nơi có thị trấn, có khi thị trấn nằm ở lưng đồi xa, chỉ nhìn thấy một vệt ánh sáng dài mà không rõ nhà cửa. Đêm thứ năm, chúng tôi qua St Louis, trông như cả một thế giới sáng rực. ở Peterburg, họ vẫn bảo là St Louis có đến hai ba vạn dân, nhưng tôi không tin mãi đến lúc qua đây vào hai giờ đêm nhìn thấy ánh sáng rực rỡ như vậy tôi mới cho là thật. Phía trong thành phố, chẳng có một tiếng động nào, mọi người đã đi ngủ cả.

Đêm nào cũng thế tôi thường vẫn lên bờ vào lúc mười giờ đêm, đến một cái làng nhỏ mua mười mười lăm xu bánh hay thịt hoặc thứ gì đó để ăn, có khi tôi mò bắt và xách về một con gà nào không chịu nằm chuồng cẩn thận. Bố tôi trước kia vẫn thường nói là lúc nào có dịp bắt gà thì cứ bắt, vì như thế mình không bao giờ quên một việc nghĩa cử cả. Chính mắt tôi chưa từng bao giờ thấy bố tôi không cần gà cả, nhưng nói như vậy thì thấy ông ấy vẫn nói luôn.

Có những lúc trời tang tảng sáng, tôi luồn vào cánh đồng mượn tạm quả dưa hay quả bí, hoặc ngô khoai gì đó. Bố tôi thường vẫn bảo là mượn của ai cái gì mà mình vẫn nghĩ rằng sau này sẽ có lúc trả người ta thì điều đó không phải là xấu. Nhưng bà goá thì lại bảo rằng đấy chẳng phải gì khác ngoài cái danh từ mềm mỏng để thay cho chữ ăn cắp mà thôi, và những người đứng đắn chẳng có ai làm thế. Jim thì cho rằng bà goá nói cũng có phần đúng, và bố tôi cũng có phần đúng. Như vậy thì tốt hơn là ta lấy vài ba thứ gì đi rồi bảo họ rằng lần sau thôi không lấy nữa. Và Jim cho rằng như thế thì về sau có mượn những cái khác cũng không sao. Thế là chúng tôi nói chuyện nên lấy dưa, hay bí, hay những thứ khác. Nhưng rồi đến sáng thì chúng tôi giải quyết việc đó ổn thỏa, và kết luận rằng sẽ lấy táo dại với lê dại. Trước đó, chúng tôi cứ băn khoăn mãi là mình làm điều không phải, nhưng bây giờ thì yên tâm rồi. Riêng tôi cũng thấy hài lòng vì đã giải quyết được như vậy, một mặt vì táo dại ăn chẳng ra gì, còn lê dại thì có chín cũng phải vài ba tháng nữa.

Thỉnh thoảng chúng tôi bắt được một con lươn đi mò lúc còn sáng sớm hay vào lúc đêm tối nó chưa chịu đi kiếm chỗ ngủ. Những lúc đó thì đời sống của chúng tôi lại xôm lắm.

Đến thứ năm, ở mạn dưới St Louis, chúng tôi gặp một con giồng lớn vào quãng quá nửa đêm, sấm chớp âm ầm, mưa đổ xuống rào rào. Chúng tôi chui vào lều và để mặc cho bè trôi. Khi chớp loé lên, trông thấy cả một dải sông lớn và hai bên bờ là những mỏm núi đá cao ngất. Bỗng tôi gọi: Jim ơi, trông kìa. Đó là một chiếc tàu thủy đâm phải mỏm đá. Chúng tôi đưa thẳng bè đến nơi. Chớp sáng lên nhìn rất rõ. Chiếc tàu nghiêng hẳn đi, một phần đằng mũi tàu đã chui xuống nước. Mỗi lần chớp lên có thể trông thấy từng cái cột nhỏ trông sáng bóng, có chiếc ghế ở trong buồng lái với một cái mũ treo ở đằng sau ghế.

Trong đêm giồng tố như thế này mà đi xa nhà, mọi vật đều có vẻ như bí mật quá, tôi nghĩ bất cứ đứa nào khác cũng đều phải có cảm giác như tôi khi nhìn thấy chiếc tàu đắm nằm đó buồn như chết giữa dòng sông ấy. Tôi muốn trèo lên chiếc tàu đắm này để coi chung quanh một chút xem có gì không. Tôi nói.

- Ta trèo lên đi Jim

Lúc đầu Jim im lặng không nói, sau mới đáp:

- Tôi chả trèo lên cái tàu đắm ấy làm gì. Chúng mình đã làm tội rồi thì tốt hơn đừng làm tội thêm nữa, như trong sách nói ấy. Nhỡ có người canh gác ở trên tàu đó thì sao?

Tôi nói:

- Canh gì, có canh cái con khỉ, chẳng canh gác gì ở đây đâu, anh tưởng ai đại gì mà ở đây canh gác cái buồng máy với buồng lái trong đêm gió bão như thế này, nhất là chưa biết lúc nào cái tàu nó sẽ vỡ và chìm xuống lòng sông.

Jim không biết nói thế nào, đành chịu. Tôi lại nói:

- Vả lại, chúng mình có thể mượn tạm cái gì đáng giá ở trong buồng ông thuyền trưởng. Xì gà, anh có biết không, mỗi điếu xì gà đáng giá năm xu, nhất định như vậy. Thuyền trưởng trên những con tàu chạy sông bao giờ cũng giàu, lương mỗi tháng đến sáu mươi đô la và họ muốn mua cái gì thì không bao giờ thêm tiếc rẻ một xu. Lấy một cây nến trong bọc ra đây, Jim chưa lên đó lục lọi thì tôi không thể ngồi im được. Anh tưởng nếu thằng Tom Sawyer ở đây nó không chịu ngồi im ư? Không đâu, tôi đánh cuộc với anh là nó không chịu đấy. Nó sẽ gọi đây là cuộc phiêu lưu, đúng thế đấy; và rồi cuối cùng thế nào cũng phải trèo lên cái tàu đắm này. Rồi nó lại không thêm thất bao nhiêu chuyện ly kỳ, bịa bao nhiêu thứ khác vào đó nữa à? Cứ lên mà xem, Jim, rồi anh sẽ tưởng như mình là Columbus đi tìm ra châu lục mới cho mà xem. Lên đi. Tôi chỉ ước giá lúc này có thằng Tom Sawyer ở đây thôi.

Jim làu nhàu một chút, nhưng rồi cũng nghe theo. Hắn bảo thôi không được nói thêm gì nữa, có nói thì nói thật khẽ. Chớp loè lên vừa lúc chúng tôi nhìn rõ được cái tàu đắm và ghé đến. Chúng tôi tìm cái cột trục để buộc dây bè vào đó. Mặt tàu chỗ này cao. Trong bóng đêm, chúng tôi lần nhẹ theo sườn tàu đi đến cửa buồng lái; cảm thấy như chân mình lần đi quá chậm. Chúng tôi đưa tay ra rờ rờ phía trước để tránh đâm vào cọc, vì trời tối đen, chẳng nhìn thấy một tí gì. Dần dần nhìn lâu quen mắt qua cái sáng màn đêm, trèo lên được. Một bước nữa là đến cửa buồng thuyền trưởng. Cửa đã mở sẵn. Đứng cạnh Jim tôi nhìn xuống buồng máy thấy có một tia sáng và cũng ngay lúc đó hình như chúng tôi nghe thấy có tiếng người rì rầm ở phía đó.

Jim ghé vào tai tôi nói thầm rằng hắn sợ lắm, bảo tôi đi ra thôi. Tôi bảo ừ, và đang sắp sửa quay về chỗ bè thì nghe có tiếng la lên.

- Ôi, thôi, van các anh, đừng, tôi thề sẽ không nói.

Tiếng một người khác to hơn:

- Mày nói dối, Jim Turner. Trước kia mày cũng đã làm thế. Bao giờ mày cũng đòi lấy quá cái phần hưởng, và lần nào mày cũng được cả, vì mày dọa nếu không được như thế thì mày sẽ đi tố cáo. Lần này mày lại vẫn nói thế. Mày là con chó, xấu nhất, gian trá nhất ở cái xứ này.

Lúc này thì Jim đã bỏ ra bè rồi. Tôi thì bị cái tính tò mò giữ mình lại, tôi tự bảo; phải thằng Tom Sawyer thì lúc này nó không chịu bỏ đi đâu. Vậy thì tôi cũng thế, phải xem ở đây có chuyện gì cái đã. Tôi lại nép vào chỗ tối lom khom bò lách đi, chỉ có cách có gần buồng của thuyền trưởng là đến chỗ đó. Tôi ngó vào thấy một người nằm trên sàn nhà bị trói chặt chân tay, có hai

người khác đứng dẫm chân lên, một người xách cái đèn lù mù trong tay, còn người kia cầm khẩu súng lục. Người cầm súng chĩa miệng súng vào đầu người nằm dưới đất, nói:

- Thà như vậy. Tao muốn bắn chết mày, đồ con chồn hôi.

Người nằm dưới sàn ghế nhô cổ lên nói:

- Ồ, tôi xin anh, đừng, anh Bill, tôi nhất định sẽ không bao giờ nói:

Mỗi lần như vậy người cầm đèn lại cười:

- Thật mày không nói? Mày chưa bao giờ nói thật hơn thế cả, có phải thế không nào? Nghe nó van xin mày! Nếu mình không tính cách trối nó lại thì nó giết cả bọn mình đấy. Mà này định giết chúng tao để làm gì? Mày chẳng được gì cả đâu. Đây chỉ là chúng tao muốn giữ quyền lợi cho chúng tao mà thôi. Nhưng mà tao sẽ không để cho mày dọa ai được nữa, nghe không, Jim Turner. Thôi bỏ súng đi Bill.

Bill nói:

- Tao không muốn thế, Jake Packard. Tao muốn giết nó. Chẳng phải trước nó đã giết lão Hatfield như thế đấy ư? Bây giờ giết nó còn không đáng hay sao?

- Nhưng tao không muốn cho nó chết, và tao đã có ý định của tao rồi.

Người nằm dưới đất khóc mếu.

- Lạy anh tha cho anh Jack Packard! Tôi còn sống sẽ không bao giờ quên anh.

Packard không để ý đến những lời nói ấy, treo chiếc đèn lên một cái đinh và đi ra phía chỗ tôi nấp trong bóng tối và gọi Bill cùng ra.

Tôi vội toài người thật nhanh đi chừng vài thước, nhưng tàu chòng chành thành ra không toài được xa, để họ đi ra khỏi dẫm lên người mình và bắt được, tôi bò ngược lên phía trên buồng lái. Người đi đầu dò dẫm trong bóng tối, tới buồng lái ngay cạnh chỗ tôi nấp; rồi nói:

- Đây, vào đây.

Hắn được vào, Bill vào theo. Nhưng trước khi hai người bước hẳn vào tôi đã kịp lách lên cái giường treo ở phía trên và nằm thu gọn vào một góc. Trong bụng lấy làm hối hận rằng mình tự nhiên bò đến chỗ này. Họ đứng ngay bên cạnh, tay vịn vào thành giường nói chuyện. Tôi không trông thấy rõ hai người, nhưng có thể biết họ đứng chỗ nào vì ở mồm họ thở ra toàn là hơi rượu ực sky. Cũng may là tôi không uống rượu ực sky; nhưng cái đó chẳng có gì hơn; họ vẫn không thể biết có tôi nằm đó vì tôi không thở. Tôi đâm ra quá sợ rồi. Và lại nếu thở thì cũng không nghe được câu chuyện. Họ nói rất nhỏ và chậm rãi. Bill thì muốn biết ngay Turner. Hắn nói:

- Nó đã bảo nói ra, chắc thế nào nó cũng sẽ nói ra. Nếu chúng mình phải đưa cho nó cả phần của chúng mình thì cũng vẫn không hơn gì, nhất là sau cả một phen vất vả và cái cách mình hầu hạ nó như thế. Tất cả những chuyện mình làm rồi nó sẽ đi tố cáo hết; mày nghe không? Tao sẽ thủ tiêu nó đi là hết.

Packard điềm nhiên nói:

- Tao cũng tính thế.
- Con khỉ. Tao đã tưởng mày không muốn thế. Nếu vậy thì tốt lắm. Thôi ta làm đi thôi.
- Khoan đã, tao chưa nói xong. Nghe đây này, bắn thì tốt nhưng có cách khác lặng lẽ hơn nếu như cần phải giết nó. Tao nghĩ thế này: nếu treo cổ nó lên thì sau này mình đi đâu sẽ áy náy trong lòng. Nếu có cách gì đại khái như thế mà không có gì phải bận tâm và cũng không nguy hiểm cho mình nữa thì nên làm, mày có nghĩ thế phải không?
- Phải, nhưng lúc này làm thế nào khác được?
- Không, tao nghĩ rằng hãy tìm quanh quần đây nhặt những thứ mình thấy trong buồng lái đem lên bờ giấu đi đã. Rồi chờ xem. Tôi chắc chỉ trong vòng hơn hai tiếng đồng hồ nữa là chiếc tàu này sẽ vỡ và chìm xuống đáy nước. Nghe không? Nó sẽ chết đuối luôn, mà không oán trách áy được, chỉ tự oán nó thôi. Tao tính giết nó bằng cách này như vậy là ổn hơn cả. Tao không muốn giết một người mà về sau cứ phải bận tâm áy mãi. Điều đó không tốt, mà không phải là đạo đức. Có phải không?
- ừ, tao nghĩ mày nói cũng phải. Nhưng tàu nó không vỡ không chìm thì sao?
- Thì dù sao mình cũng cứ đợi hai tiếng đồng hồ xem thế nào đã chứ
- Được, thôi đi!

Hai người bước ra, và tôi cũng lách ra theo, mồ hôi toát lạnh cả người. Tôi bò lên phía trước. Tối như mực. Tôi khẽ lên tiếng gọi: Jim, ngay phía bên cánh tay tôi, tiếng Jim đáp lại, nghe như một tiếng than thở. Tôi nói:

- Nhanh lên Jim. Không có thì giờ vớ vẩn, than thở nữa đâu. Trong kia có một bọn cướp. Nếu mình tìm lấy cái thuyền của chúng và thả cho nó buông trôi đi để chúng nó không thoát khỏi cái tàu đắm này, thì sẽ có một thằng trong bọn chúng chết không cựa được. Còn nếu ta tìm được cái thuyền của bọn chúng thì ta có thể làm sao cho cả bọn chúng hết cựa vì viên quận trưởng sẽ đến tóm cổ chúng. Nào mau lên, tôi đi phía bên cửa buồng lái, còn anh chạy sang phía bên kia. Anh hay ra bè rồi...

Ôi, trời ơi, bè? Còn bè đâu nữa? Nó đã đứt dây buộc trôi đi mất rồi - thôi, thế là chết kẹt ở đây thôi!

Chương 13

Tôi ghen thở, gần như sắp quy xuống. Bị kẹt ở trên một cái tàu đắm với một bọn cướp thế này! Nhưng thôi, chả có thì giờ mà ngồi than khóc nữa. Chúng tôi phải tìm cách gỡ lấy cái gì ở đấy mà thoát mới được. Chúng tôi vừa đi vừa rung lên thành tàu, mà sao nói lại chậm chạp thế nữa chứ, hình như đi được tới đặng sau lái phải mất đến một tuần lễ.

Chẳng thấy bóng dáng chiếc thuyền nào cả. Jim thì nói rằng không chắc hẳn có thể bước đi được nữa không, hẳn sợ quá đến nỗi không còn sức mà bước nữa - hẳn bảo thế. Nhưng tôi giục cứ đi, nếu bị kẹt trên cái tàu đắm này thì chắc chết. Chúng tôi lại dò dẫm đi. Lần được tới đặng sau lái, nhô ra phía cửa kính bám chặt vào ô cửa, nhưng ô cửa đã gần chìm xuống mặt nước. Lúc ra đến cửa lớn để đi sang buồng hành khách thì thấy có một chiếc xuồng con ở đó.

Đúng là xuồng rồi, tôi nhìn thấy rõ ràng.

Trời ơi! Không còn mừng nào đáng mừng hơn nữa. Tôi vừa định trèo lên thì cánh cửa chợt mở. Một người thò đầu ra chỉ cách chỗ tôi độ nửa thước. Tôi tưởng thế là chết, nhưng rồi người kia lại thụt đầu vào nói:

- Nhắc cái đèn lên một tí thì mới nhìn thấy được, Bill ơi!

Hắn ta vứt một cái bọc gì vào khoang tàu, rồi bước vào theo bậc xuống. Đó là Packard. Rồi đến Bill vào theo nữa. Packard nói nhỏ:

- Xong cả rồi, đẩy đi
- Tôi không đánh đu được lên cánh cửa, vì sức yếu quá.

Bill nói:

- Giữ lấy nhé, mày đã soát kỹ lại nó chưa?
- Chưa, mày có soát lại không?
- Không, nhưng mà nó chưa lấy phần của nó đâu.
- Thôi, thế được rồi, đi đi, không cần phải lấy đồ đạc và bỏ tiền lại.
- Nhưng này, liệu có thể nghi là mình bỏ lên làm gì không?
- Có lẽ không. Nhưng dù sao mình cũng ăn chắc rồi. Đi thôi.

Rồi họ đi ra.

Cánh cửa đóng đánh sầm một cái, vì nó ở bên phía đốc đóng vào. Chỉ trong một nửa tích tắc, tôi đã nhảy vào chiếc xuồng con. Jim lập cập nhảy theo sau, tôi rút con dao nhíp ra cắt đứt dây thừng. Thế là chuẩn.

Chúng tôi không hề dừng đến một cái mái chèo, không nói mà cũng không thì thầm, ngay cả

thở mạnh cũng không dám nữa. Cho xuồng lướt nhẹ đi, im lặng như chết, đi qua cái guồng tàu, rồi đi qua đàng lái, rồi một vài giây đồng hồ sau, chúng tôi đã cách xa cái tàu đắm đến gần trăm thước. Bóng tối đã hoàn toàn che lấp hết không còn nhìn thấy gì ở chiếc tàu nữa. Và chúng tôi biết rằng mình đã thoát.

Khi đã xa khoảng ba bốn trăm thước rồi, quay lại nhìn, thấy cái đèn loé lên một chút ánh sáng ở chỗ khung cửa buồng máy chừng một giây đồng hồ. Chúng tôi biết là những gã kia không rời được khỏi tàu và cũng đang lúng túng, chẳng hơn gì cái tên Jim Turner đang bị trôi.

Rồi Jim cầm lấy mái chèo, chúng tôi cho thuyền vượt nhanh lên để tìm cái bè của chúng tôi.

Đến lúc này, tôi mới bắt đầu nghĩ đến mấy gã kia, vì thật ra khi nãy chẳng còn bụng dạ nào mà lo cho họ cả. Tôi bắt đầu nghĩ rằng, ngay cả đối với những kẻ giết người đi nữa thì trường hợp bị chết kẹt như thế này thật là kinh khủng. Tôi tự bảo không thể nói đến chuyện mình trở thành kẻ sát nhân, thế thì sao tôi lại có thể thích để cho họ như thế được. Tôi bảo Jim:

- Hễ thấy chỗ nào có ánh đèn thì chúng mình sẽ cập vào khoảng một trăm thước trên chỗ đó, tìm một chỗ để anh có thể đem chiếc xuồng con này nắp kín được, còn tôi sẽ đi tìm người nào cùng đến chỗ tàu đắm lúc nãy để mà cứu cho bọn cướp ấy.

Nhưng ý kiến đó không thực hiện được, vì vừa nói xong thì cơn bão lại kéo đến, và lần này còn ghê gớm hơn. Mưa đổ xuống mà không có chớp cả. Tôi nghĩ lúc này ai nấy đều ngủ hết. Chúng tôi cứ lao xuồng đi theo dòng sông, tìm ánh đèn, tìm cái bè của chúng tôi. Một lúc sau rất lâu, mưa tạnh nhưng trời vẫn còn nặng mây, lại có tiếng sấm ù ù rồi một tia chớp loé lên, chúng tôi thấy trước mặt có vật gì màu đen đen trôi lênh bênh, vào chúng tôi lại vượt lên đuổi.

Đó là cái bè. Chúng tôi vô cùng mừng rỡ, lại trèo lên. Phía bờ bên phải ở chênh vênh về dưới một tí chúng tôi chợt thấy ánh đèn. Tôi định sẽ tới đó. Trong chiếc xuồng còn đầy những đồ đạc mà bọn cướp kia lấy được đã chắt vào. Chúng tôi khuân vớt lên bè được một trống. Tôi bảo Jim cứ cho xuôi xuồng phía dưới nữa đi. Tôi trở cho hẵn trông thấy cái ánh sáng mà hẵn tưởng như mình đã đi xa gần hai dặm, ánh đèn lúc nãy vẫn lấp lánh cho đến lúc chúng tôi tới gần. Tôi cầm mái chèo lên, đẩy xuồng đến chỗ có ánh sáng. Tôi càng đến gần thì lại thấy ba bốn ánh sáng nữa loé lên ở phía lưng đồi. Ra đây là một cái làng. Tôi tiến đến chỗ có ánh sáng ở gần bờ nhất, mái chèo vẫn gác để cho xuồng nhẹ trôi. Đến tận nơi nhìn kỹ hóa ra một chiếc đèn lồng đang treo ở trên cột của một chiếc tàu phá. Tôi bước lên tìm người gác, thấy một anh chàng nào đang ngủ ở đó, đầu chui về phía trước và rúc hai đầu gối mà ngủ. Tôi khẽ đập vào vai hẵn hai cái rồi lên tiếng làm ra điệu khóc mếu.

Anh ta giật mình choàng dậy, nhìn ra chỉ thấy có tôi, mới ngáp một cái, vươn vai rồi nói:

- Hà, cái gì thế? Đừng có khóc, chú em. Làm sao, làm sao?

Tôi đáp:

- Bố tôi, mẹ tôi, và chị tôi, và...

Rồi tôi dừng lại. Anh ta hỏi:

- ồ, thôi đừng lo. Cứ yên trí. Ai mà không có khó khăn, nhưng rồi cũng xong cả. Sao, họ làm sao?

- Họ... ơ - họ... nhưng có phải ông là người gác tàu không?
- Phải - Anh ta trả lời với một giọng khoái trá. Ta là thuyền trưởng, là chủ tàu, là phụ việc, là lái tàu, là người gác, là chủ huy trên boong, có khi ta là hàng hoá, là hành khách đi tàu nữa. Ta đây không giàu có bằng lão Jim Hornback đâu, và ta đây cũng không thể ăn ở tốt với thằng Tom, Dick, Harry như lão Jim được, nhưng ta đã bảo lãnh nhiều lần là ta sẽ không đổi chỗ cho lão, bởi vì hãy nghe đầu này, đời ta là đời thuỷ thủ, mà nếu như ta sống xa thành phố hai dặm thì ta cũng buồn lắm, vì ở cái chốn này chẳng có chuyện gì thú vị; ta ở đây không phải vì tiền bạc của lão ta đâu, ta bảo không cần...
- Tôi chen vào nói:
- Họ đang sắp chết đến nơi rồi và...
- Ai?
- Còn ai nữa, bố, mẹ chị và cô Hooker, nếu ông có thể lấy cái tàu này đi đến chỗ đó...
- Chỗ nào, họ đang ở đâu?
- ở trên tàu đắm
- Tàu nào đắm?
- Tàu nào nữa, chỉ có một cái thôi chứ
- Hà! Có phải chú em nói cái tàu Walter Scott đấy không?
- Phải
- Trời ôi, chết chửa, họ ra đây làm gì thế?
- Không phải là họ muốn ra đấy
- Ta biết! Chết thật rồi, nếu họ không thoát ra mau thì nguy lắm. Mà sao họ lại có thể không may như vậy được?
- Có gì đâu, chắc có Hooker định ngược phía ấy lên tỉnh chứ gì
- Phải, rồi sao nữa?
- Cô ấy định đi đường đó để đến Booth Landing, rồi thế nào đến lúc trời tối cô ấy lại đi với một người hầu da đen định đi một chiếc đò chở ngựa lên một nhà người bạn rồi ở đó đến suốt đêm, cái cô bạn gì ấy tôi chả nhớ rõ tên, ấy thế rồi đang đi thế nào lại tuột mất mái chèo, còn đò mới quay ngang rồi trôi xuống, đằng lái lao đi trước, xa đến gần hai dặm, rồi đâm ngay vào chiếc tàu đắm, cả người chèo đò, cả người hầu da đen nữa, đều mất tích. Còn cô Hooker thì bám được vào chiếc tàu đắm. Sau một lúc xẩm tối độ một giờ đồng hồ, chúng tôi chèo thuyền dọc xuôi tìm kiếm nhưng trời tối quá không nhìn thấy chiếc tàu đắm thành ra cũng đâm phải nó nốt, chúng tôi cũng bị lật thuyền. Tất cả chúng tôi đều lên được, chỉ trừ có Bill Whipple. Ôi trời ơi, Bill là người thông minh lắm. Tôi nghĩ tại sao tôi lại không chết thay cho Bill cơ chứ!
- Chú Goerge ơi, thật ta chưa nghe thấy điều đau đớn như thế bao giờ! Thế rồi các người làm

sao nữa?

- Chúng tôi gào to lên gọi, nhưng chỗ đó sông rộng quá, chẳng ai nghe thấy. Rồi bố tôi mới bảo có ai lên bờ mà kêu cứu đi chứ. Chỉ có mình tôi biết bơi, tôi bèn đi ngay, cô Hooker bảo tôi là nếu không đi gọi được người cứu cho nhanh thì phải về đây ngay và gọi bác cô ấy đi để ông ấy sẽ tính cách giải quyết. Tôi đi đến gần một dặm tìm mãi, mong làm sao tìm được người đến cứu giúp, nhưng ai họ cũng bảo: Trời ơi, đêm tối, sông nước như thế này, cứu làm sao được, phải tìm lấy cái tàu phà cơ. Đấy, bây giờ xin ông đi cho và...

- Chà, ta cũng muốn đấy, nhưng mẹ kiếp, ta không biết có nên làm không. Mà ai là người đứng ra trả tiền cho ta đây? Có phải bố chú không?

- Sao? Cái đó cố nhiên chứ. Cô Hooker cô ấy bảo tôi thế mà, đặc biệt là bác cô ấy là ông Hornback...

- Chết chữa, lão ta là bác cô ấy ư? Đây này, ta bảo nhé, chú đi quanh cái chỗ có đèn kia kìa, rồi ngoặt sang phía Tây, đi chừng một phần tư dặm thì đến một cái quán, bảo họ chỉ cho chú đi ngay và lão Jim Hornback rồi lão ta sẽ ký giấy trả tiền cho. Mà chú đừng có la cà, vì lão ta đang cần biết tin tức thế nào. Bảo với lão rằng ta sẽ đảm bảo cho cô cháu lão an toàn trước khi lão đi lên tỉnh. Thôi, ba chân bốn cẳng chạy đi mau lên. Còn ta sẽ ra gần đây tìm bác thợ máy.

Tôi đi quanh ra chỗ có đèn, nhưng chờ cho hắn ra vừa đi ra phía góc thì tôi quay lộn lại và nhảy xuống chiếc xuồng con của tôi chuồn thẳng. Tôi cho xuồng đi dọc theo bờ có chỗ nước đứng vào khoảng sáu trăm thước, rồi tôi nấp vào đám thuyền gỗ đậu ở đấy xem, vì tôi chưa thấy chiếc tàu phá ở bến đi ra thì chưa yên tâm. Nhưng nói cho cùng thì tôi cũng cảm thấy khoan khoái vì đã vớt vả với đám cướp kia mà trong khi đó nhiều người khác chả ai làm như thế. Tôi mong rằng bà goá biết về chuyện này. Tôi chắc mẹ sẽ lấy làm tự hào về tôi đã cứu giúp những tay bắt trị ấy vì những người bắt trị, những kẻ vô tích sự ấy lại là những kẻ mà bà goá và những người đứng đắn hay quan tâm đến.

Rồi một lúc lâu thấy chiếc tàu đắm thì nãy đi tới, đen lù lù, từ từ trôi xuống. Lúc trông thấy nó một cảm giác lạnh lạnh làm tôi giật mình. Trông nó thật đồ sộ, và trong giây phút tôi nghĩ rằng nếu có người nào ở trong đó thì rất khó mà sống được. Tôi đẩy xuồng ra gần và hú lên một tiếng khê gọi, nhưng không có tiếng trả lời, tất cả đều im lặng như chết. Tôi cảm thấy hơi buồn về đám cướp, nhưng cũng không buồn lắm, vì tôi nghĩ nếu như thiên hạ người ta có thể mặc nhiên được thì tôi cũng có thể được.

Rồi thấy cái tàu phá đi tới. Tôi liền chèo xuồng ra giữa sông đến một chỗ có dòng nước ngầm, rồi khi tôi đã chắc chắn là ra ngoài tầm mắt nhìn của người khác, tôi gác mái chèo lên, quay lại nhìn chiếc tàu phá đi theo thả một làn khói che kín cả chiếc tàu hồng đi trước, có cái xác của cô Hooker mà cái anh thuyền trưởng khi nãy yên trí rằng trong đó có cái xác của cô ta và nghĩ rằng sẽ đem được về cho lão Hornback. Rồi lát sau nữa thì cái tàu phà để mặc cho chiếc tàu trước cứ đi, còn nó thì rẽ vào bến. Còn tôi lại trở về công việc của tôi và đẩy xuồng xuôi xuống dòng sông.

Chờ lâu lắm tôi mới thấy ánh đèn của Jim, khi ánh đèn ấy loá lên nhìn như cách xa hàng ngàn dặm.

Lúc này, phía chân trời đã hừng lên một màu xanh xám, thế là chúng tôi lại mò vào hòn đảo,

giấu kín cái bè đánh đắm chiếc xuống con, rồi quay lại ngủ như chết.

Chương 14

Đến lúc chúng tôi thức dậy mới giờ cái bọc đồ của bọn cướp đã lấy ở trên chiếc tàu hồng ra xem, thấy nào là giấy, chăn màn, quần áo, với đủ mọi thứ khác, một bộ sách, một cái ống nhòm và ba hộp xì gà. Thật cả đời chúng tôi chưa bao giờ lại giàu có như thế. Xì gà thuộc vào loại ngon hạng nhất. Cả buổi chiều chúng tôi nằm trong rừng nói chuyện. Tôi thì đọc sách, rất thú vị. Tôi kể lại cho Jim nghe tất cả những chuyện diễn ra trên chiếc tàu hồng và ở chỗ phà tàu, rồi tôi bảo rằng đó là những chuyện phiêu lưu. Nhưng Jim bảo hán không thích những cái phiêu lưu như thế nữa. Hán nói rằng lúc đó tôi tò mò vào trong khoang tàu, hán cũng bò lui lại để lên bè thì thấy bè đã trôi đi rồi, hán gần như chết điếng và nghĩ rằng như thế là hết đời, dù sao cũng không thoát khỏi nơi này, và nếu như không có ai đến cứu thì sẽ chết đuối mất. Mà nếu có ai cứu thì cũng sẽ bắt hán đem về lĩnh thưởng, rồi cô Watson sẽ đem hán bán xuống miền Nam. Chắc chắn như vậy. Hán đúng đấy. Thường hán nói vẫn có lý. Hán có một bộ óc không bình thường đối với trình độ của một người da đen.

Tôi đọc cho Jim nghe khá nhiều về chuyện những vua chúa, những quận công, bá tước vân vân... nào là họ ăn mặc xa hoa lộng lẫy bao nhiêu thứ kiểu cách trên người, gọi nhau bằng những thứ tiếng như: tâu hoàng thượng, thưa bề trên, tâu bệ hạ v... v... chứ không gọi nhau là ông. Jim ngồi nghe, mắt tròn xoe, rất chăm chú. Hán nói:

- Tôi không biết sao họ lại có nhiều đến như thế. Trước kia, tôi chỉ nghe nói đến mỗi một ông vua thôi, mà thỉnh thoảng lắm mới nói đến, tức là cái ông vua Sollermun ấy, chứ đâu có biết là cậu phải đếm những ông vua ấy như đếm bò đếm ngựa ấy nhỉ. Thế mỗi ông vua như vậy được bao nhiêu tiền.?

- Được à? Các ông đó muốn đến một ngàn đô la một tháng cũng có; mà muốn bao nhiêu cũng được bấy nhiêu. Cái gì cũng là của các ông ấy cả.

- Ô, hay nhỉ? Thế các ông ấy làm gì, cậu Huck?

- Các ông ấy chẳng làm gì cả. Sao anh ngốc thế? Các ông ấy chỉ ngồi đó thôi.

-Bậy! Thật thế ư?

- Cố nhiên là như thế rồi. Các ông ấy chỉ ngồi đó. Có lẽ trừ những thí dụ như có chiến tranh thì các ông ấy ra trận. Nhưng lúc khác thì ngồi ườn, hoặc đi săn bắn, và... suýt... Jim có nghe thấy tiếng gì không?

Chúng tôi nhẹ chân bước ra nhìn, nhưng không có gì cả, chỉ có tiếng lạch bạch của một con tàu đi về xuôi, chạy qua đó. Hai đứa lại quay về chỗ.

Tôi nói tiếp:

- ừ còn những lúc khác, như khi nào các ông ấy buồn thì ngó đến cái nghị viện, nếu có ai không làm theo thì các ông ấy đập vào đầu, nhưng phần nhiều là các ông vua ấy chỉ quanh quẩn ở trong nữ cung.

- Trong cái gì?
- Nữ cung
- Nữ cung là cái gì?
- Là cái chỗ các ông ấy để những bà vợ trong đó. Anh không hiểu thế nào là nữ cung à? Vua Sollermun trước kia cũng có một cái nữ cung như thế, và có đến một triệu người vợ.
- à, phải rồi, phải rồi. Tôi quên đi mất. Nữ cung là một cái nhà chứa người, tôi chắc thế. Đại khái nó giống như lúc nhốn nháo ở trong cái trại trẻ ấy chứ gì. Tôi chắc là khi những bà vợ ấy cái lộn với nhau thì phải biết! Tha hồ mà nhốn nháo. Rồi lại còn nghe họ nói rằng vua Sollermun là người khôn ngoan nhất trên đời. Tôi chả tin như vậy. Tại sao? Nếu là người khôn ngoan thì tại sao lại sống mãi trong cái cảnh lung tung ấy như thế. Không, đúng là ông ấy không khôn ngoan đâu. Một người khôn ngoan thì phải dựng lên cái nhà máy làm thức ăn, và khi nào muốn nghỉ thì đóng cửa nhà máy ấy lại chứ.
- Nhưng dù sao ông ấy xưa kia vẫn là người khôn ngoan nhất, vì chính bà goá cũng bảo tôi thế mà.
- Bà goá ấy nói thế nào tôi không biết, chứ vua Sollermun nhất định không phải là người khôn ngoan. Ông ấy có những cách phân xử người ta mà tôi chưa từng thấy bao giờ. Cậu có biết câu chuyện đứa bé con mà ông ấy định cho chặt ra làm hai không?
- Có, bà goá cũng có nói cho tôi nghe chuyện này
- Đấy! Thế! Chẳng phải là cái chuyện cay đắng nhất trên đời ấy ư? Cậu thử nghĩ xem. Chuyện đó rắc rối như thế, bên này là một người đàn bà, cậu nghe không, thí dụ cậu là một người đàn bà khác; tôi là Sollermun, và cái tờ đô la này là đứa trẻ con. Cả hai bên đều đòi lấy. Vậy tôi làm thế nào. Tôi có nên đi hỏi láng giềng rằng tờ đô la này là của ai không, rồi sẽ giao nó cho người nào có nguyên vẹn cả tờ giấy bạc; tất cả những ai có óc thực tế đều làm như vậy, có phải không? ấy thế mà tôi lại đi xé tờ đô la ra làm đôi và đưa một nửa cho cậu, còn một nửa cho người đàn bà kia. ấy đấy, ông Sollermun ông ấy làm cái cách như vậy đối với một đứa bé con ấy đấy. Bây giờ tôi thử hỏi cậu: một nửa tờ bạc ấy thì còn dùng làm gì được? Chẳng mua gì được. Thế thì một nửa đứa bé còn làm gì được. Tôi thì cứ cho là có đến một triệu ông vua làm như thế cũng vẫn chẳng đáng một xu.
- Thôi đi, Jim, anh nói sai bét rồi, láo lếu, anh nói sai đến hàng ngàn dặm.
- Ai, tôi ấy à? Xin cậu. Đừng có nói đến chuyện đo lường của cậu với tôi đi. Tôi biết rằng khi tôi trông thấy rõ cái gì là tôi hiểu ý ngay. Và ý nghĩa cái này không thể lẫn sang kia được. Cái chuyện cãi nhau như thế không phải là để giành lấy được một nửa đứa bé, mà là tất cả đứa bé, mà cái người nào tưởng rằng có thể giải quyết việc cãi cộ với nhau bằng cách chia mỗi bên một nửa đứa bé, như vậy là cái người đi mua mà lại không biết tránh đâu cho khỏi mua. Thôi, cậu đừng nói chuyện với tôi về Sollermun nữa, cậu Huck ạ, tôi biết rõ cả đằng sau gáy của ông ấy nữa.
- Nhưng tôi bảo là anh nói không đúng chỗ cơ mà!
- Mặc kệ cái sự đo lường ấy của cậu. Cái gì tôi biết là tôi biết. Cậu phải hiểu rằng cái thùng để

đong sự thật nó còn đo được sâu hơn nữa. Sai hay đúng thì nó ở ngay cái cách phân xử của ông Sollermun ấy chứ đâu. Cậu thử lấy ví dụ một người có một hay hai đứa con xem, có phải người đó dám hy sinh trẻ con không? Không, chả có như thế. Người đó sẽ biết giá trị của trẻ con như thế nào. Nhưng nếu cậu lấy một người mà hắn có độ năm triệu đứa trẻ trong nhà thì lúc đó lại khác. Hắn sẽ sẵn sàng chặt đôi đứa trẻ như chặt một con mèo. Bởi vì hắn có nhiều mà. Một hay hai đứa trẻ, nhiều hơn hay ít hơn, cái đó có nghĩa lý gì đối với Sollermun đâu?

- Tôi chưa bao giờ thấy có một anh da đen nào như vậy. Nếu như hắn có một ý niệm gì trong đầu thì không thể nào bắt hắn bỏ đi được. Hắn là người da đen đã phỉ báng Sollermun nhiều nhất mà bây giờ tôi mới biết là một. Thế là tôi phải nói chuyện các vua chúa khác, bỏ chuyện Sollermun sang một bên. Tôi nó về vua Louis thứ mười sáu ở Pháp đã bị chặt đầu từ lâu rồi, và nói đến cậu con nhỏ của ông ấy, là thái tử, đáng lẽ lại trở lên làm vua, nhưng bị người ta bắt bỏ ngục, và nghe có người nói là cậu ta bị chết trong đó.

- Khổ, tội nghiệp cho cậu bé!

- Nhưng lại có người nói là cậu ta thoát chết và đã đi sang Mỹ.

- Thế thì hay! Nhưng chắc là cậu ấy cũng không có chỗ kiếm ăn nhỉ. Cậu ta định làm gì?

- Biết đâu đấy. Trong đám những ông vua ấy có người thì đi làm cảnh sát, có người thì đi dạy học tiếng Pháp.

- Ồ, thế người Pháp họ không nói như chúng ta à, cậu Huck?

- Không, Jim ạ, anh mà nghe người ta nói thì anh chả hiểu câu nào đâu, một chữ cũng không hiểu.

- Ồ thế thì tôi ngốc thật. Vậy làm thế nào?

- Tôi cũng chả biết. Nhưng nó thế đấy. Tôi có thấy một vài tiếng của họ trong cuốn sách. Thí dụ như có một người đến hỏi anh: "Parlez - vous francais?" thì anh nghĩ thế nào?

- Tôi chẳng nghĩ thế nào cả. Tôi sẽ đập cho hắn một cái vào đầu, nghĩa là nếu hắn ta không phải người da trắng. Nếu là người da đen thì tôi không cho phép ai gọi tôi thế.

- Im đi, đó không phải là gọi anh đâu. Đó chỉ là hỏi anh có biết nói tiếng Pháp không?

- ừ, thế sao hắn không nói thẳng ra như vậy có được không?

- Chính hắn nói như vậy đấy chứ. Đó là cách nói của người Pháp đấy.

- Ồ, thế thì thật là quái gở, kỳ cục. Mà thôi, tôi không thích nghe chuyện ấy nữa. Chẳng có nghĩa lý gì cả.

- Đây này nhé, Jim, tôi hỏi con mèo nó có nói như chúng ta không nào?

- Không, mèo nào nói thế

- à, thế còn con bò?

- Bò cũng không

- Thế con mèo có nói như con bò không? Hay con bò có nói như con mèo không?
 - Không
 - Vậy thì con nọ nói khác con kia là tự nhiên và đúng, có phải không?
 - Cố nhiên rồi
 - Và con mèo, con bò nói khác chúng ta có phải cũng là tự nhiên và đúng không?
 - Ồ, nhất định là như thế rồi
 - à, thế thì tại sao người Pháp nói khác chúng ta tại là không đúng và không tự nhiên. Anh thử trả lời tôi xem.
 - Thế con mèo có phải là người khác không, cậu Huck?
 - Không
 - à, thế thì con mèo không thể nói như người được. Thế con bò có phải là người không - con bò có phải là con mèo không?
 - Không, chẳng con nào là con mèo cả.
 - à, thế thì quái lạ thật, tại sao hẳn lại không có thể nói được như người. Cậu thử trả lời tôi xem nào?
- Tôi thấy ngồi nói chuyện như vậy chỉ là phí lời vô ích. Tôi không thể nào học nổi cái cách lý sự của người da đen được. Thế là tôi thôi.

Chương 15

Chúng tôi tính chỉ ba đêm nữa thì sẽ tới Cairo, tức là nơi cùng tịt vùng Illinois, chỗ mà sông Ohio chảy vào, và chính nơi đó là nơi chúng tôi định đến. Chúng tôi sẽ đem bán cái bè đi và lên một chiếc tàu thủy rồi cứ thế ngược sông Ohio qua những bang tự do, như vậy không còn gì đáng lo ngại nữa.

Đến đêm thứ hai, sương mù bồng phủ dày đặc nên chúng tôi phải tìm đến một cái khe để buộc bè lại. Vì không nên cứ liều mạng đi trong sương mù. Nhưng lúc tôi đang chèo xuống lên phía trên, đem theo một cái cần móc thì cần tìm được chỗ nào để móc mà chỉ có những đám sậy nhỏ. Tôi quất cái dây câu để nó cuộn vào một cây sậy ở bờ nước, nhưng chính chỗ này lại có một dòng nước chảy xiết đến nỗi nhỏ bật cả rễ cây lên và rồi cứ thế nó trôi mãi. Sương mù càng xuống nặng, làm tôi đâm lo sợ đến nửa phút đồng hồ không cựa quậy gì được. Không có bè ở đây thì lại càng không nhìn được xa quá hai chục thước. Tôi nhảy về phía lái xuống nắm lấy cái mái chèo và đẩy lùi ra một nhát. Nhưng xuống vẫn không nhúc nhích đi. Thì ra tôi vội quá chưa cởi dây. Tôi đứng dậy định tháo dây ra, nhưng không bình tĩnh, hai bàn tay run lên không làm gì được.

Vừa cởi dây ra xong, tôi chèo ngay đi tìm bè, chiếc bè ẩm cứng chở nặng những đồ đạc của chúng tôi ngay ở chỗ đầu khe kia. Tìm được ngay vì chỉ cách đó có dặm sáu chục thước. Chính cái lúc tôi vừa đến gần đó thì lại đâm ngay vào một màn sương mù dày đặc hơn nữa, không sao biết lối ra; khác nào như một người đã chết hẳn rồi.

Tôi nghĩ có lẽ không chèo xuống đi nữa, trước hết hãy cho vào gần bãi hay lên chỗ nào đã. Tôi phải ngồi im để cho xuống trôi, và cái lúc đó mà phải ngồi im bó tay là điều rất khổ tâm. Tôi đang hắng lên một tiếng và nghe ngóng. Xa xa phía dưới tôi nghe thấy một tiếng nhỏ vọng lại, mới hoàn hồn. Tôi lần đến gần nghe cho rõ hơn. Đến gần hơn nữa, nó lại ở phía bên trái. Rồi không nghe thấy gì nữa, tôi cũng không tìm nữa vì cứ phải quay xuống đi bốn phía, trái lại tôi cứ hướng phía trước mặt đi lên mãi.

Lúc ấy tôi muốn rằng có người nào đó giá cứ gõ vào cái xoong và gõ đều thì mới dễ biết chỗ nào mà tìm. Nhưng lại không có ai gõ, và chính cái yên lặng giữa một vài tiếng đang hắng như vậy càng làm cho tôi lúng túng. Tôi đi lên nữa thì bỗng tôi thấy tiếng hú ở phía sau lưng. Thôi, tôi bị bao vây thật rồi. Đó đúng là tiếng hú của người nào khác. Nhất định là tôi bị bao vây rồi.

Tôi vút mái chèo xuống. Lại nghe thấy tiếng hú vẫn ở sau lưng, nhưng từ một nơi khác. Nó mò đến, nó đổi chỗ, tự nó trả lời, chốc chốc lại im lặng rồi lại vang lên ở trước mặt; tôi biết rằng dòng nước đã quay đầu xuống của tôi xuống phía dưới rồi, nếu như đó là Jim chứ không phải người chở bè nào khác hú lên thì tôi yên trí. Trong đám sương mù thì chẳng còn cái nào nhìn bằng mắt hay nghe bằng tai mà lại còn tự nhiên được nữa.

Tiếng hú vẫn tiếp tục, khoảng một phút sau, tôi đâm sầm ngay vào một cái bãi có mấy cây to lù lù như ma ở đó, rồi dòng nước lại đẩy tôi sang bên trái lại đâm vào bờ nữa, giữa một đám củi mục trôi lênh đênh gặp phải chiếc xuống nó dòn lại kêu răng rắc. Và dòng nước thì vẫn lặng lẽ lách qua đám củi.

Lát sau, sương xuống lại càng dày đặc. Càng im lặng. Tôi ngồi im hẩn, nghe tiếng trống ngực đập thình thình. Tôi nghĩ nếu như tim tôi đập đến tốc độ một trăm thì không thở được nữa.

Tôi đành chịu. Và tôi biết là tại sao lại đâm ra thế này. Đám bão soi này là một hòn đảo, và Jim thì đã bị trôi dạt sang phía bên kia. Chẳng có con lạch nào có thể đi sang trong khoảng mười phút được. Trên đảo này cũng có cây gỗ to như mọi hòn đảo khác; có lẽ cũng đến năm sáu dặm chiều dài và nửa dặm chiều ngang.

Tôi vẫn ngồi im, vểnh tai nghe đến mười lăm phút. Cố nhiên xuống vẫn trôi, đến năm sáu dặm một giờ. Nhưng trong bụng thì không dám mong như thế. Có thể cảm thấy mình như nằm chết ngất trên mặt nước. Nếu như không có một cây củi nào đi qua thì không thể được rằng mình đang trôi nhanh chậm như thế nào. Nhưng cũng chỉ nín hơi, suy nghĩ và nhìn cây củi đi qua thôi. Nếu như ai chưa từng biết trong đêm khuya, một mình đắm sương mù nó buồn chán và cô đơn như thế nào, thì hãy cứ thử một lần mà xem sẽ thấy.

Rồi vào khoảng một nửa giờ sau, thỉnh thoảng tôi lại lên tiếng rú gọi. Sau đó thấy có tiếng từ xa đáp lại, cố theo dõi nhưng không được, và tôi đoán là mình đã lạc vào một nơi chẳng chịt nhiều khe lạch. Tôi nhìn hai bên bờ chỉ thấy tối mò. Có lúc nhìn rõ thấy từng con ngòi, có lúc chỉ đoán phỏng vì nghe tiếng nước vỗ vào bờ bãi. Tôi cũng chẳng buồn hú lên gọi trong đám những còn đất lộ nhô này nữa, mà chỉ lần đi một lát nữa thôi, vì thật còn khổ hơn là tìm ma trôi. Chưa bao giờ tôi lại thấy tiếng vang nó cứ quanh quẩn và nó đổi chỗ một cách nhanh chóng như vậy.

Đến bốn năm lần, tôi phải gỡ xuống ra cho khỏi mắc vào bãi để tránh cho khỏi đâm vào những mô đá ngoài sông. Tôi đoán chắc chiếc bè cũng đâm vào bãi nhiều lần; nếu không thì nó đã đi được và có thể nghe thấy được nó ở chỗ nào. Bè vẫn trôi nhanh hơn xuống.

Rồi, hình như tôi lại đâm ra sông nữa đây này nhưng vẫn chưa thấy tiếng hú ở đâu. Tôi đoán Jim đã đâm vào đồng gỗ nào đó, và có lẽ thế đi đứt. Tôi mệt quá, nằm xuống xuống và tự bảo thôi mặc kệ không thèm bận tâm đến nó nữa. Tôi nghĩ bụng có lẽ nên chớp mắt đi một tí.

Nhưng hoá ra không phải là chớp mắt, vì lúc tôi thức dậy thì đã có ánh sao lấp lánh trên trời, sương mù đã tan; tôi làm một giấc dài ở đằng lái. Lúc đầu tôi không biết mình đang ở đâu. Tôi tưởng mình vẫn đang mê, nhưng khi nghĩ lại dần dần thấy mình như những chuyện vừa qua đã xảy ra từ tuần lễ trước.

Chỗ này sông rộng một cách khủng khiếp, hai bên bờ toàn những cây cao ngời sao. Tôi nhìn xuống phía dưới sông có một vật gì đen đen trên mặt nước. Tôi vượt đến nơi nhìn hoá ra chỉ là hai cây gỗ mục buộc vào với nhau. Rồi lại thấy một vật khác, đuổi đến nhìn cũng không phải. Rồi một lần khác nữa, và lần này đúng là cái bè của chúng tôi.

Đến tận nơi thì thấy Jim đang ngồi gục, đầu kẹp vào giữa hai đầu gối mà ngủ, còn tay phải thì gác lên mái chèo đằng lái. Má chèo trên đã vỡ, trên mặt bè đầy những lá cây, cành cây, củi rác. Chiếc bè đã gặp một phen điều đúng.

Tôi buộc xuống vào bè rồi đến nằm ngay bên cạnh Jim, bắt đầu ngáp, đuổi thẳng chân ra đập vào Jim một cái, và nói:

- Này Jim, tôi ngủ phải không? Sao anh không đánh thức tôi dậy!

- Trời ơi, cậu Huck đấy ư? Chưa phải cậu đã chết à, chưa chết đuối à, cậu lại quay về đây à? May

quá cậu ơi, may quá. Thật không ngờ. Để yên tôi nhìn cậu xem đã nào, để tôi sờ cậu xem đã nào. Đúng rồi, cậu chưa chết, cậu vẫn còn sống và quay về đây, đúng cậu Huck rồi, cậu Huck đây rồi. Trời ơi, may quá!

- Anh làm sao thế anh Jim. Anh đã uống rượu đấy à?

- Uống rượu? Tôi mà uống rượu? Tôi có uống rượu bao giờ?

- Ờ thế thì sao anh nói lạ thế?

- Tôi nó thế nào mà lạ?

- Còn thế nào nữa. Tại sao anh nói ra toàn những chuyện tôi hiện về với những cái gì gì ấy. Làm như tôi chết không bằng!

- Cậu Huck, Huck Finn, cậu hãy nhìn thẳng vào mắt tôi đây. Nhìn thẳng vào mắt cơ. Có phải cậu đã đi mất không?

- Đi mất? Quái nhỉ tôi chẳng hiểu anh nói thế là nghĩa thế nào? Tôi có đi đâu đâu. Mà đi đâu mới được chứ?

- Không, cậu nghe đây này. Nhất định là có chuyện gì không hay rồi. Có phải tôi là tôi không? Hay tôi là ai? Tôi ở đây hay đâu? Tôi muốn biết như thế.

- Ồ, tôi nghĩ rằng anh đang ở đây, nguyên vẹn cả người, nhưng tôi cho rằng anh bị loạn óc hay làm sao đó, Jim ạ

- Tôi đang ở đây, phải không? Được, thế cậu trả lời cho tôi cái này nhé: có phải lúc trước cậu nhảy vào xuống để đem buộc bè vào đầu khe không?

- Không, đâu có. Đầu bè nào? Tôi chẳng thấy cái khe nào cả.

- Cậu không thấy cái khe nào cả ư? Đây này, có phải cái dây bè đứt trôi xuống dòng sông, rồi để cậu ở lại một mình với chiếc xuống trong sương mù không?

- Sương mù nào?

- Còn sương mù nào nữa. Sương mù phủ suốt cả đêm đấy thôi. Thế cậu chẳng hú gọi và tôi hú trả lời là gì đấy. Rồi đến lúc mình lạc lung tung cả ở trong cái hòn đảo này mà chẳng ai biết ai ở đâu đấy ư? Rồi tôi bị đâm vào một cái bão rậm, loay hoay mãi suýt chết đuối! Đấy, có phải thế không? Hay là không phải? Cậu trả lời tôi đi

- Ôi, thế thì tôi chịu Jim ạ. Tôi chẳng thấy gì cả. Sương mù, rồi đảo, rồi lung tung các thứ, tôi chẳng thấy gì hết. Tôi vẫn ngồi đây nói chuyện với anh suốt cả đêm cho đến lúc anh đi ngủ cách đây mười phút, và tôi nghĩ là tôi cũng ngủ. Chắc anh uống rượu cho nên ngủ mê thế nào ấy.

- Vô lý, làm thế nào mà tôi lại ngủ mê thấy tất cả những chuyện ấy trong mười phút được?

- Thôi đừng nói nữa. Đúng là anh ngủ mê rồi, vì chẳng có chuyện gì xảy ra cả.

- Nhưng rõ ràng tôi thấy tất cả những cái đó cơ mà, cậu Huck

- Rõ ràng hay không rõ ràng tôi không biết, nhưng chẳng có gì cả. Tôi biết là đúng như vậy, vì

suốt từ lúc đó tôi vẫn ở đây.

Jim lặng im đến năm phút không nói gì, chỉ ngồi đó nghĩ ngợi, Rồi hắn nói:

- Được, hãy cứ cho rằng tôi ngủ mê đi đã, cậu Huck ạ, nhưng thật tôi thề rằng chưa bao giờ tôi ngủ mê lại ghê gớm như vậy. Và chưa có lần nào ngủ mê xong mà người lại thấy mệt như lần này.

- Ồ, không hề gì, một giấc mơ bao giờ cũng làm cho người ta mệt mỏi. Nhưng cái giấc mơ này nghe nói cũng thú vị đấy; anh kể lại cho tôi nghe đi, Jim.

Thế là Jim bắt đầu kể lại suốt từ lúc đó, đúng như chuyện đã xảy ra, và Jim cũng thêm thắt vào đó khá nhiều nữa. Rồi Jim bảo phải đoán nó ra như thế này, vì đó là thánh báo ứng. Hắn nói rằng cái đầu khe thứ nhất là một người định giúp chúng tôi, nhưng dòng nước lại là một người thứ hai muốn cắt đứt chúng tôi phải xa người kia. Những tiếng hú thỉnh thoảng vẳng đến tai là những lời báo ứng đối với chúng tôi, và nếu như chúng tôi không cố gắng tìm cách hiểu cho ra thì chúng tôi có thể tránh được. Một lô những khe lạch khác là những khó khăn tỏ rằng chúng tôi sắp sửa cái cọ với những người gây sự và tất cả những người xấu khác. Nhưng nếu chúng tôi chú ý cẩn thận đến công việc của mình, đừng có kể lại với ai đừng có làm cho nó rắc rối thêm, thì chúng tôi có thể tránh được tai vạ, thoát khỏi đám sương mù, ra ngoài sông quang đãng, và đó là những tự do; rồi từ đây sẽ không gặp tai họa gì nữa. Cái lúc tôi trở về bè thì mây đen đang kéo tới khá nhiều. nhưng đến bây giờ thì trời lại sáng sửa rồi.

Tôi nói:

- Hay lắm, anh đoán như thế cũng được đấy, Jim ạ. Nhưng mình còn để những cái này ở đâu làm gì? Tôi vừa nói vừa chỉ tay vào những đám lá cây, củi rác ở trên bè với chiếc mái chèo vỡ. Bây giờ những cái đó lại càng trông thấy rõ ràng. Jim nhìn đám củi rác, rồi nhìn tôi, rồi lại nhìn đám củi rác. Hắn ta bị cái chuyện mơ ám ảnh trong đầu quá mạnh đến nỗi hình như không dám xua đuổi ngay nó đi để nhìn lại những sự vật chung quanh cho đúng. Nhưng rồi sau khi hắn đã nhìn kỹ một lượt những thứ đó, hắn nhìn trừng trừng vào tôi, không cười, và nói:

- Để làm gì ư? Rồi tôi nói cho cậu nghe đây này. Sau khi tôi đã mệt quá với chuyện loay hoay ở đó rồi mà gọi cậu mãi không thấy, tôi mới đi ngủ, mà trong lòng tôi thì đau đớn vô cùng vì đã mất cậu. Tôi cũng chẳng cần biết là tôi và cái bè sẽ ra sao nữa. Lúc tôi tỉnh dậy thì thấy cậu lại trở về nguyên vẹn, tôi ứa nước mắt ra, có thể quỳ xuống mà hôn chân cậu, vì tôi vui mừng quá đổi. Vậy mà cậu lại có thể bịa đặt ra để mà nói dối thẳng Jim này. Cái đám kia là củi, là rác, và đó là những cái bẩn thỉu mà người ta nhét vào đầu óc bạn mình để làm cho bạn mình xấu hổ.

Rồi Jim lặng lẽ đứng dậy bước vào trong lều, không nói thêm một câu nào nữa. Thôi thế là đủ quá rồi. Tôi cảm thấy mình thật xấu xa đến nỗi suýt nữa tội lại muốn cúi xuống hôn chân Jim để hắn quay lại.

Đến mười lăm phút qua tôi mới đứng dậy được, đến xin lỗi trước mặt một người da đen. Nhưng làm việc đó xong rồi không bao giờ tôi còn phải ăn năn hối hận nữa. Về sau tôi không dám chơi đùa Jim những kiểu bậy bạ như thế, và riêng về chuyện này, nếu tôi biết rằng Jim nghĩ như vậy thì tôi đã không dám đùa.

Chương 16

Chúng tôi ngủ gần hết ngày, đến đêm lại ra đi theo sau một cái bè lớn dài như một đám rước. Bốn góc bè có bốn mái chèo to và dài, chúng tôi đoán bè phải chở đến ba bốn chục người. Trên bè lại có năm cái lều to giữa có một cái bếp lộ thiên, rồi ở mỗi đầu bè lại có một cột cờ thật cao nữa. Trông cái bè này thật là oai. Trên những bè lớn như thế này, người chở bè hẳn là phải giá trị lắm.

Chúng tôi chèo đi và vẫn theo dòng sông tới một nơi mênh mông. Về đêm mây kéo lên cao và trời đã bắt đầu nóng rực. Sông rất rộng, và hai bờ kín đặc những cây to; nhìn rằng cây như chẳng thấy có chỗ nào ánh sáng mặt trời lọt qua được. Chúng tôi nói chuyện với nhau về Cairo, không biết đến bao giờ mới đến và trông thấy được Cairo được. Tôi bảo hình như sẽ không tới được đâu, vì tôi nghe đồn ở đó chỉ có độ hơn chục căn nhà và nếu như ban đêm họ không thắp đèn lên thì làm sao chúng tôi biết rằng mình đi qua đó được? Jim nói đến chỗ nào có hai con sông lớn gặp nhau là đúng đấy. Nhưng tôi bảo có lẽ mình đi vòng đằng đầu một hòn đảo rồi lại quay lại con sông cũ hay sao ấy. Điều đó làm cho Jim lo lắng - cả tối nữa cũng vậy. Cho nên vấn đề là: Bây giờ làm như thế nào đây? Tôi bảo hãy cứ trông thấy ánh đèn là rẽ ngay vào bờ, nói với người ta là bố tôi đi sau với một cái tàu buôn, và vì là một người mới vào nghề nên không rõ Cairo còn bao xa nữa. Jim cho đó là một ý kiến hay. Thế là chúng tôi hút thuốc ngồi chờ.

Lúc này chẳng có việc gì làm mà chỉ chăm chú để ý tìm thị trấn cho khỏi nhớ đi qua mà không nhìn thấy. Jim bảo chắc chắn là sẽ trông thấy, vì nếu trông thấy thì sẽ lại phải sống trong một xứ nô lệ và không thể tìm thấy tự do nữa. Bỗng lát sau, hắn nhảy lên nói:

- Kia kia!

Nhưng không phải. Đó chỉ là ma trời hay đom đóm thôi. Rồi hắn lại ngồi xuống, chăm chú nhìn như trước. Jim bảo rằng khi đã đến gần xứ tự do thì thấy người hắn run lên như sốt. Còn tôi, có thể nói rằng điều đó làm tôi cũng run đến phát sốt lên khi nghe Jim nói như vậy. Vì tôi cũng đã bắt đầu cảm thấy trong đầu hắn là người tự do nhất. Và cái đó là tại ai? Tại tôi chứ ai. Trong ý thức tôi không thể hiểu nổi cái đó như thế nào và vì sao? Nó làm cho tôi băn khoăn mãi mà không sao ngồi yên được, không thể đứng im một chỗ được. Trước kia có bao giờ tôi quen thuộc với ý nghĩa đó, mà bây giờ tôi đang nghĩ lại chính là cái đó. Bây giờ, nó ám ảnh tôi, bam tay tôi và càng ngày càng làm cho bứt rứt. Tôi cố tự nhủ rằng đó không phải là lỗi tại tôi, vì không phải chính tôi làm cho Jim chạy trốn khỏi tay người chủ có quyền hành đối với hắn. Nhưng không làm thế nào được, luôn luôn ý thức được rằng vẫn tỉnh dậy và nói: mày phải biết rằng Jim nó trốn đi là vì tự do, và mày không thể lên bờ mà nói với ai được như vậy được. Thế đấy, tôi không có cách nào tránh được ý nghĩ ấy. Và chính chỗ đó là chỗ nó xuất hiện. ý thức lại bảo tôi: Cô Watson có làm gì mày đâu mà mày lại thần nhiên nhìn anh da đen của cô ấy bỏ trốn và mày không hề nói một lời nào như vậy? Cái người đàn bà tội nghiệp ấy đối xử với mày thế nào mà mày lại xử tệ với người ta như thế? Người ta dạy mày học hành, dạy mày ăn ở, và đối đãi với mày tốt đủ điều. Thế cơ mà? Tôi bỗng cảm thấy mình hèn quá, xấu xa quá và chỉ muốn chết. Tôi bôn chôn đi lại trên bè, tự xỉ vả mình; còn Jim thì cũng sốt ruột đi đi lại lại như tôi. Cả hai người, chẳng ai giữ được im lặng. Chốc chốc, hắn quay ngoắt người lại, nói: Cairo kia kia!

Tiếng nói như phát đạn bắn xuyên qua người tôi. Và tôi cũng nghĩ rằng nếu đó là Cairo thì có lẽ sẽ chết một cách khốn khổ.

Trong lúc tôi đang tự vấn mình thì Jim cứ luôn miệng nói to. Hắn nói rằng sau khi tới một xứ tự do thì việc đầu tiên hắn làm là sẽ đi gửi tiết kiệm và sẽ không bao giờ tiêu một đồng xu nhỏ. Đến khi nào đủ tiền, hắn sẽ tậu người vợ hiện đang làm thuê cho ở một cái trại gần nơi cô Watson ở. Rồi cả hai vợ chồng sẽ làm lụng để tậu lấy hai đứa con về, nếu như chủ không chịu bán chúng nó thì sẽ nhờ một người đi cướp chúng nó về.

Tôi nghe nói thế mà lạnh toát người. Từ xưa chưa bao giờ hắn dám nói đến những chuyện ấy. Cứ thử nhìn cái phút mà hắn cảm thấy trong người sắp được tự do nó khác trước như thế nào. Thật đúng như câu phương ngôn người ta thường nói: Cho người da đen một tấc thì hắn sẽ đòi một thước. Tôi nghĩ, cái này là do tôi không suy tính trước. Đây là một người da đen mà tôi đã giúp cho hắn trốn đi, bây giờ hắn nhất quyết nói rằng sẽ đi cướp con hắn về, con của ai tôi cũng chẳng biết nữa; một người da đen chưa bao giờ làm gì hại tôi cả.

Tôi rất tiếc thấy Jim nói như vậy. Thật là hèn qua. ý thức của tôi trở lại kích thích tôi thêm sôi sục. Cho đến khi tôi trả lời ý thức của tôi rằng: Được, cứ để đấy cho tôi, bao giờ cũng chưa quá muộn. Nhìn thấy ánh đèn là tôi sẽ chèo ngay xuống vào bờ và sẽ nói ra.

Trả lời xong, tôi thấy dễ chịu, sung sướng, nhẹ như một chiếc lông bay bổng. Bao nhiêu những cái bứt rứt đều tiêu tan cả. Tôi quay ra chăm chú nhìn ánh đèn, trong bụng thầm vui. Lát sau, có ánh sáng loé lên. Jim hét lên;

- Yên trí rồi, cậu Huck ơi, nhảy lên đi, nhảy lên đi. Đây đúng là Cairo của ta đây rồi, tôi biết lắm.

Tôi nói:

- Để tôi lấy xuống đi xem, Jim ạ. Nhưng không chắc đâu, Jim biết không?

Hắn chạy ra sửa soạn chiếc xuống, cởi bỏ áo cũ của hắn lột xuống vào tôi ngồi, rồi đưa mái chèo cho tôi. Tôi vừa đi, hắn nói theo:

- Chẳng mấy chốc tôi sẽ được hét lên vì sung sướng, và tôi sẽ nói: Tất cả là nhờ ở cậu Huck. Tôi là người tự do, và nếu như không có Huck thì tôi không thể nào tự do; chính Huck đã tạo ra cái tự do đó cho tôi. Jim tôi sẽ không bao giờ quên cậu Huck, cậu là người bạn tốt nhất mà tôi chưa có bao giờ, và bây giờ đây, cậu là người bạn duy nhất của Jim.

Tôi chèo xuống đi, nóng ruột muốn đem chuyện này nói ra nhưng khi nghe hắn nói những lời ấy thì hình như ruột gan tôi bị bật cả ra ngoài. Tôi chậm chạp chèo đi, và tôi không tin rằng tôi vui lòng hay không vui lòng mà đi đây. Cách xa độ dăm chục thước, Jim lại nói:

- Cậu chính thật là cậu Huck, cậu là người da trắng duy nhất đã giữ lời hứa với Jim đấy.

Tôi cảm thấy đau lòng. Nhưng tôi lại tự nhủ: phải làm việc đó, không thể đứng được. Ngay lúc đó có một chiếc thuyền chở hai người đi tới, tay cầm súng. Họ dừng lại, tôi cũng dừng lại. Một người hỏi:

- Cái gì đằng kia?

Tôi đáp

- Bè đấy
- Cái bè đó là của mày hả?
- Đúng vậy
- Có người nào trên ấy không?
- Dạ chỉ có một người thôi
- Có năm tên da đen vừa chạy trốn về phía trên kia, ở chỗ đầu sông ấy. Cái người của mày da trắng hay đen?

Tôi không trả lời ngay được. Tôi định trả lời nhưng không nói ra được. Trong một hai giây tôi lúng túng chẳng ra thế nào, không ra ngoài nữa, không có cái gan của một con thỏ. Tôi thấy mình đã yếu mềm quá rồi. Tôi đành thôi không dám nghĩ như lúc nãy nữa và nói:

- Da trắng
- Để chúng tạo tự đi xem

Tôi nói:

- Vâng, mời các ông đi xem, vì đó là bố tôi đang ở trên ấy. Và có lẽ nhờ các ông đẩy giúp cái bè lên chỗ có ánh đèn. Ông ấy ốm, cả mẹ tôi và cô Mary Anne cũng vậy.
- Ồ, quí quá, chúng tao còn đang vội đây. Nhưng có lẽ chúng ta cũng nên giúp một tý. Đim cầm lấy mái chèo đi.

Tôi cầm mái chèo đẩy thuyền đi. Họ cũng đi. Chèo được vài ba nhát, tôi nói:

- Bố tôi sẽ cảm ơn các ông lắm đấy. Nhờ ai giúp để đẩy vào bờ họ cũng đều bỏ đi cả, mà mình tôi thì không làm nổi.
- Ồ, cái đó bao giờ cũng thế. Thật là tệ. Này, chú bé, bố mày ốm thế nào?
- Ờ... ờ... cũng chẳng có gì nguy lắm

Họ dừng tay. Chỉ còn một quãng ngắn nữa là đến bờ. Một người nói:

- Bé con, mày nói dối. Bố mày làm sao? Trả lời cho thật không thì đừng trách tao
- Vâng, tôi... thưa ông, tôi nói thật... nhưng xin các ông đừng bỏ chúng tôi. Vì là... vì đó là... các ông ơi, các ông đi trước đi, để tôi đi sau rồi vớt cái đầu dây cho, các ông chớ lại gần bè, xin chớ!
- Lùi thuyền lại, John, lùi lại - Một người nói. Họ chèo thuyền lùi lại. Tránh xa ra, bé con - tránh sang bên đi, mau lên. Đồ con khỉ, không khéo gió lại thổi cái của ấy vào chúng tao rồi đấy. Bố mày mắc bệnh đậu mùa, chắc hẳn là mày biết rồi. Sao mày không nói ngay. Mày muốn cho bệnh nó lan ra hay sao?

Tôi lắp bắp trả lời:

- Không, không ạ, lúc trước tôi đã nói với mọi người rồi, họ lảng đi, họ bỏ mặc chúng tôi.

- Khổ chưa, chắc có chuyện gì đó thôi. Chúng tao thấy mày mà thương hại quá, nhưng chúng tao... Thôi mặc kệ, không nói nữa chúng tao không muốn bị lây bệnh đậu mùa, nghe không? Đây này, tao bảo đừng có lên bờ, mày lên bờ thì sẽ lây bệnh lung tung cả. Hãy chèo xuống phía dưới kia độ hai mươi dặm rồi sẽ đến một thị trấn ở bờ bên trái. Lúc đó là sáng rồi. đến khi nào nhờ người ta đoán là bệnh đậu mùa, nghe không. Thôi, bây giờ chúng tao sẽ giúp mày một việc. Mày cứ dọc theo đây xuôi thuyền xuống đó nhé, mày cũng là đứa bé ngoan đấy. Không nên lên bờ chỗ có ánh đèn kia làm gì, đấy chỉ là cái làn gỗ thôi. Này, có lẽ bố mày nghèo lắm phải không, chắc lão ta gặp nhiều chuyện rủi ro đấy. Đây này, tao để cho một đồng tiền hai người đô là bằng vàng trên miếng ván đây này, nó trôi đến chỗ mày thì với tay sang mà lấy. Bỏ mặc mày thì thật tệ quá, nhưng lạy chúa, tao sợ bị lây bệnh đậu mùa, mày hiểu không?

Người đó lại nói:

- Khoan đã, Packer. Này, để đồng tiền hai mươi đô là lên miếng ván hộ tôi. Thôi, chào chú bé nhé, cứ làm như ông Packer đã bảo mày thì yên trí

- Đúng đấy. Thôi chào chú, chào chú. Nếu chú mày trông thấy tên da đen nào chạy trốn thì kêu người ta bắt lấy nó, như vậy sẽ được tiền đấy.

Tôi đáp:

- Vâng, chào các ông. Nếu tôi thấy tên da đen nào thì tôi sẽ không để cho nó chạy đâu.

Họ đi rồi, tôi mới trở về bè, cảm thấy mình xấu xa, hèn hạ quá, vì tôi biết rất rõ rằng mình đã làm một việc sai lầm. Tôi thấy rằng đối với tôi nếu có học làm điều gì phải thì cũng đến vô ích thôi, một người lúc bé không tập làm điều gì phải thì lớn lên cũng chẳng ra gì. Sau này gặp những lúc khó khăn thì chả có ai giúp đỡ hoặc làm cho ăn gì, lại còn có thể bị đánh đập nữa. Tôi suy nghĩ một phút, rồi tự nhủ: nếu như lúc này mình làm điều không phải là đưa Jim ra, thì có phải bây giờ thấy dễ thở hơn không? Nhưng tôi lại nói: Không. Nếu như thế thì mình sẽ thấy khổ tâm chứ, sẽ thấy bứt rứt như chính bây giờ mình đang bứt rứt rồi đây. Rồi tôi lại tự bảo: học làm điều phải để làm gì trong khi làm điều phải thì khổ tâm và làm điều trái thì không thấy phiền lòng gì cả. Mà lợi lộc thì có phải hai đằng cùng như nhau không? Tôi thấy bí, không trả lời được câu đó. Sau cùng tôi nghĩ chẳng tội gì mà bận tâm về chuyện ấy nữa. Tuy thế nhưng về sau nó vẫn cứ luôn luôn quanh quẩn trong đầu óc.

Tôi bước vào trong lều. Jim không có đấy. Tôi tìm quanh, không thấy. Tôi gọi:

- Jim!

- Tôi đây, cậu Huck ơi. Họ đi xa chưa? Cậu đừng nói to.

Thì ra Jim núp ở dưới sông, dưới mái chèo đằng sau lái, chỉ thò cái mũi lên trên mặt nước. Tôi bảo hắn là họ đi xa rồi, hắn mới trèo lên. Jim nói:

- Tôi nghe suốt cả câu chuyện, tôi mới lườn xuống sông và định bơi vào bờ nếu như họ lên bè. Nhưng sau thấy họ đi rồi tôi quay lại. Nhưng cậu làm thế nào mà đánh lừa được họ tài thế, hả cậu Huck? Giỏi thật đấy cậu ạ. Như thế là cậu lại cứu Jim một lần nữa. Jim không thể nào quên được cái đó đâu, cậu Huck ạ.

Rồi chúng tôi bàn với nhau về chuyện tiền. Thật là một món tiền lớn đấy chứ, những hai mươi

đô la. Jim bảo bây giờ có thể lấy vé đi thủy được, và số tiền đó đủ có thể đi đến những xứ tự do. Hấn bảo vài chục dặm thì đi bè cũng chả mấy, nhưng muốn đến nơi mau hơn nữa cơ.

Đến lúc trời tảng sáng, chúng tôi buộc bè lại và Jim đi tìm chỗ giấu rất khéo. Rồi suốt ngày hấn cứ cặm cụi buộc đồ đạc thành từng bọc và sẵn sàng để rời bỏ chiếc bè.

Khoảng mười giờ đêm hôm đó, chúng tôi nhắm phía có ánh đèn thị trấn ở bờ sông bên trái. Tôi xuống xuồng chèo ra hỏi thăm. một chốc, gặp một người đi chiếc thuyền con ra sông để mắc dây câu. Tôi đến gần hỏi:

- Ông ơi, có phải chỗ thị trấn kia là Cairo không?

- Cairo nào ở đâu. Không! Mà điên hay sao thế?

- Thế là cái gì hả ông?

- Nếu muốn biết thì đi đến đó mà hỏi. Mà mà còn ở đây quấy rầy tao chỉ nửa phút thôi thì cũng đừng có trách tao.

Tôi quay trở về bè, Jim thất vọng vô cùng, nhưng tôi bảo không sao, chỗ sắp tới có thể là Cairo rồi.

Chúng tôi lại đi qua một thị trấn khác trước khi trời sáng. Và tôi lại mò ra ngoài, nhưng chỗ này thì chỉ có núi, tôi không đi nữa. Jim bảo là ở Cairo không có núi đồi gì đâu. Tôi cũng quên đi mất. Ban ngày chúng tôi lại nghỉ ở một cái hốc ở bãi bên trên bờ sông. Tôi bắt đầu ngờ ngợ một cái gì. Jim cũng thế. Tôi nói:

- Hay có lẽ chúng mình đã đi qua Cairo trong cái đêm sương mù ấy rồi Jim.

- Đừng nói chuyện ấy nữa, cậu Huck. Những người da đen nghèo khổ chả lẽ không bao giờ gặp may mắn cả ư. Tôi vẫn nghĩ rằng cái da rắn lột lấy chưa đến lúc đó báo oan đâu đấy.

- Giá như trước kia đừng nhìn vào cái da rắn ấy có phải tốt không Jim nhỉ. Tôi nghĩ giá như đừng nhìn vào nó thì hơn.

- Cái đó không phải lỗi ở cậu đâu, cậu Huck. Vì là cậu không biết đấy chứ. Cậu đừng tự trách mình như vậy.

Trời sáng rõ. Đây đúng là nước xanh của con sông Ohio chảy vào phía trong này, và ngoài kia là bãi Muddy. Thôi thế là đi tong chuyện đi Cairo.

Chúng tôi bàn tính với nhau mãi. lên bờ bây giờ thì không nên. Đẩy bè đi ngược dòng thì cố nhiên là không đi được. Chẳng có cách nào khác, chỉ chờ đến đêm, xuống xuồng đi quay lại xem mà ra có gì chẳng. Thế là suốt ngày chúng tôi ngủ trong rừng rậm, để lấy lại sức. Cho đến chập tối quay ra chỗ giấu bè thì thấy chiếc xuồng đã biến mất.

Chúng tôi lặng người đi một lát, không nói. Chẳng còn biết nói gì nữa. Cả hai đứa chúng tôi đều hiểu rằng đấy là cái da rắn nó báo oan đây, vậy thì còn nói đến nó làm gì nữa. Lúc đó thật đúng như chúng tôi đã làm một cái gì tội lỗi, và nghĩ rằng sẽ còn gặp chuyện rủi ro nữa đây. Nghĩ mãi và cả hai đứa cứ lặng im hoài.

Nhưng rồi lát sau, chúng tôi lại bàn tính với nhau nên xem làm thế nào. Và không tìm được cách

nào hơn là cứ phải chèo bè đi xuôi nữa cho đến lúc nào may ra tậu được chiếc xuồng đã rồi mới quay trở lại. Chúng tôi không muốn đi mượn xuồng, vì quanh đó chẳng có ai. Giá bố tôi thì đã đi mượn rồi đấy, nhưng mượn cái kiểu như thế người ta sẽ biết và đuổi theo.

Lúc trời đã tối, chúng tôi lại bò ra bè.

Những ai còn chưa tin rằng mó tay vào cái da rắn lột là một điều hết sức đại dột và sau đó cái da rắng nó sẽ báo hại như thế nào, thì bây giờ cũng sẽ phải tin, nếu như người ta thấy tình cảnh của chúng tôi lúc này.

Chỗ có thể mua xuồng được là chỉ gần nơi nào ở bờ sông có nhiều bè đóng lại ở đó. Nhưng chúng tôi không thấy chỗ nào có nhiều bè đóng lại cả, nên cứ phải tiếp tục đến hơn ba tiếng đồng hồ. Đêm đã bắt đầu ngả sang màu xám mờ mờ, và đó là dấu hiệu lại sắp có sương mù. Không thể nào nhìn rõ hơn bờ sông chỗ lồi chỗ lõm, và cũng không nhìn ra xa được nữa. Đêm đã khuya lắm và yên tĩnh. Lúc đó bỗng có chiếc tàu thủy đang đi ngược dòng lên phía trên. Chúng tôi thắp đèn lên và nghĩ rằng chiếc tàu thủy sẽ trông thấy mình. Những tàu đi ngược dòng thường không bao giờ đi sát chúng tôi, họ đi cách xa tận phía ngoài và theo những chỗ nào mà dòng nước ở bên dưới không chảy xiết lắm. Nhưng vào những đêm mù như thế này thì họ cứ đi thẳng tuột.

Chúng tôi có thể nghe rõ tiếng lịch xịch nhưng không trông thấy rõ tàu thủy trước khi nó tới gần. Chiếc tàu như đang nhằm thẳng phía chúng tôi đi lên. Thường thường họ vẫn làm như thế để thử xem họ có thể đi sát tới mức nào mà vẫn không chậm. Có khi cái guồng tàu của họ đập gãy mất một mái chèo của người ta rồi, lúc đó anh lái tàu lại còn thò đầu ra cười, tưởng như vậy là hay lắm. Chiếc tàu thủy tiến đến, chúng tôi bụng bảo dạ có lẽ nó định liếm mình đây, mà hình như nó không có vẻ gì là tránh ra cả. Chiếc tàu to lắm, lại đi nhanh nữa, trông như một đám mây to đen tua tua những guồng và có những con đom đóm ở xung quanh. Nhưng rồi bất thành linh nó quặt ra, trông lù lù khùng khiếp, với một dãy cửa sáng lên trông như một hàm răng lớn đỏ chót, với những guồng những mái muốn ụp cả lên đầu chúng tôi. Có tiếng thét gọi, rồi một hồi chuông lắc vang lên để hãm máy lại, những tiếng còi nhàu chửi, tiếng máy rít, và vừa lúc Jim nhảy sang một bên, tôi cũng nhảy sang một bên, thì chiếc guồng tàu đã quặt thẳng cái bè của chúng tôi vỡ tan.

Tôi lao người xuống nước và lặn sâu xuống đáy sông, vì chiếc guồng to đến tám chín thước như thế có thể đập vào đầu mình chưa biết chừng, và tôi cũng cần phải tránh cho thật xa. Tôi có thể lặn ở dưới nước đến một phút, nhưng lần này tôi tưởng là mình đã ở đáy nước đến một phút rưỡi. Rồi tôi ngoi lên mặt nước, vì đã gần nghẹt thở. Tôi đưa tay lên nhay nhay cho nước ra khỏi lỗ mũi, xì xì vài cái. Cố nhiên là ở chỗ này nước cuốn, và chiếc tàu kia chỉ sau độ mười giây là chạy máy như thường, vì có bao giờ họ thèm biết đến số phận những người đi trên thuyền bè ra sao. Lúc đó, chiếc tàu lại lạch xạch đi, rồi mất hút trong đám sương mù, mặc dầu tiếng máy vọng lại tôi vẫn còn nghe thấy.

Tôi lên tiếng gọi Jim đến hàng chục lần, nhưng không thấy trả lời. Sau tôi bám lấy một mảnh ván gần đó, rồi lấy chân đạp nước bơi vào bờ, đẩy mảnh ván đi trước. Nhưng bỗng tôi nhận ra nước cuốn về phía bờ bên trái, nghĩa là tôi đang đi ngược, nên tôi lại quay lại bơi theo dòng nước chảy. Qua sông dài đến hai dặm, xa lắm, phải lâu lắm mới qua được. Tôi vào đến bờ sông, yên ổn, rồi trèo lên bãi. Trước mặt chỉ thấy có một con đường nhỏ, nhưng tôi cứ lò dò đi trên đám đất gồ ghề một quãng đến non nửa dặm, đi ngang một toà nhà xây kiểu cổ, có hai

nếp, từ lúc nào mà không hay.

Tôi vừa định vượt lên chạy qua đó thì một đàn chó ở đâu chạy ra cứ nhè tôi mà sủa ầm lên. Tôi biết là lại sắp nguy nữa rồi đây.

Chương 17

Chừng một phút sau có tiếng người trong cửa sổ mà không thò đầu ra ngoài nói:

- Làm cái gì thế? Ai đấy?

Tôi trả lời:

- Cháu đây

- Cháu là ai?

- Thưa ông, cháu là George Jackson

- Muốn gì?

- Cháu chẳng muốn gì cả, ông ạ. Cháu chỉ muốn đi qua, nhưng mấy con chó này không để cháu đi.

- Đêm hôm thế này, mò mẫm ở đây làm gì thế?

- Thưa ông, cháu không có mò mẫm gì đâu. Cháu ở trên tàu thủy vừa bị ngã xuống sông đây mà.

- Ô, thật thế ư? Có ai thắp cái đèn lên tí nào. Anh bảo tên anh là gì nhỉ?

- George Jackson, ông ạ. Cháu chỉ là một cậu bé thôi.

- Này, cứ nói thật đi, không việc gì mà sợ. Không ai đánh đâu. Nhưng mà đừng có nhúc nhích. Ở đâu đứng yên đấy. Bod, Tom, có đưa nào dậy đem cái súng ra đây. George Jackson có ai đi cùng với mày nữa không?

- Không ạ, không có ai cả

Tôi nghe tiếng người lục súc trong nhà, rồi thấy có ánh sáng bật lên. Tiếng người khi nãy nói:

- Cho lui cái đèn ra xa kia, Betsy, sao mà ngốc thế, không biết gì cả. Để cái đèn ở trên sàn, ngay sau cửa ra vào ấy. Bod, Tom chúng mày đã sẵn sàng cả chưa, ngồi vào chỗ.

- Sẵn sàng cả

- Nào, George Jackson, mày có biết họ nhà Shepherds không?

- Không, ông ạ, tôi chẳng nghe nói đến cái tên đó bao giờ

- Được, có thể là mày chưa nghe nói đến, cũng có thể là nghe nói đến rồi. Thôi được, sẵn sàng cả rồi đấy. Bước lên, George Jackson. Coi chừng, không được hấp tấp, bước thật chậm. Nếu có ai đi cùng với mày thì phải để nó đứng lại, nó mà bước lên sẽ bị hấn chết. Nào tiến lên, chậm chứ. Tự tay đẩy cánh cửa ra, vừa để lách vào thôi, nghe không?

Tôi không hấp tấp bước lên, mà có muốn cũng không được. Mỗi lần chỉ bước vào một bước chậm và không có tiếng động nào, chỉ nghe thấy tim tôi đập. Lũ chó cũng im lặng như bọn người, chúng nó theo sau cách tôi một tí. Bước đến bậc cửa, tôi nghe tiếng mở khoá, nhấc cái thang chắn cửa ra và rút then cài. Tôi đặt tay lên cửa, nhẹ đẩy một tí, một tí một. Rồi có tiếng nói:

- Thế thôi, được rồi, thò đầu vào. Tôi đưa đầu vào, nhưng trong bụng vẫn lo, sợ họ chặt mất đầu.

Ngọn nến để trên sàn nhà, và họ đã đứng cả quanh đó. Họ nhìn tôi, tôi cũng nhìn họ đến gần nửa phút: ba người to lớn cầm súng trong tay lăm lăm chĩa vào tôi, làm tôi rợn cả người, thật đấy. Người nhiều tuổi nhất, tóc đã hơi bạc, chạc độ sáu mươi; người thứ hai quanh ba mươi hay hơn, cả hai đều trông đẹp, chững chặc. Và một người đàn bà đứng tối, tóc hoa râm, khuôn mặt nhỏ nhắn. Đứng sau người đàn bà là hai thiếu phụ còn trẻ mà tôi nhìn không được rõ lắm. Người đàn ông cao tuổi nói:

- Thế, được rồi. Bước vào đi

Tôi vừa bước vào thì người đó đã khoá tịt ngay cửa lại, cái then chặn cả thang ngang, rồi bảo người đàn ông trẻ mang súng đến. Cả bọn bước vào phòng bên có trải một cái thảm mới, rồi chụm lại một góc gần cửa sổ thông ra đường, không còn ai đứng lại đó nữa. Rồi họ cầm cây nến lên, nhìn tôi cẩn thận và nói:

- Ồ, nó không phải là Shepherdsons. Nó chẳng có vẻ gì là Shepherdsons cả. Rồi người nhiều tuổi bảo tôi đừng ngại để họ lục soát xem có vũ khí gì không đã - vì không phải là có ý gì hại tôi đâu, mà chỉ là để cho chắc chắn đó thôi. Lão ta không thọc tay vào túi tôi mà chỉ lần lữa ở bên ngoài thôi, rồi bảo: được rồi. Lão bảo tôi bây giờ cứ tự nhiên như ở nhà, với lại nói đủ các thứ về tội nữa. Nhưng người đàn bà đứng tuổi nói:

- Chết chửa, này ông Saul, thằng bé ướt đầm cả người thế này. Mà có lẽ nó cũng còn đói nữa chứ?

- Ừ, phải đấy, Rachel ạ, tôi quên mất.

Người đàn bà nói:

- Betsy (đây là một người đàn bà da đen), chạy đi kiếm cái gì cho nó ăn, khổ tội nghiệp cậu bé, còn một cô đi gọi Buck dậy, bảo nó, à thôi, nó đây rồi. Buck, đem cậu bé này đi cởi quần áo ướt ra và lấy đồ nào khô của mày ra mặc vào cho nó.

Trong Buck cũng trạc tuổi tôi, mười ba hay mười bốn gì đó, tuy hẳn hơi to lớn hơn tôi một chút. Nó chỉ mặc mỗi cái áo sơ mi, và đầu tóc thì rất bẩn. Nó bước đến. miệng ngáp và lấy ngón tay dụi mắt, còn tay kia kéo lê khẩu súng. Nó hỏi:

- Không có bọn Shepherdsons ngoài đó chứ?

Cả đám người nói:

- Không, báo động giả đấy thôi

Nó nói:

- Tưởng nếu có bọn ấy thì tôi đã vớ được một đũa

Cả bọn cười. Bod nói:

- Này, Buck, nhưng mà mày đến chậm quá, có thể chúng nó chụp hết cả bọn mình đấy.

- Sau tối không còn ai nữa ư? Như thế không được. Bao giờ tôi cũng bị tụt lại thế này, chả được thấy gì cả.

Yên trí, Buck con ơi - Lão kia nói. Rồi mày sẽ tha hồ, đừng lo. Thôi cứ đi đi, làm theo mẹ mày bảo đi đã

Chúng tôi lên gác, vào buồng với thằng Buck, nó đưa mặc vào. Mặc xong, nó hỏi tên tôi là gì, tôi chưa nói thì nó đã chỉ cho tôi xem một con sáo sậu với một con thỏ nó vừa mới bắt được trong rừng hôm kia, rồi nói hỏi tôi rằng cái lúc tắt nến thì Moses ở đâu.

Tôi bảo tôi không biết và cũng chưa nghe nói cái đó bao giờ. Nó bảo:

- Thế mày thử đoán xem

Tôi trả lời:

- Tao làm thế nào mà đoán được, vì tao đã nghe nói bao giờ đâu

- Nhưng mày có thể đoán được chứ, dễ lắm

Tôi hỏi:

- Cây nến nào? Tao không biết nó ở đâu cả. ở đâu?

- Ô hay, trong chỗ tôi ấy chứ ở đâu

- à, nếu mày biết là ở đâu rồi thì còn phải hỏi tao làm gì nữa?

- Mẹ kiếp, đó là một câu đố, mày không thấy à? Này, mày định ở lại đây bao lâu? Mày phải ở đây mãi nhé. Chúng mình tha hồ đi săn bắn, bây giờ không phải đi học nữa. Mày có con cho nào không? Tao có một con chó, đưa nó ra ngoài sông, nếu tao ném cái gì ra sông thì nó sẽ bơi ra nhặt về được. Mày có thích đi sục sạo ngày chủ nhật không? Và chạy lung tung chơi các thứ như vậy không? Chắc mày không thích hả, nhưng tao thích lắm. Mày mặc cả những cái này vào nữa đi. Có lẽ tao cũng mặc thêm vào nữa. Nhưng thôi, nóng quá. Xong chưa? Được rồi, thôi đi đi ông bạn.

Bánh mì nguội, thịt bò cũng nguội. Rồi bơ, bánh sữa. Họ đã chuẩn bị sẵn cho tôi những thứ đó. Và như vậy còn tốt hơn những cái tôi đã được ăn từ trước đến nay nhiều lắm. Buck, và mẹ nó, và cả nhà đều hút thuốc bằng những cái tẩu con, trừ có người đàn bà da đen lúc này với hai thiếu phụ. Cả nhà vừa hút vừa nói chuyện. Tôi cũng vừa ăn vừa nói. Hai thiếu phụ ngồi giữa đồng cuộn sợi, tóc xoã xuống sau lưng. Người nào cũng hỏi chuyện tôi. Tôi kể lại nào là bố tôi với gia đình sống ở một cái trang trại nhỏ ở tít đằng cuối vùng Arkansaw. Chi tôi là Mary Ann bỏ đi lấy chồng và không biết tin tức gì nữa. Rồi Bill lại đi tìm hai vợ chồng chị tôi cũng không tin gì về. Còn Tom và Mort thì chết rồi; về sau cả nhà chỉ còn có bố tôi với tôi, mà bố tôi thì rồi khó khăn sa sút chẳng còn gì; vì thế sau khi bố tôi chết, tôi nhặt nhạnh mấy thứ để lại mà đi. Vì cái

trại đó không phải là của nhà chúng tôi nên mới bỏ ra ngoài sông đập tàu thủy, chẳng may thế nào đi đường tôi bị rơi xuống sông thành ra mới mò tới đây. Họ bảo tôi cứ coi đây như ở nhà và muốn ở lại đến bao giờ cũng được. Lúc đó đã gần sáng, mọi người đi ngủ cả, tôi cũng đi ngủ với Buck, lúc tỉnh dậy đã muộn, và tôi quên khuấy đi mất tên mình là gì, thế có chết không chứ. Tôi nằm đó đến một giờ đồng hồ, cố nghĩ lại xem. Lúc Buck thức dậy tôi hỏi:

- Buck, mày có đánh vằn được không?

- Được, nó đáp

- Tao chắc mày không đánh vằn nổi tên tao đâu, tôi nói thế. Nó trả lời:

- Tao bảo cái gì mày dám làm thì tao cũng làm được

- ừ, thế mày thử đánh vằn đi tao xem nào

- G-e-o-r-g-e. J-a-c-k-s-o-n, đó mày xem

- Khá lắm, đúng đấy. Tao cứ tưởng mày không đánh vằn được. Cái tên ấy cũng không đến nỗi lủng củng khó đánh vằn cho lắm, có thể đọc được ngay không cần phải nghĩ ngợi.

Tôi nhớ kỹ trong bụng, để nhớ chốc nữa có ai bảo tôi đánh vằn thì tôi cũng có thể nói ngay được nhanh chóng, ra vẻ như tôi đã quen với tên mình lắm.

Đây là một cái gia đình khá tốt bụng. Và cái nhà này cũng hết sức là xinh xắn nữa. Tôi chưa thấy cái nhà nào ở vùng này xinh đẹp và kiểu cách như nhà này. Trên cửa ra vào không có chốt bằng sắt hay bằng gỗ buộc vào miếng dây da hoẵng, nhưng lại có cái núm bằng đồng để quay, uy như những nhà ở thành phố. Trong phòng khách không kê giường ngủ cũng không để cái gì khác làm giường cả. Có rất nhiều phòng như thế ở ngoài tỉnh họ kê giường cả. Có một cái lò sưởi to, ở dưới lót gạch, và gạch ở chúng quanh rất sạch sẽ, đỏ chót, vì là họ đổ nước lên đó rồi lấy gạch khác kỳ cọ đi. Có khi người ta lại sơn lên một nước sơn đỏ, thường gọi là màu nâu Tây Ban Nha, y như những căn nhà ngoài thành phố. Có những con chó to bằng đồng có thể đội được cả cột nhà. ở giữa bệ lò sưởi có một cái đồng hồ, một bức tranh phong cảnh thành phố vẽ vào một nửa dưới miếng kính, rồi một cái khoang tròn ở giữa để làm mặt trời, sau miếng kính đồng hồ ấy có thể trông thấy quả lắc đưa đi đưa lại. Nghe cái đồng hồ đánh chuông hay lắm, thỉnh thoảng, một anh chàng lái rong nào đi đi qua, vào lau chùi nó và điều chỉnh nó cho đúng chỗ tức thì nó đánh liền hồi một trăm năm mươi tiếng cho tới khi được tháo ra. Chủ nhà chẳng để gì bán nó với bất cứ một cái giá nào đâu.

Rồi hai bên đồng hồ lại có con vệt trông rất lạ. làm bằng một thứ gì như phấn son, sơn màu sặc sỡ.

Cạnh con vệt bên này có một con mèo bằng sứ, còn bên kia có con chó bằng sứ; mỗi khi ấn vào đầu nó một cái thì nó kêu oé lên một tiếng, nhưng lại không há miệng ra, mà cũng chẳng tỏ ra tức giận hay vui mừng gì cả. Nó kêu ở dưới ***** . Vì có hai cái quạt làm bằng lông cánh con gà rừng lắp ở phía sau. Trên bàn để giữa phòng có một cái âu bằng sứ trông thấy rất đẹp, chất đầy những táo, cam, đào, nho, trông đỏ đỏ vàng vàng và đẹp hơn những quả thường; nhưng đó không phải hoa quả thật và có thể trông thấy những chỗ đã bong lòn vỏ ngoài trơ cả đất trắng ở trong ra.

Trên mặt bàn phủ một chiếc khăn trải bàn bằng vải dầu, đẹp, ở giữa khăn vẽ con chim ưng xanh đỏ, chung quanh sơn một đường viền. Họ bảo là chiếc khăn đó mang từ Philadelphia về. Cũng có một ít sách nữa, xếp cẩn thận ở mấy góc bàn. Một quyển là cuốn kinh thánh trong vẽ rất nhiều tranh ảnh. Một quyển là cuốn Những bước đường của Pilgrim nói về một người bỏ nhà đi mà không nói tại sao. Thịnh thoảng tôi vẫn đọc cái truyện này. Nhưng lời nói trong đó khá hay, nhưng phải cái hơi cục cằn. Một quyển khác là cuốn Hy sinh vì bạn, trong đó có rất nhiều truyện hay, thơ hay, nhưng tôi không đọc thơ. Một cuốn là Những bài diễn văn của Henry Clay, rồi một cuốn nữa là Y học trong gia đình của bác sĩ Gunn, trong đó nói về tất cả những gì ta phải làm khi trong nhà có người ốm đau hoặc chết. Rồi lại có một quyển sách về những bài hát mừng Thánh, và một lô những sách khác nữa. Lại có những chiếc ghế con rất xinh, chân đóng choãi ra, và ngồi rất vững, ở giữa mặt ghế không trũng mà cũng không sổ tụt như một cái rỗ cũ.

Họ có cả tranh treo trên tường - nhất là tranh vẽ Wasingtons là Lafayettes vẽ những trận đánh nhau, vẽ cao nguyên Mary, và một bức tranh gọi là Ký bản Tuyên ngôn. Có một số bức tranh mà gọi họ là ký họa, trong đó vẽ hình một trong những người con gái ở gia đình này đã chết rồi, đó là cô ta tự vẽ hồi mới mười lăm tuổi. Những tranh này khác với mọi bức tranh mà trước đây tôi vẫn thường thấy - nó phần nhiều là đen hơn tranh thường. Một cái vẽ người đàn bà mặc áo đen mỏng, thắt nhỏ dưới cánh tay, với những miếng xoè ra như bắp cải ở giữa cổ tay áo, với một cái mũ chụp lên đầu có mảnh voan đen xoà xuống, với hai cổ chân trắng chung quanh quần dây đen, đeo đôi giày đen chỉ nhỏ bằng những lưỡi dao trổ; người đàn bà trong tranh cúi xuống buồn bã, bên một cái bia mộ ở phía bên phải, dưới một cây liễu tử, còn tay kia thì cầm chiếc khăn trắng với một cái giỏ đan; dưới bức tranh viết rằng: Hỡi ơi, em không bao giờ còn được thấy anh nữa!. Còn một bức tranh khác thì vẽ người đàn bà trẻ tuổi, có bao nhiêu tóc chải ngược hết cả trên đỉnh đầu, rồi thắt nút ở đằng trước bưng một cái lược trông như cái lưng ghế dựa, bà ta đang khóc, mặt úp vào chiếc khăn, lại có một con chim chết nằm ngửa trên tay kia, hai chân ngổng ngược, rồi ở dưới tranh thì viết: Hỡi ơi, ta sẽ không bao giờ còn được nghe mi hát nữa! Rồi lại có một bức tranh khác vẽ một người đàn bà trẻ tuổi ngồi bên cửa sổ nhìn trăng, nước mắt chảy ròng ròng xuống má: một tay cầm bức thư mở sẵn, có dấu triện đen ở một bên bức thư, đưa chiếc khung ảnh nhỏ có một sợi dây lên miệng cắn; dưới tranh thì để là: Có phải anh ra đi chẳng, hỡi anh, anh ơi rồi! Những bức tranh ấy đều đẹp cả, tôi chắc thế, nhưng hình như tôi không thích lắm. Vì hễ cứ lúc nào tôi buồn thì nó lại làm cho tôi thấy nặng nề thêm. Ai cũng lấy làm tiếc rằng cô ta chết, vì cô đang còn định vẽ rất nhiều những bức tranh như thế. Ai cũng thấy rằng cô ta đã được những gì mà mọi người mất những gì. Nhưng tôi nghĩ rằng với cái tính tình của cô ấy như thế thì cũng nên ra nghĩa địa mà nghỉ ngơi thì hơn. Khi cô ấy chỉ cầu nguyện làm sao cho cô ấy được sống đến khi nào vẽ xong bức tranh ấy thôi, thế nhưng cô ấy vẫn không sống được. Đó là bức tranh vẽ một người thiếu phụ mặc chiếc áo dài trắng, đứng bên thành cầu, sắp sửa nhảy xuống sông, tóc xoã xuống sau lưng, mặt ngược lên nhìn trăng, nước mắt tràn trề, hai tay khoanh trước ngực, lại có hai cánh tay khác giơ ra đằng trước mặt, rồi lại có hai tay khác nữa với lên gần mặt trăng - ý ở đây là để xem đôi tay nào tốt hơn thì lấy, còn những tay khác thì sẽ xoá đo. Nhưng mà như tôi đã nói ở trên, cô ấy chết trước khi có ý định dứt khoát; và bây giờ họ vẫn giữ bức tranh ấy treo trên đầu giường trong buồng cô ấy. Cứ mỗi lần đến ngày sinh nhật cô ấy thì họ lại kết hoa lên bức tranh ấy. Hồi trước còn có một cái màn còn phủ lên trên. Người thiếu phụ trong tranh có khuôn mặt nhỏ và xinh, nhưng vì có nhiều tay quá thành ra trông như một con nhện, tôi thấy như vậy đấy.

Người con gái này khi còn sống có một quyển sổ tay trong đó để những chiếc lá ướp, và hay chép lại những câu chuyện hoặc tâm sự của người ốm, lấy ở trong tờ tạp chí Presbyterian

Observer, rồi làm xuống dưới đó những bài thơ cảm hứng được tự cô ấy nghĩ ra. Thơ cũng hay đáo để. Dưới đây là bài thơ của cô ấy viết về một cậu bé tên là Stephen Dowling Bost bị ngã xuống giếng chết:

bài thơ viếng Stephen Dowling Bost đã chết.

Có phải em Stephen ốm.
 Có phải em Stephen chết?
 Có phải những trái tim buồn thêm nặng
 Có phải những người đưa em khóc?
 Không, đâu phải là số mệnh.
 Của em Stephen Dowling Bost.
 Dù những trái tim quanh em có nặng
 Cũng không phải vì đau ốm đâu em.
 Chẳng tiếng nức nở nào hàn gắn được hình em.
 Chẳng có gì xoá nỗi vết đau.
 Cũng chẳng gì bù đắp lại tên em.
 Hỡi Stephen Dowling Bost.
 Mặc cho đòn đau, không phá nổi tình yêu.
 Mái đầu còn nguyên mớ tóc.
 Mặc cho ruột gan đau khiến em ngã xuống.
 Em vẫn là Stephen Dowling Bost.
 Ôi, không! Hãy nhìn bằng đôi mắt đắm lệ.
 Khi ta nghe kể chuyện về số phận em.
 Hồn bay lên trên thế giới lạnh lùng.
 Khi em sa chân xuống giếng.
 Vớt em lên và dốc nước trong người.
 Nhưng tôi thôi đã quá muộn rồi.
 Hồn em đã bay về nơi nào chẳng thấy.
 Ở nơi nào, tốt lành, vĩ đại?

Nếu như cô Emmeline Grangerford có thể làm được những bài thơ như thế này từ lúc mới mười bốn tuổi thì không biết rồi về sau sẽ còn làm được những gì nữa. Thằng Buck nói rằng cô ấy có thể nguệch ngoạc ra một bài thơ dễ dàng như chơi. Chẳng lúc nào là cô ta không suy nghĩ. Nó bảo cô ấy hạ xuống một dòng, rồi nếu không tìm ra câu nào nữa cho hợp vần với câu nào nữa cho hợp vần với câu trên là xoá đi ngay và lập tức thả xuống một câu khác, rồi cứ thế mãi. Cô ấy phải thích riêng một cái gì, có thể viết bất cứ cái gì mình chọn mà bảo cô ta viết cũng được. Nhưng phải là thơ buồn. Mỗi lần có một người nào chết, đàn ông hay đàn bà, hay trẻ con là cô ấy viết ngay được một cái gì để viếng người chết đó trước khi cái xác lạnh ngắt. Cô ấy gọi đó là những lời ca ngợi. Hàng xóm láng giềng họ nói rằng cứ theo trật tự thì trước hết là bác sĩ, rồi đến Emmeline, mà chỉ đến cùng một lúc. Rồi cô ấy sôi nổi đưa ra một vần thơ ứng vào tên người chết, gọi là Whistler. Rồi về sau này, cô ấy thay đổi tính nết dần dần, chẳng bao giờ kêu ca, nhưng người thì cứ gây mòn và không sống được nữa. Tội nghiệp quá, nhiều lần tôi đi, lên căn buồng còn trước kia cô ấy thường làm việc, lấy cuốn sổ tay trong đó ra xem, nhìn những bức

tranh cô ấy vẽ, làm tôi cũng đâm ra buồn bã và thấy thương thương cô ấy. Tôi yêu mến cả gia đình này, cả người chết nữa, tất cả, và tôi không để xảy ra chuyện gì. Khổ thay cho cô Emmeline khi cô còn sống làm thơ về những người chết đi thì chẳng có một ai làm bài thơ nào về cô cả. Vì thế, tôi cũng cố bóp trán nghĩ một vài câu, nhưng chẳng thế nào nghĩ ra được. Cái gia đình này gìn giữ buồng cô Emmeline rất sạch sẽ, gòn gàng, và mọi vật đều để nguyên như ý thích của cô khi còn sống và cũng không có ai đến ngủ ở đó cả. Bà mẹ cô tự mình quét dọn chăm sóc căn buồng này, mặc dầu trong nhà có nhiều người da đen hầu hạ. Bà ấy vào trong buồng này ngồi khâu và phần nhiều hay đọc kinh ở đây.

à quỳên, tôi đang nói chuyện về cái phòng khách. ở đây có nhiều cửa sổ, màn cửa trắng, có hình vẽ những toà lâu đài cổ, giàn nho ở quanh tường với những đàn bò, đàn ngựa đang uống nước. Có một chiếc đàn dương cầm nhỏ đã cũ, mà trong đó tôi chắc có cả xoong chảo. Mỗi khi nghe các cô trong nhà hát bài Những dây liên hệ cuối cùng đã đứt hay chơi bài Trận giao chiến ở Prague thì thật là không có gì hay cho bằng. Tường chung quanh các phòng đều đắp thạch cao, hầu hết phòng nào cũng có trải thảm trên sàn nhà. Và toàn bộ cái nhà này đều quét vôi bên ngoài.

Đó là một căn nhà hai bếp. Khoảng trống giữa hai bếp nhà có mái che và lát gỗ cẩn thận. Đôi khi giữa trưa đem kê một chiếc bàn ở đó ngồi rất mát mẻ, rất thú vị. Chẳng có gì hơn thế được nữa. Và nếu trong những bữa ăn làm ngon nữa thì thật tuyệt, khôn còn gì bằng.

Chương 18

Đại tá Grangerford là một người thượng lưu, các bạn thấy đó. Ông là một người thượng lưu về mọi mặt: cả gia đình ông cũng vậy. Ông ta xuất thân ở nơi danh môn như người ta thường nói, và cái đó đối với một con người cũng giá trị như đối với một con ngựa; như bà goá Douglas vẫn nói thế, và không ai có thể chối cãi được rằng mục là quý phái hàng đầu ở tỉnh. Chính bố tôi cũng vẫn nói thế nữa, mặc dầu bố tôi cũng chẳng có giá trị gì hơn một con mèo hoang. Đại tá Grangerford cao lớn nhưng mảnh khảnh. có một nước da ngăm ngăm lại nhòn nhót, cả khuôn mặt không có chỗ nào hồng hào. Sáng nào ông cũng cạo râu nhẵn nhụi khắp cả bộ mặt gây guộc của ông. Ông có một đôi môi vào loại mỏng nhất, hai lỗ mũi vào loại nhỏ nhất, mũi gỗ cao, lông mày rậm, đôi mắt vào loại đen nhất, lõm sâu đến nỗi tưởng như đôi mắt ấy từ trong hang thăm thẳm mà nhìn vào ta vậy, có thể nói như thế. Trán ông cao, tóc hoa râm, thẳng và xoã xuống tận hai vai. Hai bàn tay vừa mỏng, vừa dài. Trong đời ông, mỗi ngày ông thấy một chiếc áo lót và thẳng một bộ quần áo, suốt từ đầu đến chân toàn bằng nỉ trắng, nhìn mà chói cả mắt. Rồi những ngày chủ nhật, ông mặc thêm một chiếc áo khoác ngoài có đuôi màu xanh có khuy đồng. Tay ôm cầm một chiếc can bằng gỗ đào, đầu cán bịt bạc. Không hề bao giờ ông tả ra vô tâm một chút nào, và cũng không bao giờ tỏ ra nóng nảy giận dữ với ai. Ông cố gắng để tốt với mọi người, bàn có thể cảm thấy thế, do đó mà tin ở ông. Thỉnh thoảng ông mỉm cười, trông thật dễ thương. Nhưng khi nào ông ấy đứng thẳng người lên như pho tượng thần tự do, và từ dưới đôi lông mày bắt đầu có ánh sáng long lanh phát ra, bạn có thể muốn tìm cái cây mà trèo lên ngay, và sẽ biết rồi sau có chuyện gì. Ông ấy không cần phải bảo người coi chừng ăn ở - thế mà ông ấy đến chỗ nào là ai nấy đều ngoan ngoãn cả. Mọi người đều thích có ông ở gần - thường ông ấy như ánh sáng mặt trời - nghĩa là tôi muốn nói rằng nó như gặp khi tiết trời tốt ấy. Khi mặt trời đi vào đám mây thì tối sầm đến nửa phút, và chỉ thế thôi. Rồi chừng đến một tuần lễ sau vẫn chẳng có chuyện gì xảy ra cả.

Buổi sáng, khi ông cùng phu nhân bước xuống nhà thì mọi người đứng dậy chào hỏi. Ông bà chưa xuống thì cả nhà cũng chưa ai dám ngồi. Rồi Tom và Bod đi ra tửu rượu, rót lẫn mấy thứ rượu vào với nhau đem đến đưa cho ông. Ông cầm lên tay, chờ Tom và Bod đã rót cả mọi thứ xong rồi và cả hai đứa đã cúi xuống nói: Xin mời cha mẹ rồi lại chào đủ mọi thứ kiểu trên đời, rồi lại nói cảm tạ nữa, tất cả mới cùng uống. Sau đó, Tom và Bod đổ một thìa nước vào đường, cho một tý đường vào ứt sky hay rượu Brandy vào đáy cốc, đưa cho tôi và Buck, rồi lại đến lượt chúng tôi cùng uống chúc mừng hai ông bà ấy nữa.

Bob là con lớn nhất. Rồi đến Tom, cả hai đều cao lớn, đẹp trai, vai rộng, mặt ngăm đen, tóc đen và dài, mắt cũng đen nữa. Hai người đều mặc đồ nỉ trắng, cũng suốt từ đầu đến chân như ông già thượng lưu kia và đội mũ cói rộng vành.

Rồi đến lượt cô Charlotte. Cô hai mươi lăm tuổi, cao lớn, vẻ hãnh diện, khi nào không nổi nóng lên thì cũng cố gắng tỏ ra tốt bụng. Nhưng lúc cô ấy nổi nóng lên thì vẫn có thể làm cho bạn phải rung đôi cẳng, chẳng khác nào ông bố cô cả. Cô ấy khá đẹp.

Còn cô em, Sophia, thì lại khác hẳn chị. Cô rất hiền hậu, dễ thương như một con chim bồ câu. Cô mới hai mươi tuổi. Mỗi người trong nhà đều có riêng một người da đen hậu hạ. Cả thằng

Buck cũng có. Người da đen họ dành cho tôi thì tha hồ rồi việc, vì tôi không bao giờ muốn ai làm hộ tôi cái gì cả. Còn thằng Buck thì lúc nào cũng sai bảo, gắt nặng cả lên.

Đó là tất cả những người có mặt trong gia đình. Đáng lẽ còn nhiều hơn nữa, nhưng ba người con trai lớn đã bị giết cả, với cô Emmeline cũng đã chết rồi.

Ông già thượng lưu này có mấy cái trang trại với hơn một trăm người da đen làm việc. Thỉnh thoảng có một đám người đến đây, đi ngựa từ một nơi cách đây mười mười lăm dặm. Họ ở lại năm sáu ngày, ăn uống lù bù ở trên sông hay quanh nhà, nhảy nhót, nô đùa trong rừng lúc ban ngày. Rồi đến đêm vào trong nhà lại nhảy. Những người này phần lớn là họ hàng của gia đình. Họ mang theo cả súng. Mà phải nói rằng đây toàn là súng hạng tốt và đẹp cả.

Có một dòng họ quý phái khác ở gần đây, độ năm sáu gia đình phần lớn mang tên họ Shepherds. Họ cũng tiếng tăm, cũng thuộc hàng danh môn, giàu có, to lớn như họ nhà Grangerford đều dùng chung một cái bến tàu thủy ở cách nhà chúng tôi chừng hai dặm. Thỉnh thoảng tôi vẫn ra đó cùng với mấy người của nhà này, thường thấy có một đám người nhà Shepherds cười những con ngựa rất đẹp qua đó.

Một hôm Buck và tôi vào rừng săn bắn, chợt nghe thấy tiếng ngựa chạy tới. Chúng tôi đang qua đường Buck nói:

- Mau lên nhảy vào rừng!

Chúng tôi nhảy vào rừng, nấp trong bụi nhìn qua kẽ lá ra ngoài. Lát sau có một chàng trai trẻ, đẹp đàng phi ngựa về phía này, ngồi trên ngựa vững vàng như một tay kị binh. Hắn ta có một cây súng đeo trên phía trước yên ngựa. Tôi đã gặp hắn một lần rồi. Đó là Harney Shepherds. Bỗng một tiếng súng của Buck nổ tạt qua mang tai tôi, và chiếc mũ đội trên đầu của Harney bật tung lên. Hắn vội cầm lấy súng rồi lao thẳng ngựa đến chỗ có tiếng nổ. Nhưng chúng tôi không đợi. Chúng tôi nhảy vọt qua rừng chạy biến đi. Rừng không rậm rạp lắm, nên tôi có thể vừa chạy vừa ngoái cổ lại nhìn để tránh đạn. Hai lần thấy Harney nhắm miệng súng vào Buck nhưng rồi hắn lại không trông thấy. Chúng tôi chạy một mạch về đến tận nhà. Ông già thượng lưu nhìn chúng tôi, đôi mắt sáng lên một chút, ý chừng là ông ấy vui lòng, tôi đoán thế. Nhưng rồi mặt ông lại ỉu xuống, và nói với một giọng nhẹ nhàng:

- Tao không thích cái lối từ trong bụi rậm bắn ra như vậy. Tại sao mày không đứng giữa đường cái mà bắn?

-Bọn Shepherds cũng thế, bố ạ. Bao giờ chúng nó cũng tìm chỗ có lợi thế hơn.

Cô Charlotte nghe Buck kể lại chuyện ấy, ngừng cao đầu lên như một bà hoàng, lỗ mũi nở ra và đôi mắt nhấp nháy. Hai người con trai thì nét mặt sa sầm nhưng không nói gì. Cô Sophia thì tái mặt đi, nhưng rồi khi nghe nói người kia không bị trúng đạn, cô lại trở lại như thường.

Lát sau, tôi kéo Buck đi xuống nhà xay lúa, ngồi dưới bóng cây nói chuyện riêng. Tôi hỏi:

- Lúc đó mày định giết nó thật à. Buck?

- Tao định thật chứ

- Thế nó làm gì mày?

- Nó ấy à? Nó chẳng làm gì tao bao giờ đâu
- Ờ, thế mà định giết nó làm gì chứ?
- Đồn điền là cái gì?
- Ô hay, mà sinh trưởng ở đâu mà không biết đồn điền là cái gì ư?
- Tao chả nghe thấy bao giờ cả. Mà thử nói tao nghe nào

Buck nói”

- Thế này này, đồn điền là như thế này: Một người có xung đột với một người khác, rồi giết đi. Rồi anh em người bị giết người này. Rồi anh em người này lại giết người kia. Cả hai bên đều cứ giết nhau như thế mãi. Sau rồi đến anh em họ lại cũng dính vào đó nữa, rồi dần dần ai cũng bị giết cả, thế là không còn đồn điền nữa. Nhưng đó là cả một chuyện lâu dài cơ.

- Thế cái chuyện này đã có lâu chưa, Buck?

- Ừ, tao nghĩ có lẽ lâu rồi đấy. Đến ba mươi năm nay rồi, hay hơn thế nữa. Có cái chuyện gì rắc rối ấy, rồi lại có cái chuyện kiện cáo gì đó phải giải quyết, rồi tòa án xử một người trong đám, thế là người này đứng dậy bắn luôn người được kiện kia một phát mà cái đó là cổ nhiên thôi, ai chả thế.

- Cái gì rắc rối hử Buck? Ruộng đất phải không?

- Có lẽ như vậy, tao cũng chẳng biết

- Ừ, thế lúc đó ai bắn? Người của nhà tao biết được. Lâu lắm rồi.

- Thế không ai biết à?

- Ồ, có chứ, bố tao biết, tao chắc là thế, và những người trong nhà này biết cả. Nhưng bây giờ họ không biết rằng từ lúc đầu đánh nhau như thế nào.

- Đã có nhiều người bị giết chưa Buck?

- Có, nhiều lần suýt nữa thì phải làm đám tang. Nhưng không phải lần nào cũng bắn hẳn chết được cả đâu. Bố tao cũng có mấy viên đạn nằm trong người, nhưng ống ấy không cần, vì chỉ là đạn nhỏ thôi. Bod đã bị đâm bằng con dao sắc, và Tom cũng đã bị trúng đạn một vài lần.

- Thế năm nay có ai giết không, Buck?

- Có, bên chúng tao giết được một người, và bên họ cũng giết được một người. Khoảng ba tháng trước, em họ tao là thằng Bud, nó mới mười bốn tuổi, đang đi ngựa trong rừng bên kia sông, nó chẳng mang vũ khí gì đi theo, điên rồ đến thế cơ chứ, đang đi ở một chỗ vắng thì nó nghe thấy tiếng ngựa sau lưng, quay lại thấy lão Baldy Shepherds sons đang đuổi đến gần, trong tay lão cầm súng và tóc trắng của lão bay trước gió. Thế thì đáng lẽ nhảy sang bên và chạy vào rừng, thằng Bud lại cứ phi ngựa chạy vọt lên đằng trước, Thế là hai người cứ bám sát nhau đuổi đến hơn năm dặm ấy. Lão già kia cứ muốn vượt lên trước mà không được. Sau cùng thằng Bud thấy như vậy vô ích quá, nó mới dừng ngựa lại để nếu như có phải ăn đạn thì cũng là ở trước mặt, mà hiểu không. Thế là lão già kia vượt lên bắn nó chết. Nhưng rồi lão già kia cũng không may được

lâu, vì chỉ trong vòng một tuần lễ thì những người của nhà bên này đã cho lão đi châu trời ngay.

- Tao cho lão già kia hèn, Buck ạ

- Không, lão ta không hèn đâu. Cứ trông lão ta thì biết. Trong đám nhà Shepherdsons chẳng có ai hèn nhất đâu. Và trong họ nhà Grangerford này cũng không có ai hèn cả. Mà biết không, có một hôm lão già ấy đã chống lại với bà người của nhà Grangerford này trong nửa giờ và rút cục là lão ta thắng trận. Máy người lúc ấy đều đi ngựa cả, lão ta nhảy xuống ngựa nấp sau một đồng gỗ, rồi cho ngựa đứng ra đằng trước để đỡ đạn. Máy người nhà Grangerford thì vẫn ngồi trên ngựa bao vây chung quanh lão già, ngắm lão bắn. Lão ta cũng bắn trả lại. Sau đó, cả lão già và con ngựa chạy được về nhà, máu me đầy người, què lê kéo dệt; nhưng còn máy người nhà Grangerford thì phải khiêng về. Một người chết ngay, còn một người nữa hôm sau cũng chết nốt. Không, ông ơi, nếu ra trận mà chỉ có những người hèn nhất thì chẳng bao giờ dám chạm trán với những người nhà Grangerford đâu; và cũng chẳng ai nuôi những người như thế đâu.

Chủ nhật đó, chúng tôi đi lễ nhà thờ, cách nhà độ ba dặm. Ai cũng đi ngựa cả. Mỗi người đều mang súng theo mình, cả Buck cũng thế. Buck kẹp súng vào đùi hoặc dựa súng vào tường với tay ra là lấy được ngay. Nhưng người bên nhà Shepherdsons cũng vậy. Thật là chỉ cầu nguyện bên ngoài thôi, nào là nói thương yêu nhau như anh em, với những câu khác kiểu như thế, nghe mà phát ớn nhưng rồi ai cũng nói là cầu nguyện như thế là rất tốt, cả lúc trở về nhà đi dọc đường cũng nói như vậy, họ nói một lô những điều về lòng trung thành, về tốt lành, về những trời đất gì tôi cũng không biết nữa. Và tôi cảm thấy đây là một trong những ngày chủ nhật chán nhất mà tôi đã từng được nếm.

Độ một giờ sau bữa ăn trưa, mọi người đều tản mát đi cả. Người ngồi ghế, người về buồng riêng, và không khí thật buồn tẻ. Buck với một con chó ra nằm dài trên cỏ ngủ dưới nắng. Tôi cũng đi lên buồng và nghĩ bụng cũng phải ngủ một giấc. Thầy cô Sophia hiền hậu đang đứng cửa, bên cạnh buồng chúng tôi. Cô ấy kéo tôi về buồng riêng của cô ấy, khẽ đóng cửa lại, và hỏi tôi có yêu mến cô ấy không. Tôi bảo tôi có yêu. Cố ấy bảo tôi làm giúp cô ấy một việc và đừng nói với ai cả. Tôi bảo được. Rồi cô ấy nói là để quên cuốn kinh thánh ở trên ghế nhà thờ cùng với hai quyển sách nữa, bảo tôi lặng lẽ ra khỏi nhà đi đến đó lấy về hộ; và nhớ đừng nói với ai. Tôi bảo được, để tôi đi lấy cho. Tôi lên ra ngoài nhà, rồi thẳng đường chạy đến đó. Trong nhà thờ chẳng có một ai, có lẽ chỉ có vài con lợn. Vì cửa nhà thờ không đóng, và mùa hè lợn nó thích cái sàn gỗ cao ráo trong nhà thờ, mát mẻ hơn. Nếu các bạn để ý sẽ thấy; có nhiều người chỉ khi nào không thể đi nhà thờ được thì mới thôi không đi thôi, chứ lợn thì khác.

Tôi tự bảo là chắc có chuyện gì đây. Một người con gái mà lại lo cuống lên về chuyện quên cuốn kinh thánh như thế này thì không phải là tự nhiên. Tôi cầm cuốn sách rū một cái, một mảnh giấy con rơi ra có nét bút chì viết Hai giờ rưỡi. Tôi lục lại một lần nữa, nhưng không thấy gì khác. Tôi không nghĩ ra được nó là cái gì, nên bỏ mẩu giấy trả lại. Khi tôi trở về nhà, lên gác thấy cô Sophia vẫn đứng chờ ở cửa chờ tôi. Cô ấy lại kéo tôi vào, đóng cửa lại, rồi tìm được mẩu giấy trong cuốn sách, đọc xong thấy có vẻ vui mừng. Bỗng nhiên tôi chưa kịp nghĩ gì thì cô ấy đã nắm lấy tay tôi và bảo tôi là cậu bé tốt nhất trên đời, dặn tôi đừng nói với ai cả. Cô ấy đỏ mặt lên một phút, đôi mắt sáng lên, lúc đó nhìn cô ấy đẹp vô cùng. Tôi ngạc nhiên, nhưng sau bình tĩnh lại rồi tôi mới hỏi rằng cái mẩu giấy ấy là thế nào. Cô ấy hỏi tôi đã đọc được chữ viết không, tôi bảo không, chỉ mới tập gạch nét cô ấy bảo rằng mảnh giấy đó chỉ là để đánh giấu chỗ đang đọc giờ thôi, rồi lại bảo tôi có thể chạy ra ngoài mà chơi được.

Tôi đi xuống bờ sông, suy nghĩ về chuyện này. Chợt thấy anh da đen của tôi bước theo sau. Lúc chúng tôi đi đến chỗ khuất trong nhà không trông thấy được, hắn mới quay lại nhìn một giây, rồi chạy đến chỗ tôi nói:

- Cậu George, nếu cậu đi quá xuống cái đầm dưới kia, tôi sẽ chỉ cho cậu xem một lũ chồn nước.

Tôi nghĩ bụng quái lạ nhỉ, từ hôm qua hắn đã nói cái đó rồi. Hắn cũng biết rằng chả ai thích chồn nước cho lắm và cũng không ai đi săn cái giống đó cả. Nhưng tại sao hắn lại nói thế? Tôi bảo;

- Được, anh đi trước đi

Tôi bước theo hắn đến nửa dặm, rồi rẽ ra phía đầm, phải lội một quãng đến mắt cá chân độ nửa dặm nữa: chúng tôi đến một chỗ đất bằng vừa cao vừa khô ráo, có nhiều cây cối, bụi rậm, và có cả cho nữa. Hắn nói:

- Cậu George, cậu bước quá vào trong kia mấy bước. Nó ở trong đó. Tôi đã được thấy trước rồi, bây giờ tôi không cần xem nữa.

Nói xong hắn chạy biến đi ngay rồi khuất sau một đám cây không thấy đâu nữa. Tôi bước vào phía trong, đến một chỗ trống chỉ rộng khoảng chừng bằng một cái phòng, chung quanh có lá nho che kín, bỗng thấy một người nằm ngủ trong đó. Trời ơi, thì ra đó là Jim của tôi!

Tôi gọi Jim dậy, và tôi đoán thế nào trông thấy tôi hắn cũng lại kinh hoàng cho mà xem. Nhưng không. Hắn chỉ mừng rỡ đến gần khóc mà không lấy làm ngạc nhiên chút nào. Hắn kể lại rằng đêm đó hắn bơi theo sau tôi và có nghe thấy tiếng tôi gọi mấy lần nhưng không đáp, vì sợ có người nhận ra và lại bắt hắn về làm nô lệ nữa. Hắn nói:

- Tôi bị đau một tí nên không bơi nhanh được, bị cậu bỏ lại đằng sau khá xa. Lúc cậu lên bờ rồi thì tôi tính có thể lên đất sẽ theo kịp cậu mà không cần phải gọi. Nhưng đến khi trông thấy tòa nhà đó thì tôi bắt đầu đi chậm lại. Tôi đứng xa nên không nghe rõ họ nói những gì với cậu; tôi cũng sợ bầy chó nữa. Đến lúc đã yên lặng cả rồi thì tôi biết là cậu đã vào bên trong cái nhà đó. Vì vậy tôi mới ra ngoài rừng nằm chờ cậu suốt một ngày. Sáng sớm hôm sau có mấy người da đen đi làm đồng, họ bắt gặp tôi và chỉ cho tôi trốn vào chỗ này. Chỗ này có đầm nước ngăn với trong kia nên lũ chó không thể đánh hơi được. Cứ đến đêm thì anh em họ đem cho tôi ít đồ ăn, và họ có kể cho tôi nghe về cậu ở trong đó ra sao.

- Sao anh không bảo Jack dẫn tôi ra đây sớm hơn nữa Jim?

- Không muốn phiền cậu, Huck ạ. Cậu bảo có thể làm gì được đâu nhưng bây giờ thì yên trí rồi. Tôi đã mua được xoong, chảo, thức ăn đủ cả. Thật may quá. Đêm đêm tôi lại mò ra và vùi cái bè, tôi...

- Bè nào, Jim?

- Bè cũ của chúng mình ấy

- Thế nghĩa là cái bè của chúng mình không bị tan tành ư?

- Không, không đâu. Nó chỉ vỡ một phần. Còn một đầu vẫn nguyên, chẳng hề gì cả. Nếu không lặn xuống nước quá sâu, nếu đêm đó không sợ hãi mà bạo dạn một tí như câu phương ngôn vẫn

nói ấy, thì chúng ta có thể giữ cái bè lại được. Nhưng chả lo, vì bây giờ đã sửa lại gần như mới rồi, và lại có một lô những thứ khác nữa, ngay ở chỗ chúng ta bị mất ấy.

- Anh làm thế nào mà lại tìm được bè về, Jim, anh đuổi theo à?

- Tôi nằm trong rừng này thì làm sao đuổi theo được? Không, cậu ạ, có mấy anh em ra đen tìm thấy nó nằm kẹt ở bãi gần đây. Họ đem giấu vào một cái hốc dưới bụi liễu, rồi họ bàn tán cãi cọ với nhau mãi về cái bè không biết là của ai. Vừa lúc đó tôi đi tới và nói cho họ biết rằng cái bè đó không phải của ai cả, mà là của cậu và tôi. Tôi hỏi có phải họ định lấy tài sản của một người da trắng thượng lưu hay không mà lại đem giấu đi như vậy? Rồi tôi cho mỗi người một hào; người nào cũng thỏa mãn lắm. Rồi tôi bảo nếu có những cái bè khác nữa trôi đến thì họ sẽ lại có tiền. Họ đối với tôi tốt lắm cậu! Nhưng anh em da đen ấy mà. Mỗi khi tôi cần họ giúp đỡ gì thì chả phải nói đến hai lần đâu, cậu ạ. Cái thằng Jack ấy là một người da đen tốt đấy, và nó cũng khá nhanh nhẩu.

- ừ, hấn tốt đấy. Hấn cũng chả bao giờ nói với tôi là anh ở đây. Hấn bảo tôi tới đây hấn chỉ cho xem lũ chồn nước. Nếu như có chuyện gì xảy ra thì hấn không bị liên lụy đâu. Hấn có thể nói là chưa trông thấy chúng mình đi với nhau bao giờ, và như thế người ta sẽ tin là thật.

Tôi không muốn nói nhiều về ngày hôm sau ra sao. Tôi chỉ kể vắn tắt như thế này: Tôi thức dậy từ lúc còn tờ mờ sáng, đang định quay ra ngủ nữa thì bỗng nhận thấy lúc đó rất yên tĩnh, hình như không có ai động đậy gì cả. Điều đó hơi bất thường. Sau tôi lại thấy Buck đã dậy và đi từ lúc nào. Tôi vùng dậy, lấy làm lạ, và đi xuống nhà dưới. Chẳng có ai ở đó. Mọi vật đều im lặng. Bên ngoài cũng thế. Tôi không hiểu như vậy là thế nào. Bước ra đóng gỗ, tôi đến chỗ Jack hỏi:

- Có chuyện gì đấy?

Hấn đáp:

- Cậu không biết à?

- Vâng. Cô Sophia cô ấy trốn đi rồi. Trốn đi thật rồi. Cô ấy trốn vào lúc giữa đêm, chẳng ai biết cả. Cô ấy trốn đi để lấy cái anh chàng Harney Shepherds sons ấy, cậu biết khôngm. Nghe họ đồn thế. Gia đình thì mới biết cách đây độ nửa giờ thôi, có lẽ không tới, và họ vội vã đi ngay. Lần này thật là một lần vội vã, súng ống, ngựa nghèo rầm rập chưa từng thấy. Các ông ấy đã đi loạn báo cho họ hàng cả rồi. Ông cụ Saul và mấy cậu thì đem súng ra bờ sông để tìm giết anh chàng kia, vì rất có thể là anh ta đem cô Sophia qua sông. Tôi đoán có lẽ sắp xảy ra nhiều chuyện lòi thòi nữa đấy.

- Buck nó dậy sao không gọi tôi?

- Tôi chắc cậu ấy cố ý như thế đấy. Họ không muốn cho cậu dính vào chuyện này. Cậu Buck cậu ấy lên đạn và bảo rằng sắp đi bắt một tên Shepherds sons về. ở bên kia họ đông người lắm, tôi chắc thế, cậu thử tính xem mau ra cậu ấy có đi chõm được một người nào không?

Tôi chạy vụt ra bờ sông thật nhanh. Rồi một lúc thì nghe thấy súng nổ bốn bè. Ra đến cái lán gỗ gần bến tàu thủy, tôi tìm loanh quanh trong đám cây xem có chỗ nào kín để nấp, rồi tôi trèo lên một cái chạc cây xa tầm súng để xem xét. Có một đám gỗ khá chất cao gần hai thước ở kế đó, tôi định chạy đến nấp ở đằng sau, nghĩ bụng có thể chắc chắn hơn. Bốn năm người cưỡi ngựa chạy rầm rầm quanh đó, ở chỗ đất trống trước mặt lán gỗ. Họ vừa chửi, vừa hét, đang định tóm

hai cậu thanh niên đang nấp đằng sau đồng gỗ ở dọc bến tàu thủy. Nhưng họ không vào tới được. Mỗi lần một người trong đám kia thò ra phía ngoài sông, khỏi đồng gỗ một tí thì từ trong đồng gỗ lại có người bắn ra. Hai cậu kia ngồi xồm, dựa lưng vào phía sau đồng gỗ, thành ra có thể kiểm soát được cả đường ra đường vào.

Lát sau, mấy người không chạy quanh và cũng không la hét nữa. Họ đi về phía nhà kho. Lập tức có một cậu đứng dậy bắn một phát súng từ đồng gỗ ra trúng một người trong bọn kia ngã ngựa. Họ nhảy vọt cả xuống ngựa để nhặt người bị thương đem về nhà kho, vừa lúc đó hai cậu kia bỏ chạy. Hai cậu chạy được nửa đường từ chỗ đó ra đến chỗ tôi nấp thì chợt mấy người kia trông thấy, họ liền nhảy lên ngựa đuổi theo. Họ vượt gần đến nơi nhưng không ăn thua, hai cậu kia chạy nhanh lắm, đã tọt vào đồng gỗ ngay trước mặt cái cây của tôi nấp. Thế là lợi thế hơn bọn kia. Một người trong hai cậu đó là Buck, còn một cậu gầy gò trạc mười chín tuổi.

Bọn người đó sục sạo một lúc ở chúng quanh rồi bỏ đi. Họ vừa đi khuất thì tôi lên tiếng gọi Buck. Lúc đầu nó ra. Nó ngạc nhiên sợ hãi. Xong nó bảo tôi nhìn kỹ xem và hể những người kia quay lại thì báo cho nó biết. Nó bảo bọn người kia đã sẵn âm mưu gì rồi, nên thế nào cũng quay lại. Tôi muốn rời khỏi cây này, nhưng lại không dám. Bỗng thấy thằng Buck khóc vang lên và nói rằng nó và anh họ nó là Joe (tức là cái cậu cùng chạy kia) cả ngày hôm nay còn phải trốn tránh nữa. Nó nói là bố nó và hai anh nó bị giết cả rồi, và bên kia phía kẻ thù cũng có hai ba người bị giết. Nó bảo là bọn nhà Shepherdsons bố trí phục kích. Nó nói bố nó và hai anh nó vừa đánh vừa chờ họ hàng kéo đến nhưng cánh nhà Shepherdsons quá mạnh. Tôi hỏi thế còn Harney và cô Sophia thì ra sao. Nó bảo hai người đã qua sông sang bên kia rồi, không việc gì cả. Tôi nghe thế mừng lắm. Nhưng thằng Buck thì không thế, nó rất bức mình nghĩ đến hôm trước đã không thể giết được Harney cái bữa ở trong rừng ấy. Tôi chưa hề bao giờ lại thấy như vậy.

Bống pàng! pàng! pàng! ba bốn phát súng nổ. Cả hai đứa kia bỏ ngựa, chạy luồn qua rừng bò đến sau lưng từ lúc nào. Cả hai đứa chạy ra nhảy xuống sông. Cả hai đứa đều bị thương. Và trong lúc hai đứa bơi xuôi theo dòng sông thì mấy người kia chạy lên bờ bắn theo, miệng kêu giết chúng nó đi, giết chúng nó đi. Tôi nghe thấy thế đau đớn quá suýt ngã từ trên cây xuống. Tôi không dám kể tiếp những chuyện xảy ra sau đó nữa, vì nói ra hết sức đau lòng. Tôi nghĩ giá đêm đó đừng ra bờ sông để khỏi nhìn thấy những cảnh ấy thì hơn. Sau, tôi không thể nào quên được, nhiều khi ngủ cứ mê thấy chúng nó nữa.

Tôi ở tít ngọn cây cho đến lúc xẩm tối, vì sợ quá không dám bò xuống. Thỉnh thoảng, tôi còn nghe tiếng súng trong rừng xa, và hai lần tôi trông rõ những đám người đi ngựa mang súng chạy qua lán gỗ, và tôi đoán rằng chuyện rắc rối ấy vẫn còn đang tiếp diễn. Tôi quá sức kinh hãi, định bụng sẽ không bao giờ còn quay lại căn nhà đó nữa, và tôi nghĩ dù sao mình cũng không bị khiển trách. Tôi đoán rằng cái mẫu giấy kia có nghĩa là cô Sophia đo gập Harney ở chỗ nào đó vào lúc hai giờ rưỡi để cùng đi trốn. Tôi thấy đáng lẽ tôi phải nói cho bố cô ấy biết về chuyện mảnh giấy đó với cái hành động hơi lạ lùng của cô, như vậy bố cô sẽ giam cô lại thì đâu có thể xảy ra những chuyện giết người kinh khủng như thế này được.

ở trên cây tụt xuống rồi, tôi mới bò theo dọc bờ sông một quãng, thấy hai cái xác nằm trên bờ nước. Tôi cố sức kéo hai cái xác vào phía trong này và lật mặt lên xem, rồi tôi chạy biến đi thật nhanh. Lúc nhìn ra mặt Buck, tôi khóc lên hồi lâu, vì nó đối với tôi thật tốt bụng.

Rồi trời tối hẳn. Tôi không dám đến gần nhà, mà đi xuyên qua rừng tìm về cái đầm. Jim không

còn đó nữa. Tôi lại học tốc len lỏi qua đám cây liễu, nóng lòng muốn nhảy ngay lên thuyền mà đi cho thoát khỏi cái xứ khủng khiếp này. Chiếc bè cũng đi đâu rồi. Trời ơi, tôi sợ quá! Đến hơn một phút đồng hồ, tôi bị nghẹn thở. Rồi tôi kêu lên một tiếng. Cách chỗ tôi đứng chỉ độ vài thước, bỗng có tiếng nói:

- May quá, trời ơi, có phải cậu đấy không? Cậu khe khẽ chứ

Đó là tiếng Jim. Trước nay, tôi chưa hề nghe thấy tiếng nói nào nó làm cho mình yên lòng đến thế. Tôi nhảy vọt qua bờ nước và lên bè. Jim ôm chặt lấy tôi. Hắn thấy tôi mừng rỡ quá, Jim nói:

- May quá, cậu ơi, tôi ở dưới này đã tưởng cậu lại chết rồi. Jack nó đến đây và nói có lẽ cậu bị trúng đàn hay sao ấy mà không thấy cậu trở về nhà nữa. Tôi định đẩy bè xuống dưới đó để chờ hễ Jack nó quay lại cho tôi biết chắc chắn là cậu đã chết thì tôi sẽ đánh bè đi ngay. Thế là bây giờ cậu đã quay lại đây rồi, tôi sung sướng quá.

Tôi nói:

- Hay lắm, thế thì lại càng tốt. Như vậy, họ sẽ không tìm tôi nữa vì tưởng tôi đã bị giết rồi, và bị trôi sông rồi. Trên kia có xác người, có thể làm cho họ tưởng như vậy. Thôi ta đi mau lên, Jim ơi, hãy đẩy nhanh ra giữa dòng đi đã.

Cho đến khi bè của chúng tôi đã đi ngược chừng vài dặm về phía dưới và ra đến giữa dòng sông Mississippi, chúng tôi mới yên tâm. Rồi chúng tôi treo đèn báo hiệu lên, trong lòng nghĩ là một lần nữa lại thoát nạn và được tự do. Từ hôm qua, tôi chưa có cái gì vào bụng. Jim lấy ra mấy chiếc bánh mì rán; bánh sữa, lại có cả thịt, cả rau xanh nữa. Trên đời thật không còn gì ngon hơn là ăn nóng sốt như thế này. Tôi vừa ăn vừa nói chuyện với Jim rất vui vẻ. Tôi mừng đã thoát khỏi vạ đồn điên; và Jim cũng mừng được thoát khỏi đầm nước. Chúng tôi bảo nhau rút cục là chẳng ở đâu hơn cái bè của chúng mình cả. Những nơi khác thì ở đâu cũng chật chội, nghẹt thở. Nhưng ở trên bè thì không thế. Ở trên bè, mình sẽ cảm thấy hoàn toàn tự do, dễ thở và vững tâm.

Chương 19

Lại vài ba ngày đêm nữa qua; tôi nghĩ rằng có thể nói là mấy đêm đó tôi qua, lướt qua, một cách yên tĩnh, êm dịu và nên thơ nữa. Đây này, chúng tôi đã qua những ngày giờ đó như thế này. Con sông vừa to vừa rộng - có chỗ đến một dặm, dặm rưỡi. Chúng tôi đi đêm đi ngày tìm chỗ kín ngủ. Cứ gần hết đêm thì thôi không chèo nữa, tìm chỗ nước lặng ở gần cái khe nào đó buộc bè lại, rồi chặt một ít cành cây bông dại hay cành liễu phủ lên bè, rồi thả dây câu xuống. Rồi nhảy xuống sông tắm cho mát mẻ tỉnh táo con người. Rồi ngồi chờ ở một bãi cát nào đó có nước sâu đến gối và chờ ánh sáng ban ngày đến. Chung quanh không một tiếng động, hoàn toàn yên tĩnh, hình như khắp cả thế giới đều ngủ cả. Có lẽ thỉnh thoảng chỉ nghe tiếng ếch ương kêu. Vật đầu tiên trông thấy ở bên kia mặt nước chỉ là một rừng cây dài im lặng, không thể thấy gì khác. Rồi một mảnh nhàn nhạt trên nền trời, mảnh nhạt đó tỏa dần ra, dòng sông cũng như rộng thêm ra nữa; không còn là đen nữa mà xám xám. Xa xa có thể thấy được những chấm đen trôi xuôi, trôi mãi, những chiếc thuyền buồm hay gì đó, những vật đen dài từ những bè gỗ. Đôi khi có thể nghe tiếng mái chèo vỗ nước, hay tiếng nói lao xao. Yên tĩnh quá nên tiếng càng vang đi xa. Chốc chốc lại thấy một vệt trên mặt nước, nhìn kỹ cái vệt có thể nhận ra ngay đó là một cái cây bị nhổ bật cả rễ và cuốn trôi đi thành thử trông như vậy, rồi sương mù cuộn tròn thành từng cuộn trên mặt nước. Phía đông, trời bắt đầu ửng đỏ, rồi đến sông, và có thể chiếc lều gỗ ở ven rừng phía bên kia sông, có lẽ là một cái làn gỗ gì đó, nếu như ngờ là trong đó có gì thì có thể cho một con chó vào đấy mà sục sạo. Rồi gió lạnh lạnh thổi vào người, nghe man mát, êm dịu, thơm thơm mùi gỗ và hoa rừng. Nhưng cũng có khi không thể, trái lại có mùi cá chết quanh đó, xông lên, tanh nồng. Sau đó, trời sáng hẳn. Mọi vật đều như cười vui dưới nắng, và tiếng chim hót líu lo.

Lúc này dù có một chút khói bay lên cũng không ai thấy được. Chúng tôi nhắc vài con cá ở đầu dây lên làm một bữa ăn nóng sốt. Rồi chúng tôi lại ngồi nhìn dòng sông vắng vẻ. Người đã bắt đầu mệt mỏi, chúng tôi lăn ra ngủ. Chốc chốc lại tỉnh dậy, ngó ra ngoài xem có gì. Có lẽ là một chiếc tàu đang lụ khụ leo ngược dòng sông ở tít tận bờ bên kia; nhìn xa không thể nói rằng đó là tàu chân vịt đằng sau hay có guồng ở hai bên nách. Rồi một giờ đồng hồ nữa trôi qua, chẳng có gì mà xem, mà nghe nữa, chỉ là vắng lặng.

Lát sau có một chiếc bè trôi qua ở mé ngoài. Có lẽ trên bè có một thằng cha nào đang bỏ củi, vì họ thường hay bỏ củi ngay trên bè. Từ trong này nhìn ta họ có thể thấy cái riu loáng giơ lên và đúng lúc cái riu đưa lên quá đầu anh ta thì nghe kịch một cái im tiếng vang phải mất một lúc đi trên mặt nước rồi mới đến tai mình. Rồi chúng tôi lại nằm ườn ra đó lắng nghe yên tĩnh trở lại. Có một lần sương mù dày đặc, thuyền bè qua lại phải gõ leng keng vào soong chảo để cho tàu thủy khỏi đâm phải. Một chiếc phà hay bè gì đó đi qua chỗ chúng tôi, gần sát đến nỗi chúng tôi nghe rõ cả tiếng họ nói chuyện, văng tục và cười vang, rõ mồn một, tuy chẳng nhìn thấy gì, cứ như bị bung mắt; lúc ấy thật là giống như tiếng ma lớn vồn trong không gian mà qua đó vậy. Jim bảo có lẽ là ma thật đấy. Tôi nói:

- Không đâu, nếu là ma thì nó đã chả nói: sương mù tan đi.

Rồi chẳng bao lâu nữa lại đến đêm, và chúng tôi lại ra đi. Bè ra đến giữa sông rồi, chúng tôi để

mặc cho nó trôi, kệ cho dòng nước đưa tới đâu thì tới. Chúng tôi châm thuốc hút, thả chân xuống nước khuấy khuấy, và nói đủ các chuyện. Suốt ngày suốt đêm, chúng tôi chỉ cời trần, muối cũng mặc. Cái bộ quần áo mà gia đình bà Buck may cho tôi đẹp quá thành ra mặc không thuận tiện. Vả lại tôi cũng không để ý đến quần áo lắm đâu.

Đôi khi thấy như cả một con sông này là thuộc về chúng tôi. Nhìn qua mặt nước, xa xa bên kia là bờ sông, và đảo, và có lẽ có một ánh lửa, một ngọn đèn nấn trong khung cửa sổ. Có khi lên trên mặt nước cũng có một vài ánh lửa nữa. Đó là đèn trên bè hay trên phà, và có lẽ lại được nghe cả tiếng đàn vĩ cầm hay tiếng hát vọng ra. Sống trên một chiếc bè hay chiếc mảng, thú vị biết bao nhiêu. Trên đầu chúng tôi chỉ có trời cao, lốm đốm những vì sao, và chúng tôi thường nằm ngửa lên nhìn trời, bàn cãi với nhau không biết rằng những ngôi sao đó là do ai làm ra đấy, tôi chỉ bảo là tự nó có. Tôi bảo nếu mà làm ra nhiều sao như vậy thì chắc phải mất nhiều ngày giờ lắm. Jim bảo đó là ông trăng ông ấy để ra những ông sao kia chứ. ừ, mà nghe cũng có lý, nên tôi cũng không thể nói gì để bác cái thuyết đó đi được. Và vì tôi cũng đã trông thấy con ếch nó để được nhiều lắm, như vậy thì cũng có thể là do ông trăng để ra những ông sao ấy. Chúng tôi lại hay nhìn cả sao sa nữa, nhìn theo những vết của nó chạy dài xuống chân trời. Jim bảo rằng đó là những ngôi sao hư hỏng, bay kìa khỏi tổ.

Một vài lần vào giờ tối đen, chúng tôi lại gặp tàu thủy đi qua, thỉnh thoảng nó lại phụt ra cả một bầu trời đầy những tia lửa từ ống khói, rồi những tia lửa ấy rơi xuống như mưa xuống sông, trông đẹp vô cùng. Rồi nó rẽ về một phía khác, ánh sáng lấp lánh của nó mờ dần, tiếng ùng ục của nó cũng ắng đi, và dòng sông lại trở lại im lặng. Một lát sau, khi chiếc tàu đã đi xa rồi, sóng của nó mới tới chỗ chúng tôi làm dập dềnh cái bè đôi chút; rồi thì chẳng nghe thấy gì nữa, mà cũng không thể nói được là bao lâu. Có lẽ trừ ra chỉ còn vài tiếng ếch nhái hay vật gì đó thôi.

Quả nửa đêm, dân ở hai bên bờ đã ngủ cả, hai bờ sông lại tối om đến vài ba tiếng đồng hồ. Trong những khung cửa sổ không còn ánh lửa nữa. Những ánh lửa ấy chính là đồng hồ của chúng tôi. Khi ánh lửa đầu tiên hiện lên, đó là báo hiệu trời sắp sáng, thế là chúng tôi tìm chỗ giấu và buộc bè lại ngay.

Một buổi sáng, vào lúc mặt trời vừa mọc, tôi vớ được một chiếc xuồng, chèo qua một chỗ nước chảy xiết để đi lên phía bờ chính, chỉ cách đó vài trăm thước. Rồi chèo quá lên nữa chừng một dặm, đến chỗ có bụi cây gần một khi rừng thông để xem có kiếm được ít quả dâu nào chẳng. Tôi vừa đi đến một chỗ hẻm chỉ bằng lối cho bò đi qua đó thì bỗng có hai người ở đầu từ trong con đường nhỏ đó chạy xộc ra. Tôi nghĩ bụng, thôi thế này là nguy rồi, bởi vì nếu như có ai đi tìm ai ở đây thì cũng chỉ là tôi hay Jim mà thôi. Tôi đang sắp chuẩn thì mấy người kia đã chạy tới gần, gọi tôi và nhờ tôi cứu họ. Họ bảo họ có làm gì nên tội đâu, thế mà người ta đang đuổi bắt. Rồi bảo là sắp có người có chó đuổi đến nơi bây giờ. Họ muốn nhảy ngay vào chiếc xuồng của tôi, nhưng tôi nói:

- ầy chớm, đừng làm thế. Tôi đã nghe thấy tiếng ngựa gì đâu. Các ông có đủ thì giờ chui qua cái bụi kia, theo con đường nhỏ đi lần xuống nước rồi lội vòng sang đây hãy xuống xuồng, như thế thì chó nó mới không đánh hơi tìm được.

Họ làm theo; tôi họ vừa bước lên xuồng là tôi chèo đi thật nhanh quay về chỗ chúng tôi giấu bè. Khoảng năm mươi phút sau thì thấy tiếng chó, tiếng người vừa sửa vừa la hét. Chúng tôi nghe thấy đám kia đã tới bụi cây, nhưng không nhìn thấy họ. Hình như họ dừng lại đó và sục sạo chung quanh một lát. Chúng tôi đi càng xa, không nghe thấy gì nữa. Đi được một quãng đến gần

một dặm khuất rừng và ra đến sông lớn thì mọi thứ đều yên tĩnh. Chúng tôi rẽ vào cái khe rồi nấp vào đám ruộng bông; và thế là hoàn toàn yên tâm.

Một người trạc bảy mươi tuổi hay hơn, đầu hói và tóc mai đã bạc. Lão ta có một chiếc mũ rộng vành đã cũ, một chiếc áo lót màu xanh xám, một cái quần màu xanh đã cũ rách, đầu ống quần nhét vào cổ giày. Trên tay lão ta khoác một chiếc áo ngoài có đuôi màu xanh và có khuy đồng óng ánh. Cả hai người đều đeo bị vừa to vừa nặng, và vừa bẩn.

Còn người kia trạc ba mươi tuổi, ăn mặc tầm thường.

Ăn sáng xong, chúng tôi nằm nghỉ, nói chuyện và cái đầu tiên là bây giờ mới vỡ lẽ ra hai người kia không ai biết ai cả.

Lão già hỏi đầu bảo anh kia:

- Anh có chuyện gì mà phải chạy trốn thế?

- Tôi bán một thứ hàng dùng để làm cho mất những vết đen cáu bẩn ở răng, nhưng không làm mất được vết đen mà lại làm mất cả men răng. Tôi nán ở lại thêm một đêm nữa và định chuẩn thì giữa đường bắt gặp ông đang chạy về phía này, ông bảo tôi là họ đang đến và ông nhờ tôi giúp cho ông trốn đi với. Tôi mới bảo ông rằng chính tôi cũng đang sắp có tai vạ đây, thế là ông và tôi cùng chạy đấy. Đầu đuôi có thể thôi, thế ông có chuyện gì?

- Tôi ấy à, tôi đang làm một trò quảng cáo để bỏ rượu. Làm đã được đến một tuần lễ, và ai cũng thích cả, nhất là đám đàn bà thích lắm. Làm cái trò này cũng phát tài. Đây nhé, vào xem cứ tính mỗi người một hào, trẻ con và da đen không mất tiền, mỗi tối cũng được năm đến sáu đô la. Trò này đang có cơ phát thì bỗng đêm qua có người đi nói rằng tôi chỉ bịp thôi và chính tôi vẫn ngấm ngấm bán rượu. Sáng nay có một tên da đen đến lay tôi dậy và bảo người ta đang lặn lội tập hợp lại, đem cả chó cả ngựa đi bắt tôi về trừng trị và có thể sẽ đánh cho tôi một trận đau, rồi lại có thể bởi hấn ón lên đầu, nhổ hết cả râu tóc và đem tôi lặn trên đường sắt cũng chưa biết chừng. Tôi chả kịp ăn sáng gì cả, mà cũng không đói nữa.

Người kia nói:

- Ông bạn già ơi, tôi tính có lẽ hai chúng ta có thể cùng làm ăn với nhau được đấy, ông nghĩ thế nào?

- Tôi thì dễ thôi. Nhưng anh làm nghề gì là chính?

- In báo. Đó là nghề chính của tôi. Thỉnh thoảng chế tạo vài thứ thuốc men. Diễn viên sân khấu chuyên về ngành bi kịch, ông biết không. Cũng có khi thuận tiện thì xoay ra nghề thôi miên, hoặc chữa bệnh thần kinh. Mà đổi nghề nữa thì dạy hát, dạy địa lý; có khi làm vài ba cuộc diễn thuyết. Ồ, tôi làm nhiều thứ lắm. Có cái gì làm cái ấy cho nên cũng không làm cái gì lâu. Thế ông thì sống bằng nghề gì?

- Trong đời tôi đã khá nhiều lần làm bác sĩ. Cái chính là sống bằng hai bàn tay này. Chữa bệnh ung thư, bại liệt và những loại như thế. Nhưng khi có người nào khám phá ra sự thật thì cũng khó kiếm ăn đấy. Còn ngoài ra thì đi thuyết giáo, họp trại giảng đạo.

Đến một lúc sau, không ai nói nữa. Rồi người trẻ tuổi hơn thở dài một cái nói:

- Trời ơi!

Lão già hỏi đầu hỏi:

- Cái gì mà trời ơi?

- Tôi nghĩ rằng mình cứ phải sống để mà sống cái cuộc đời như thế này mãi, rồi để bị mất dần cái phẩm giá của mình đi giữa những người đồng loại như thế này ư? Nói xong, đưa chiếc khăn lên chấm chấm vào kẻ mắt.

Lão già lại hỏi với giọng có vẻ đàn anh:

- Khổ, tội nghiệp, thế những người cùng đi với anh có tốt lắm không?

- Có, họ đối đãi với tôi cũng khá. Có thể chịu được. Và lại có ai dám hạ thấp tôi được trong khi tôi cứ như thế. Chỉ có tôi tự hạ thấp mà thôi. Tôi không tránh các người đâu, tôi không tránh ai cả. Tôi chịu hết. Mặc kệ cho cái sự đời lạnh lùng này nó dẫn tới chỗ nào đau khổ nhất thì dẫn. Nhưng có một điều tôi biết chắc chắn là sẽ có một nắm mồ đọi tôi ở đâu đó. Kệ, sự đời cứ việc diễn ra như nó vẫn diễn ra từ trước đến nay đi, rồi cướp tất cả mọi thứ của tôi đi - những người thân yêu, gia sản, tất tất cả. Nhưng mà nó cướp thế nào được nắm mồ ấy. Một ngày kia, tôi sẽ nhắm mắt xuống và quên hết mọi sự, và trái tim đau khổ đã tan vỡ của tôi sẽ được nghỉ ngơi.

Nói rồi, anh ta lại lau nước mắt.

Lão già hỏi đầu nói:

- Anh lôi cái trái tim đau khổ đã tan vỡ ấy của anh với chúng tôi đây để làm gì mới được cơ chứ? Chúng tôi có làm gì anh đâu?

- Tôi biết các người không làm gì tôi cả. Tôi có tránh các người đâu, đó là tự tôi hạ tôi xuống mà thôi nên tôi phải chịu đựng tất cả, tôi có dám ca thán gì đâu.

- Anh hạ mình xuống ở chỗ nào? Chỗ nào mới được cơ chứ?

- Có nói ra thì mọi người cũng chẳng tin tôi đâu. Nhưng thôi, mặc kệ, chẳng sao. Cái bí mật của cuộc đời tôi.

- Bí mật đời anh? Có phải anh định nói là...

- Thưa các ngài - Anh ta nói một cách trịnh trọng - tôi sẽ tiết lộ cho các ngài nghe, vì tôi thấy rằng tôi có thể tin ở các ngài. Chính tôi đây là một ông Quân công.

Nghe đến đó, Jim trở mắt ra nhìn, và hình như tôi cũng vậy. Rồi lão già đầu hỏi nói:

- Vô lí, sao lại thế được.

- Vâng, cụ thân sinh ra ông tôi là người con cả của công tước Bilgewater; chạy trốn đến xứ này vào khoảng cuối thế kỷ trước để được thở cái không khí trong lành của tự do; rồi lấy vợ ở đây, rồi chết đi, để lại một đứa con trai. Công tước Bilgewater cũng qua đời vào thời gian ấy. Người con thứ hai của công tước được thừa hưởng cái chức vị ấy cùng với tất cả tài sản nhưng cụ thân sinh ra ông tôi mới chính thức là công tước thì lại bỏ rơi. Như vậy đáng lẽ ra tôi phải là công tước Bilgewater vậy. Ấy thế mà bây giờ, tôi đây thảm hại thế này. Tôi bị người ta xua đuổi, bị đối

xử lạnh lùng khinh bỉ; cuộc đời rách rưới, lang thang, đau đớn và bị hạ xuống cái thế cùng, phải đánh bạn với những người khốn khổ ở trên mọi cái bè gỗ.

Jim nghe xong lấy làm thương hại anh ta lắm. Tôi cũng vậy. Chúng tôi định tìm cách an ủi nhưng anh ta nói an ủi làm gì vô ích; không ai có thể an ủi anh ta được nữa. Anh ta bảo rằng nếu như chúng tôi có muốn thừa nhận anh ta như thế còn tốt hơn là bất cứ gì khác. Chúng tôi bảo: được chúng tôi sẽ thừa nhận, những thừa nhận như thế nào thì anh ta phải nói cho biết. Anh ta bảo mỗi khi chúng tôi nói chuyện với anh ta thì phải nghiêng mình chào và nói “Thưa quận công”, “thưa quý ngài” vân vân... và nếu như chúng tôi gọi anh ta bằng cái tên Bilgewater thì cũng không sao, và nói rằng cái tên đó dù sao cũng chỉ là danh vị thôi chứ không phải là tên; và lại bảo rằng một người trong chúng tôi phải đứng hầu ở bên khi anh ta ăn uống; và phải làm tất cả mọi việc vặt vãnh mà anh ta sai bảo.

Tất cả những cái đo cũng chẳng khó gì nên chúng tôi ngoan ngoãn làm theo. Suốt cả bữa trưa, Jim đứng quanh đó hầu anh ta và nói: “Quận công có dùng cái này, dùng cái kia không ạ?” vân vân... Quận công có vẻ hài lòng lắm.

Nhưng còn cái lão già thì im lặng không nói gì. Lão ta tỏ vẻ khó chịu với điệu bộ của anh chàng công tước kia lắm. Hình như lão ta đang nghĩ gì trong đầu. Đến cuối buổi chiều, lão nói:

- Đây, Bilgewater, tôi rất thông cảm với anh. Nhưng anh không phải là người duy nhất gặp những khó khăn như vậy đâu.

- Không ư?

- Đúng vậy. Anh không phải là người duy nhất đã bị người ta hạ bệ một cách trắng trợn như vậy đâu!

- Trời!

- Không, anh không phải là người duy nhất giấu kín bí mật về đời mình đâu. Nói đến đó ta bắt đầu khóc tức tưởi.

- Khoan đã, ông định nói gì vậy?

- Bilgewater, tôi có thể tin anh được không? - Lão ta hỏi, giọng vẫn còn nức nở.

- Tôi sẽ sống để dạ, chết mang theo - Anh kia cầm tay lão này, nắm chặt lấy, rồi nói tiếp - Ông nói đi, bí mật của đời ông là gì vậy?

- Bilgewater, tôi là hoàng tử kế vị đấy.

Lần này thì cả Jim và tôi đều trở mắt ra nhìn lão. Quận công hỏi:

- Ông nói sao?

- Phải, anh bạn ạ, lời tôi vừa nói là sự thực đấy. Lúc này, trong mắt anh là vị hoàng tử tội nghiệp, Louis thứ mười bảy, còn của Louis thứ mười sáu và Marry Antonette đây.

- Là ông ư? Với tuổi của ông là ngần này ư? Nếu như là Charlemagne cuối cùng thì năm nay cũng phải sáu trăm tuổi rồi.

- Vì gian khổ đã biến tôi thành con người tàn lạ như thế này đây, Bilgewater ạ. Gian khổ đã làm cho tóc tôi bạc trắng ra và hói như thế này đây. Trước mắt các vị, một kẻ mặc bộ quần áo xanh bần thủ, kẻ bị lang thang đầy đọa, bị chà đạp và đau đớn này chính là vua nước Pháp đây.

Nói xong, lão ta cứ khóc mãi khiến tôi và Jim không biết làm sao thế nào. Chúng tôi thường thấy thương lão lại hãnh diện nữa vì lão đến đây với chúng tôi. Thế là chúng tôi bước đến an ủi lão ta, như đã an ủi quận công lúc trước. Nhưng lão nói rằng an ủi cũng vô ích, chỉ có cái chết mới giúp lão giải tỏa mọi buồn đau. Nhưng lão cũng thấy dễ chịu vì của lão chẳng hạn như quý một bên gối xuống khi nói với lão và bao giờ cũng xưng hô là: Tàu hoàng thượng, rồi đứng hầu bên cạnh lão khi lão ăn uống, và trước mặt lão không được ngồi nếu lão không cho phép. Thế là Jim và tôi lại phải xưng hô lão ta là hoàng thượng, làm cái này cái khác cho lão, và cứ phải đứng mãi khi nào lão cho phép mới được ngồi. Cái đó làm cho lão ta khoái lắm, tỏ ra rất vui vẻ, thú vị. Nhưng quận công thì lại thấy khó chịu về chuyện này. Dù thế, Nhà vua vẫn tỏ vẻ rất thận mật với quân công. Lão nói rằng tất cả dòng công tước Bilgewater đều được vua cha của lão ta tưởng đến và vẫn được vời vào cung điện luôn. Nhưng quận công có vẻ bức tức. Lát sau, nhà vua lại nói:

- Chúng ta chẳng ở cùng với nhau trên cái bè gỗ này bao lâu nữa, Bilgewater ạ, vậy thì hà có gì mà anh phải buồn? Tôi sinh ra không phải là quận công, đâu phải lỗi tại tôi. Anh sinh ra không phải là vua, cũng đâu phải lỗi tại anh. Thế thì việc gì mà phải nghĩ ngợi? Chấp nhận và tận dụng hoàn cảnh của mình là điều mà chúng ta nên làm. Hơn nữa cuộc sống nơi đây không đến mức quá khó chịu, thức ăn, thức uống vẫn đầy đủ. Thôi, ta bắt tay nhau đi, quận công, chúng ta là bạn cơ mà.

Quận công chìa tay ra bắt. Tôi và Jim thấy thế cũng mừng. Không khí đang nặng nề bỗng tiêu tan và chúng tôi thấy như vậy cũng vui lây. Trên một chiếc bè, mọi người phải vui vẻ, hòa thuận với nhau thì cuộc sống mới dễ chịu đôi phút. Chẳng bao lâu tôi mới nhận ra hai gã này chẳng phải là vua hay quân công gì cả mà chỉ là những tên lưu manh chuyên lừa đảo, trộm cướp. Nhưng tôi không hề rằng nói nửa lời mà cũng chẳng to thái độ gì cả. Đó là cách tốt nhất để không gây ra những chuyện cãi cọ rắc rối. Nếu chúng muốn được gọi là vua hay quân công thì tôi cũng gọi miễn sao cho gia đình êm ấm. Tôi cũng không nói với Jim vì xét cũng chẳng có ích lợi gì. Nếu như tôi không học được cái gì khác của bố tôi thì ở đây tôi đã học được một điều là: cứ sống chúng với những thứ người như thế này, và để mặc cho họ muốn làm gì thì làm.

Chương 20

Họ hỏi tôi rất nhiều câu: Tạo sao chúng tôi phủ kín cái bè như thế? Tại sao lại nghỉ vào ban ngày mà ban đêm lại đi? Jim có phải là tên da đen đang chạy trốn không?

Tôi nói:

- Trời ơi, đời nào lại có anh da đen chạy trốn xuống miền Nam không?

Họ bảo không có chuyện ấy. Tôi nói luôn:

- Gia đình tôi ở Pike, vùng Missouri. Gia đình tôi chết cả, chỉ còn lại tôi, bố tôi và em tôi là Ike. Bố tôi bỏ quê đi xuống ở với chú tôi là Ben. Chú tôi có một cái xuồng máy chuyên chở khách qua sông, về phía dưới kia, cách Orleans bốn mươi tư dặm. Bố tôi nghèo lắm, lại nợ nần nữa. Vì thế khi bố tôi đi rồi chẳng để lại một thứ gì khác ngoài số tiền mười sáu đô la với anh da đen là Jim. Với số tiền ít ỏi đó, chúng tôi không thể vượt qua quãng đường đó bằng tàu thủy hay các phương tiện khác. Thế rồi nước lũ kéo, bố tôi may mắn kiếm được một cái bè, và chúng tôi quyết định đi Orleans. Nhưng thật không may mắn, một đêm đi học đường một cái tàu thủy đâm phải một bên bè. Chúng tôi nhảy xuống sông, lặn thật sâu để tránh cho guồng tàu khỏi đập phải; Jim và tôi thoát nạn. Nhưng còn bố tôi lúc đó say rượu và em Ike của tôi mới lên bốn tuổi thì không thấy ngoi lên nữa. Vài ngày sau đó, chúng tôi gặp muôn vàn khó khăn, vì có những người đi thuyền ra giữa sông định bắt Jim, họ bảo Jim là một tên da đen đang chạy trốn. Vì thế bây giờ chúng tôi không đi ban ngày nữa, mà đi đêm cho khỏi phiền.

Quận công nói:

- Để yên tôi tính xem có cách nào đi ban ngày được không. Tôi nghĩ cái đã. Tôi sẽ trình bày ra một mẹo có thể giải quyết được cái đó. Hôm nay thì hãy khoan chưa tính vội, vì cố nhiên ban ngày này chúng ta chưa nên đi qua cái thị trấn trong kia, nhỡ xảy ra chuyện chẳng lành.

Đến đêm, trời bắt đầu tối đen và có vẻ sắp mưa. Chớp giạt loang loáng ở phía cuối trời. Quận công và nhà vua vào lều của chúng tôi xem chỗ ăn ngủ ra sao. Giường của tôi là một ô rom, nhưng còn êm hơn giường của Jim khối, bởi đó là một cái ổ trải bằng thân cây ngô. Thân ngô cứng kẻo, mỗi khi trở mình, đám lá héo kêu lạo xạo khiến cho mình phải tỉnh ngủ. Quận công đòi ngủ trên giường của tôi nhưng nhà vua không chịu. Lão nói:

- Anh nên biết rằng về chức tước mà nói thì tôi đây không thể hợp với một cái ổ bằng thân ngô hơn anh. Vì vậy, anh nên tự biết thân biết phận nên nằm trên cái giường đó là thích hợp nhất...

Jim với tôi toát cả mồ hôi vì sợ hai người lại gây ra rắc rối. Nhưng cũng may, quận công nói:

- Số phận tôi đi đến đâu cũng đen đủi. Bảo khổ đau mà tôi đã phải hứng chịu từ trước đến nay đã làm tôi mất hết nhuệ khí. Tôi xin nhượng bộ thôi. Cái số của tôi nó thế mà. Trên cõi đời này, chỉ có tôi là cô đơn... Xin cứ để cho tôi đau khổ, tôi có thể chịu đựng được.

Chúng tôi lên đường khi trời đã tối hẳn. Nhà vua ra lệnh cho chúng tôi phải đẩy bè ra giữa sông và chừng nào đã ra khỏi thành phố khá xa mới được lên đèn. Lát sau, chúng tôi thấy những

chùm đèn loang loáng bên sông. Đó là thị trấn. Bè cứ thế lướt qua khoảng nửa dặm một cách trót lọt. Đi được gần một dặm, chúng tôi treo đèn hiện lên. Khoảng mười giờ đêm, trời đổ mưa tầm tã, gió rít lên từng hồi, sấm sét ầm ầm. Nhà vua bảo hai chúng tôi phải thay phiên nhau canh gác cẩn thận cho đến lúc nào trời tạnh hẳn. Còn lão ta với quận công chui vào lều ngủ. Tôi phải gác cho đến mười hai giờ đêm. Nhưng nếu có nằm trong giường chắc tôi cũng chẳng tài nào mà nhắm mắt được. Thực ra, cả tuần, có phải ngày nào cũng mưa bão như thế này đâu. Gió rít lên từng hồi rùng rợn. Thỉnh thoảng lại có một tia chớp kéo ngang nhịt, soi rõ những mỏm đất trắng xóa một quãng dài đến nửa dặm. Nhưng hòn đảo nhìn qua mưa như bị phủ một màn bụi. Cây cối như quay cuồng trong gió. Tiếng xoẹt, tiếng ầm nổi lên, rồi lan ra xa dần. Sóng vỗ mạnh té ướt hết cả người tôi ở bên bè. Nhưng vì tôi chẳng mặc quần áo gì cả nên không sợ ướt. Cũng may nhờ có chớp lóe lên mà chúng tôi nhìn thấy những mỏm đá ngầm từ xa nên không bị va vào chúng.

Tôi đứng gác đến nửa chừng thì buồn ngủ quá, Jim bảo hẳn sẽ gác hộ tôi. Lúc nào Jim cũng rất tốt đối với tôi. Tôi bò vào trong lều, nhưng vua và quận công nằm xoay ngang, xoay dọc nên chẳng còn chỗ cho tôi nữa. Tôi đành ra ngủ bên ngoài lều vậy, mặc cho mưa gió đang gào rít. Đến khoảng hai giờ, sóng lại nổi lên dữ dội. Jim định gọi tôi nhưng lại thôi vì hẳn nghĩ mức sóng này cũng chưa nguy hiểm lắm. Nhưng hẳn lắm, ngay sau đó, một ngọn sóng to chồm lên tận đầu tôi. Jim nhìn tôi cười như nắc nẻ. Sóng lại lao đến và dội lên suốt người tôi. Jim thấy thế cười vỡ bụng. Hẳn ta là một người da đen dễ cười mà tôi ít gặp.

Tôi ra đứng gác thay cho Jim. Hẳn vừa đặt lưng xuống đã gáy khò khò. Dần dần, cơn giông tan đi. Lúc ánh sáng đầu tiên ló rạng, tôi đánh thức Jim dậy rồi đưa bè vào chỗ nấp.

Ăn sáng xong, nhà vua lấy ra một cỗ bài tay đã cũ rồi cùng quận công đánh bài ăn tiền, mỗi ván năm xu. Chơi chán rồi, họ bàn nhau mở chiến dịch mới. Quận công lục lọi trong túi, lấy ra một tập những mảnh giấy đã in chữ sẵn, rồi đọc to lên. Một tờ viết: “Bác sĩ danh tiếng của kinh thành Paris là Armand de Montanbal sẽ diễn thuyết giảng về cách chữa bệnh thần kinh ở... ngày... Giá vào cửa là một hào, cung cấp những bảng tra cứu về tính chất của bệnh, mỗi bảng hai mươi lăm xu”. Quận công nói rằng bác sĩ ấy chính là anh ta. Một tờ khác lại nói rằng anh ta là Garrick Younger lung, ở Drury Lane, thành phố Luân Đôn, nhà nghệ sĩ nổi tiếng chuyện diễn bị kịch của Shakespears nổi tiếng trên thế giới. Trong những mảnh giấy khác, anh ta lại mang những tên khác và làm nhiều nghề rất lạ, thí dụ như có một chiếc gậy thần để đi tìm nước, tìm vàng: để đánh tan những bùa chú của phù thủy vân vân. Sau đó, anh ta nói:

- Nhưng hấp dẫn nhất vẫn là môn nghệ thuật sân khấu. Ngài đã bao giờ được lên sân khấu chưa?

- Chưa - Nhà vua đáp.

Quận công nói:

- Vậy thì, chỉ vài ngày nữa, ngài sẽ được dịp lên sân khấu. Đến một thị trấn lớn nào gần đây, ta sẽ thuê một cái rạp và sẽ biểu diễn một màn đấu kiếm trong vở: “Vua Richard và Juliet”. Ngài thấy thế nào?

- Bilgewater, tôi sẵn sàng làm bất cứ cái gì miễn là có tiền. Nhưng tôi chưa bao giờ diễn kịch, mà xưa nay cũng chưa được xem mấy. Hồi tôi còn nhỏ, cha tôi thường đưa tôi đi xem, nhưng lúc đó tôi còn quá nhỏ. Anh xem có thể dạy tôi được không?

- Chuyện nhỏ ấy mà!

- Thế thì được. Dù sao tôi cũng đang muốn có cái gì mới mẻ một chút. Ta bắt đầu ngày đi.

Rồi quận công giải thích Romeo là ai, Juliet là ai, và nói rằng anh ta sẽ đóng vai Romeo, còn bây giờ nhà vua sẽ đóng vai Juliet.

- Nhưng, quận công này, Juliet là một cô gái xinh đẹp như vậy, tôi e rằng cái đầu hói của tôi không được phù hợp cho lắm.

- Ngài đừng lo. Dân quê ở đây sẽ chẳng bao giờ nghĩ đến điều đó đâu. Vả lại, khi mặc trang phục vào, trông ngài khác hẳn đi. Nàng Juliet đứng trên lan can, ngẩng trắng trẻo khi quay vào đi ngủ, và nàng đã mặc vào người chiếc áo ngủ, với chiếc áo khoác và đội chiếc mũ thêu đăng tên để trốn đi cho dễ. Nhưng đồ trang phục cho cái màn kịch ấy đây.

Anh ta lôi trong bị ra hai ba bộ quần áo bằng vải màn thô, bảo rằng đó là những chiến bào thời Trung cổ của vai Richard đệ tam, và của người đối thủ kia nữa. Rồi một cái áo lót dài mặc ban đêm bằng vải trắng với một chiếc áo khoác ngoài để đánh nhau. Nhà vua lấy làm thích lắm. Sau đó, quận công đem quyển sách của anh ta ra đọc những đoạn nói về chuyện trên đây, vừa đọc vừa hoa chân múa tay cho đúng điệu bộ cần phải biểu diễn. Rồi anh ta đưa cuốn sách cho nhà vua, bảo ông ta phải đọc thuộc những phần diễn của mình.

Cách chỗ chúng tôi khoảng ba dặm có một thị trấn nhỏ. Sau bữa ăn trưa, quận công nói đã tìm ra một mẹo để có thể đi ban ngày được mà không nguy hiểm gì cho Jim. Anh ta bảo sẽ vào phố để lo liệu chuyện này. Nhà vua nói rằng lão cùng đi với để giúp một tay. Chúng tôi đã hết cả phê nên Jim bảo tôi có lẽ cũng nên đánh xuống đi cùng với họ để mua về một ít.

Khi đến thị trấn, đường vắng tanh không một bóng người, xung quanh im lặng như tờ như ngày chủ nhật. Chúng tôi gặp một người da đen đang nằm dưới nắng, trên một cái sân gần đường cái. Anh ta nói rằng tất cả những ai còn quá nhỏ, quá già hoặc quá yếu mới ở nhà, còn lại đều đi dự lễ trong rừng rồi. Nhà vua hỏi thăm đường đi, rồi rủ tôi đi cùng.

Quận công thì muốn đi tìm nhà in. Chúng tôi tìm được một xưởng in nhỏ nằm trên gác một hiệu thợ mộc. Thợ mộc và thợ in đều đi lễ, mà cửa thì không khóa. Xưởng in bẩn thỉu, lộn xộn, đầy những vết mực, lại có những mảnh giấy vẽ ngựa và vẽ những anh da đen cưỡi ngựa chạy trốn, dán khắp chung quanh tường. Quận công cởi bỏ áo ra, bảo rằng công việc của anh ta thế là đã ổn rồi. Tôi và nhà vua đi đến chỗ lễ hội. Chừng nửa giờ sau, chúng tôi mới tới chỗ ấy. Mồ hôi chảy ra như tắm vì ngày hôm đó trời rất oi bức. Hàng nghìn người ở xa đến hai chục dặm cũng về tụ tập ở đây. Trong rừng, đầy những ngựa với xe, ngựa buộc rải rác khắp nơi. Có những chiếc lều làm bằng cọc cây phủ cành lá lên trên, bán chanh, bán gừng, với những quả dưa lớn, bánh lá và nhiều thứ khác nữa.

Trong những túp lều khác có vẻ rộng rãi hơn, mọi người đang cầu nguyện. Ghế dài làm bằng những mảnh ván mỏng có lỗ để cắm gậy vào đó mà gác chân nhưng không có lưng tựa. Mực sư giảng đạo trên những bục gỗ cao hơn ở góc lều. Đàn bà đội mũ, mặc áo bằng dạ nỉ, có bà thì mang theo ô. Một số những anh nam giới đi chân đất, trẻ con chỉ có mỗi mảnh áo bằng vải thô che thân. Các cụ già ngồi đan trong khi đám trai làng thì ngấm ngấm tán gái.

Trong ngôi lều thứ nhất, một mực sư điều khiển một bài thánh ca. Ông ta hát hai câu đầu, mọi

người hát theo, nghe cũng hay đáo để. Tiếng hát mỗi lúc càng thêm sôi nổi. Dân chúng như mỗi lúc một hăng hơn, càng hát càng to. Đến cuối bài ca, họ gào lên, có người hét nữa. Rồi rục rịch bắt đầu giăng đạo. Ông ra đi đi lại trên bụi, bước sang bên này, bước sang bên kia, bước ra đằng trước, chân tay chẳng lúc nào ngồi nghỉ.

Một lúc sau, người ta không còn nghe thấy mục sư nói gì nữa. Cả đám người lao lên chiếc ghế dành cho những kẻ sám hối. Họ khóc lóc, kêu la, lăn lộn trong thật hỗn độn.

Thế rồi, nhà vua bước lên. Mục sư mời lão ta nói chuyện với dân chúng. Tiếng nói của ông ta làm tất cả đều im lặng. Lão kể rằng lão ta chính là một tên cướp biển trên ấn Độ Dương ba mươi năm nay. Trong một trận giao chiến mùa xuân năm ngoái, các đồng bọn của hắn bị giết rất nhiều. Bây giờ lão ta cần lấy thêm những người mới. Nhưng đêm qua, trên đường đi, lão lại bị cướp không còn một xu và bị ném lên tàu. Chuyện đó lão lại thấy mừng. Lão thề hứa từ nay trở đi, lão sẽ sống khác. Lão ta sẽ trở về ấn Độ Dương khuyên nhủ những tên cướp biển còn lại đi vào cuộc sống lương thiện. Lão tin rằng lão làm tốt việc này hơn ai hết bởi vì lão đã quen với mọi tên cướp. Và mặc dầu trong túi lão ta không còn tiền mà phải đi lâu lắm mới trở về tới đó được nhưng vẫn cứ đi. Và mỗi lần cải hóa được một tên cướp nào, lão sẽ nói với tên đó rằng: “Xin đừng cảm ơn tôi. Tất cả những ơn huệ ấy là thuộc về những người dân tại lễ hội Pokeville, những kẻ đã cứu giúp nhân loại, và vị mục sư kia, người bạn chân thật nhất mà anh chưa bao giờ có”.

Nói xong, lão ta khóc hu hu. Mọi người thấy thế cũng khóc. Rồi có vài người kêu lên.

- Chúng ta hãy quyên tiền để giúp đỡ ông ta!

Thế là có đến năm sáu người xô tới, nhưng lại có người nói:

- Bảo ông ấy chìa mũ và chúng ta bỏ tiền vào đó.

Mọi người khác cũng nói thế, cả ông mục sư nữa, Thế là nhà vua chìa mũ ra, đi một vòng khắp đám người, vừa lau nước mắt, cầu chúc cho họ, cảm ơn mọi người đã có lòng tốt đối với những tên cướp biển. Thỉnh thoảng, lại có vài cô gái xinh đẹp nước mắt lăn chã bước đến xin được lão hôn một cái để ghi nhớ. Lão ta ưng ngay, có người bị lão ôm chặt lấy hôn đến năm sáu lần. Rồi lão ta được mời ở lại chơi một tuần lễ. Rồi ai cũng muốn mời lão ta về ở nhà mình họ nói đó là vinh dự đối với họ. Nhưng lão ta từ chối vì đang vội phải trở lại ấn Độ Dương để thuyết phục đồng bọn.

Về đến bè gỗ, lão ta đếm được cả thảy tám mươi bảy đô la và bảy mươi lăm xu. Lão ta còn nằng nặc hai chai Whisky để ở dưới hòm một chiếc xe ở ven rừng. Lão nói đây là vụ khá nhất, hơn cả những ngày mà lão phải đo giăng đạo như ông mục sư kia.

Quận công thì nghĩ rằng mình đã làm được một việc còn thú vị hơn nhà vua nhiều. Anh ta đã in cho mấy người chủ điền vài thứ như in giấy mua ngựa, và đã nhận được bốn đô la. Rồi anh ta lại kiếm thêm được mười đô la nữa về quảng cáo cho một tờ báo. Thế là anh ta thu được chín đô la rưỡi, và cho rằng hôm đó mình đã làm một việc lương thiện.

Rồi anh ta đưa cho chúng tôi xem một bản cáo thị mà anh ta đã in không tính tiền, vì cái đó là làm cho chúng tôi. Đây là cái tranh vẽ một anh da đen chạy trốn, trên vai vác một cái gậy, đầu gậy đeo một cái bọc, ở dưới đề dòng chữ: “Hai trăm đô la tiền thưởng”. Người trong tranh chính

là Jim. Bản cáo thị còn nói rằng Jim đã chạy trốn khỏi đồn điền St Jacques, bốn mươi dặm về phía dưới New Orleans từ mùa đông năm ngoái và hình như chạy về phương Bắc, nếu ai bắt được hắn thì đưa hắn trở về sẽ được tiền thưởng và được trả các khoản chi tiêu khác.

Quận công nói:

- Từ hôm nay, nếu muốn, chúng ta có thể đi ban ngày. Hễ gặp ai, chúng ta có thể lấy dây thừng trói chân tay Jim lại, đặt Jim ở trong lều kia, rồi giơ cái giấy này ra nói là chúng ta bắt được hắn ở bên sông. Vì không đủ tiền đi tàu cho nên phải mượn cái bè gỗ này để đi lĩnh thưởng. Nếu như có vòng sắt xích sắt mà quàng vào Jim thì hơn, nhưng nó lại không ăn khớp với chuyện chúng ta nghèo quá. Cho nên dây thừng là hợp lí hơn cả.

Tất cả chúng tôi đều cho rằng quận công thật là khôn ngoan. Và như vậy, chúng tôi đi ban ngày cũng chẳng lo gì cả. Chúng tôi bàn với nhau đêm đó có thể đi thêm mấy dặm nữa để ra khỏi vùng này rồi sau đó muốn đi đâu thì tùy. Chúng tôi nằm xuống, im lặng không nói, đến gần mười giờ đêm không ló ra. Rồi chúng tôi nhẹ nhàng ra đi, cách thị trấn khá xa, và cũng không mắc đèn hiệu lên cho đến lúc chúng tôi đi khuất hẳn.

Jim gọi tôi dậy để gác vào lúc bốn giờ sáng. Hắn hỏi:

- Cậu Huck ơi, cậu có nghĩ rằng chúng ta sẽ còn gặp ông vua nào khác trong chuyến đi này, nữa không?

Tôi đáp:

- Không.

- Hắn nói:

- Thế thì được. Hai ông vua như thế này thì quá đủ rồi. Ông vua này thì nghiện rượu. Còn ông quận công kia thì cũng chẳng hơn gì.

Có lúc tôi thấy Jim cố nài nỉ nhà vua nói tiếng Pháp để hắn thử nghe xem; nhưng lão bảo rằng lão đến ở xứ này đã lâu rồi, nên bây giờ lão quên hết cả.

Chương 21

Mặt trời đã lên cao, nhưng chúng tôi vẫn tiếp tục đi không phải dừng lại giấu bè như mọi khi. Thỉnh thoảng, nhà vua và quận công lại bước ra, trông đáng mệt mỏi. Nhưng khi nhảy xuống sông tắm thì họ lại tỉnh táo ngay. Ăn sáng xong, nhà vua tháo giấy, xắn quần lên và thả chân xuống nước. Rồi lão châm thuốc hút và ngồi lẩm nhẩm cho thuộc lòng cái phần của lão trong vở Romeo và Juliet. Lúc đã khá thuộc rồi, lão cùng với quận công hai người lập thử. Quận công phải dạy đi dạy lại nhiều lần, bắt lão tập thơ dài, bắt để tay lên trái tim. Sau một hồi tập dượt, anh ta khen lão và nói:

- Chỉ có điều ngài mỗi khi gọi đến tên Romeo là ngài lại rống lên như chó sói. Ngài phải nói thật nhẹ nhàng, như thế này này: Ro- me- o. Đấy, như thế, vì Juliet là cô gái dịu dàng nên cô ấy không thể rít lên như một con lừa được.

Sau đó, hai người lại lấy ra một đôi kiếm mà quận công đẽo bằng gỗ, và bắt đầu tập đấu kiếm. Quận công đóng vai là vua Richard đệ tam. Hai bên chạy đuổi nhau trên bè trông đến khiếp. Bất chợt, nhà vua trượt chân ngã tòm xuống nước. Họ lại ngồi nghỉ, nói với nhau về đủ các thứ chuyện phiêu lưu mà họ đã từng trải qua trước đây.

Ăn bữa trưa xong, quận công nói với nhà vua:

- Chúng ta phải làm cho màn diễn hay vào hạng nhất, ngài hiểu không? Vì thế, chúng ta phải thêm thắt đôi chút cho phong phú, nhờ khán giả lại yêu cầu diễn thêm, cứ nói “encore” thì chúng ta còn cái mà diễn.

- Encore là gì, Bilgewater?

Quận công giảng cho lão nghe, rồi nói:

- Tôi sẽ đáp lại yêu cầu của họ bằng một điệu nhảy điên cuồng của vùng cao nguyên hoặc của các thùy thủ. Còn ngài, ngài có thể làm đoạn độc thoại của Hamlet.

- Cái gì của Hamlet?

- Độc thoại của Hamlet. Đó là đoạn nổi tiếng nhất của Shakespear. Lạy chúa, nó thiêng liêng vô cùng, bao giờ cũng làm cho khán giả say mê. Tôi không có cả đoạn ấy ở trong sách này mà chỉ có một tập thôi. Để tôi đi đi lại lại một chút, xem có nhớ lại được chăng.

Quận công đi lên đi xuống về suy nghĩ tợn lắm, đôi lông mày dướn cao trông rất dữ tợn. Rồi anh ra thở dài thườn thượt, một giọt nước mắt nóng hổi lăn trên má, trông nực cười lắm. Lát sau, anh ta nhớ ra và bảo chúng tôi chú ý. Với một điệu bộ quý phái, một chân bước lên, hai tay giơ ra phía trước, đầu hơi ngả về đằng sau, xong anh ta bắt đầu nghiêng hai hàm răng ken két, nói như mê sảng và đôi chỗ dần giọng. Tôi chưa bao giờ được xem một cảnh diễn nào như vậy. Nhấn mạnh vào từng chỗ, thật xưa nay chưa bao giờ tôi được thấy diễn như vậy. Cả bài độc thoại chỉ toàn thấy găm rú rồi lại thút thít.

Nhà vua mê cái đoạn này lắm, cho nên vừa học xong là nhớ ngay. Hình như lão sinh ra ở đời là

để diễn vai này. Lão đóng thử. Các điệu bộ, khóc mếu hay loạng choạng ngã của lão trông thật là đáng yêu.

Những ngày đi trên sông, cái bè gỗ đã trở thành một nơi thú vị không đâu bằng, vì suốt ngày, chúng tôi được xem các trận đấu kiếm và tập dượt. Một buổi sáng, chúng tôi đến vùng Arcansaw. Đó là một thị trấn nhỏ nằm trên bờ sông. Chúng tôi buộc bè lại một chỗ cách đó gần một dặm có cây thông ở trùn ở trên rồi cả bọn trừ Jim đi xuống thị trấn đó xem có chỗ nào trình diễn được không.

Thật là may mắn. ở nơi này có một gánh xiếc sắp diễn vào buổi chiều. Dân quê đã bắt đầu lục tục kéo đến. Họ đem theo cả ngựa, xe. Gánh xiếc sẽ rời thị trấn trước khi trời tối nên vở diễn của chúng tôi càng dễ thành công. Quận công hỏi thuê lại cái rạp, và chúng tôi đi dán quảng cáo. Quảng cáo viết như thế này:

Kịch Shakespeare phục hưng!!!

Một buổi trình diễn li kì và hấp dẫn

Chỉ có một đêm duy nhất!

Do các kịch sĩ nổi tiếng thế giới đảm nhiệm:

David Garrich con, thuộc kịch viện Drury Lane tại Luân Đôn

Edmund Kean thuộc kịch viện hoàng gia... trong một màn kịch tuyệt vời của Shakespeare có tựa đề

Màn tỏ tình trên ban công

trong

Romeo và Juliet

vai Romeo..... do ông Garrich đóng

vai Juliet..... do ông Kean đóng.

Cùng toàn ban trình diễn!

Trang phục mới, dụng cụ mới, bài trí mới!

* Lại còn diễn: Một màn rất rùng rợn, vĩ đại, đổ máu

Đấu kiếm lớn

Trong vở “Vua Richard đệ tam”

vai vua Richard đệ tam..... do ông Garrick đóng

vai Richmond..... do ông Kean đóng.

* Và lại còn diễn

(Do yêu cầu đặc biệt)

Màn độc thoại bất hủ của Hamlet!

Di nghệ sĩ trứ danh Kean trình bày.

Đã từng diễn liên tục 300 tối liền ở Pari.

Chỉ diễn tại đây có một đêm

Giá vé vào cửa: 25 xu. Trẻ con và những người lớn theo hầu: một hào.

Chúng tôi đi khắp thị trấn để dán quảng cáo. Nhà cửa hàng hiệu ở nơi đây đều đã cũ nát, xiêu vẹo. Các cánh cửa đã nứt nẻ, khô cứng mà không được sơn lại. Nền nhà nào cũng cao hơn mặt đường khoảng một mảnh vườn nhỏ, nhưng không trồng trọt nhiều, chỉ vài cây hoa quỳ, hoa mào gà, còn lại ngổn ngang những giày rách, mảnh chai, rác rưởi vớ đống hộp. Cánh cổng thì làm bằng đủ một thứ mảnh gỗ ghép vào nhau trông tối tăm lảm, quận công nói là từ thời Colomb gì đó. Trong vườn đôi khi có cả đàn lợn vào đó sục sạo.

Các cửa hiệu chạy dọc suốt phố. Trước mỗi căn nhà đều có mái hiên để khách hàng có thể buộc ngựa vào đó. Dưới những mái con ấy là những cái bục bằng gỗ, nên những kẻ vô công rồi nghề đến ngồi cả ngày, ngựa tay cầm dao gọt những cái bục ấy; miệng nhai thuốc bồm bồm, thỉnh thoảng ngáp chán chỗ này rồi lăn la sang chỗ kia, hai tay đút vào túi quần, chỉ lúc nào gãi hay xin thuốc lá thì mới rút tay ra. Câu nói nhiều nhất trong bọn họ là:

- Hans, cho tao một điếu!

- Không, tao chỉ còn một điếu. Xin thằng Bin ấy.

Có thể là Bin sẽ cho anh kia một điếu, cũng có thể hấn bảo là không có. Có những anh chàng chẳng có lấy một xu ở trên đời. Khi nào thèm thuốc lại đi xin hoặc vay. Họ nói với người này người khác:

- Jack, mày cho tao vay một nắm thuốc. Nắm thuốc cuối cùng tao lại vừa mới cho thằng Bin Thompson mất rồi

Nhưng hấn ta nói dối, và chỉ đánh lừa được người lạ. Nhưng cái anh Jack kia thừa biết mẹo của hấn ta nên nói:

- Mày cho nó rồi phải không? Mày hãy trả tao những nắm thuốc mày vay trước đi đã, rồi tao sẽ cho mày vay hấn một vài tấn thuốc nữa mà không bắt mày phải trả lãi gì hết

- Tao đã trả mày rồi cơ mà.

- Phải, mà đã trả tao được vài lần, nhưng thứ thuốc mày trả cho tao chỉ dành cho bọn da đen hút thôi...

Tất cả mọi phố xá, đường gồ gề lầy lội. Chỗ nào cũng chỉ thấy bùn, bùn đen như hắc ín, có chỗ ngập đến ba bốn mươi phân. Lợn chạy lung tung khắp nơi, kêu ừ ừ. Một con lợn nai cùng với một đàn lợn con, mình bê bết bùn nghênh ngang giữa đường phố khiến người phải dạt sang hai bên. Khi lợn con xúm đến bú thì lợn mẹ nằm dưới ra, lim dim đôi mắt, ve vẩy đôi tai, trông con lợn mẹ có vẻ sung sướng như người ta vừa được lĩnh lương. Rồi nó nghe thấy tiếng hô đoán: "Tiger, cắn chết nó đi!" Con lợn vùng dậy chạy, kêu một tiếng kinh sợ trước cảnh hai con chó

mỗi con cắn một bên tai con lợn, rồi mấy chục con chó khác ở đâu chạy đến. Tất cả những anh chàng vô công rồi nghề kia đứng dậy, chạy ra xem, cười phá lên và tỏ vẻ rất khoái trá. Sau đó, họ quay về chỗ cũ, ngồi cho đến lúc nào có một vụ chó cắn nhau nữa lại kéo ra. Không có gì làm cho bọn người này tỉnh táo và khoái trá hơn là một vụ chó cắn lẫn nhau. Nếu không thì họ cũng bắt một con chó đó đang đi lang thang, bôi nhựa cây vào con chó rồi châm lửa đốt, hay buộc một cái hộp sắt vào đuôi con chó và ngồi nhìn nó hoảng hốt chạy cuống lên cho đến chết. Ngoài bờ sông, mấy căn nhà nằm xiêu vẹo, ngả nghiêng như sắp đổ sập. Những người ở mấy căn nhà này đã bỏ đi cả. Bờ sông đã bị nước xói mòn, khiến các ngôi nhà như đang bị treo lơ lửng, và thị trấn cứ lùi vào mãi.

Càng gần đến trưa, xe cộ kéo đến càng đông, chật ních cả phố xá. Có những nhà đi cả gia đình, mang theo đồ ăn từ nhà quê lên và ngồi ngay trong xe mà ăn. Họ uống rất nhiều rượu whisky. Chính tôi đã chứng kiến ba vụ đánh nhau. Bỗng nhiên có người kêu:

- Lão Boggs tới này! Tháng nào lão cũng mò lên đây để được say! Lão tới rồi đấy, chúng mày ơi!

Cả bọn người ăn không ngồi rồi kia có vẻ thích thú lắm, tôi đoán bọn người này thường hay trêu ghẹo lão Boggs. Mọi người bọn nói:

- Không biết lần này lão ta sẽ thanh toán đũa nào đây. Nếu tập hợp được tất cả những người mà lão thanh toán được trong hai mươi năm qua thì chắc chắn lão ta sẽ thành người nổi tiếng.

Một người khác trong bọn nói:

- Tao mong lão Boggs sẽ dọa tao, vì tao biết còn một nghìn năm nữa tao mới chết.

Lão Boggs phi ngựa ầm ầm tới, miệng la hét như người da đỏ, rồi nói lớn:

- Tránh đường cho tao đi nếu không tao giẫm chết hết bây giờ. Giá quan tài tăng vọt thì dùng đồ tại tao đấy.

Lão ta say rượu, ngất ngưỡng trên yên ngựa. Lão trạc ngoài năm mươi, mặt đỏ gay gắt như mặt gà chọi. Mọi người thấy lão đều la lên gọi, cười và chế nhạo lão. Lão chào lại và nói sẽ trở về gặp, vì còn phải lên phố giết tên đại tá Sherburn, và khẩu hiệu của lão là: Thanh toán từ lên to đầu nhất rồi mới đến bọn nhãi nhép.

Trông thấy tôi, lão thúc ngựa đến gần hỏi:

- Thằng nhóc kia, mày ở đâu đến? Mày muốn chết không?

Nói xong, lão đi luôn. Tôi khiếp quá, nhưng có người bảo:

- Lão ta không có ý gì đâu, lúc nào say cũng đều như thế cả. Nhưng lão ta là một người tốt bụng nhất ở Arcansaw đấy. Lão chẳng đánh ai bao giờ, cả lúc say lẫn lúc tỉnh.

Lão Boggs phi ngựa qua một cửa hiệu to nhất trong thị trấn, rồi dừng lại, cúi xuống ngó qua chiếc màn che cửa bên mái ngoài, nhìn vào trong nhà gọi:

- Sherburn, ra đây. Ra đây gặp kẻ mà mày đã đánh lừa. Mày là con chó tao đang đuổi, và tao sẽ bắt được mày.

Rồi lão ta cứ thế réo Sherburn lên gọi bằng đủ các thứ tên. Cả phố kéo ra đông nghịt, vừa nghe

vừa cười. Lát sau, có một người trông bệ vệ ăn mặc sang trọng bước ra ngoài cửa hiệu, đám người đứng quanh giãn ra hai bên nhường lối cho đi. Người đó nói với lão Boggs, chậm rãi và có vẻ rất bình tĩnh:

- Tao chán cái trò này lắm rồi, tao sẽ cố chịu đựng mày một giờ nữa thôi. Sau một giờ, nếu mày còn mở mồm ra nói động đến tao nữa, thì dù cho mày có đi xa đến đâu tao cũng tìm được mày.

Rồi người kia quay vào. Đám người chung quanh có đứng im, không ai động đậy, và cũng không còn dám cười nữa. Lão Boggs thúc ngựa chạy đi, miệng vẫn la hét, réo tên Sherburn thật to. Lão chạy xuống phía dưới phố, rồi một chốc lại quay trở lên dừng ngựa trước cửa hiệu, miệng vẫn la hét. Một số người gần đó định bảo lão ta thôi đi, nhưng lão ta không chịu. Họ bảo chỉ còn mười lăm phút nữa là đến một giờ, và lão nên về nhà ngay đi. Nhưng chẳng ăn thua gì. Lão ta lại gân cổ lên chửi, vút chiếc mũ xuống bùm để cho ngựa dẫm lên, rồi lại quất ngựa chạy xuống cuối phố, mái tóc hoa râm của lão bay bay trước gió. Tất cả đám người kìm được ngựa của lão lại; cố sức gò con ngựa xuống để rồi giữ mồm lão cho im đi, nhưng vô ích. Lão lại lồng lên đầu phố và chửi Sherburn. Bỗng có người nói:

- Tìm con gái lão đến đây, nhanh lên. May ra thì lão ta nghe lời con gái lão đấy.

Có người chạy đi tìm. Tôi đi xuống dưới phố rồi dừng lại. Độ năm mươi phút sau đã lại thấy lão Boggs chạy xuống, nhưng bây giờ không ngồi ngựa nữa. Lão ta chạy qua phố đến chỗ tôi đang đứng, đầu trần, hai bên có hai người bạn xốc cánh tay và kéo lão đi. Lão ta có vẻ khó chịu nhưng không nói, không những lão không giằng kéo về đằng sau mà còn làm như đi vội lên phía trước nữa.

Có tiếng người gọi to:

- Boggs!

Tôi quay lại nhìn xem ai gọi, hóa ra viên đại tá Sherburn khi nãy. Ông ta đứng im giữa đường, tay phải cầm một khẩu súng giơ lên, không nhắm; mà nòng súng thì chĩa lên trời. Cùng lúc đó thấy một cô gái chạy tới, có hai người kia quay lại xem ai gọi lão ta; khi trông thấy khẩu súng, mấy người kia nhảy vội sang một bên, chiếc nòng súng chầm chậm hạ xuống, chĩa thẳng. Lão Boggs giơ hai tay lên trời nói:

- ối! Xin ông đừng bắn!

Đoàng! Phát thứ nhất nổ, lão Boggs loạng choạng thì lại, hai cánh tay chơi vơi. Đoàng! Phát thứ hai tiếp, và lão ta ngã chúi xuống mặt đất, hai cánh tay duỗi thẳng. Cô con gái vừa kịp hét to lên một tiếng nhảy đến, ngã vật xuống bên xác bố, khóc:

- Trời ơi, nó giết bố tôi rồi, nó giết bố tôi rồi!

Đám người xúm đến xung quanh, người nọ chen người kia, và những người bên trong thì cố đẩy những người khác lùi lại:

- Lui ra, lui ra, để lão ta có không khí mà thở chứ!

Viện đại tá Sherburn quăng khẩu súng xuống đất, rồi quay gót đi thẳng.

Họ đưa lão Boggs vào một cửa hiệu thuốc nhỏ. Đám người vẫn vây đến chung quanh. Cả thị

trần cùng kéo đến. Tôi chạy lên kiểm được một chỗ bên cửa sổ gần ngay chỗ để lão Boggs. Họ đặt lão nằm trên nền nhà và để một cuốn kinh lớn kê xuống dưới đầu lão. Rồi lại lấy một cuốn kinh khác mở ra để trên ngực lão. Trước đó, họ xé chiếc áo lót của lão ra, tôi nhìn rõ vết đạn. Lão ta thở hắt ra đến hơn một chục cái, rồi sau đó, lão nằm im lìm. Lão đã chết.

Họ kéo cô con gái ra ngoài. Cô con gái vẫn còn kêu khóc, nhưng họ đưa cô ta đi. Cô ta mới độ mười sáu tuổi, trông rất hiền lành, xinh đẹp, nhưng da mặt đã tái vì sợ hãi.

Cả dân thị trấn đều đã túm tụm vào chỗ đó, chen chúc nhau, xô đẩy nhau, thúc nhau để làm sao vào được gần cửa sổ nhìn thấy lão Boggs: nhưng những người đứng trước không chịu nhường, những người đứng sau thì luôn miệng:

- Này, anh kia xem đủ rồi sao còn cứ đứng mãi ở đây. Đi ra cho người khác xem với chứ...

Họ cãi nhau kịch liệt. Tôi lủn ra ngoài, sợ lại xảy ra chuyện lòi thoi nữa. Phố xá đông nghịt người. Trông ai cũng có vẻ như vội vã. Những người đã chứng kiến lúc bắn thì kể đầu đuôi câu chuyện, rồi mỗi người kể như thế lại có một đám đông quây chung quanh, đồng tai lên nghe. Một người cao lớn khênh, tóc dài tay cầm một chiếc gậy chặn cừu, đang đứng chỉ trỏ cái khoảng đất mà lão Boggs đứng và chỗ Sherburn đứng khi nãy. Mọi người theo anh chàng từ chỗ này đến chỗ kia, nhìn hẩn làm cái thứ, rồi gật gật cái đầu tỏ ra mình đã hiểu, rồi lại cúi xuống chống tay vào đùi nhìn người kia lại đứng thẳng dạy bước đến chỗ Sherburn đứng, cau đôi lông mày lại, kéo cái vành mũ xuống tận mắt rồi kêu lên.

- Boggs!

Và giờ chiếc gậy của hẩn ta, miệng nói:

- Đoàn!

Và hẩn ngã vật ra. Mọi người thấy thế bảo rằng hẩn ta đã diễn lại rất đúng và việc xảy ra lúc nãy cũng hoàn toàn như vậy. Rồi có đến hơn chục người rút những chai rượu ở trong túi đưa cho hẩn.

Lát sau, có người nói rằng Sherburn sẽ bị xử tội, Ai cũng bàn tán về chuyện ấy, rồi tất cả kéo nhau đi, người nào ấy miệng hét như điên. Họ giật lấy những băng vải để đem đi treo cổ Sherburn.

Chương 22

Họ đổ xô đến nhà Sherburn, gào thét dữ dội như những người da đỏ. Mọi thứ đều bị giật sang hai bên hoặc bị đẩy lên phía trước, hoặc bị đè bẹp thật kinh khủng. Trẻ con dẫn đầu hò hét mọi người tránh xa. Đàn bà thò đầu nhìn ra qua các khung cửa sổ. Trẻ con da đen trèo lên cây. Những anh da đen khác và các cô gái thì nhìn qua hàng rào. Đám người kéo đi đến đâu thì những người đứng xem ở chỗ đó chạy tản đi hoặc lùi vào tận bên trong. Rất nhiều đàn bà con gái trông thấy thế thì khiếp đảm, khóc văng lên vì sợ.

Họ kéo đến được hàng rào nhà Sherburn chật ních. Chỗ đó là một cái sân rộng chừng sáu thước. Có tiếng người nói:

- Kéo đổ hàng rào xuống, kéo đổ xuống!

Tiếp đó là tiếng rống rặc, chiếc hàng rào sụp xuống, mọi người tràn vào như nước lũ. Vừa lúc ấy Sherburn bước ra, tay cầm một khẩu súng hai nòng, đứng đằng hoàng, rất bình tĩnh, chứng chạc, không nói nửa lời. Tiếng ồn ào bỗng im bặt, và đám người cùng đứng sững lại.

Sherburn vẫn không nói gì chỉ đứng đó nhìn xuống. Im lặng đến rợn người. Sherburn đưa mắt chậm rãi nhìn quanh một lượt. Hắn nhìn đến đâu thì người chỗ đó lảng ánh mắt đi nơi khác. Rồi bỗng nhiên Sherburn cười lên một tiếng lạnh toát như ăn com nhai phải hạt sạn. Hắn lên tiếng, giọng khinh bỉ:

- Cái trò gia đình của các người thật là tức cười! Các người cứ tưởng là mình có đủ can đảm để gia hình một người đàn ông đấy chẳng? Các người tưởng rằng đem bôi hấn inq vào gọt tóc những người đàn bà nghèo túng, bơ vơ là anh hùng lắm sao? Như vậy rồi các anh tưởng cũng có thể mó tay vào một người đàn ông nữa chẳng? Hàng vạn các người cũng chẳng làm gì nổi một người như tôi đâu. Các người tưởng tôi không biết các người là như thế nào ư? Thế thì các người đã lầm. Tôi đã đi từ phương Nam tới phương Bắc nên tôi thừa biết con người ở đây rất hèn nhát. ở phương Bắc, người ta để cho kẻ khác đè đầu cưỡi cổ, rồi về đến nhà cậu nguyền, chịu nhịn nhục. Còn ở phương Nam, người ta hung hãn đi cướp giữa ban ngày. Báo chí thì ca ngợi các người là một dân tộc can đảm, thành thử các người cứ tưởng rằng mình can đảm hơn dân tộc khác. Tại sao các người khôn thẳng tay trừng trị tên sát nhân đó? Bởi vì các người sợ bạn bè của tên giết người sẽ bắn lén vào lưng các người. Cho nên các người lờ đi. Nhân lúc đêm tối, có người kéo theo hàng trăm những kẻ hèn nhát, mang mặt nạ, đi gia hình tên sát nhân đó. Điều sai lầm của các người là không có một người dẫn đầu và không dám nhìn vào bóng tối để mà thấy cái mặt nạ của chính mình. Các người chỉ mang theo một con người chẳng ra con người - Buck Harness kia kia - và nếu như không có hắn xúi giục thì các người cũng chẳng làm được trò trống gì.

Các người cũng chẳng muốn đến đây vì không thích lời thô thiển và nguy hiểm. Nhưng thằng Buck Harness cứ hét lên "Giết nó đi! Giết nó đi!" cho nên các người không dám rút lui sợ người ta sẽ biết mình là đồ hèn nhát. Rồi các người rầm rộ kéo đến đây, miệng thì thề là sẽ làm những điều động trời. Nhưng điều đáng xấu hổ nhất của đám người hỗn loạn là họ không chiến đấu bằng cái tinh thần dũng cảm có trong người họ, mà lại bằng cái dũng cảm mượn của đồng đảng, của người

dẫn đầu. Nhưng còn xấu hổ hơn khi đám đông đó chẳng có lấy một người dẫn đầu ra hồn như các người lúc này. Bây giờ, các người nên trở về nhà và đóng cửa cho thật chặt lại. Nếu các người muốn gia hình người nào đó, thì các người nên chọn bóng tối như kiểu của những người phương Nam. Thôi xéo ngay đi cho ta nhờ.

Nói đến đó, hấn giơ khẩu súng lên rồi lên đạn. Cả đám người bỗng lùi lại, rồi giãn dần, rồi chạy ra khắp các ngã. Còn tên Buck Harness hèn hạ cũng chạy theo đám người.

Tôi đi đến chỗ rạp xiếc là luôn ra phía sau, chờ cho đến người gác đi qua rồi chui vào dưới lều. Dù vẫn còn đồng hai mươi đô la và một số tiền khác, nhưng tôi nghĩ nên để dành vì biết đâu có lúc dùng đến, nhất là đang xa nhà xa cửa và sống giữa những người lạ. Tôi không phản đối việc phải bỏ tiền ra xem xiếc, nhưng không cần phải bỏ ra thì càng tốt hơn.

Đó là một gánh xiếc rất hoành tráng. Nhưng đoàn đàn ông bà cười ngựa đi hàng đôi trong thật đẹp mắt. Đàn ông mặc áo chèn quần đùi, chân không giày, tay để trên đùi rất dễ dàng vưng chãi. Còn đàn bà thì rất xinh tươi trông như những bà hoàng, áo quần sang trọng đánh giá đến hàng triệu đô la, lại có gài cả kim cương vào áo nữa. Tôi chưa bao giờ thấy đẹp như thế cả. Từng người lần lượt đứng lên đi vòng quanh vũ đài rất uyển chuyển. Đàn ông thì cao lớn, oai vệ, chững chạc, còn đàn bà thì mặc áo màu hồng bay phấp phới, mềm mại.

Mỗi lúc họ đi một nhanh hơn, tất cả đều nhảy múa, đưa một chân lên rồi lại đưa chân kia lên. Nhưng con ngựa nghiêng đầu khi người điều khiển đi xung quanh, vừa đi vừa quất roi la hét. Mọi người vỗ tay hoan hô cuồng nhiệt.

Trong buổi trình diễn, họ làm nhiều trò rất khác lạ. Lúc anh hề bước ra thì mọi người cười như nắc nẻ. Tôi không hiểu hẳn làm thế nào mà lại nghĩ ra được nhiều trò và lại nhanh nhẹn như thế. Tôi thì có cho tập đến một năm cũng không làm được như vậy. Bỗng có một anh chàng say rượu ở đâu đến định bước vào vũ đài, nói rằng anh ta muốn đi ngựa. Anh ta bảo có thể đi ngựa chẳng kém gì những người lúc này. Họ định giữ anh ta đứng lại nhưng anh ta không nghe và buổi diễn phải tạm ngừng. Những người đi xem la ó, chửi mắng anh ta làm anhe ta càng khùng hơn. Có mấy khán giả nhảy ra khỏi hàng ghế bước vào trong vũ đài nói: “Đánh cho nó một trận, mэм nó ra ngoài kia” Một vài bà sợ hãi hét lên. Thế rồi người chủ xiếc nói rằng nếu như anh chàng kia hứa không gây ra chuyện gì nữa thì sẽ để anh ta đi ngựa. Mọi người cười và bảo để cho anh chàng kia bước vào. Anh ta vừa ngồi lên mình ngựa thì con ngựa cứ thế nhảy lồng lên khắp nơi. Hai người trong gánh xiếc chạy ra, có gì lấy dây cương mà cũng không được, còn anh chàng say rượu kia thì cứ ôm chặt lấy cổ con ngựa, cứ mỗi lần nó nhảy lên thì anh ta lại chổng vó lên trời khiến khán giả cười chảy cả nước mắt. Sau cùng, con ngựa chịu đứng yên, rồi lững thững đi vòng quanh vũ đài; anh chàng kia vẫn nằm trên lưng ngựa, tay bám chặt lấy cổ ngựa, chân bên này thông xuống lưng lẳng gấn mặt đất, rồi lại chân bên kia. Mọi người cười ngả nghiêng. Riêng tôi thì chả lấy thế làm khoái trá, mà lại run sợ thay cho anh kia. Nhưng rồi, bỗng anh ta ngồi phắt dậy, nắm lấy dây cương, nghiêng bên nọ, nghiêng bên kia, rồi chợt nhảy lên, bỏ dây cương và đứng thẳng người; còn con ngựa thì bắt đầu phi như bay. Anh ta vẫn đứng như thường trên mình ngựa một cách dễ dàng như không hề say rượu. Rồi vừa phi ngựa, anh ta vừa cởi bỏ quần áo bên ngoài vứt xuống đất. Anh ta mặc nhiều quần áo quá, tất cả những mười bảy cái quần áo. Thế là anh ta hiện nguyên dạng là một chàng trai khôn ngoan tuấn tú, rồi anh ta quấn thật mạnh vào con ngựa cho nó hí vang lên. Cuối cùng, anh ta nhảy xuống, chào khán giả rồi chạy vào trong. Tất cả mọi người ngạc nhiên reo hò ầm ĩ.

Ông chủ gánh xiếc giả bộ tỏ ra là một kẻ vừa bị mắc lừa, nhưng thực ra anh chàng kia chính là người của gánh xiếc! Anh ta đã bịa ra cái trò cười ấy mà chẳng cho ai biết trước cả. Tôi không biết có gánh xiếc nào đáng hoàng hơn thế nữa không, nhưng dầu sao tôi thấy cũng tạm được.

Đêm đó, đến lượt chúng tôi trình diễn, nhưng chỉ có khoảng mười hai người đến xem, vừa đủ tiền phí tổn. Trong khi xem, họ cười không ngừng, làm cho quận công phát khùng lên. Mọi người bỏ về từ khi buổi diễn chưa kết thúc, chỉ còn lại một thằng bé đang ngủ say như chết. Thế là quận công bảo rằng người dân Arcansaw ngu ngốc nên không hiểu được Shakespeare. Anh ta nói rằng họ chỉ hợp với thứ kịch rẻ tiền thôi. Cho là mình đã nắm được thị hiếu của dân vùng này, sáng hôm sau, anh ta kiếm đâu được một tờ giấy với một ít mực đen đem về nguệch ngoạc mấy tờ quảng cáo đem dán ở khắp nơi. Tờ quảng cáo viết thế này:

Tại nhà xử án!

Chỉ diễn có ba tối!

Hài kịch sĩ nổi tiếng thế giới

David Garrick em

và

Edmund Kean anh cả

Nghệ sĩ kịch viện Luân Đôn và kịch viện

Đại lục trong vở bi kịch rừng rợn.

Con hươu cao cổ của nhà vua

Giá vé vào cửa: 5 hào

Đàn bà, trẻ con không được vào xem!

Quận công nói:

- Nếu lần này mà họ không đến xem thì ta cũng chịu không thể hiểu nổi dân vùng này nữa.

Chương 23

Suốt cả ngày, quận công với nhà vua vất vả chuẩn bị, nào là dựng sân khấu, căng phông màn, treo đèn... Đêm đó, rạp chật ních người đến xem. Khi đã quá đông rồi, quận công mới không đứng soát vé nữa mà đi vòng phía sau lên sân khấu, ra trước màn diễn thuyết. Anh ta hết lời ca tụng vở bi kịch này và nói rằng đây là một vở kịch rừng rợn chưa bao giờ có, khi đã làm cho mọi người suốt ruột muốn xem quá, anh ta mới cuộn phông màn lên. Một phút sau, nhà vua lồm cồm bò ra, không một mảnh vải che thân. Khắp người lão, vẽ nhằng nhịt những vết bằng đủ các màu, trông rục rờ như cái vồng trông vừa có vẻ dữ tợn và rất ngộ nghĩnh. Công chúng cười lăn lộn. Sau khi nhà vua đã nhảy vào phía cuối sân khấu rồi, công chúng lại vỗ tay ầm lên, hú gọi bắt nhà vua phải diễn lại, rồi sau đó lại một lần nữa. Cứ chỉ nhìn những vết vằn mà nhà vua ngu ngốc kia bôi lên người thì đến con bò cũng phải bật cười.

Sau đó, quận công hạ màn xuống, cúi chào khán giả, nói rằng vở kịch vĩ đại này chỉ còn diễn hai đêm nữa thôi, vì còn phải trở về Luân Đôn diễn theo hợp đồng đã ký kết, mà vé ở nhà hát Drury Lane thì đã bán hết sạch. Anh ta lại cúi chào một lần nữa, và nói rằng nếu như vở kịch đã làm cho mọi người được hài lòng thì mong khán giả mách bảo cho bạn bè thân thuộc đến xem.

Mấy chục người nhao nhao lên hỏi:

- Thế là hết rồi ư? Chỉ có vậy thôi sao?

Quận công nói rằng đúng vậy. Thế là mọi người kêu lên “Đồ lừa đảo!”, rồi tức giận đứng lên định xông vào sân khấu và những kịch sĩ nữa. Những bỗng lúc đó có một người to lớn, oai vệ, nhảy lên một chiếc ghế, nói to lên:

- Khoan đã, tôi xin vài câu, thưa các ông!

Họ dừng lại nghe.

- Chúng nó đã bịp chúng ta, bịp một cách trắng trợn. Nhưng chúng ta không muốn cả thị trấn này cười vào mặt chúng ta. Vì vậy, bây giờ chúng ta hãy ra về, nếu có ai thôi về buổi diễn này, chúng ta cứ ca ngợi hết lời để những tối hôm sau họ lại bị lừa như chúng. Mọi người thấy có đúng không?

Hôm sau, khắp thị trấn, ai cũng khen buổi biểu diễn thật là tuyệt. Và đêm đó, rạp lại chật cứng những người. Đám khán giả lần này lại bị lừa như đêm trước. Tôi, nhà vua và quận công trở về bè ăn tối, sau đó, đến nửa đêm, hai người bảo tôi với Jim đẩy bè ra giữa sông rồi đem giấu vào một chỗ phía dưới thị trấn khoảng hai dặm.

Đêm thứ ba, rạp lại chật cứng người xem. Họ không phải là khán giả mới, mà vẫn là những người đã xem hai đêm trước. Tôi đứng ở cửa, bên cạnh quận công, thấy người nào túi cũng phồng to. Tôi ngửi thấy mùi trứng thối, bắt cái thối, với những thứ khác như thế. Có tất cả sáu mươi tư người đã bước vào rạp. Tôi cũng đi vào trong rạp nhưng khó chịu quá nên đi ra ngay. Một lúc sau, khi mọi chỗ ngồi đều đông đủ cả rồi, quận công cho anh chàng đứng gần đó hai mươi lăm xu, bảo hắn giữ cửa giúp một lát rồi anh ta đi vòng về phía sân khấu. Tôi bước theo.

Vừa ra đến góc nhà và bước vào chỗ tối, quận công nói:

- Chạy ra khỏi dãy phố này, nhanh lên. Rồi tới chỗ giấu bè, làm như bị ma đuổi ấy nhé.

Tôi chạy, rồi anh ta cũng chạy. Chúng tôi tới chỗ bè cùng một lúc, và chỉ trong hai giây đồng hồ, chúng tôi đã cho bè xuống dòng. Mọi vật đều tối đen, im lặng. Bè ra đến giữa sông, không ai nói một tiếng. Tôi nghĩ tội nghiệp cho nhà vua lúc này còn ở lại trong rạp với đám khán giả kia là lão đã chết mất thôi. Nhưng vừa lúc ấy, lão từ trong lều bò ra hỏi:

- Thế nào, lần này kiếm được bao nhiêu?

Thì ra nhà vua đã không vào thị trấn đêm đó.

Đi đến mười dặm rồi mà chúng tôi vẫn chưa dám đốt đèn lên. Bây giờ mới thấp đèn ăn bữa tối. Nhà vua với quận công cười khoái trá về cái cách mà họ mua vui cho công chúng. Quận công nói:

- Toàn là những bọn ngu ngốc. Tôi đã biết trước là bọn đi xem tối đầu thế nào cũng cầm miệng để cho tất cả các đám khác bị lừa, và tôi cũng biết họ sẽ còn để cho mình đến đêm thứ ba mới ra tay. Có lẽ bây giờ họ biến cuộc đi xem kịch thanh chuyển đi chơi với đầy đủ những loại thực phẩm mang theo.

Hai tên lưu manh này đã bỏ túi được bốn trăm sáu mươi đô la trong ba tối. Tôi chưa hề thấy họ thu được nhiều tiền như vậy. Lúc sau, họ đã nằm xuống ngủ và ngáy ầm ầm. Jim hỏi tôi:

- Huck, cậu không thấy bọn này làm ăn rất ma quái ư?

Tôi nói:

- Không, chẳng có gì là ma quái cả.

- Sao lại không, cậu Huck?

- Vì tôi nghĩ là bọn họ ai cũng đều như vậy cả.

- Này, cậu Huck, thì tất cả những bọn vua này đều là cướp cả thôi.

- Đúng vậy đó. Theo tôi hiểu, tất cả bọn vua chúa đều lưu manh cả.

- Thế ư?

- Anh cứ đọc sách thì sẽ thấy hết thôi. Chẳng hạn như vua Henry đệ tám không bằng người quản lý trường dòng. Rồi như Sáclo đệ nhị, rồi Luis mười bốn, Luis mười lăm, rồi James đệ nhị... vv. Vua Henry đệ tám mỗi ngày lấy một vợ mới, rồi đến sáng hôm sau thì đem đi chém đầu. Hắn ta làm cái việc đó cũng thản nhiên như gọi người đem đĩa trứng lên thôi. Hắn ta nói: “Đem nàng Nell Gwynn đến đây!”. Họ đem nàng đến. Rồi hôm sau, hắn ra lệnh: “Chém đầu đi!”. Thế là chém. Và hắn ta lại bắt mỗi nàng một đêm phải kể cho hắn nghe một câu chuyện. Rồi hắn ta gộp nhặt những những chuyện ấy lại thành truyện “Nghìn lẻ một đêm”. Anh không biết đến những ông vua ấy, chứ tôi thì tôi biết họ lắm. Và nhà vua đi với chúng ta đây là một trong những ông vua có thể gọi là trong sạch nhất trong lịch sử đấy. Còn như tay Henry kia thì hắn ta ngờ vực cả bố để ra hắn là công tước Wellington nữa. Hắn ta chìm bố xuống bể nước như chìm một con mèo ấy. Nếu có người nào để tiền ở gần chỗ hắn ngồi thì hắn nhặt hết. Hắn chưa thể

ngậm mồm lại nếu như chưa nói dối được ai cái gì. Đấy, vua Henry là loại khốn nạn như vậy đó. Hẳn chẳng cần bày ra cái trò diễn kịch nhưng trắng trợn dân chúng phải nộp tiền cho hắn.

- Nhưng nhà vua này cũng thôi tha như vậy mà cậu Huck.

- Họ thế cả thôi, Jim ạ. Chúng mình đành phải chịu thôi, lịch sử cũng không thấy nói đến cái đó.

- Dẫu sao, quận công cũng con khá hơn.

- Đúng vậy, nhưng cũng không khác nhiều lắm. Quận công này là hạng khá cừ đấy. Khi anh ta say rượu thì nhìn kĩ cũng khó mà phân biệt nổi với nhà vua.

- Thôi, tôi chẳng muốn nghe những chuyện về các ông vua ấy nữa đâu, cậu Huck ạ. Tôi không chịu nổi họ nữa rồi.

- Tôi cũng thấy thế, Jim ạ. Những vì chúng mình đang phải sống cùng với họ, cho nên phải cố mà chịu. Cũng có lúc tôi mong được thấy một nước nào mà không còn vua nữa.

Tôi cũng chẳng muốn nói cho Jim hiểu rằng những người này không phải là vua thật và quận công thật vì chẳng có ích gì cả. Hơn nữa, phân biệt giữa thật và giả không phải là chuyện dễ.

Tôi đi ngủ. Jim không gọi tôi dậy mà gác luôn hộ tôi. Lúc tôi thức dậy, trời đã sáng, và tôi thấy Jim ngồi đó, đầu gác lên hai đầu gối, đang rên rỉ trong miệng. Tôi hiểu rằng Jim đang nghĩ về vợ con ở nơi xa. Jim đang buồn, nhớ nhà, vì trong đời Jim trước kia chưa bao giờ phải xa nhà. Và tôi tin rằng Jim lo lắng đến những người thân yêu của Jim cũng như những người da trắng lo lắng đến ba con của mình. Điều đó nghe hình như không được tự nhiên, nhưng tôi nghĩ có lẽ như thế đấy. Thường cứ đến đêm là Jim hay lẩm rầm như vậy, có những lúc Jim tưởng tôi đã ngủ rồi, Jim nói:

- Tội nghiệp con bé Lizabeth, tội nghiệp Johnny. Khổ thân các con quá, chẳng bao giờ bố còn được gặp lại các con nữa đâu!

Jim là một người da đen tốt bụng.

Lần này, tôi nói với Jim một chút về chuyện vợ con của hắn. Hắn nói:

- Hôm nay tôi thấy khổ sở như vậy là vì tôi nghe thấy ở đằng xa, trên bờ sông kia, có tiếng đánh đập làm cho tôi nhớ đến một chuyện đối với con bé Lizabeth. Hồi nó mới lên bốn tuổi, mà nó đã bị bệnh sốt nặng đến liú cả lưỡi. Nhưng rồi nó cũng khỏi. Một hôm nó đứng chơi ngoài cửa, tôi bảo nó:

- Đóng cửa lại đi, con!

Nó không làm mà cứ đứng đó, chỉ nhìn tôi và cười. Tôi bực mình quá, quá to lên:

- Mà có nghe thấy tao nói không? Đóng cửa vào!

Nó vẫn cứ đứng đó mà cười. Tôi điên ruột lên:

- Mà không nghe lời nào hả?

Rồi tôi đánh cho nó một cái tát vào đầu. Con bé ngã lăn ra đất. Tôi đi sang buồng bên, mười phút sau tôi trở lại thấy cửa vẫn còn mở, và con bé vẫn đứng đó, mặt cắm nhìn xuống đất, nước mắt chảy ròng ròng. Trời ơi, lúc đó tôi mới tức điên lên! Tôi đang định bước tới thì một con gió ở đâu thổi đến, cánh cửa sổ đổ sau lưng con bé. Tôi hoảng sợ chạy đến, toàn thân tôi run bần lên, cúi xuống nhìn con bé. Nó vẫn đứng im như không có chuyện gì xảy ra. Tôi rú lên khóc và ôm chặt nó vào lòng. Tôi nói: “Tôi nghiệp con tôi! Xin Thượng đế hãy tha thứ cho thằng Jim khốn khổ này”. Thì ra, con bé đã hoàn toàn câm và điếc từ bao giờ rồi, vậy mà tôi đối xử với nó như thế đấy!

Chương 24

Gần tới hôm sau, chúng tôi neo bè dưới một gốc cây liễu, hai bên bờ sông đều có làng mạc. Quận công và nhà vua lại bắt đầu bàn bạc chương trình hoạt động trên thị trấn này. Jim nói với quận công rằng đừng đi lâu quá, chỉ chừng mấy tiếng đồng hồ thôi vì mình Jim nằm suốt ngày trong lều và bị trói như thế thì mệt mỏi lắm. Mỗi khi đi vắng, chúng tôi trói Jim lại, để nhớ có ai bất chợt đến, trông thấy hắn bị trói thì cho rằng hắn đã bị bắt. Quận công cũng đồng ý cho rằng cứ suốt ngày nằm mà bị trói như vậy cũng khổ thật, vì thế anh ta sẽ nghĩ xem có cách nào hay hơn không.

Quận công quả thật là người thông minh. Anh ta nghĩ ngay ra một kế: cho Jim mặc quần áo của vua Lear, đeo một bộ tóc giả bằng lông đuôi ngựa trắng; rồi anh ta lấy bút vẽ phông bôi lên mặt, lên tay, lên tai, lên cổ Jim một màu xanh xám, trông như người bị chết trôi đến chín ngày. Khiếp, chưa bao giờ trông ghê tởm thế. Rồi quận công lấy một mảnh gỗ và viết lên:

Người ả Rập tâm thần, rất nguy hiểm khi nổi cơn.

Rồi anh ta treo mảnh gỗ đó vào một cành cây, cách lều độ vài thước. Jim lấy làm hài lòng lắm vì như vậy còn hơn là ngày nào cũng bị trói, nằm đó mà cứ run lên khi khi nghe thấy tiếng động. Quận công bảo Jim cứ yên trí, và nếu có lắng vẳng ở đây thì bước ra khỏi lều, giả bộ như một kẻ điên rồi hú lên một tiếng như thú rừng, thì người ta sẽ sợ mà chạy đi ngay. Nghe cũng hay đấy. Nhưng đó là đối với ai cơ chứ còn Jim thì người ta chỉ cần nhìn thấy là cũng đủ sợ chứ chẳng cần anh ta phải hú lên nữa.

Hai tên lưu manh này lại định diễn kịch như hôm trước một lần nữa để thu thêm ít tiền. Nhưng rồi họ nghĩ rằng như vậy cũng nguy hiểm, và có lẽ biết đâu những tin tức về buổi diễn hôm trước đã lan tới tận dưới này rồi. Họ không tìm được mẹo nào khác, sau đó quận công nói để anh ta nằm nghĩ một hai tiếng đồng hồ nữa xem có thể làm gì được không. Nhà vua bảo nếu không có chương trình mới thì lão ta cứ để mặc Thượng Đế định đoạt số phận của lão. Ở chỗ nghỉ lần trước, chúng tôi đều mua quần áo mới. Quần áo của nhà vua đen tuyền, trông lão oai vệ ra phết. Chưa bao giờ thấy quần áo lại có thể thay đổi con người như thế. Trước kia, trông lão lôi thôi, lếch thếch, nhưng bây giờ khi lão nhấc bỏ cái mũ trắng xuống, nghiêng người chào và mỉm cười một cái thì trông thật nghiêm trang tưởng như lão đã từng là một giáo sĩ Do Thái. Jim quét dọn cái xuồng và tôi chuẩn bị sẵn mái chèo. Có một chiếc tàu thủy đỗ để dỡ hàng ở bên bờ phía trên kia cách thị trấn khoảng ba dặm. Nhà vua nói:

- Cứ xem cách ăn mặc của ta thế này thì ai cũng nghĩ rằng ta là St Louis hay Cincinnati xuống. Huck, chúng ta sẽ đi tàu thủy đến làng dưới kia.

Nói đến chuyện được đi tàu thủy thì tôi chẳng cần phải để gọi đến hai lần. Tôi đẩy xuồng theo dọc bờ phía bên này một quãng nửa dặm, rồi dò chỗ nào nước chảy nhẹ mà đi. Lát sau, chúng tôi gặp một chàng thanh niên trông quê mùa, có vẻ ngờ nghệch, đang ngồi trên thân cây, lau mồ hôi nhễ nhại trên mặt. Bên cạnh anh ta có hai cái bao lớn.

Nhà vua bảo:

- Quay mũi xuống vào bờ đi.

Tôi đẩy xuống quay vào.

- Này, anh kia đi đâu? - Nhà vua hỏi.

- Tôi đi ra tàu thủy để đến Orleans

Nhà vua nói:

- Lên đây! Khoan đã, để người hầu của tôi xách đỡ cho mấy cái bao. Nhảy lên giúp ông ấy đi, Adolphus. (Chắc lão muốn bảo tôi đấy).

Tôi lên bờ, xách mấy cái bị xuống, rồi ba người cùng đi. Anh kia cảm ơn rồi rít và nói rằng trời nóng nực thế này mà phải vác mấy cái này đi thì thật là vất vả. Anh ta hỏi nhà vua đi đâu, lão nói rằng sáng nay lão vào một ngôi làng phía trên kia, rồi đi mấy dặm nữa đến thăm một người bạn cũ ở một cái trại gần đây. Anh chàng kia nói:

- Lúc nãy mới trông thấy bác, tôi tự bảo chắc đây là ông Wilks, nhưng rồi tôi lại bảo không vì nếu là ông Wilks thì không đi ngược sông như thế này. Chắc bác không phải là ông Wilks chứ?

- Không, tên tôi là Blodgett, Elexandre Blodgett, mục sư Elexandre Blodgett, nói vậy cho đúng. Nhưng chính tôi đây cũng đang nghĩ về ông Wilks không hiểu tại sao lúc này còn chưa tới đây, hay ông ta gặp chuyện gì không may?

- Thực ra, về vật chất ông ta chẳng mất gì cả. Nhưng ông ta không kịp gặp người anh trai là Peter vừa mới chết. Hình như hai anh em họ từ hồi nhỏ đến giờ chưa được gặp nhau - và cũng chưa được thấy người em tên là William nữa. Người em này vừa câm vừa điếc. William mới có ngoài ba mươi, ba mươi lăm tuổi gì đó. Chỉ có Peter và George đến ở vùng này thôi. George đã có vợ. Cả hai vợ chồng cùng chết năm ngoái. Bây giờ còn lại chỉ có Harvey và William thế mà họ đến không kịp rồi.

- Thế có ai bảo cho họ không?

- Có chứ, chừng hai tháng này rồi, từ lúc Peter mới bắt đầu ốm. Lão ta già lắm rồi. Còn những đứa con gái của George thì còn nhỏ quá, không giúp đỡ được gì lão cả. Chỉ có Mary Jane tóc đỏ thôi. Sau khi vợ chồng George chết, lão ta thấy cô đơn vô cùng và cũng không muốn sống nữa. Lão ta cầu mong được gặp lại Harvey đến gần tuyệt vọng, cả William cũng vậy. Lão ta có để lại một lá thư cho Harvey, trong thư đó có nói lão giấu của ở chỗ nào, và muốn rằng tại sản để lại chia cho những cô con gái của George, vì George trước kia không có gì để lại cho con cái. Tất cả lá thư chỉ viết có thế thôi.

- Tại sao anh lại nghĩ rằng Harvey không đến được, Harvey hiện nay ở đâu?

- ở tận bên Anh cơ, vùng Sheffield gì đó, nghe đâu làm mục sư. Từ trước đến nay, ông ta chưa về đây lần nào. Ông ta bận lắm... mà có lẽ ông ta không nhận được thư của Peter...

- Thật tội nghiệp cho Peter, giá lão được trông thấy mặt anh em nhĩ. Vừa rồi, anh nói là đi Orleans phải không?

- Vâng, nhưng đấy chỉ là chặng đầu thôi. Thứ tự tuần sau, tôi lại đèo tàu thủy đi Ryo Janeero,

bác tôi ở đó mà.

- Đi xa gớm nhỉ, nhưng chắc là thích lắm. Tôi cũng muốn đi lắm. Có phải Mary Jane là cô lớn nhất không nhỉ. Còn những cô khác bao nhiêu tuổi rồi?

- Mary Jane mới mười chín, Susan mười lăm, và Joanna mười bốn. Cô út bị sứt môi nhưng lại chăm chỉ làm ăn.

- Tôi nghiệp cho những cô gái bé bỏng mà bị mồ côi.

- Đáng lẽ thì các cô ấy còn khổ hơn thế nữa. Nhưng lão Peter có nhiều bạn quen, và họ không để cho những cô này phải khổ. Những người đó, lão Peter chơi thân hơn cả và thỉnh thoảng có viết thư nói về họ mỗi khi gửi thư về nước Anh; vì vậy Harvey mà đến đây thì cũng có thể tìm ra những bạn bè quen thuộc.

Nhà vua cứ hỏi mãi về chuyện này đến lúc anh chàng trẻ tuổi kia hết cả không còn gì để nói nữa. Mà quái lạ, lão ta chẳng hỏi thăm gì đến ai khác hay cái thứ gì khác ở trong tỉnh, mà chỉ toàn hỏi đến chuyện gia đình nhà Wilks kia thôi. Rồi lão hỏi đến nghề nghiệp của Peter - làm nghề thuộc da, hỏi đến George - làm nghề thợ mộc, rồi đến Harvey, là mục sư... Lão lại hỏi:

- Tại sao anh lại phải đi ngược lên chỗ tàu thủy?

- Vì đó là một chiếc tàu to nên không lách vào đây được, tôi cũng sợ nó không đỗ ở đây đâu. Tàu Cincinnati thì nó đỗ, chứ con tàu St Louis này thì không biết thế nào

- Thế Peter Wilks có giàu không?

- Khá giàu đấy. Lão có nhà cửa, ruộng đất, và nghe nói lão ta để lại ba bốn nghìn đồng chôn giấu ở đâu đó.

- Lão ta chết bao giờ vậy?

- Đêm qua

- Chắc mai thì đưa đám?

- Vâng, nghe đâu trưa mai.

- Đáng buồn quá; nhưng chúng ta trước sau cũng thế cả thôi. Cho nên, chúng ta cứ chuẩn bị sẵn đi là vừa.

- Đúng thế đấy, ông ạ. Mẹ tôi cũng vẫn thường nói thế.

Chúng tôi đến chỗ tàu đỗ thì nó đã sắp dỡ hàng xong, chỉ một tí nữa là chạy. Nhà vua không nói tí gì về chuyện lên tàu cả; thành ra tôi cũng chẳng được đi tàu. Khi con tàu đi xa tôi, nhà vua mới bảo tôi chèo quá lên trên một dặm nữa. Đến nơi vắng vẻ, lão bước lên bờ nói:

- Bây giờ quay xuống về đưa quận công lên đây, nhớ đem theo cả mấy bao vải mới nữa. Nếu anh ta đã đi sang bên kia sông thì sang đó tìm anh ta về, bảo anh ta thế nào cũng lên đây ngay nhé. Nhanh lên!

Tôi biết lão ta đang tính chuyện gì, nhưng tôi không nói. Khi đưa quận công đến, chúng tôi giấu

xuống rất kĩ. Nhà vua kể lại với quận công từ đầu đến cuối câu chuyện mà lão vừa nghe được. Trong khi nói chuyện, lão ta cố nói bằng giọng người Anh, cũng giống đáo để. Rồi lão hỏi:

- Bilgewater, anh đóng vai người vừa câm vừa điếc được không?

Quận công bảo là được vì đã có một lần anh ta giả làm người vừa câm vừa điếc rồi. Thế là bọn chúng tôi ngồi đó đợi chuyến tàu thủy.

Khoảng quá trưa, có vài chiếc tàu nhỏ đi tới, nhưng nó không đi xa. Một lúc sau, có chiếc tàu to, họ gọi vào. Ngoài tàu cho xuống con vào đón. Cả ba chúng tôi bước lên tàu. Tàu này từ Cincinnati tới. Nhưng khi chúng tôi lên tàu rồi, họ thấy chúng tôi nói chỉ đáp tàu một quãng bốn năm dặm thôi, họ chửi cho một hồi, và bảo rằng họ không đỡ lại cho chúng tôi xuống đâu. Nhưng nhà vua rất bình tĩnh. Lão nói:

- Nếu chúng tôi trả mỗi một dặm một đô la, thì tàu có chịu chở không?

Nghe nói thế, họ đồng ý ngay và không còn bực tức nữa. Đến chỗ chúng tôi chỉ, chiếc tàu cho chở chúng tôi vào bờ. Có đến hơn hai chục người trông thấy xuống chúng tôi đến thì đổ xô ra. Nhà vua hỏi:

- Các vị có thể chỉ cho tôi biết chỗ ở của ông Peter Wilks ở đâu không?

Bọn người kia nhìn nhau lắc đầu vẻ buồn bã. Nhưng một người trả lời bằng một giọng rất nhã nhặn:

- Rất tiếc, thưa ông. Nhưng chúng tôi chỉ có thể cho ông biết chỗ mà ông ấy còn ở tối hôm qua thôi.

Rồi bất thành linh, nhà vua òa lên khóc nức nở, ôm chầm lấy người kia, vừa khóc vừa nói:

- Than ôi, người anh tôi nghiệp của chúng tôi đã qua đời rồi, chúng tôi không bao giờ còn được trông thấy mặt nữa! Ôi, đau đớn quá!

Rồi lão ta quay lại, ra hiệu cho quận công. Thế là quận công rút hai cái bao xuống đất rồi cũng òa lên khóc. Tôi chưa thấy tên nào xảo quyệt như hai tên này bao giờ.

Đám người kia xúm lại, tỏ vẻ thương hại, họ ra sức an ủi, rồi mang giúp hai cái bao lên đồi, để cho hai người vịn vào vai họ mà khóc, và kể lại cho nhà vua nghe tất cả về giờ phút cuối cùng của ông anh. Còn nhà vua dùng tay ra hiệu nói lại với quận công, rồi cả hai làm như mất ông anh làm nghề thuộc da ấy thì khác nào như mất đạo vậy. Thật tôi chưa hề nghĩ con người lại gian xảo như vậy.

Chương 25

Chỉ trong hai phút, cả thị trấn đều đã biết tin này. Họ đổ xô từ bốn phía đến. Lát sau, chúng tôi bị một đám đông người vây xung quanh, tiếng ồn ào rầm rập như một cuộc diễu hành vậy. Cửa lớn, cửa nhỏ đâu cũng đầy những người; chốc chốc lại có tiếng người hỏi:

- Có phải họ đấy không?

Và tiếng trong đám người trả lời ngay:

- Đúng vậy.

Chúng tôi bước đến ngôi nhà của Peter, mọi người chen chúc nhau, ba người con gái đang đứng trước cửa. Mary Jane tóc đỏ, nhưng không ảnh hưởng gì đến sắc đẹp long lanh của cô ta. Cô ta rất mừng, khuôn mặt rạng rỡ hẳn lên, đôi mắt sáng long lanh khi thấy chú bác đã về. Nhà vua đang rộng hai tay ra, và Mary Jane nhảy đến; cô sút môi chạy đến chỗ quận công. Mọi người, nhất là đám đàn bà, reo lên vì sung sướng vì thấy họ gặp nhau đầm ấm như vậy.

Rồi nhà vua nháy riêng với quận công, rồi lão nhìn quanh nhà, nhìn cái quan tài đặt ở góc nhà, kê trên hai chiếc ghế. Lão cùng với quận công, một bên tay vịn vào vai nhau, còn bên tay kia che mặt, bước chầm chậm, nghiêm trang đến chỗ đặt quan tài. Mọi người lui lại để lấy chỗ cho hai người đi vào, bao nhiêu tiếng nói chuyện xì xào im bặt, có người nói suýt, rồi tất cả bỏ mũ ra, cúi đầu xuống chiếc quan tài, thoảng nhìn một cái, rồi cả hai bật òa lên khóc thật to mà đến tận ở Orleans cũng có thể nghe thấy. Rồi họ vòng tay ôm lấy cổ nhau, gục đầu vào vai nhau, đến ba phút hay có lẽ bốn phút mà chưa rời nhau ra. Đáng chú ý là mọi người khác cũng đều làm như vậy, khiến cảnh tượng trở nên thê thảm chưa từng thấy. Rồi mỗi người đứng ra một đầu quan tài, quỳ xuống, tựa trán vào chiếc quan tài để mọi người chung quanh cầu nguyện cho họ. Ai cũng khóc rống lên, cả những cô con gái tội nghiệp kia nữa, rồi các bà, các cô, chẳng ai nói một lời, trịnh trọng bước đến hôn lên trán họ, rồi để tay lên đầu, mặt ngừng lên trời, nước mắt chảy lã chã xuống, rồi lại bật lên khóc nức nở, người trước làm rồi đến người sau cũng thế. Tôi chưa bao giờ trông thấy cảnh bỉ ổi như vậy.

Lát sau nhà vua đứng lên, nước mắt tràn trề và bắt đầu nói. Lão nói rằng thật là một điều vô cùng đau đớn cho lão và em lão đã mất người thân yêu sau khi đã đi đường xa bốn nghìn dặm về đây mà không còn được trông thấy người xấu số; rồi lão lại nói những nỗi đau đó được dịu bớt và được an ủi phần nào do tình cảm của bà con và những giọt nước mắt thiêng liêng kia, và tự đáy lòng xin cảm tạ mọi người, rồi lão ta lại nức nở tuôn ra một tràng những lời tụng niệm a men, và quay ra khóc lạng cả người nữa.

Lúc lão ta vừa dứt lời thì có người trong đám kia hát lên một bài thánh ca, những người khác cũng hát theo, làm cho không khí rộn ràng hẳn lên. Âm nhạc thật là có tác dụng. Sau tất cả những câu nói rỗng tuếch của nhà vua, tôi thấy không khí mát dịu hẳn đi và còn có vẻ lương thiện nữa. Rồi nhà vua lại tiếp tục khua môi múa mép. Lão nói rằng lão và những cô cháu gái kia sẽ rất lấy làm mừng nếu như một số các bạn thân của gia đình nán lại cùng ăn bữa tối. Lão còn nhắc lại tên của những người bạn thân mà lão đã kịp nhắm thuộc. Họ bước tới bắt tay nhà vua, cảm ơn lão, nói chuyện với lão; rồi bắt tay quận công mà không nói gì, chỉ mỉm cười gật gật

đầu.

Rồi sau đó, nhà vua lại ba hoa hỏi thăm về mọi người, mọi con chó trong tỉnh, gọi đích tên rồi nhắc đến bao nhiêu những chuyện lật vật đã xảy ra lúc này lúc khác ở vùng này, hoặc nói đến gia đình George hay Peter. Lão luôn luôn nhắc đến việc Peter viết thư cho lão nói những chuyện ấy đúng như những gì mà anh chàng ngốc nghếch ban nãy ngồi trên xuồng đã vô tình kể cho lão nghe. Rồi cô Mary Jane đi lấy lá thư bố cô đã để lại. Nhà vua cầm lá thư đó đọc to lên và lại khóc. Trong thư nói để lại căn nhà ở với ba nghìn đồng đô la vàng cho các cô con gái; để lại xưởng thuộc da (đáng giá bảy nghìn đồng) và ba nghìn đô la vàng cho Harvey và William. Bức thư nói rằng tất cả sáu nghìn đô la vàng đó giấu ở dưới hầm nhà. Thế là hai tên bịp bợm này nói rằng sẽ đi tìm lấy món tiền đó lên để cho được rõ ràng, dứt khoát. Họ bảo tôi cùng đi, đem một cây nến đi theo. Chúng tôi bước xuống và đóng cửa hầm lại. Khi trông thấy bọc tiền, chúng đổ cả ra mặt đất, trông sáng đẹp vô cùng, toàn một màu vàng lấp lánh! Đôi mắt của nhà vua sáng hẳn lên! Lão đập tay vào vai quận công nói:

- Thấy chưa, tuyệt vời đấy chứ? Hơn hẳn những trò diễn kịch của anh còn gì?

Quận công gật đầu công nhận. Hai người mân mê sờ mó đồng tiền vàng, xiết đi xiết lại trong lòng bàn tay, rồi lại thả cho rơi xuống mặt đất. Rồi nhà vua nói:

- Chẳng phải suy nghĩ gì nữa. Chúng ta đang làm anh em với một người chết giàu có. Bây giờ thì anh tin vào Thượng đế rồi chứ? Tôi đã xoay sở nhiều rồi, chả có cách nào hơn.

Tuy rất sung sướng với đồng tiền nhưng hai tên bịp bợm vẫn đếm lại và chúng bức tức khi thấy thiếu mất bốn trăm mười năm đô la.

Nhà vua nói:

- Mẹ kiếp, hẳn ta đã làm gì với bốn trăm mười lăm đô la kia nhỉ?

Cả hai tìm quanh quẩn trong hầm một lát, rồi quận công nói:

- Chắc là hẳn đau yếu quá nên đếm nhầm. Tốt hơn là cứ lặng im đi. Chúng mình cũng chia nhau chịu thiệt chỗ ấy vậy.

- Chúng ta có thể chịu thiệt chỗ thiếu ấy, nhưng chúng ta phải lên trên kia, mở bọc ra, rồi đếm tiền trước mặt tất cả mọi người, để cho không ai nghi ngờ gì cả. Nhưng mà người chết lại nói rằng cả thầy có sáu nghìn đô la, cho nên chúng ta không muốn số tiền này bị thiếu.

Quận công nói:

- Thôi được, để tôi bù vào chỗ thiếu đó cho.

Nhà vua nói:

- ý kiến của anh thật là sáng suốt. Anh quả là người thông minh hiếm có đấy. Thật đáng tiếc, trò diễn kịch không còn giúp chúng ta được nữa.

Rồi lão cởi áo ra và dốc nốt các túi.

Họ mừng quá, vì số tiền bỏ ra bù vừa tròn chẵn sáu nghìn đô la.

Quận công nói:

- Nay, tôi nghĩ ra cái này nữa. Chúng ta lên nhà trên đếm món tiền này, rồi đưa cả cho các cô con gái.

- Hay quá, quận công. Để tôi ôm hôn anh một cái đã nào. Thật là một cao kiến. Anh đúng là bậc thầy, không còn chê vào đâu được. Dù họ có còn ngờ vực chúng ta thì hành động này sẽ xóa tan hết ngay.

Chúng tôi đi lên nhà trên đã thấy mọi người ngồi quây chung quanh chiếc bàn. Nhà vua bỏ bọc tiền ra đếm và để riêng từng đồng ba trăm đô la một, tất cả thành hai mươi đồng nhỏ, trông rất đẹp mắt. Mọi người đều liếm môi có vẻ thèm thuồng. Sau khi cho tiền vào bọc, nhà vua đứng dậy làm một hồi diễn thuyết nữa. Lão nói:

- Thừa tất cả các bạn, ông anh tội nghiệp của tôi đã tỏ ra hết sức rộng lượng với những kẻ còn sống. Ông đã nghĩ đến những đứa con non dại mà ông yêu mến, che chở, giờ đây không cha không mẹ. Vâng, chúng tôi cũng hiểu rằng ông anh của chúng tôi còn muốn quan tâm đến chúng nhiều hơn nữa, nhưng có lẽ ông ấy còn bận tâm đến William và tôi, sợ rằng tình anh em không được trọn vẹn. Nhưng trong lòng tôi quả là không nghĩ đến điều đó. Tôi không nở lòng nào lại lấy đi những đồng tiền của những đứa cháu bé dại mà ông anh tôi yêu quý vô cùng... Có lẽ William cũng không phản đối tôi. Được, tôi sẽ hỏi chú nó.

Lão ta quay lại giơ tay ra hiệu với quân công. Anh kia nhìn lão ta làm vẻ ngớ ngẩn, sợ sệt một lúc, rồi bỗng như hiểu lão định nói gì, bèn chạy đến bên nhà vua, ú ớ mấy tiếng lộ vẻ vui mừng và ôm chặt lấy lão đến mười lăm phút mới buông ra. Rồi nhà vua lại nói:

- Tôi biết mà, chú ấy cũng rất vui lòng làm như tôi. Mary Janem, Susan, Joanna, các cháu hãy cầm lấy hết số tiền này đi. Đó là món quà của cha cháu để lại, tuy lạnh lùng nhưng nó sẽ có ích cho các cháu.

Mary Jane bước đến bên cạnh nhà vua, Susan và cô rút môi thì đến chỗ quận công, ôm chặt lấy mà hôn, tôi chưa từng thấy hôn ghê như thế bao giờ. Rồi mọi người xúm quanh, nước mắt chảy ròng ròng, ai cũng bắt tay hai anh chàng bịp bợm kia. Mọi người nói:

- Thật là quý hóa! Các ông là những người tốt quá.

Lát sau, ai nấy lại nói chuyện về kẻ xấu số. Nào là ông ấy tốt bụng như thế nào, ông ấy chết đi thiệt thòi biết bao nhiêu... Bỗng nhiên, một ông cầm bệnh từ ngoài bước vào. Người đó chỉ đứng nghe và nhìn, không nói nửa lời, và cũng không ai nói với người đó câu nào, vì lúc này họ đang mãi nghe nhà vua nói chuyện. Nhà vua đang nói đến giữa chừng, lão nói thế này:

-... Các vị là những bạn thân của ông anh tôi, vì thế, tối nay xin mời các vị ở lại đây cả. Chúng tôi mong rằng ngày mai tất cả mọi người khác cũng đều tới, vì lúc còn sống, ông anh tôi đều yêu mến tất cả. Chúng tôi cũng muốn làm đám cho ông ấy được hoàng tráng một cho cả công chúng được biết.

Rồi cứ thế lão tả cứ dài dòng văn tự như là chỉ nói cho mỗi mình lão nghe. Chốc chốc, lão lại bàn lại chuyện cát đám, đến nỗi quận công đứng gần đó nghe không thể chịu được nữa đánh viết mấy chữ vào một mẩu giấy nhỏ. "Gọi là tang lễ chứ không phải là cát đám", rồi gấp nhỏ mẩu giấy lại và đưa mẩu giấy qua đầu mọi người cho nhà vua. Nhà vua cầm mẩu giấy lên đọc,

rồi đút túi, và lại nói:

- Tội nghiệp cho William, chú nó lúc nào cũng chu đáo, nhắc tôi nhớ mời mọi người dự tang lễ và bảo tôi phải đón tiếp mọi người cho chu đáo. Nhưng chú ấy cứ yên tâm, chính tôi cũng đã nghĩ như thế.

Rồi lão ta lại tiếp tục câu chuyện, thỉnh thoảng vẫn nói nhảm tang lễ thành cát đám. Khi nói đến lần thứ ba, lão mới giải thích:

- Tôi hay nói từ cát đám mà không nói là tang lễ là vì từ tang lễ tuy là từ thông thường nhưng hiện nay ở bên nước Anh người ta ít dùng.

Lão ta thật là trơ trẽn, tôi chưa bao giờ thấy ai như vậy. Thế rồi, ông cầm bạnh kia cười vào mặt nhà vua. Mọi người tỏ ý khó chịu. Họ nói.

- Ơ kia, bác sĩ Robinson, bác chưa biết tin gì à? Đây là Harvy Wilks.

Nhà vua cười vồn vã, đưa tay ra định bắt tay và hỏi:

- Có phải đó là bác sĩ, người bạn tốt của ông anh tội nghiệp của tôi đó không? Tôi...

- Đừng động vào người tôi. - Ông kia đáp - Ông nói ông là một người Anh, có phải không? Đó là một kiểu bắt chước dở nhất mà tôi chưa từng gặp bao giờ. Ông là em của Peter Wilks? Không, ông chỉ là một tên đại bịp.

Mọi người sững sờ, tím tím quanh ông bác sĩ kia định khuyên ông ta không nên quá lời như vậy, và cố giải thích rằng đó chính là Harvey vì lão biết tên tất cả mọi người, biết tên cả những con chó nữa. Họ cứ khấn khoản xin ông bác sĩ đừng làm gì tổn thương đến Harvey và những cô con gái kia. Nhưng vô ích, ông bác sĩ vẫn làm ầm lên, bảo rằng bất cứ người nào tự cho mình là người Anh mà không nói đúng thì chỉ là một anh đi lừa đảo, dối trá... Mấy cô con gái đáng thương kia bám chặt lấy nhà vua mà khóc. Bất chợt ông bác sĩ quay về phía mấy cô và nói:

- Tôi là bạn của cha các cô, và tôi cũng là bạn của các cô. Vì vậy, tôi muốn che chở cho các cô và giữ cho các cô khỏi bị người khác làm hại. Các cô phải đuổi ngay tên lưu manh kia ra khỏi cửa. Hắn chỉ là kẻ mạo danh tầm thường nhất đến đây với những mớ kiến thức mà hắn vô tình đánh cắp ở đâu đó. Lại còn những kẻ điên rồi ở đây giúp cho các cô tưởng thật thêm nữa. Mary Jane Wilks, cô biết rằng tôi không hề màng chút lợi lộc gì trong chuyện này. Cô hãy nghe lời tôi, đuổi tên xỏ lá ra ngoài. Tôi xin cô, cô có ưng không?

Mary Jane đứng thẳng dậy, nói với giọng dứt khoát:

- Đây là câu trả lời của tôi. - Tôi nói, cô vừa nhắc bọc tiền lên đặt vào tay nhà vua - Chú hãy cầm lấy cả sáu nghìn đô la này, và chú hãy mang đi góp cổ phần cho cháu và hai em cháu, ở đâu và như thế nào là tùy chú, chúng cháu không cần phải ký giấy nhận gì cả.

Rồi cô ta đứng sang một bên, vòng tay ôm lấy nhà vua, còn Susan và cô út môi cũng đến đứng phía bên kia. Mọi người vỗ tay tán thưởng, nhảy ầm ầm trên sàn nhà. Nhà vua ngẩng lên cười một cách kiêu hãnh.

Bác sĩ kia nói:

- Thôi được. Tôi không dính gì đến chuyện này nữa. Nhưng tôi xin nói trước rằng sẽ đến lúc các người hối hận khi nghĩ đến ngày hôm nay.

Rồi ông ta bước ra.

Nhà vua đáp với giọng mỉa mai:

- Được lắm, bác sĩ ạ, chúng tôi sẽ cố gắng tìm đến bác sĩ.

Tất cả mọi người cười ầm lên, và họ nói rằng đó là một câu nói mỉa thâm thúy nhất.

Chương 26

Khi mọi người đã ra về, nhà vua hỏi Mary Jane có còn phòng nào để nghỉ không. Cô ta nói còn một phòng thừa để cho chú William, phòng riêng của cô thì dành cho lão vì lão to lớn hơn, còn cô sẽ sang phòng các cô em ngủ tạm trên một chiếc giường con. Trên gác cũng còn một chỗ và có cả giường nữa. Nhà vua nói rằng chỗ đó thì để cho người hầu của lão - tức là tôi.

Mary Jane chỉ cho bọn họ phòng nghỉ. Phòng trông cũng bình thường, nhưng gọn gàng và sạch sẽ. Cô ta bảo sẽ dọn quần áo, đồ đạc lật vật của cô ở trong phòng nếu như chú Harry muốn thế, nhưng nhà vua từ chối. Quần áo của cô ta mặc trên tường, bên ngoài có cái màn vải che, thả xuống tận sàn gỗ. Ở một góc, có hai cái hộp nhỏ đựng đồ trang sức. Góc kia ở một cái hộp đàn và các thứ đồ chơi khác; hình như các cô gái chỉ ngồi chơi với nhau ở phòng này. Nhà vua nói là để như vậy cho nó có không khí gia đình hơn, và vui vẻ hơn, đừng di chuyển đi đâu hết. Phòng quận công nhỏ hơn nhưng cũng khá đẹp. Còn phòng của tôi thì cũng tạm được.

Đêm đó, họ đánh chén một bữa ra trò. Tất cả các ông bà đều có mặt. Tôi đứng đằng sau nhà vua và quận công để hầu hạ, còn những người da đen hầu hạ các vị khách khác. Mary Jane ngồi ở đầu bàn, bên cạnh là Susan; có chê tất cả các món ăn, nào là bánh sao mà làm dở quá, món thịt sao mà tồi quá, món gà rán sao mà dai quá. Đàn bà rất hay có cái giọng như thế, cốt để nhắc khéo cho người khác khen mình. Còn những người dự bữa ăn thì thấy món nào cũng ngon cả. Họ nói:

- Cô làm thế nào mà bánh nướng thơm thế? Cô tìm ở đâu những loại rau ngon thế?... vv.

Khi mọi người đã ăn xong, tôi và cô sút môi đem những thức ăn thừa xuống bếp ngồi ăn với nhau. Trong khi đó, những người khác giúp anh da đen quét dọn bàn ghế. Cô sút môi hỏi chuyện tôi về nước Anh. Thật là nguy hại, giá lúc này có lẽ nể thì tôi cũng chui ngay xuống đất. Cô ta hỏi:

- Anh đã trông thấy vua nước Anh bao giờ chưa?

- Ai, William đệ tứ ấy à? Tất nhiên rồi, ông ấy vẫn hay đi lễ ở nhà thờ chúng tôi.

Tôi biết là William đã chết từ lâu, nhưng tôi cứ mặc kệ. Thấy tôi nói là vua hay đi lễ nhà thờ ở chỗ tôi, cô ta lại hỏi:

- Sao? Đi lễ luôn à?

- Phải, đi luôn. Ghế ông ấy ngồi ngay ở đằng trước chỗ chúng tôi ấy; ở phía bên chỗ giảng đạo.

- Tôi tưởng ông ấy ở Luân Đôn chứ?

- Phải, ông ấy ở Luân Đôn chứ còn ở đâu nữa?

- Nhưng tôi tưởng anh ở Sheffield cơ mà?

Tôi đâm ra lúng túng. Tôi phải làm bộ như bị mắc một cái xương gà trong cổ để có thì giờ suy nghĩ. Rồi tôi nói:

- Nghĩa là tôi muốn nói rằng ông ấy vẫn hay đến lễ ở nhà thờ chúng tôi khi nào ông ấy tời Sheffield. Đó chỉ là về mùa hè thôi, nhưng khi ông ấy đi tắm biển ấy mà.

- Anh nói thế nào ấy! Sheffield đâu có gần biển

- Ai bảo là gần biển?

- Anh vừa nói mà.

- Tôi nói bao giờ?

- Chính anh vừa nói mà lại.

- Không, tôi không nói.

- Anh có nói.

- Tôi chẳng nói thế bao giờ.

- Thế anh vừa nó cái gì?

- Tôi nói là ông ấy đến để tắm biển.

- Được, làm thế nào mà ông ấy lại tắm biển được trong khi Sheffield không gần biển?

- Thế cô trông thấy nước ở Congress bao giờ chưa?

- Rồi

- Thế cô có phải đi đến đó lấy nước không?

- Đi làm gì?

- Vậy thì vua William cũng không cần phải ra tận biển để mà tắm.

- Thế làm thế nào?

- Thì làm như mọi người ở đây đi lấy nước Congress chứ sao, nghĩa là lấy vào thùng. Trong cung điện ở Sheffield có lò nấu, và ông ấy muốn tắm nước biển nóng.

- Thế thì tôi hiểu rồi. Vậy mà anh không nói từ đầu cho khỏi mất thời gian.

Lúc cô ta nói câu ấy thì tôi thấy mình yên tâm và khoái lắm. Sau đó, cô ta lại hỏi:

- Thế anh có đi lễ nhà thờ không?

- Có, đi luôn

- Anh ngồi ở đâu!

- Ngồi trong ghế.

- Ghế của ai?

- Ghế của ông Harvey.

- Chú ấy cần phải ghế?
- Phải có ghế mà ngồi chứ? Thế cô tưởng để làm gì?
- Tôi tưởng chú đứng lên giảng đàn chứ?

Hồng hét rồi, tôi quên khuấy đi mất rằng chú cô ta là một ông mục sư. Thế là tôi lại phải làm trò hóc xương gà nữa để suy nghĩ. Rồi tôi nói:

- Thế cô tưởng rằng trong nhà thờ chỉ có một người giảng đạo thôi ư?
- Có nhiều để làm gì?
- Để giảng đạo trước mặt nhà vua. Cô thật lạ. Nhà thờ chỗ tôi có tời mười bảy mục sư có mà.
- Mười bảy mục sư? nếu thế thì phải giảng đến một tuần lễ mới hết à?
- Không phải tất cả những người đó giảng trong một ngày, mà chỉ có một người thôi.
- Thế, những người kia làm gì?
- Thì ngồi quanh đó, đi quỳên tiền, hoặc làm cái này cái khác. Nhưng phần nhiều là không làm gì cả.
- Họ tới đó làm gì?
- Đó là nhiệm vụ của họ. Cô chẳng biết là gì cả.
- Tôi không cần biết những cái vớ vẩn như thế nữa. Tôi hỏi anh điều này: bên nước Anh, những kẻ hầu hạ được đối đãi như thế nào? Có tốt hơn là chúng tôi đối với những người da đen ở đây không?
- Không, ở đó, người ta coi bọn đây tở chẳng ra cái quái gì cả. Họ đối đãi tệ hơn chó ấy.
- Họ có cho nghỉ những ngày lễ như ở đây không? Chẳng hạn như ngày Chúa giáng sinh, Tết, hay ngày quốc khánh không?
- Đúng là cô chưa được đi đến nước Anh bao giờ, cô sứt... à cô Joanna ạ. Bên đóm từ đầu năm đến cuối năm, được đi xem xiếc, xem hát, chẳng có gì hết.
- Cũng không đi nhà thờ nữa?
- ừ, không đi nhà thờ.
- Thế sao anh vẫn được đi nhà thờ?

Tôi lại một lần nữa tắc họng. Tôi quên mất rằng tôi là người hầu hạ của chú cô ta. Nhưng rồi tôi vội vàng giải thích rằng tôi là người hậu thân cận nên muốn đi nhà thờ hay không tùy ý, vì luật pháp cho phép như vậy. Nhưng tôi giải thích không xuôi tai lắm và cô ta tỏ ra không vừa lòng. Cô ta bảo.

- Nay, từ trước đến giờ, anh toàn lừa dối tôi có phải không?

Tôi đáp:

- Tôi nói thật mà.
- Đúng không?
- Đúng.
- Anh để tay lên cuốn thánh kinh này và nhắc lại đi.

Với tôi, cuốn kinh hay sách gì đi chăng nữa cũng chẳng khác nhau gì, nên tôi để tay lên và nhắc lại. Cô ta có vẻ thỏa mãn hơn một tí. Cô ta nói:

- Được, tôi tin một phần nhưng không phải là tất cả.

Mary Jane từ ngoài cửa bước vào cùng với Susan lên tiếng:

- Joanna, em không tin gì vậy? Cậu ấy là người nơi xa đến đây, em nói thế là không tốt đâu. Nếu người ta đối với em cũng thế thì sao?
- Chị lúc nào cũng bênh vực người khác chằm chặp. Em có làm gì anh ấy đâu. Anh ấy bịa ra vài chuyện bịa đặt, và em bảo là em không tin, chỉ có thế thôi. Chắc anh ấy cũng không thể chịu được các vật đó chứ, phải không?
- Dù là chuyện vặt hay chuyện lớn, nhưng cậu ấy là người mới đến nhà mình, nói thế không được. Nếu em ở vào địa vị cậu ấy, em sẽ thấy xấu hổ. Không nên nói những gì làm cho người khác thấy xấu hổ.
- Nhưng mà, anh ấy nói rằng...
- Chị không quan tâm đến cậu ấy nói gì. Điều quan trọng là em phải đối đãi tốt với anh ấy, và để cho anh ấy phải cảm giác rằng mình đang sống ở nước ngoài, giữa những người xa lạ.

Tôi thầm nghĩ:

- Một cô gái như thế mà ta nỡ để cho cái lão hèn hạ kia cướp hết tiền của!

Rồi đến cô Susan lại mắng cho cô sút môi một trận nữa.

Tôi thầm nghĩ:

- Đây là cô gái thứ hai mà tôi đang để cho lão kia cướp hết tiền của.

Rồi Mary Jane lại nói nữa, dù giọng vẫn dịu dàng, triu mến, đó là cách nói của cô ấy. Nói xong, cô sút môi tội nghiệp kia òa lên khóc tức tưởi.

Hai cô chị nói:

- Bây giờ, em phải xin lỗi cậu ấy đi.

Cô em xin lỗi, và xin lỗi rất đáng yêu. Tôi nghe mà cảm động và ước ao có thể kể một nghìn câu chuyện láo toét để lại được nghe cô ấy xin lỗi nữa.

Tôi lại thầm nghĩ:

- Đây là cô gái thứ ba mà tôi đang để cho lão kia cướp hết tiền của.

Sau đó, họ đi ra ngoài để tôi được tự nhiên và cảm thấy mình sống giữa những người bạn thân. Tôi cảm thấy mình xấu xa, hèn hạ quá, và nghĩ phải tìm cách giấu số tiền kia đi cho các cô ấy mới được.

Tôi bước đi ra ngoài, nghĩ vẩn vơ, rồi đi ngủ. Tỉnh dậy, nằm một mình, tôi lại nghĩ đến chuyện ấy. Tôi tự bảo có nên đến nhà ông bác sĩ kia tố cáo chuyện lừa bịp này ra? Không thể được. Ông ta sẽ khai ai là người tố cáo ra, nhà vua và quận công có thể đánh tôi chết. Hay là tìm đến nói riêng với cô Mary Jane? Cũng không ăn thua. Nhớ cô ấy tỏ ra nghi ngờ và bọn kia biết thóp sẽ lấy tiền chuồn đi mất. Chỉ còn cách này là hay nhất: tôi sẽ lấy cắp số tiền đó, và lấy cắp như thế nào cho họ không nghi ngờ cho tôi. Bọn chúng đang vớ được món hời, chừng nào chúng chưa vớ vét hết thì chúng chưa chịu đi. Như vậy là tôi còn đủ thời giờ tính chuyện ấy. Tôi sẽ lấy cắp bọc tiền và giấu đi. Rồi tôi sẽ bỏ đi, và viết lại cho cô Mary Jane một lá thư, bảo cho cô ấy biết tôi giấu tiền ở chỗ nào. Nếu như đêm nay có thể giấu được thì nên giấu ngay; vì ông bác sĩ kia chưa phải đã thôi đâu mà sẽ còn làm cho ra nhẽ, và bọn này có thể sợ mà chuồn cũng chưa biết chừng.

Nghĩ thế, tôi mò đến phòng của họ. Hành lang trên gác tối om, nhưng tôi cũng tìm ra phòng quận công. Tôi đưa tay ra rờ rờ chung quanh, nhưng lúc đó tôi bỗng nhớ ra hình như nhà vua không để cho ai ngoài lão ra được giữ số tiền kia. Tôi lại mò đến phòng lão ta, sờ chung quanh. Tối quá, không có một cái nến nào, mà nếu có, tôi cũng chẳng dám thắp lên. Tôi đành nằm đây nghe ngóng xem thế nào đã. Vào lúc đó có tiếng chân họ bước tới, tôi bò vào gầm giường, nhưng nghĩ chỗ đó không ổn, đáng băn khoăn thì sờ thấy cái màn che quần áo của Mary Jane, thế là tôi lẩn ngay vào trong màn và nép vào giữa đồng quần áo, đứng đó thật im lặng.

Chúng tôi vào phòng rồi đứng đóng cửa. Việc đầu tiên quận công làm là cúi xuống nhìn vào gầm giường. Cũng may là tôi đã không trốn trong gầm giường. Mỗi khi người ta định dò xét một chuyện riêng của ai thì cứ hay nấp dưới gầm giường. Họ ngồi xuống, nhà vua nói:

- Nói gì thì nhanh lên. Chúng mình còn phải xuống đó mà lo đám ma, chứ ngồi mãi đây càng có điều kiện cho họ bàn tán.

- Tôi thấy lo lắm. Thằng cha bác sĩ ấy rồi sẽ gây sự cho chúng ta mà xem. Tôi vừa nghĩ ra một kế, không biết ý ông thế nào.

- Kế gì?

- Chúng ta hãy chuồn khỏi chỗ này trước ba giờ sáng, đem theo tất cả những đồ đạc của mình ra bè chạy về xuôi. Lấy được số tiền đó là quá đủ rồi. Tôi sẽ chuồn r trước bố trí.

Nghe hẳn nói thế, tôi thấy quá và đâm ra thất vọng.

Nhà vua ngắt lời và hỏi:

- Thế còn số tài sản chưa bán, tám chín nghìn đô la chứ ít gì. Mà lại còn tốt cả, toàn những thứ bán được giá cả.

Quận công cầu nhàu, bảo là cái bọc tiền kia cũng đủ rồi, chẳng nên tham quá nữa - và cũng

không nên cướp tất cả những gì của mấy cô gái mồ côi nữa.

Nhà vua nói:

- Anh này nói lạ nhỉ. Chúng ta không cướp cái gì khác ngoài đám tiền này. Cái người nào mua tài sản thì người đó bị lừa thôi, vì khi họ biết tài sản này không phải là của mình thì nó sẽ trở thành tài sản nhà nước. Rồi nhà lại trở về mấy cô gái mồ côi kia. Thế là đủ rồi. Chúng nó còn trẻ, còn khóc, có thể dễ dàng kiếm ăn được. Anh thử nghĩ xem, hàng nghìn, hàng nghìn đồng sắp vào tay mình rồi. Họ chẳng có gì phải kêu ca cả.

Lý lẽ của nhà vua làm quận công cũng phải xiêu lòng. Nhưng anh vẫn lo lắng khi ở lại vì sợ ông bác sĩ kia gây chuyện. Nhưng nhà vua lại nói:

- Mặc kệ cái thằng cha bác sĩ ấy! Việc gì mà phải lo thế. Khỏi những đũa ngu ngốc ở thị trấn này đứng về phía mình. Chúng ta nắm được phần đa rồi.

Nói xong, hai người chuẩn bị xuống nhà. Quận công nói:

- Tôi nghĩ để tiền như thế chưa chắc chắn.

Nghe nói vậy, tôi mừng quá. Thế là tôi không phải khí khấn tìm kiếm nữa. Nhà vua hỏi

- Tại sao?

- Vì Mary Jane sẽ phải vào trong phòng này lấy quần áo tang, mấy tên da đen quét dọn phòng, sắp xếp đồ đạc lại cho ngay ngắn, chúng có thể trông thấy bọc tiền và mượn tạm một ít thì sao?

Nhà vua nói:

- Anh sáng suốt lắm.

Rồi lão đi vào chỗ màn che quần áo chỉ cách tôi độ hơn một thước. Tôi nép chặt vào tường, đứng thật im, mặc dù lúc đó tôi đã bắt đầu run. Tôi đang tính nếu họ bắt được tôi ở đây thì tôi sẽ nói thế nào thì nhà vua đã lấy bọc tiền ra và nhét vào dưới đệm, ấn sâu mãi vào chùng gần một thước. Chúng bảo chỗ đó an toàn vì tên da đen có sửa soạn lại giường thì cũng chỉ làm ở bên trên thôi. Tôi chờ họ vừa đi đến lưng chùng cầu thang là lấy bọc tiền ra, chạy lên gác chỗ tôi nằm, giấu vào một chỗ chờ lúc nào thuận tiện sẽ tính. Tôi nghĩ có lẽ đem giấu một chỗ nào ngoài căn nhà này thì hơn. Vì nếu họ thấy mất thì trước hết là sục sạo kỹ trong nhà đã.

Rồi tôi quay trở vào nhà, quần áo gọn ghẽ. Tôi muốn đi ngủ mà không được vì đang lo nghĩ nhiều về chuyện này. Lát sau, nhà vua và quận công trở lên; tôi nằm ra đệm, thò đầu ra kẻ vào tay vịn cầu thang, chờ xem có chuyện gì xảy ra không. Nhưng không có chuyện gì cả.

Thế là tôi chờ đến lúc yên ắng hẳn mới lần nhẹ cái tay vịn cầu thang đi xuống nhà.

Chương 27

Tôi ghé tai sát cửa phòng của tên lừa đảo, chúng đang ngáy khò khò. Tôi kiễng chân rón rén đi xuống cầu thang. Chung quanh không một tiếng động. Tôi lách nhìn qua khe cửa phòng ăn, thấy những người ngồi gác quan tài đã ngủ say. Cửa phòng ăn thông sang phòng khách. Chiếc quan tài để đó. Mỗi phòng thấp một ngọn nến. Tôi đi qua, cửa phòng khách vẫn mở, nhưng không có ai, chỉ có xác cửa Peter. Thế là tôi lướt nhẹ ra ngoài; nhưng cửa trước đã khóa. Vừa lúc đó, tôi nghe thấy tiếng chân người xuống cầu thang, ngay sau lưng. Tôi chạy vào phòng khách, nhìn thoáng chung quanh một cái, thấy ngoài quan tài ra chẳng còn chỗ nào mà nấp cả. Nấp quan tài để hở ra mấy tắc, trông thấy mặt người chết phủ một miếng vải ướt, với đồng vải niệm. Tôi tuồn vội cái bọc tiền xuống dưới nắp quan tài, ngay ở dưới chỗ hai tay người chết để vắt chéo. Lúc chạm phải, tôi thấy lạnh run cả người. Rồi tôi chạy vụt qua phòng ăn, nấp sau cánh cửa.

Người vừa bước vào là cô Mary Jane. Cô ta đến chỗ quan tài rồi quỳ xuống nhìn vào trong, rút khăn mùi xoa và khóc thút thít, lưng xoay lại phía tôi. Tôi bước ra ngoài, lúc đó qua phòng ăn, để tin chắc là những người ngồi canh gác kia không trông thấy tôi nên tôi đứng lại nhòm qua khe cửa. Họ không động dậy gì, như thế là yên tâm.

Tôi về giường nằm, trong bụng hãy còn sợ vì những cái mình vừa làm, vất vả mà nguy hiểm. Tôi tính khi nào chúng tôi đi xuôi xuống dưới kia độ một trăm dặm, tôi có thể viết thư về báo cho cô Mary Jane, và cô ấy có thể đào mả lên mà lấy lại số tiền. Nhưng nhớ việc nó không phải diễn ra như thế, lúc đóng quan tài người ta khám phá ra bọc tiền giấu trong đó thì sao. Thế là, nhà vua sẽ lại vớ được, và tôi cũng chẳng có cơ hội mà lấy lại được. Lúc này, tôi lại muốn bỏ xuống lấy bọc tiền ra. Nhưng không dám rời nữa. Trời sáng dần. Mấy người ngồi canh đã bắt đầu tỉnh giấc. Nếu xuống nữa thì rất có thể bị tóm mà trong tay có sáu nghìn đô la. Thôi tốt hơn hết là không dính dáng đến chuyện đó nữa.

Đến sáng, tôi đi xuống nhà dưới thì phòng khách đã đóng cửa, và mấy người canh gác đã đi cả. Chỉ còn lại những người trong nhà cùng với bà góa Barley và bọn chúng tôi. Tôi nhìn kỹ nét mặt họ xem có thay đổi gì không, nhưng chẳng thấy có gì khác. Đến trưa, người quản tang cùng với một người nữa tới. Họ khênh quan tài ra giữa nhà, đặt trên hai chiếc ghế, rồi xếp tất cả những ghế khác thành hàng, lại còn mượn thêm ghế ở mấy nhà hàng xóm về để chật cả phòng ăn, phòng khách. Tôi nhìn nắp quan tài thấy vẫn để như cũ, nhưng vì xung quanh có nhiều người nên tôi không dám bước đến gần nhìn vào trong đó.

Lát sau, nhiều người lục tục kéo đến. Hai tên lừa bịp và những cô gái đến ngồi ở dãy ghế trên ngay đầu quan tài. Trong suốt nửa giờ, đoàn người nối đuôi nhau đi chầm chậm quanh quan tài, mắt nhìn vào người chết một phút vẻ nghiêm trang, trịnh trọng. Những cô gái và hai tên lừa bịp thì đưa khăn lên chấm mặt rồi cúi xuống thỏ thẻ. Chỉ thấy tiếng chân đi lệt xệt trên nền nhà và những tiếng hỉ mũi bởi vì người ta đến dự một đám tang thì hay hỉ mũi nhiều hơn là ở những chỗ khác, đôi khi ở nhà thờ nữa.

Khi mọi người đã đến đông đủ, người quản tang mới bước ra, tay đeo găng đen, dáng điệu rất bình thản. Ông ta sửa soạn lại một lần cuối, thu xếp cho mọi người yên vị đầu đó. Ông ta không

nói gì hết; bảo người này ra đây, giục cho người khác vào kia, dọn lối đi chỗ này ra chỗ khác, chỉ toàn làm bằng những cái gạt đầu và ra hiệu bằng cả hai tay cả. Rồi ông ra đứng sát vào tường. Đúng là một người nhẹ nhàng, thanh thoát chưa từng có. Hình như ông ta chẳng bao giờ cười.

Họ đã mượn sẵn một chiếc đàn phong cầm đã cũ. Khi mọi người đã sẵn sàng, một thiếu phụ trẻ mới ngồi xuống bắt đầu cử nhạc, nghe buồn thảm đến nẫu ruột. Mọi người hát lên theo tiếng. Rồi linh mục Hobson trình trọng, từ từ lên tiếng. Vừa lúc linh mục bắt đầu sắp nói thì bỗng có tiếng kêu rất kinh khủng từ dưới nhà vẳng lên. Đó là tiếng sủa của một con chó. Ông linh mục cứ phải đứng chờ bên cạnh quan tài cho đến khi con chó hết kêu mới vì nếu không thì thì chẳng ai nghe thấy ông nói gì. Nhưng người quản tang giơ tay lên làm hiệu cho linh mục như muốn nói: “Cứ yên tâm, đã có tôi”. Ông ta cúi khom người đi men theo bức tường, tuy vậy vai ông ta vẫn nhô cao lên hơn đầu mọi người. Tiếng sủa của con chó vang lên mỗi lúc một to hơn. Ông ta đi qua hai phòng rồi rẽ khuất xuống nhà dưới. Hai giây đồng hồ sau, tôi nghe có tiếng đập mạnh, con chó rống lên vài tiếng nữa rồi im hẳn. Ông linh mục lúc ấy mới trình trọng bắt đầu giảng lễ. Vài phút sau, ông quản tang đi men tường trở lên, đầu và vai nhấp nhô qua mấy bức tường trong căn phòng, rồi ông ta đứng thẳng người dậy, lấy tay che miệng, vươn cổ qua đầu mọi người ra phía ông linh mục, nói thầm nhưng bằng một giọng hơi gắt: Nó bắt được một con chuột rồi lại cúi người xuống đi về chỗ cũ. Mọi người có vẻ hả hê lắm, vì họ đang muốn biết chuyện gì. Cái chuyện nhỏ như thế chẳng đáng biết, nhưng mọi người lại rất để ý. Trong thị trấn này ông quản tang là người biết đến nhiều nhất.

Bài giảng đạo của mục sư tuy hay nhưng quá dài. Rồi sau đó, lại đến nhà vua bước ra lải nhải một hồi nữa. Khi mọi việc đều xong, người quản tang mới bước đến quan tài cầm cái khóa để vặn ốc. Lúc đó, tôi hồi hộp lắm, mắt nhìn chăm chăm vào ông quản tang. Nhưng ông ta chỉ từ từ nhẹ tay hạ cái ván thiên xuống, rồi bắt ốc thật chặt. Thế là xong! Tôi tự hỏi nhờ có người nào gian trá đã lấy cái bọc tiền ấy ra rồi thì sao? Có nên viết thư cho cô Mary Jane không nhỉ? Nhờ viết rồi mà cô ấy đào mả lên không tìm thấy gì thì sẽ bảo mình là người thế nào? Không khéo chính mình lại bị đi tù. Thôi thà không viết gì cả còn hơn. Mọi thứ bây giờ trong đầu tôi cứ rối rình cả lên. Càng nghĩ, tôi lại càng thấy rắc rối thêm, cứ để mặc kệ nó ra sao thì ra.

Mai táng xong, chúng tôi quay trở về nhà. Tôi lại để ý nhìn các bộ mặt xem sao, nhưng không tìm thấy gì trong những nét mặt ấy cả, tôi chịu không hiểu được.

Buổi tối, nhà vua đi thăm những người quen thuộc, làm ra vẻ thân mật. Lão nói rằng bà con giáo dân của lão ở bên nước Anh đang sốt ruột mong lão lắm, cho nên lão cũng mau chóng thu xếp, giải quyết cho xong để trở về. Lão nói rất tiếc rằng phải vội vã như thế. Mọi người cũng nói vậy, họ mong lão có thể ở lâu hơn. Lão lại nói rằng lão và William sẽ cùng đem những cô cháu gái kia về nước. Nghe vậy, ai cũng thấy mừng cho các cô gái sẽ được nương tựa vào họ hàng. Còn các cô gái thấy lão nói như thế thì cũng sung sướng. Các cô giục lão ta bán nhà bán đất cho nhanh chóng. Họ hân hoan bao nhiêu thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì thấy họ bị lừa bịp. Nhưng tôi không có cách nào để xoay chuyển tình thế.

Sau đó, nhà vua rao bán nhà cửa, cơ nghiệp cùng với những người da đen làm việc ở đây hai ngày sau khi chôn cất, nhưng trước đó ai muốn mua riêng cái gì cũng được.

Ngày hôm sau, khi tang lễ đã xong, thì những niềm vui của các cô gái bị vấp phải trở ngại thứ nhất. Có vài người buôn nô lệ tìm đến, nhà vua đem bán tất cả những người da đen làm việc trong nhà bằng một giá vừa phải và lấy ngân phiếu. Thế là những người da đen lần lượt ra đi.

Hai người con trai thì ngược lên Memphis, người mẹ thì xuống Orleans. Các cô chủ và họ ôm lấy nhau khóc lóc buồn rầu vô hạn. Các cô con gái nói rằng không ngờ lại phải thấy cảnh gia đình chia sẻ và phải đem họ bán đi thế này. Họ ôm lấy nhau khóc mãi, làm tôi chỉ muốn vạch mặt bọn đều cáng ngay lập tức để những người da đen được ở lại cùng cô chủ. Việc mua bán làm cho mọi người trong thị trấn bất bình, cho rằng như thế là tàn nhẫn. Danh dự của hai lão đại bịp cũng bị giảm đi đôi chút. Nhưng lão già điên rồ kia cứ một mực làm theo ý lão, mặc cho quận công ngăn cản.

Hôm sau là ngày bán đấu giá. Trời vừa sáng, nhà vua và quận công lên gác gọi tôi dậy. Nhìn mặt hai người, tôi đoán ngay là có chuyện. Nhà vua hỏi:

- Đêm trước, mày có vào buồng tao không?
- Thưa đức vua không ạ, - Những lúc chỉ có riêng bọn này thì tôi vẫn thường xưng hô với lão ta như thế.
- Vậy đêm qua mày có vào không?
- Thưa đức vua không
- Mày thẻ danh dự đi, không được dối trá.
- Dạ xin thẻ danh dự tôi nói thật. Từ lúc cô Mary Jane dẫn đức vua và ngài quận công lên phòng, tôi không tới gần đó làm gì cả.

Quận công hỏi:

- Mày có thấy ai đến đó không?
- Thưa ngài, tôi không nhớ rõ lắm
- Cố nhớ lại đi.

Tôi im lặng để nghĩ xem có cách gì nói không, rồi đáp.

- Có, tôi thấy mấy người da đen vào đó.

Cả hai giật mình, rồi quận công lại hỏi:

- Tất cả bọn da đen à?
- Không, không phải phải tất cả cùng vào lúc, tôi trông thấy một lần thôi.
- Lúc nào?
- Hôm đưa ma, nhưng không phải lúc sáng sớm đâu, tôi cũng ngủ dậy muộn. Tôi vừa bước xuống cầu thang thì thấy họ.
- Cứ nói đi! Chúng làm gì nữa? Chúng làm như thế nào?
- Họ chỉ nhẹ nhàng thôi. Tôi nghĩ họ vào đó để dọn phòng của đức vua. Có lẽ lúc đó đức vua đã dậy rồi, nhưng họ thấy ngài còn nằm nên mới lại kéo nhau khe khẽ đi ra để khỏi làm ảnh hưởng đến ngài.

Cả hai nhìn nhau buồn rầu, thiếu não. Nhà vua nói:

- Thế này thì hỏng hết mọi chuyện rồi còn gì.

Quận công suy nghĩ một lúc rồi bật cười khẩy và nói:

- Bọn da đen chơi một vở cao tay đấy. Chúng nó giả bộ như đau khổ lắm trước khi chúng nó đi khỏi nơi này. Tôi, ông và tất cả mọi người đều nghĩ như thế cả. Đừng tưởng bọn da đen không có tài cán gì. Tôi mà có vốn và có một cái rạp hát thì tôi sẽ tuyển ngay bọn này vào làm diễn viên. Thôi thế là bây giờ chúng mình đã đem bán họ đi đổi lấy một bài hát. Thế mà mình lại cũng chưa được hát cái bài hát đó cơ chứ. à này, thế cái bài hát đó đâu rồi nhỉ, cái bản giao kèo ấy mà?

- Phải ra ngân hàng mà lấy chứ!

- Thôi thế cũng còn may chán.

Tôi ra bộ rụt rè hỏi:

- Có chuyện gì thế?

Nhà vua nhìn tôi bực mình nói:

- Không việc gì đến mày! Đừng có cổ mồm vào chuyện của người khác. Chừng nào còn ở trong cái thị trấn này thì mày phải biết giữ kín mồm miệng, nghe không?

Rồi lão quay ra nói với quận công:

- Chúng ta đừng có gì cả, cứ im lặng thôi.

Họ bước xuống cầu thang, quận công còn thì thầm nói:

- Bán cho nhanh, lãi ít cũng được. Nhanh chóng mà cầm tiền trong tay.

Nhà vua nhe răng cười, nhìn quận công nói:

- Tôi đang tính cố gắng bán cả đi cho nhanh với số lãi tối đa. Nếu không được nhiều, hay chẳng được tí nào, thì cái đó là lỗi tại tôi hay tại anh?

- Nếu ngài chịu nghe lời tôi, thì bây giờ lũ da đen vẫn còn trong nhà và chúng ta đã chuồn với bọc tiền to rồi.

Nhà vua sợ lộ chuyện nên chạy vòng lên chỗ tôi để đe tôi là không được nói với ai về chuyện tôi trông thấy anh da đen ở trong phòng lão đi ra, bởi vì như thế thì ai cũng biết ngay là có chuyện. Rồi lão thất thểu đi về phòng, tự chải rửa mình một hồi và nói rằng đầu đuôi cũng là tại lão cả, không chịu nằm nán lại trong phòng như mọi sáng, rồi thề rằng từ lần sau trở đi không có đại như thế. Rồi họ đi bàn tán gì với nhau nữa. Còn tôi thì mừng thầm trong bụng vì đã độ tội cho những người da đen mà lại không làm hại gì đến họ cả.

Chương 28

Jim bảo rằng việc khắc chữ là khó hơn cả. Nhưng Tom nhất định bắt Jim phải viết. Tù nhân phải để lại bút tích của mình lên tường để lưu lại về sau, cả huy hiệu của mình nữa.

Jim nói:

- Cậu Tom ơi, tôi chẳng có huy hiệu riêng gì cả mà chỉ có mỗi cái áo này của cậu đưa cho và tôi phải viết nhật ký lên đó thôi.

- Anh không hiểu gì cả, Jim ạ, huy hiệu khác cơ, không phải như thế đâu.

Tôi bảo:

- Jim nói đúng đấy. Anh ta không có huy hiệu nào đâu.

Tom đáp:

- Tao biết, nhưng Jim phải có một cái huy hiệu để lại trước khi ra khỏi nơi này.

Thế là thằng Tom ngồi bóp trán nghĩ ra một cái huy hiệu cho Jim. Lát sau, nó bảo là đã nghĩ ra rất nhiều nhưng không biết nên chọn lấy cái nào. Cuối cùng, nó chọn lấy một kiểu và bảo:

- Trên cáo huy hiệu ấy vẽ một vòng tròn xung quanh, phía trước là một hình chéo màu vàng, có con chó nằm, tỏ ra là nô lệ, dưới chân con chó là cái xích, rồi có chỗ để ghi công trạng màu xanh lá cây, có răng cưa xung quanh, một hình chữ V màu xanh lá cây ở phía trên cùng của huy hiệu, ba đường nghiêng trên nền màu xanh da trời với nhiều nét chấm. Một cái biểu tượng anh da đen chạy trốn vác một bọc hành lý, còn lại biểu tượng hai thằng đi theo giúp đỡ, tức là mày với tao.

Thế là nó giải quyết xong chuyện về cái huy hiệu, bây giờ nó làm nốt cái phần còn lại, tức là vạch ra một bài từ biệt, bảo rằng Jim phải có một bài viết như vậy, trong sách người ta đã nói thế. Nó viết sẵn trên mẫu giấy, rồi đọc to lên:

1) Nơi đây, một trái tim bị giam cầm đang tan vỡ.

2) Nơi đây, một tù nhân đáng thương, bị cuộc đời và bè bạn ruồng bỏ, phải sống héo hon, tàn tạ.

3) Nơi đây, một trái tim cô đơn tan vỡ, một tinh thần đã mệt mỏi sau ba mươi bảy năm bị giam cầm cô quạnh.

4) Nơi đây, con của Louis thứ mười bốn đã qua đời không nhà cửa, không bạn bè thân thuộc, sau ba mươi bảy năm tù đầy.

Khi đọc những câu đó, giọng thằng Tom run lên vì xúc động. Lúc đọc xong, nó không biết nên chọn câu nào để cho Jim viết lên tường vì câu nào thấy cũng hay cả; sau cùng nó bảo nên để cho Jim viết tất cả mấy câu đó lên. Jim nói là phải đến một năm anh ta mới viết xong từng đấy

chữ, cho nên Tom sẽ viết ra ngoài, và hấn chỉ việc nhìn theo đó mà vạch lên tường. Rồi nó nói:

- Viết lên gỗ thì không ổn rồi, vì trong tháp giam làm gì có tường bằng gỗ. Chúng mình phải khắc chữ vào đá mới đúng.

Jim bảo khắc trên đá còn khó hơn trên gỗ, như vậy còn lâu hấn mới khắc xong mà trốn ra được. Nhưng Tom bảo sẽ để tôi giúp. Rồi nó nhìn xem tôi và Jim viết đến đâu rồi. Làm cái này thật là một việc rất khó khăn và chậm chạp, đôi bàn tay tôi đã đau lại càng đau hơn mà công việc dường như không tiến thêm chút nào. Tom nói:

- Tao nghĩ ra một cách. Chúng mình phải đi kiếm một hòn đá để làm huy hiệu và viết chữ luôn. Ở dưới xuống có một hòn đá xay rất lớn, chúng mình sẽ đưa lên đây rồi viết các thứ vào đó, lại có thể dùng nó mà mài bút, mài cưa được.

Thật là một ý tưởng kì quái, nhưng chúng tôi nghĩ có thể làm được. Lúc đó chưa đến nửa đêm, chúng tôi ra ngoài và lần xuống xuống, chỉ còn để Jim ở lại làm việc của hấn. Chúng tôi khiêng hòn đá ra ngoài rồi lăn về nhà, nhưng nặng quá, mấy lần nó suýt rớt đập chân. Tom bảo thế nào cũng có đứa bị đá rơi vào chân trước khi khiêng về đến nơi. Được nửa đường, chúng tôi mệt quá, lão đảo, mồ hôi ra ướt đầm. Chúng tôi đành phải gọi Jim, Jim ngồi dậy và nhắc cái dây xích ra khỏi chân giường, bò ra khỏi lỗ đến chỗ để hòn đá, Jim và tôi nhắc hòn đá lên, đi nhẹ như không, còn thằng Tom thì chỉ huy. Nó có thể chỉ huy được bất cứ đứa trẻ nào khác. Nó có thể làm được đủ mọi thứ.

Cái lỗ chúng tôi đào cũng khá to, nhưng hòn đá vẫn không thể lọt qua được, Jim cầm lấy cuốc đào rộng thêm ra. Tom lấy đinh vạch lên tảng đá và bảo Jim đục theo những vết đã vạch. Nó bảo Jim làm đến khi nào nện tắt thì hãy đi ngủ, đem giấu hòn đá xuống dưới ổ rồi nằm lên đó mà ngủ. Chúng tôi giúp Jim mắc lại cái xích vào chân giường, rồi chúng tôi cũng sửa soạn đi ngủ. Nhưng bỗng nhiên, thằng Tom lại nói:

- Trong này có con nhện nào không, Jim?

- Không có, cậu ạ.

- Được, để tôi đi kiếm một ít cho.

- Ôi, tôi sợ lắm. Thà có rắn còn hơn là nhện.

Tom nghĩ một vài phút rồi nói:

- Một ý kiến hay đấy. Thế anh để nó ở đâu?

- Để cái gì cơ, cậu Tom?

- Con rắn chứ cái gì?

- Lạy chúa, nếu có con rắn bò vào đây thì tôi lập tức phải chui qua cái lỗ tường kia mà chạy thôi.

- Ôi, Jim, anh đừng có sợ thế. Anh có thể chinh phục được nó chứ?

- Chinh phục ư?

- Phải, dễ thôi. Bất cứ con vật nào mà anh yêu quý nó thì nó cũng biết ơn, và không bao giờ nó

làm hại anh. Anh cứ thử xem. Rồi nó có thể để anh quấn nó chung quanh cổ và rúc đầu nó vào miệng anh nữa cơ.

- Tôi xin cậu, tôi không dám nghe đâu! Nó sẽ để tôi đưa cái đầu nó vào mồm tôi ư? Không bao giờ. Mà hơn nữa, tôi không muốn cho nó ngủ chung với tôi.

- Jim, anh đừng có ngu dại như vậy. Một tù nhân phải có một con vật để làm bạn chứ. Từ trước đến nay, chưa có ai nuôi rắn cả, nên anh là người đầu tiên làm được việc đó thì càng vẻ vang chứ sao.

- Cậu Tom ơi, tôi không muốn cái vẻ vang ấy. Con rắn sẽ mổ vào tôi. Không, cậu ạ, tôi không muốn làm cái chuyện đó.

- Mẹ kiếp, thế anh không thử được ư? Tôi chỉ muốn anh thử thôi. Nếu anh không thích thì không cần phải giữ nó mãi cơ mà!

- Nhưng trong lúc tôi thử thì nó đã cắn tôi rồi còn gì. Cậu Tom ơi, tôi không muốn làm những cái đó đâu. Nếu cậu Huck mà đem một con rắn vào đây thì tôi bỏ đi ngay, nhất định thế.

- ừ, thì thôi vậy. Để chúng tôi kiếm cho anh vài ba con rắn không độc vậy.

- Tôi cũng không chịu được, cậu Tom ạ. Tôi nói thật với cậu, chưa bao giờ tôi thấy lo ngại và khổ như thế này.

- Thế ở đây có chuột không?

- Không, tôi chả thấy con nào.

- Thôi thế chúng tôi kiếm cho anh mấy con chuột...

- Tôi không cần chuột, cậu Tom ạ. Nó là con vật đáng ghét nhất cứ hay quấy nhiễu người ta, trèo cả lên người, cắn chân không cho người ta ngủ. Thà cậu đưa rắn thường vào đấy chứ, đừng đưa chuột vào đây. Tôi không cần dùng đến chuột làm gì.

- Nhưng mà anh phải có chuột chứ. Anh đừng lo ngại, họ đều làm như thế cả. Tù nhân không bao giờ có chuột, họ huấn luyện nó nhiều mưu mẹo, rồi những con chuột đó trở thành gần gũi như con ruồi vậy. Mà anh lại còn phải chơi âm nhạc cho chúng nghe nữa chứ. Anh có cái gì để chơi âm nhạc không?

- Tôi chỉ có cái lược gãy với một mảnh giấy, để làm cái đàn búng thôi. Nhưng tôi chắc chắn chúng nó không thích đàn búng.

- Có chứ. Chúng nó không phân biệt thứ âm nhạc nào. Đàn búng đối với chuột là tốt lắm rồi. Con vật nào cũng thích âm nhạc, mà trong nhà giam thì nó lại càng ưa nữa, nhất là nhạc buồn thảm. Chuột nó thích lắm. Nó sẽ bò ra xem anh có cái gì lạ thế. Ban đêm, trước khi đi ngủ và buổi sáng sớm ngủ dậy, anh phải ngồi trên giường một lúc và chơi cái đàn búng ấy. Anh chơi độ hai phút thì anh sẽ thấy đủ các thứ chuột, rắn, nhện v... v... nó cảm thấy buồn thay cho anh và sẽ kéo tới chung quanh anh.

-Vâng, tôi cũng nghĩ thế. Nhưng lúc này tôi chẳng hiểu gì cả, tôi sẽ cố gắng làm theo nếu như tôi phải làm. Tôi sẽ làm cho những con vật ấy bằng lòng và không có chuyện gì lôi thôi ở trong

nhà cả.

Tom nghĩ thêm một lúc nữa xem còn có gì khác nữa không, rồi nó nói:

- Còn một cái nữa tôi quên mất. Anh có thể trồng hoa ở đây không?
- Tôi không biết, nhưng có lẽ được. Nhưng trong này tối lắm, và tôi thì cũng chẳng cần hoa, chỉ rắc rối thêm.
- Anh cứ thử xem sao. Những tù nhân khác họ cũng trồng hoa mà.
- Ở đây chắc là trồng được hoa đuôi mèo, nhưng trồng nó chẳng bổ công.
- Anh đừng tưởng thế. Chúng tôi sẽ tìm cho anh một cây con, và anh trồng nó vào góc nhà kia kìa. Đừng gọi nó là hoa đuôi mèo, phải gọi nó là Pitchiola mới đúng. Và anh phải tưới cho nó bằng nước mắt.
- Sao thế? ở đây tôi có khối nước mưa.
- Không được tưới bằng nước mưa, anh phải tưới bằng nước mắt. Ai cũng làm như vậy mà.
- Cậu Tom ơi, thế thì cây hoa ấy sẽ chết mất thôi, vì chẳng mấy khi tôi khóc.

Tom lúng túng chẳng biết nói gì. Nhưng sau một hồi suy nghĩ, nó bảo Jim lấy củ hành bôi vào mắt để có nước mắt. Nó hứa rằng sẽ nhặt một củ hành rồi buổi sáng sẽ ngâm bỏ vào trong bình cà phê của Jim, Jim bảo như thế thì sẽ có mùi hành ở trong cà phê, rồi Jim kêu ca các kế hoạch của Tom, nào là trồng cây hoa đuôi mèo, đánh đàn cho chuột nghe, vuốt ve rắn, nhện, ngoài ra lại còn phải mài bút, rồi khắc chữ vào đá, rồi viết nhật ký v... v... thật là rắc rối, phiền nhiễu. Hắn nói một hồi khiến thằng Tom cũng nản chí. Tom bảo rằng nó đã nghĩ ra bao nhiêu thứ đó cũng chỉ muốn làm cho Jim được nổi danh, thế mà Jim còn kêu ca thật là uổng công. Nghe vậy, Jim hối hận và từ nay Jim sẽ không cư xử như vậy nữa. Sau đó, tôi và Tom trở về phòng đi ngủ.

Chương 29

Họ kéo đến một ông già trông rất lịch sự cùng với một người trẻ hơn, trông cũng khá chững chạc, cánh tay phải đeo một cái băng. Hình như chuyện này không phải là đùa. Có lẽ nhà vua với quận công cũng đang chột dạ. Tôi chắc họ sẽ sợ tái mặt. Nhưng không, họ chẳng tỏ vẻ gì cả. Quận công vẫn cứ điểm nhiên đi ú ở quanh đó, vẻ thỏa mãn. Còn nhà vua thì nhìn lên nhìn xuống, vẻ ngần ngại lo lắng; hình như cái đó làm cho lão đau lòng vì nghĩ rằng trên đời làm gì lại có những tên lừa bịp xỏ lá như vậy. Rất nhiều người đứng chung quanh nhà vua để ủng hộ lão. Một lát sau, ông già sang trọng bắt đầu nói. Tôi nhận thấy ngay rằng ông ta nói đúng như một người Anh thực sự chứ không giống với kiểu của nhà vua. Ông ta nói đại khái thế này:

- Đây thật là một điều kỳ lạ mà tôi không thể ngờ tới được. Em tôi và tôi gặp chuyện không may; em tôi bị gãy tay, và hành lý của chúng tôi bị đưa nhầm lên thị trấn khác. Tôi là Harvey, em của Peter Wilks; còn đây là người em William. William không nghe thấy gì và không nói được, cũng không làm dấu hiệu được nhiều lắm vì chú ấy đã gãy mất một cánh tay. Trong một vài ngày nữa lấy được hành lý về, chúng tôi sẽ có đủ bằng chứng. Nhưng từ nay đến lúc đó, tôi không muốn nói gì thêm nữa, chúng tôi về khách sạn và chờ ở đó.

Rồi hai người bước đi. Nhà vua cười, lắc nhai một hồi:

- Gãy tay, ừ điều đó là có thể, phải không các vị? Và lại tiện lợi đối với một anh bịp mà phải làm dấu hiệu. Mất hành lý, đây mới là một mưu mẹo thông minh!

Rồi lão ta cười hô hố, mọi người khác cũng cười theo, chỉ trừ có ba bốn người là không tán thành. Một trong những người ấy là ông bác sĩ. Người thứ hai là một ông trông rất lịch sự, tay xách vali, vừa mới ở tàu thủy bước xuống lúc nãy và đang nói chuyện nhỏ với ông bác sĩ, thỉnh thoảng nhìn lên nhà vua và hai người lại gật gật cái đầu. Đó là trạng sư Levi Ben vừa từ Louisville trở về. Người thứ ba to lớn, vạm vỡ, vừa mới bước tới, nghe ông già lúc nãy nói bây giờ đang nghe nhà vua nói. Nhà vua nói xong, người đó nhìn lên hỏi:

- Nếu ông là Harvey Wilks thì hỏi ông đến thị trấn này từ bao giờ?
- Trước hôm đưa tang, thưa ông.
- Nhưng mà vào lúc mấy giờ?
- Vào buổi chiều, khoảng một hai tiếng đồng hồ trước lúc mặt trời lặn.
- Ông đến bằng cách gì?
- Tôi đi tàu Susan Powell từ Cincinnati đến.
- Thế ông làm thế nào lại lên bến tàu vào buổi sáng được, ông đi xuống à?
- Tôi không lên bến tàu vào buổi sáng.
- Nói bậy.

Nhiều người bước đến yêu cầu người kia không được nói năng như vậy đối với một mục sư.

- Mục sư à? Treo cổ nó lên, nó là một thằng lừa bịp. Nó lên bến tày sáng hôm đó. Chính tôi ở đó chứ đâu và trông thấy nó. Nó đi xuống, đi cùng với Tim Collins và một thằng bé nữa.

Bác sĩ kia hỏi:

- Nếu anh trông thấy thằng bé ấy nữa thì anh có nhận được ra nó không, Hines?

- Nhận ra chứ. A, nó kia rồi.

Người đó chỉ đúng vào tôi. Bác sĩ nói:

- Thưa các vị, tôi chưa dám chắc hai người vừa tới lúc này có phải là bịp hay không, nhưng còn hai thằng cha ở đây mà không phải là những tên lừa bịp thì tôi chỉ là một thằng ngốc. Tôi nghĩ rằng bốn phận của chúng ta là phải giữ không để nó chạy khỏi nơi này cho đến khi nào chúng ta rõ được sự tình. Mọi người đi theo tôi đến khách sạn và cho đối chất với hai người mới tới kia; tôi chắc chúng ta có thể tìm được cái gì đó.

Mọi người tỏ vẻ giận dữ trừ những kẻ đứng về phe nhà vua. Thế là tất cả chúng tôi phải đi. Lúc ấy mặt trời sắp lặn. Ông bác sĩ nắm lấy tay tôi dắt đi, nắm nhẹ thôi, nhưng không chịu buông tôi ra một chút nào. Mọi người bước vào một căn phòng rộng lớn trong khách sạn, rồi cho mời hai người lúc này tới. Ông bác sĩ lên tiếng trước:

- Tôi không muốn làm gì quá đáng đối với hai người này, nhưng vì tôi nghĩ họ là những tên lừa bịp, và họ có thể có những âm mưu mà ta không biết. Liệu chúng có dám chuồn đi mà lại để lại cái bọc tiền của Peter Wilks không? Chắc không đâu. Nếu những tên này không phải là những tay lừa bịp thì chắc sẽ lấy bọc tiền đó ra đây để chúng ta giữ cho đến lúc nào chúng mình được họ là lương thiện, mọi người có đồng ý thế không?

Mọi người trả lời đồng ý. Tôi nghĩ thế là họ đã dồn được bọn tôi vào chỗ kẹt ngay từ lúc đầu. Nhưng nhà vua chỉ tỏ ra hơi buồn. Lão nói:

- Thưa các vị, tôi cũng mong rằng bọc tiền còn đó, vì tôi không muốn ngăn trở việc tìm ra đầu đuôi câu chuyện này. Nhưng bọc tiền không còn đó. Không tin các vị cứ cho người đi lục soát.

- Ông để tiền ở đâu?

- Khi có cháu gái đưa cho, tôi đem giấu xuống dưới đệm ở giường ngủ của tôi, vì ở đây ở ít ngày nên không muốn đem tiền đó gửi vào nhà băng. Tôi cứ ngỡ những người da đen lương thiện như những người hầu của tôi, ai ngờ cũng đã cuồn hết số tiền đó trước khi rời khỏi nơi này. Người hầu của tôi đây có thể nói rõ cái đó để các ngài biết.

Ông bác sĩ với nhiều người khác cũng nói:

- Thôi đi!

Chẳng ai tin lời lão ta cả. Có một người hỏi tôi rằng tôi có trông thấy những người da đen đánh cắp tiền không. Tôi nói rằng chỉ thấy họ ở trong buồng vội vã đi ra. Tôi tưởng rằng họ sợ đánh thức ông chủ tôi nên họ phải bước ra ngoài. Nhưng ông bác sĩ sùng sỡ hỏi tôi:

- Mà y có phải là người Anh không?

Tôi bảo phải, rồi ông ta và mọi người cùng cười, nói:

- Lại một tên bịp!

Chúng tôi bị nói lên nói xuống hàng vài giờ mà không thấy ai nói gì đến việc ăn uống nữa. Họ bắt nhà vua kể lại đầu đuôi câu chuyện của lão, rồi lại bảo ông già sang trọng kia cũng kể đầu đuôi câu chuyện của mình. Nhưng chẳng ai dám khẳng định ông già kia nói thật hay nhà vua này nói dối cả. Lát sau, họ bảo tôi đứng ra nói lại tất cả những gì tôi biết. Nhà vua đưa mắt liếc nhìn tôi, do đó tôi cũng biết là nên nói thế nào cho phải. Tôi bắt đầu nói về thành phố Sheffield, chúng tôi sống ở đó thế nào, nói mọi thứ về họ nhà Wilks ở bên Anh. Nhưng tôi chưa nói xong thì ông bác sĩ kia đã phá lên cười, rồi Levi Ben, ông trạng sư nữa họ nói:

- Thôi, chú mày không quen nói dối nên nói chối lại lắm.

Tôi chẳng để ý đến lời khen, thấy được thoát là mừng lắm rồi.

Bây giờ, ông bác sĩ lại quay sang bên, nói:

- Giá như ông có mặt ở thị trấn này ngay từ những hôm đầu thì có hay không, ông Levi Ben?

Nhà vua giơ tay ra nói xen vào:

- Thế ra đây là người bạn mà ông anh của tôi vẫn thường nói đến trong thư đấy ư?

Ông trạng sư bắt tay lão ra, mỉm cười có vẻ hài lòng, rồi hai người chào hỏi nhau một tí, rồi đứng lại sang bên nói nhỏ. Lúc sau ông trạng sư nói to lên:

- Được rồi, tôi sẽ cầm giấy tờ của hai bên đây để biết rõ thực hư thế nào.

Thế là họ lấy giấy bút ra. Nhà vua ngồi xuống vẹo đầu sang một bên, viết nguệch ngoạc cái gì trên đó. Rồi họ lại đưa bút cho quận công, anh ta có vẻ lo sợ. Nhưng anh ta vẫn cầm lấy bút viết. Rồi ông trạng sư lại quay sang phía ông già kia nói:

- Ông và em ông, xin viết cho một vài dòng chữ vào đây và ký tên ở dưới.

Ông già kia viết nhưng không ai đọc được chữ gì. Ông trạng sư rút ở trong túi ra một tập thư cũ, nhìn kỹ trong đó rồi lại nhìn chữ viết của ông già kia, rồi nhìn sang chữ viết của nhà vua với quận công, tỏ vẻ rất ngạc nhiên nói:

- Lạ nhỉ, những bức thư cũ này là của Harvey Wilks và đây là hai bút tích. Ai cũng có thể thấy rằng những người kia đã không viết đúng như vậy. Còn chữ viết của ông già này, ai cũng có thể thấy dễ dàng là không phải chữ của ông...

Ông già kia ngắt lời:

- Tôi xin có lời giải thích. Không ai có thể đọc được chữ của tôi, trừ có ông em tôi kia mà thôi. Vì thế ông em vẫn chép lại thư tôi viết. Những lá thư mà ông cầm đều là chữ của em tôi, không phải chữ của tôi.

- Ra thế, - Ông trạng sư nói - Tôi cũng có một số thư của William nữa đây. Vậy nếu ông để ông ấy viết cho một vài dòng thì ta có thể....

- Em tôi không viết tay trái được, nếu tay phải của ông em tôi không bị gãy thì các ngài có thể thấy rõ là ông hai thứ thư mà xem - cùng một người viết cả.

Ông trạng sư xem rồi nói:

- Tôi thấy có lẽ đúng, tôi thấy hai thứ chữ rất giống nhau. Được! Tôi nghĩ rằng chúng ta sắp đi đến chỗ giải quyết rồi đây, nhưng phần nào còn chưa rõ lắm. Dù sao cũng có một điều đã có thể chứng minh rằng hai người này không phải là anh em nhà Wilks.

Vừa nói, ông tã vừa quay sang phía nhà vua và quận công.

Đến nước này mà lão ta vẫn không chịu thua. Lão bảo rằng William là một người bướng bỉnh và hay đùa, rằng lúc hắn đặt bút lên giấy cũng chỉ là làm một trò đùa nghịch của hắn. Rồi lão ta lại lảm nhảm một hồi cho đến lúc lão tưởng rằng chính lão đang nói đến mình thật. Nhưng ông già kia ngắt lời:

- Tôi nghĩ ra một cách, ở đây có vị nào đã đến giúp việc khâm liệm cho ông Peter Wilks trước khi đem chôn cất không?

Có tiếng người nói:

- Có! Tôi và Ab Turner làm việc đó. Cả hai chúng tôi đến ở đấy

Rồi ông già đó quay sang hỏi nhà vua:

- Ông có thết cho tôi biết là ở trên ngực Peter có xăm hình gì không?

Lần này thì nguy to rồi. Nếu lão không nhanh chóng trả lời thì sẽ không còn đường mà thoát. Làm sao lão biết được trên ngực kẻ đã chết có xăm hình gì. Lão ra tái mặt đi một lúc, mọi người như vờn một chút ra phía trước chăm chăm nhìn vào lão. Lão vẫn không chịu, quyết đi đến cùng để làm cho mọi người không bắt nạt và trốn đi được. Lão vẫn ngồi đó đàng hoàng, lát sau lão ta mỉm cười và trả lời:

- Đó thật là một câu hỏi khó trả lời. Vâng, thưa ngài, tôi có thể nói cho ngài biết là trên ngực người chết có xăm hình gì. Đó chỉ là một mũi tên rất nhỏ, màu xanh, nếu như không nhìn thật gần thì không thể thấy. Nào, ngài nghĩ sao?

Tôi chưa bao giờ thấy ai trơ tráo như hắn.

Ông già kia quay ngay sang phía Ab Turner và người bạn của Ab Turner, đôi mắt sáng lên vì trong bụng nghĩ rằng lần này thì tóm được nhà vua rồi. Ông già hỏi:

- Đó, các ông đã nghe thấy ông kia nói gì rồi! Vậy thì trên ngực Peter Wilks có xăm như vậy không?

Cả hai người cùng trả lời:

- Chúng tôi không thấy có dấu nào như thế cả

- Hay lắm, - Ông già kia nói tiếp - Trên ngực Peter, các ông thấy có mấy chữ nhỏ P và B với chữ W, giữa ba chữ có gạch, tức là P - B - W như thế này không?

Hai tên kia lại nói:

- Không, chúng tôi không thấy. Chẳng có dấu hiệu gì cả

Lúc đó thì mọi người hoang mang, rồi họ hét lên:

- Toàn những tên lừa bịp cả! Đem vút cả chúng xuống sông đi!

Nhưng ông trạng sư nhảy lên bàn hét to:

- Các vị, xin hãy nghe tôi nói một câu, chỉ một câu thôi. Còn một cách duy nhất, ta hãy đi đào cái xác lên xem.

Mọi người đồng tình, muốn đi ngay, nhưng ông trạng sư và bác sĩ nói lớn:

- Khoan đã! Tôm cổ cả bốn người với thằng bé này dẫn đi nữa.

Mọi người kêu lên:

- Được, và nếu không thấy những hình xăm đó thì chúng tôi sẽ đem treo cổ cả bọn.

Tôi sợ quá, không thoát được nữa rồi. Họ nắm chặt lấy chúng tôi dẫn đi ra thẳng nghĩa địa ở phía dưới sông độ hơn một dặm. Cả thị trấn chạy theo sau, om xòm cả lên. Lúc đó mới chín giờ tối.

Khi đi qua nhà, tôi nghĩ giá đừng bảo cô Mary Jane đi ra ngoại ô, nếu không thì bây giờ cô ấy đã ra cứu tôi và vạch mặt mấy tên khốn kiếp kia.

Cả đám người lần theo bờ sông giống như những mèo hoang. Trời tối sầm lại, gió thổi rung rung những cánh lá cây khiến tôi vô cùng sợ hãi.

Nếu như họ không tìm thấy vết xăm thì sao? Nghĩ đến cái chết sò sò trước mắt, tôi không thể nào chịu được. Trời mỗi lúc một tối, rất thuận tiện để trốn, nhưng Hines nắm chặt cổ tay tôi. Anh ta tức giận, lôi tôi đi xềnh xệch, tôi phải bước nhanh lên để khỏi bị hấn kéo.

Đoàn người kéo ra nghĩa địa đông như kiến, mang theo hàng trăm cái xẻng, nhưng không người nào nghĩ đến mang theo một cái đèn. Nhưng họ cứ đào theo những ánh đèn lấp lánh ở xa chiếu đến, trong khi đó, một người chạy đến căn nhà gần nhất ở nghĩa địa chừng nửa dặm để mượn đèn.

Họ cứ đào mãi. Trời tối đen như mực, gió thổi ù ù, chớp lia nhoang nhoang sấm vang ầm ầm; nhưng họ chẳng để ý gì đến chuyện đó. Họ mãi miết đào, có lúc chớp lâu đến một phút rất sáng có thể trông thấy mọi thứ mọi người trong cái đám đông ấy, trông thấy cả những cái xẻng đầy đất từ dưới mộ vút lên. Rồi lát sau, trời lại tối đen chẳng thấy gì nữa.

Sau cùng, họ lấy được quan tài lên và nạy đinh đóng nắp ra. Ai cũng cố chen chúc nhau để lách vào nhìn. Thật là kinh khủng, Hines vẫn cứ nắm chặt lấy cổ tay tôi kéo đi. Tôi cứ tưởng hấn sẽ quên tôi ở đó, vì hấn cũng đang chăm chú theo dõi.

Bỗng có một tí chớp soi sáng rực cả một vùng, và có tiếng người kêu lên.

- Lạy Chúa, bọc tiền nằm trên ngực người chết này!

Hines rú lên một tiếng như mọi người, bồng cổ tay tôi ra rồi xô một cái thật nhanh, chen vào giữa đám người để nhìn; tôi thừa cơ lách ra ngoài, chạy ra đường mà không ai nhìn thấy.

Tôi chạy như bay trên đường. ít nhất là tôi cũng thấy chỉ có một mình tôi với bóng tối, và thỉnh thoảng có chớp với tiếng mưa rào rào, tiếng gió rít, tiếng sấm rền.

Về đến thị trấn, tôi không thấy một bóng người vì vậy tôi cứ dằng hoàng đi ở giữa phố chính. Đi gần đến nhà, tôi để ý nhìn xem có thấy gì chẳng. Chẳng có đèn đóm gì cả, nhà tối om, tôi buồn nản, thất vọng, không hiểu tại sao. Nhưng rồi tôi vừa qua cửa nhà thì thấy có ánh lửa lóe lên ở cửa buồng của Mary Jane. Tim tôi như muốn vỡ tung ra. Ngay sau lúc đó, căn nhà trở lại tối đen ở phía sau lưng tôi, rồi không thấy gì nữa. Tôi nghĩ cô ấy thật là một người con gái có nhiều nghị lực nhất mà tôi đã từng gặp.

Khi đã ra khỏi thị trấn khá xa, tôi mới nhìn kỹ xem có cái thuyền con nào để mượn tạm. Vừa lúc đó chớp lóe lên, tôi thấy một cái xuồng không buộc dây xích mà chỉ buộc bằng dây thừng. Tôi nhảy ngay xuống vội vã chèo đi.

Ra đến bè thì đã kiệt sức, chỉ muốn nằm ngay xuống mà thở một lát. Nhưng vừa trèo lên tôi đã lên tiếng gọi:

- Jim, ra đây, thả bè đi ngay thôi! May quá, chúng mình thoát được bọn nó rồi.

Jim chui ra, dang rộng hai cánh tay định ôm tôi vào lòng. Hắn vô cùng mừng rỡ, nhưng khi có ánh sáng chớp, tôi bỗng im bật, nhìn hắn và giật lùi. Tôi quên mất rằng hắn đang đóng giả anh ả rập chết rồi. Nhưng Jim mặc kệ, cứ ôm chặt lấy tôi, mừng cho tôi. Hắn sung sướng quá vì thấy tôi đã trở về đã thoát được hai tên lừa bịp. Nhưng tôi nói:

- Để lúc khác nói chuyện! Hãy tháo dây bè và đi đã!

Thế là chỉ hai giây đồng hồ sau chúng tôi đã xuôi dòng sông, cảm thấy sung sướng lại được tự do, trên sông lớn chỉ có mình, mà không còn ai quấy rầy nữa!

Tôi đã phải nhảy lên mấy cái và đập gót chân cho sướng một lúc vì không thể nhìn được. Nhưng khi tôi đập gót chân đến lần thứ ba thì tôi nghe thấy một tiếng động quen quen. Tôi nín thở lắng nghe và đợi xem. Đúng lúc một tia chớp sáng lên chiếu rõ trên mặt nước, tôi nhìn thấy họ ngồi cầm mái chèo và đang đẩy thuyền tới. Đó là nhà vua với quận công.

Tôi ngã khụy xuống ván bè. Tôi làm như vậy để khỏi bật lên tiếng khóc mà thôi.

Chương 30

Vừa lên tới bè. nhà vua bước ngay đến chỗ tôi, túm lấy cổ áo tôi và hỏi:

- Màý định bỏ rơi chúng tao hả, chớ con? Màý chán chúng tao rồi ư?

Tôi đáp:

- Dạ, thưa ngài, không ạ. Tôi xin ngài

- Thế thì màý định giở trò gì? Nói mau, nếu không tao lột da màý ngay bây giờ.

- Tôi sẽ kể cho ngài nghe mọi chuyện xảy ra. Người mà cầm tay tôi, ông ấy tốt lắm, bảo rằng ông ấy cũng có một đứa con lớn bằng tôi mới chết năm ngoái, vì vậy thấy tôi gặp nguy hiểm cũng thương tình. Khi mọi người nhao nhao lên vì thấy bọc tiền ở trong quan tài, ông ta bỏ tay tôi ra, và nói khẽ: “Chạy đi, nếu không có họ treo cổ màý lên đấy”. Thế là tôi chạy. Tôi chẳng làm thế nào được. Tôi cứ chạy miết cho đến khi tìm thấy chiếc xuống, rồi đến bè bảo Jim chuồn nhanh lên không có họ bắt tôi đem treo cổ. Tôi cứ lo lắng cho ngài và quận công, Jim cũng thế. Ngài cứ hỏi Jim mà xem có đúng thế không.

Jim cũng bảo đúng như thế. Nhà vua quát Jim rồi lại nắm cổ tôi đòi dìm tôi xuống sông cho chết. Nhưng quận công can.

- Thả thằng bé ra! Tôi hỏi ông lúc ông thoát được thì ông có nghĩ đến nó không? Chắc là không chứ.

Nhà vua buông tôi ra, rồi chửi rửa cái thị trấn cùng mọi người ở đó. Nhưng quận công nói:

- Ông nên tự chửi mình thì hơn, vì chính ông là người đáng chửi nhất. Từ đầu đến cuối, ông đã chẳng làm được việc gì ra hồn cả, trừ chuyện ông bình tĩnh nghĩ ra mũi tên màu xanh trên ngực người chết. Nếu không thì thế nào chúng nó cũng bắt giam mình chờ cho đám hành lý của bọn người Anh kia đến rồi thì là ngòi tù! Sau đó là cái bọc tiền cứu thoát một lần nữa. Nếu mà những thằng điên ấy không sôi sục kéo đi thì đêm nay tôi và ông cứ thất cả vạt mà ngủ luôn một giấc.

Họ im lặng một lúc rồi nhà vua nói lơ đãng:

- Thế mà mình lại cứ ngỡ rằng bọn da đen ăn cắp.

Tôi giật mình.

Quận công nói chua chát:

- ừ, tôi cũng tưởng thế.

Chừng nửa phút sau, nhà vua lại nói:

- ít nhất, tôi cũng nghĩ thế.

Quận công nói, cũng một giọng như nhà vua:

- Tôi cũng tưởng lại vậy.

Nhà vua có vẻ như gất lên:

- Này, Bilgewater, anh nói tưởng thế là có nghĩa gì?

Quận công bực mình đáp:

- Vậy ông định nói cái gì?

Nhà vua mĩa mai:

- Có lẽ lúc đó anh còn ngái ngủ nên không biết mình đáng làm gì.

Quận công nháy chồm lên:

- ồ, ông cho tôi là thằng điên đấy à? Ông tưởng tôi không biết đứa nào giấu tiền vào cái quan tài đó hay sao?

- Tất nhiên là anh biết vì chính anh giấu vào đó

- Nói bậy!

Quận công xông tới. Nhà vua kêu lên:

- Bỏ tay ra! Đừng bóp cổ tôi như vậy. Tôi không nói thế nữa.

Quận công nói:

- Chính ông giữ tiền, rồi tự tay mình giấy vào đó, và định có dịp thì ra đó đào lên một mình ông hưởng

- Đợi đã, quận công, anh hãy thành thật trả lời tôi câu này. Nếu anh giấu tiền vào đó thì anh cứ nói, tôi sẽ tin anh và những điều từ này đến giờ xí xóa

- Lão già kia, tôi không giấu, không đời nào tôi làm cái trò đó.

- Thôi được, tôi tin anh. Nhưng anh trả lời cho tôi một câu nữa thôi, trong bụng, anh có nghĩ rằng mình sẽ lấy tiền và giấy nó đi không?

Quận công không nói gì, lát sau mới trả lời:

- Nếu có nghĩ như thế thì cũng không sao. Còn ông thì không những trong bụng nghĩ thế mà còn làm thế nữa.

- Tôi thế, nếu tôi làm thế thì tôi chết ngay lập tức. Tôi có nghĩ đến chuyện đó, nhưng mà anh hay là ai đó đã làm trước tôi rồi.

- Hừ, chính ông đã ăn cắp, ông phải thú thật chứ.

Nhà vua lấp bắp rồi thở dài:

- ừ, thì tôi lấy.

Tôi mừng rơn khi thấy nhà vua nói thế. Quận công bỏ tay lão ra, nói:

- Nếu mà ông còn chối nữa thì tôi dìm ông chết. Bây giờ, ông còn ngồi đấy mà khóc lóc như đứa trẻ con à! Tôi chưa bao giờ gặp một lão già tham lam như ông. Thế mà, lúc nào tôi cũng tin ông như là bố tôi vậy. Đáng lẽ ông phải thấy xấu hổ khi thấy người ta đổ tội cho mấy người da đen vô tội chứ. Thật là tôi cũng ngớ ngẩn mà lại đi tin những cái trò ấy. Thì ra bây giờ tôi mới hiểu ông đã bịa ra chuyện thiếu tiền trong bọc để tôi bỏ nốt cái tiền kiếm được ở tối diễn kịch ra, để ông cuỗm hết.

Nhà vua sụt sịt đáp:

- Chính anh nghĩ ra cái trò bù tiền ấy chứ, chứ phải tôi đâu.

- Câm miệng lại. Tôi không muốn nghe ông nói nữa! Bây giờ thì ông đã thấy kết quả rồi đó. Chúng nó đã lấy lại được tất cả tiền bạc của chúng nó mà lại được thêm cả của mình nữa. Thôi ngủ đi. Chừng nào ông còn sống thì đừng có làm gì thiệt đến tiền của tôi nữa!

Thế là nhà vua bò vào trong lều, vớ lấy chai rượu nốc một hơi. rồi sau đến quận công cũng vớ lấy chai nữa. Khoảng nửa giờ sau, hai tên lưu manh lại thân thiện với nhau như thường, chúng ôm nhau ngủ. ngáy khò khò. Cả hai tên đều bình tĩnh trở lại, nhưng tôi thấy nhà vua chưa thật bình tĩnh lắm về về cái chuyện đã không chối nổi được việc giấu cái bọc tiền. Điều đó làm tôi khoái lắm.

Chờ cho chúng ngáy to, chúng tôi mới ngồi nói chuyện với nhau, và tôi kể lại cho Jim nghe tất cả đầu đuôi câu chuyện.

Chương 31

Nhiều ngày sau đó, chúng tôi không dám dừng lại ở một thị trấn nào nữa, mà cho bé đi thẳng. Chúng tôi xuôi về phương Nam, nơi đó khí hậu ấm áp và cũng khá xa nhà. Cây cối um tùm, dây leo lủng lẳng những cành cây lớn, trông như từng bộ râu xám dài. Lần đầu tiên tôi thấy những cây đó, và hình như nó làm cho rừng cây càng thêm uy nghiêm buồn thảm. Đến đây, hai tên lừa đảo nghĩ rằng đã hết nguy hiểm nên lại vào các làng xóm để kiếm chác.

Thoạt tiên, chúng trò chuyện về nạn nghiện rượu, nhưng chúng cũng chẳng kiếm đủ tiền để mua rượu cho chúng uống. Khi đến làng khác, chúng mở lớp dạy khiêu vũ, nhưng chúng cũng chỉ nhảy như một con kangguru, vì thế chúng bị công chúng cũng chỉ nhảy vào, đuổi đi ngay. Một lần khác, chúng lại định diễn thuyết, nhưng chưa nói được mấy câu thì cử tọa đã đứng dậy chửi cho một trận, rồi tống cổ đi. Chúng còn làm những trò giả đạo, thôi miên, chữa bệnh, bói toán, mỗi thứ một tí, nhưng hình như những lần này đều rủi ro cả. Sau cùng, chúng chán quá, nằm ì trên bè suốt nửa ngày nói chẳng rằng, vẻ buồn rầu, thất vọng lắm.

Sau cùng, chúng chụm đầu vào nhau bàn bạc hai ba tiếng đồng hồ có vẻ bí mật lắm. Jim với tôi thấy lo, chắc là chúng lại đang tính toán với nhau một chuyện gì xấu xa nữa đây. Nghĩ mãi, chúng tôi đoán là chúng bàn tính với nhau vào một nhà nào hay cửa hiệu nào, hay sắp đi làm bạc giả. Thế là chúng tôi sợ quá, thỏa thuận với nhau là nhất định không dính dáng gì đến những hành động của chúng và nếu có điều kiện, chúng tôi cũng bỏ chạy luôn.

Một buổi sớm, chúng tôi giấu bè vào một chỗ an toàn, cách một cái làng tồi tàn tên là Pikesville tới hai dặm. Nhà vừa lên bờ, dặn chúng tôi hãy nấp vào một nơi chờ lão lên phố gò la xem có ai đồn gì về chuyện diễn kịch Hoàng gia kim cổ chưa. Lão ta nói rằng nếu chờ đến trưa không thấy lão trở về tức là quận công với tôi sẽ lên theo.

Quận công có vẻ bồn chồn, gắt gỏng. Anh ta mắng chúng tôi từ những chuyện nhỏ trở đi. Chắc là có chuyện gì sắp xảy ra đây. Tôi rất mừng vì đến trưa rồi không thấy nhà vua về. Thế là tôi và quận công lên bờ đi vào làng, tìm nhà vua. Lát sau, chúng tôi thấy lão ở phía sau một chiếc tàu đánh cá, lão đang bị ấn vào một ngôi nhà chật hẹp, và bị một đám vô lại đang trêu chọc... Còn lão thì chửi văng lên và dọa nạt bọn người kia. Quận công đến nơi thấy thế lại bảo rằng đó là một lão gia điên. Nhà vua mắng lại ông quận công. Thừa lúc hai người đang chửi nhau kịch liệt, tôi chuồn ra, chạy nhanh như bay xuống con đường ven sông. Tôi chạy đến chỗ giấu bè, mệt đứt hơi, nhưng trong lòng rất vui sướng. Tôi gọi:

- Jim ơi, thả bè thôi, mình thoát rồi.

Nhưng không có tiếng trả lời, và cũng không thấy ai ở trong lều bò ra. Jim đã đi mất rồi! Tôi gọi to một tiếng, rồi một tiếng nữa - lại một tiếng nữa; chạy hết ngả này ngả khác vào rừng, hú lên, hét lên, nhưng vô ích - Jim đã bị mất rồi. Tôi ngồi xuống khóc nức nở. Lúc sau, tôi trở lại đường cái, trong bụng nghĩ xem nên làm thế nào. Bỗng thấy một thằng bé ở đâu đi tới, tôi hỏi có thấy một người da đen ăn mặc như thế không. Nó đáp:

- Có

- Thế anh ta đâu rồi? Tôi hỏi:

- ở dưới nhà ông Silas Phelps, cách đây hai dặm. Nó là một tên da đen chạy trốn; họ bắt được. Anh đi tìm nó phải không?

- Không, tôi không tìm. Tôi gặp nó ở trong rừng cáchh đây hai tiếng đồng hồ. Nó bảo nếu tôi mà kêu lên thì nó mổ bụng moi gan rồi bắt tôi nằm xuống và nằm im ở đó. Tôi phải nằm. Từ lúc ấy, tôi cứ ở trong rừng, sợ quá không dám ra.

Thằng bé nói:

- Thôi bây giờ anh không phải sợ nữa, họ đã bắt được nó rồi. Hình như nó chạy về phương Nam thì phải.

- Cũng may mà nó đã bị bắt.

- Được thưởng hai trăm đô la đấy, ngon lành quá rồi còn gì.

- ừ nhỉ, nếu tôi mà lớn hơn một chút thì nó không thoát khỏi tôi đâu, vì chính tôi gặp nó trước. Thế ai bắt được nó?

- Một lão già, rồi lão ta lại bán cho một người khác lấy bốn chục đô la vì phải đi ngay cùng người bạn nên không chờ được. Thế có lạ không? Tôi thì tôi chờ, đến bảy năm cũng được.

- Tôi cũng thế. Nhưng có lẽ lão ta có chuyện gì không được rõ ràng lắm nên mới bán rẻ như vậy.

- ồ, chuyện này có gì mà không rõ ràng. Chính mắt tôi trông thấy giấy truy nã nó, vẽ cả hình nó, nói là nó ở đồn điền nào chạy đến, hình như là ở dưới New Orleans ấy mà. Này, anh có thuốc cho xin một liều.

Tôi bảo không có. Thế là nó bỏ đi. Tôi trở ra bè, ngồi trong lều nghĩ ngợi. Tôi nghĩ đến nhức cả đầu mà cũng không tìm được cách nào thoát khỏi cái thuyền rắc rối này. Sau một chuyến đi dài đằng đẳng, sau bao nhiêu khó khăn khổ sở với mấy tên bịp bợm, bây giờ lại thành ra không đi đến đâu cả. Bọn chúng chỉ vì bốn mươi đô la mà đang tâm chơi cho Jim một vố như thế và bắt Jim trở lại làm nô lệ nữa thì làm nô lệ ở gần nhà của hắn cũng còn nghìn lần hơn là ở chỗ xa lạ. Cho nên, tôi định viết thư cho thằng Tom Sawyer để báo nó nói cho cô Watson biết hiện giờ Jim đang ở đâu. Nhưng nghĩ kĩ, tôi lại bỏ ý nghĩ đó ngay. Vì hai lẽ: cô ấy chắc rất kinh tởm tên da đen vô ơn bạc nghĩa đã bỏ cô mà đi, và cô ta sẽ bán hắn đi ngay. Mà nếu như cô ta không làm thế thì cố nhiên Jim lúc nào cũng phải khổ tâm thấy mình xấu xa hèn hạ. Bây giờ làm thế nào? Rồi lại còn chuyện người ta đồn đi rằng Huck Finn đã giúp cho một người da đen chạy trốn. Nếu tôi gặp mặt người nào trong thị trấn thì tôi sẽ phải quỳ xuống mà hổ thẹn liếm giày cho họ ư? Đời là như vậy đấy: ai đã làm một việc gì xấu xa thì không muốn nhận những cái hậu quả của việc đó. Tôi càng suy nghĩ càng thấy lương tâm cắn rứt, và lại càng cảm thấy mình xấu xa hèn hạ. Sau cùng, tôi có cảm giác như bàn tay của Thượng Đế vừa tát vào mặt tôi, bảo cho tôi biết rằng Thượng Đế vẫn theo dõi mọi việc làm tội lỗi của tôi. Chính tôi đã cướp mất người nô lệ da đen của một người đàn bà tội nghiệp chưa từng làm gì hại tôi. Tôi lại thấy tội lỗi của mình và sợ hãi quá lắm. Tôi cố gắng tự an ủi mình bằng cách nghĩ rằng mình vốn sinh ra đã xấu xa rồi thì cái đó cũng đáng trách lắm. Nhưng trong người tôi lại vẫn có một cái gì như nói: Có cái trường nhà dòng ấy, mà phải đến đó học, nếu mà có đến đó học thì người ta sẽ dạy mà rằng

những kẻ nào làm cái việc như mày đã làm đối với tên da đen đó thì sẽ bị thiêu chết.

Tôi rùng mình sợ hãi, và tôi tính phải cầu nguyện để trở thành người lương thiện. Tôi quỳ xuống. Nhưng chẳng nghĩ ra câu gì. Tại sao thế nhỉ? Có lẽ không thể dối trá được Thượng Đế cũng như bản thân. Tôi biết tại sao không tìm ra được những lời cầu nguyện, chỉ vì tôi không thẳng thắn, không thật lòng. Tôi định từ bỏ tội lỗi, nhưng lương tâm tôi vẫn chứa chất điều đó... Thượng Đế biết tất cả nên đừng cầu nguyện cho điều dối trá. Tôi đã hiểu được điều đó.

Tôi băn khoăn vô cùng. Lát sau, tôi nảy ra một ý nghĩ và tự bảo: sẽ viết thư để xem rồi sau đó cầu nguyện được chẳng. Lạ quá, nghĩ đến đó thì cảm thấy mình nhẹ nhõm như một lông hồng. Bao nhiêu băn khoăn tiêu tán hết cả. Tôi cầm cái bút chì lấy một mảnh giấy, hăm hở ngồi xuống viết.

“Cô Watson, anh da đen Jim của cô chạy trốn xuống dưới này, cách Pikesville hai dặm. Ông Phelps bắt được hắn và sẽ đem trả cô để lấy thưởng nếu cô gửi tiền xuống.”

Huck Finn

Tôi cảm thấy dễ chịu như vừa trút được mọi tội lỗi. Và tôi nghĩ bây giờ thì có thể cầu nguyện được. Nhưng tôi chưa cầu nguyện ngay, mà còn đặt mảnh giấy xuống dưới, ngồi nghĩ ngợi. Mọi việc đã diễn ra tốt đẹp ngay vào lúc tôi tuyệt vọng nhất. Tôi lại nghĩ đến cả chuyến đi cùng với Jim dọc con sông này. Jim luôn ở bên tôi, ngày cũng như đêm, dưới trăng cũng như trong giông tố. Chúng tôi nói chuyện, hát cười trên con bè trôi theo dòng nước. Tôi không thể tìm thấy một điều gì khiến tôi ghét Jim được mà ngược lại. Jim đứng gác thay cho tôi, đáng lẽ gọi tôi dậy thì hắn vẫn để tôi ngủ; Jim sung sướng, mừng rỡ khi thấy tôi thoát nạn trở về; và bao giờ Jim cũng gọi tôi bằng cái tên thân yêu, chiều chuộng tôi, có thể vì tôi mà làm tất cả. Rồi tôi lại nhớ đến lúc tôi cứu Jim và bảo mấy người rằng ở trên bè có một người đang bị bệnh đậu mùa, và Jim bảo tôi là người bạn tốt nhất của Jim ở trên đời. Nghĩ thế, tôi nhìn xuống mảnh giấy vừa viết.

Thật là khó xử. Tôi nhặt mảnh giấy lên, mân mê trong tay. Người tôi run lẩy bẩy vì đây là lúc tôi phải quyết định làm theo một trong hai điều. Tôi nghĩ một phút, nín thở, rồi tự bảo:

- Thôi được, mình sẵn sàng đi xuống địa ngục.

Thế là tôi xé toang mảnh giấy.

Tôi xua đuổi hết mọi thứ trong đầu, và nói rằng mình sẽ lao theo con đường xấu xa vì tôi sinh ra đời đã như thế rồi, không thể nào khác được. Tôi phải ra tay cứu Jim thoát khỏi đời nô lệ. Nếu như tôi còn có thể nghĩ được gì xấu xa hơn nữa tôi cũng làm.

Tôi nghĩ đến kế hoạch hành động. Sau một hồi suy đi tính lại, tôi quyết định lựa chọn kế hoạch mà tôi thấy thích hợp. Tôi đẩy bè về hướng một hòn đảo có nhiều cây cối phía dưới sông, chờ đến lúc trời tối thì giấu bé vào một nơi rồi quay vào trong lều. Tôi ngủ ở đó suốt đêm, dậy từ lúc trời chưa sáng. Tôi ăn lót dạ, mặc bộ quần áo, bước xuống xuống chèo vào bờ. Tôi đậu xuống ở một chỗ mà tôi đoán rằng đó là nhà Phelps, giấu gói quần áo ở ven rừng rồi cho nước tràn vào ngập xuống, bỏ đá vào đó và để đánh chìm xuống để rồi sau lúc nào cần có thể tìm được. Rồi tôi bước lên đường. Đi qua trước xưởng thấy có cái biển đề: Xưởng của Phelps. Tôi đi đến mấy căn nhà cách đó vài trăm thước, dán mắt nhìn vào trong mà không thấy ai cảm mặc dầu bây giờ trời đã sáng rõ lắm rồi. Nhưng không hề gì vì lúc này chưa muốn gặp ai, chỉ muốn thăm do xem

chỗ này là đâu. Theo kế hoạch, tôi làm ra vẻ là người từ thị trấn đến chứ không phải từ phía dưới lên. Người đầu tiên tôi gặp lại hóa ra là quận công. Anh ta đang dán tờ quảng cáo vở kịch “Hoàng gia cổ kim có một”. Bọn chúng vẫn chẳng biết sợ là gì. Tôi chưa kịp tránh đi thì anh ta đã trông thấy. Anh ta có vẻ ngạc nhiên, gọi:

- Mày ở đây ra thế? Cái bè để đâu? Có giấu vào chỗ kín không?

Tôi đáp:

- Tôi cũng đang định hỏi quận công câu đó.

Anh ta có vẻ không vui, nói:

- Mày hỏi tao câu ấy có ý gì?

Tôi nói:

- Hôm qua, khi thấy nhà vua ở trong ngôi nhà đó, tôi nghĩ còn lâu ông ta mới tỉnh rượu nên tôi đi lang thang xuống phố để giết thì giờ. Lúc đó, có người đến cho tôi một hào bảo đưa xuống cho ông ta qua sông rồi đi bắt con cừu lạc. Thế là tôi đi theo ông ta. Nhưng đến khi dẫn cừu ra xuống. Con cừu khỏe quá, giật dây ra chạy mất và chúng tôi phải đuổi theo. Chạy khắp các hang cùng ngõ hẻm cho đến tối không thấy, tôi đánh trở về bè. Về đến nơi thì cũng không thấy bè nữa. Tôi tự bảo chắc các ông gặp chuyện không hay nên bỏ đi rồi mang theo cả anh da đen của tôi nữa. Thế là tôi ngồi phệt xuống đó khóc. Suốt đêm tôi phải ngủ trong rừng. Khổ thân Jim!

- Hắn có bốn mươi đô. Lúc chúng mình bắt gặp hắn ở ngôi nhà rách nát đó chính là lúc lão ta đánh bạc và thua không còn đồng nào, chỉ còn ít tiền lẻ để mua rượu. Khi tao đưa hắn về đến nơi đã thấy mất cái bè rồi. Chúng tao cho rằng mày đã đánh cắp bè chuồn đi rồi.

- Nhưng còn anh da đen của tôi nữa cơ mà? Anh ta là người thân duy nhất của tôi.

- Chúng tao không nghĩ thế. Thực ra, chúng tao coi nó như tài sản của chúng tao rồi. Thế là lúc thấy bè mất rồi, chúng tao trở về tay trắng nên mới lại làm cái trò diễn kịch này. Tao chưa có gì vào bụng cả. Một hào ấy đâu, đưa đây.

Tôi còn nhiều tiền nên đưa luôn cho anh ta một hào nhưng bảo anh ta hãy mua một cái gì ăn cho tôi cùng ăn với, vì tất cả tiền chỉ có thể thôi mà từ hôm qua đến giờ tôi cũng chưa ăn gì cả. Anh ta không nói gì. Một phút sau, anh ta hỏi tôi:

- Mày có nghĩ rằng tên da đen đó sẽ tố cáo chúng tao không? Nó mà làm thế chúng tao sẽ lộn da nó.

- Nó làm sao mà dám tố cáo các ngài? Nó chạy trốn rồi cơ mà?

- Lão già ấy đã bán nó rồi, nhưng chẳng chia cho tao một đồng nào. Số tiền ấy cũng hết sạch rồi.

Tôi òa lên khóc:

- Bán đi à? Nó là tên da đen của tôi. Nó là tiền của tôi. Trả tên da đen cho tôi đây.

- Mày không đòi lại được đâu, đừng có khóc nữa. Nghe đây này, mày có định chơi tố cáo chúng tao không? Tao không thể tin mày được.

Tôi thấy trong mắt anh ta có một vẻ dữ tợn. Tôi vẫn khóc và nói:

- Tôi không muốn tố cáo ai cả. Tôi phải đi tìm tên da đen của tôi đây.

Anh ta đứng đó, trong tay vẫn còn cầm mất tờ quảng cáo, nhíu mày suy nghĩ. Anh ta bảo:

- Chúng tao còn ở đây ba ngày. Nếu mày hứa với tao là không tố cáo tao, và không để cho tên da đen tố cáo tao thì tao sẽ bảo cho mày biết tìm nó ở đâu.

Tôi hứa. Anh ta lại nói:

- Có một người chủ trại tên là Silas Ph...

Anh ta bỗng ngừng lại. Chắc là anh ta đã định nói thật, anh ta lại thay đổi ý định. Anh ta vẫn chưa tin tôi, muốn tôi đi khỏi nơi này trong ba ngày. Anh ta nói tiếp:

- Cái người mua thằng Jim là Abram Foster, ở cách đây bốn mươi dặm, ở vùng quê, trên đường đi Lafayette

Tôi nói:

- Được, tôi đi đến đó ngay chiều nay, chỉ ba ngày sẽ đến nơi.

- Không, mày nên đi ngay bây giờ. Trên đường đừng có la cà, trò chuyện với ai, nếu không sẽ gặp chuyện rắc rối đấy.

Tôi cũng chỉ mong có thế, trong đầu tôi có kế hoạch rồi. Anh ta nói:

- Thôi đi ngay đi. Khi nào gặp ông Abram Foster, mày muốn nói gì cũng được. Có lẽ mày có thể nói để ông ta tin rằng Jim là tên da đen của mày, chắc rằng hắn cũng chẳng hỏi giấy tờ gì đâu. Thôi đi đi, gặp ông ta muốn nói gì thì nói, nhưng mày phải nhớ rằng từ đây đến đó không được mở miệng nói gì cả.

Tôi đi phía ngoại thành. Tuy không ngoái cổ lại nhưng tôi vẫn cảm thấy anh ta đang theo dõi mình. Tôi đi thẳng ra ngoại thành cách đó chừng một dặm rồi dừng lại, quặt vào rừng và quay về chỗ nhà ông Phelps. Tôi dự định phải thực hiện kế hoạch của mình ngay không để Jim kịp tố cáo bọn chúng lại thêm phần rắc rối. Chỉ mong sao thoát khỏi bọn chúng là mừng rồi.

Chương 32

Khi đi đến đó thì thấy tất cả đều yên tĩnh như ngày chủ nhật. Trời nắng gay gắt. Mọi người đã ra đồng làm việc. Chỉ có tiếng vo ve của đàn ruồi lại càng làm cho không khí thêm buồn bã. Tôi có cảm giác như mọi người đều chết cả. Mọi làn gió thổi qua làm rung rinh những đám lá, cảnh vật càng thêm buồn. Nói chung nhìn cảnh này, người ta chỉ muốn chết để quên đi tất cả.

Trại của ông Phelps là một đồn điền nhỏ trồng bông có một hàng rào sắt chạy quanh. Một cái cổng làm bằng những mảnh gỗ cửa vụn. Trong sân có mấy đám cỏ, tro bụi xơ xác. Một căn nhà gỗ hai gian cho người da trắng ở, gỗ xẻ nhỏ, lắp với nhau bằng vữa đã nhiều lần được quét vôi. Một căn bếp, có cái mái rộng bắc cầu lên nhà trên. Một cái nhà để củi ở sau bếp. Ba căn buồng cho người da đen ở ngay bên. Cạnh hàng rào, phía sau, có một cái lều nhỏ để đổ tro than. Trên cửa bếp, lỏng chổng mấy thùng đựng nước. Chó nằm sưởi nắng. Trong góc vườn có vài ba bóng cây lều tèo. Ngoài hàng rào lại có một mảnh vườn nữa với một giàn dưa. Sau đó là cánh đồng bông, sau cánh đồng bông là khu rừng.

Tôi đi quanh một vòng rồi trèo lên cái mái nhà để tro bước vào phía bếp. Đi được vài bước, tôi nghe thấy một tiếng sè của bánh xe vang lên một hồi, rồi dần dần lặng đi. Lúc đó, tôi muốn chết quá vì tiếng ấy sao mà thảm thương đến vậy. Tôi vẫn đi thẳng vào, trong đầu chưa nghĩ được điều gì, mà chỉ phó mặc cho Thượng Đế.

Đi được nửa chừng, một con chó, rồi một con khác nhảy xổ đến. Cố nhiên là tôi đứng im, nhìn nó. Đến gần nửa phút, tôi như bị quay đứng giữa một cái vòng bánh xe để đối phó với lũ chó. Đến mười lăm con vây chung quanh, giờ thẳng mõm vào tôi, sủa rít lên. Vài con khác chui qua hàng rào và từ các góc vườn kéo đến vây kín lấy tôi.

Một người đàn bà da đen ở trong bếp chạy ra, trong tay cầm cái chày lăn bột, đuổi chó! Chị ta quật cho mỗi con một nhát, chúng kêu ăng ẳng chạy đi. Thế rồi chỉ một giây sau, chúng quay lại, quấy đuôi chung quanh tôi ra vẻ thân thiện lắm.

Theo sau người đàn bà da đen là một đứa con gái và hai thằng con trai da đen, chỉ mặc một cái áo vải dày, đến búi lấy áo mẹ và nấp sau lưng mẹ mà nhìn tôi sợ sệt, như mọi đứa trẻ da đen khác vẫn thường như thế. Rồi thấy một người đàn bà da trắng từ trong nhà bước ra, chừng bốn mươi năm mươi tuổi, đầu trần, trên tay đang cầm que đan, theo sau là mấy đứa trẻ da trắng, cùng nấp sau mẹ mà nhìn tôi. Bà ta cười với một vẻ rất mừng rỡ và nói:

- Cháu đấy ư?

Tôi chưa kịp nghĩ gì đã trả lời ngay:

- Thừa bà, vâng ạ

Bà ta ôm chặt lấy tôi, nước mắt tuôn ra ròng ròng. Ôm và lay chưa đủ, bà ta còn liến mồm:

- Cháu không giống mẹ cháu lắm như cô tưởng. Nhưng lạ Chúa, dì nhìn thấy cháu là mừng lắm rồi! Dì chỉ muốn cắn ngay cháu một cái! Các con ơi, anh họ Tom của các con đây này! Chào anh đi!

Nhưng chúng nó vẫn đút ngón tay vào miệng và nấp sau mẹ. Bà ta nói tiếp:

- Lize, mang đồ ăn nóng lên cho cậu đi này. Hay là cháu đã ăn sáng trên tàu rồi?

Tôi nói đã ăn ở trên tàu. Bà ta dắt tôi vào trong nhà, lũ trẻ chạy theo sau. Vào nhà rồi, bà tôi đặt tôi ngồi xuống một chiếc ghế tựa rồi bà ta lại ngồi xuống một chiếc ghế đầu con, cầm lấy hai tay tôi, hỏi:

- Nào, để dì nhìn kĩ mặt cháu của dì một chút. Thật bõ bao nhiêu năm dì mong chờ cháu. Sao cháu đến muộn thế, hay là tàu mắc cạn?

- Thừa bà vâng, tàu bị...

- Cháu đừng gọi là bà mà gọi là di Saly. Thế tàu mắc cạn ở đâu?

Tôi không biết nói ngay thế nào, vì tôi không biết tàu ở trên xuống hay ở dưới lên. Nhưng tôi đoán là đó là tàu ở dưới Orleans lên. Nhưng như thế vẫn chưa yên tâm vì tôi không biết tên những bến dưới đó. Tôi nghĩ rằng cần phải bịa ra một cái tên hay là giả quên mất chỗ bị mắc cạn, hay là... Tôi bỗng nảy ra một ý, tôi nói:

- Không phải là tàu bị mắc là bị nổ nồi hơi.

- Lạy Chúa, có ai việc gì không?

- Không ạ, chỉ có một tên da đen bị chết.

- May quá. Máy lần trước, vẫn có người bị thương đấy. Cách đây hai năm, chú Silas của cháu đi từ dưới Newsrleans lên, tàu Lally Rocck cũng nổ nồi hơi và làm một người bị thương. Hình như về sau người đó chết. Chú Silas có quen một nhà ở Baton Rouge biết anh ta lắm. à, cô nhớ ra rồi, anh ta đã chết. Chú Silas đến đấy lần nào cũng nhắc đến cháu. Chú vừa đi cách đây không quá một giờ, lát nữa sẽ về. Chắc cháu gặp chú ở trên đường rồi phải không? Ông ấy già nên hơi lú lẫn...

- Cháu không gặp ai cả, di Saly ạ. Tàu cập bến từ sáng sớm, cháu còn để hành lý ở trên bến và đi dạo quanh thị trấn để khỏi về đây sớm quá.

- Cháu gửi hành lý cho ai?

- Cháu không gửi ai cả

- Nhớ người ta ăn cắp thì sao?

- Không, cháu giấu vào một chỗ kín lắm, không ai lấy được.

- Cháu đến sớm như vậy thì làm sao ăn sáng được?

Tôi lo lắng không biết nói thế nào, nhưng rồi tôi cũng đáp:

- Ông thuyền trưởng thấy cháu đứng gần đó đã dẫn cháu vào phòng ăn của thủy thủ và cho ăn nhiều thứ lắm.

Tôi cảm thấy bồn chồn nên không nghe thấy rõ nữa. Tôi chỉ muốn kéo lũ trẻ kia đi ngay để hỏi

dò xem tôi là ai. Nhưng bà Phelps cứ bám lấy tôi, hỏi tôi hết chuyện này sang chuyện khác. Lát sau, bà hỏi tôi một câu làm tôi giật bắn cả người.

- Thôi, bây giờ cháu nói cho dì biết về mẹ cháu và mọi người trong gia đình nhé. Cháu nghĩ gì và nhớ được những gì thì cứ nói lại với dì hết đi nào.

Tôi cứng họng. Thượng Đế đã bỏ tôi rồi. Thôi thì đành phải liều vậy. Tôi đã mở miệng định nói, nhưng bỗng bà ấy kéo tôi ra đẩy vào đằng sau giường và nói:

- Chú về đây này! Cúi đầu xuống, thấp nữa, để chú mày không nhìn thấy. Dì trêu chú cho vui. Các con đừng nói gì nghe không?

Bây giờ, tôi đang ở trong tình thế khó xử, nhưng lo cũng chẳng ích gì, chỉ có việc đứng im, và sẵn sàng chờ chết thôi.

Ông già bước vào nhà. Bị giường che khuất nên tôi không thấy gì. Bà Phelps chạy ủa ra, hỏi:

- Nó đến chưa?

- Chưa - Ông chồng đáp.

- Hay nó lại gặp chuyện không hay rồi?

Ông kia trả lời:

- Không biết được. Tôi cũng thấy lo lắng.

- Lo à? Tôi còn điên người lên đây này. Lẽ ra nó phải tới rồi chứ, hay giữa đường ông không nhìn thấy nó?

- Saly, làm sao gặp mà lại không nhận ra nó được.

- Thế nào chị ấy cũng tránh mình. Đáng lẽ nó phải về tới đây rồi. Có lẽ ông không thất nó đấy thôi. Nó...

- Thôi bà đừng nói gì nữa. Tôi cũng đang rối cả ruột lên đây. Nhưng chẳng có lý do gì mà nó lại tới rồi, không thể nào nó tới rồi mà tôi lại không gặp. Kinh khủng quá, chắc là lại có chuyện gì xảy ra trên tàu rồi.

- Kìa, Silas, ông có nhìn trên đường kia kìa, có phải ai đến đó không?

Ông ta nhô người ra phía cửa sổ ngay ở trên đầu giường, ngay lúc đó bà ta cúi nhanh xuống chân giường kéo tôi ra, tôi bước ra, và lúc ông kia quay lại thấy bà vợ đứng đó tươi cười, mặt đỏ lên như một cái bếp lửa, còn tôi thì đứng bên cạnh rụt rè, e sợ. Ông ta nhìn tôi chằm chằm rồi hỏi:

- Ai vậy?

- Ông không biết ai đấy ư?

- Không, tôi chịu thôi.

- Tom Sawyer đấy!

Suýt nữa thì tôi ngất xỉu, ngã vật xuống đất. Nhưng ông kia đã nắm lấy tay tôi, lay lay mãi, còn bà vợ thì nhảy vòng quanh, vừa cười, vừa nói. Hai vợ chồng hỏi tôi bao nhiêu câu về Sid, về Mary với tất cả bà con trong họ hàng.

Nhưng họ vui một thì tôi vui mười. Tôi thấy như mình lại mới sinh ra, tôi vui mừng vì được biết tôi là ai. Hai tiếng đồng hồ vừa qua, tôi đã sợ hút hồn. Tôi có nói thêm cho họ biết nhiều cái nữa về gia đình tôi - nghĩa là nói về gia đình nhà thằng Tom Sawyer ấy. Rồi tôi kể lại chuyện tàu bị nổ nôi hơi ở sông Trắng, và phải ở lại đó ba ngày. Đến lúc này thì tôi đã thấy khá yên tâm, nhưng vẫn còn nhiều điều đáng lo. Đóng vai Tom Sawyer thì dễ dàng lắm, nhưng tôi lại thót tim khi nghe thấy tiếng tàu chạy xình xịch ngoài sông vì nhớ thằng Tom nó đi chuyển tàu ấy đến thì sao?

Không thể để như vậy được. Tôi phải ra ngoài đường mà đón nó trước. Nghĩ vậy, tôi bảo mọi người rằng tôi muốn đi lấy hành lý về. Ông chồng cũng muốn đi với tôi, nhưng tôi từ chối, vì tôi cũng tự đánh xe ngựa đi được và không muốn làm phiền đến ông.

Chương 33

Tôi đánh xe ngựa lên thị trấn. Đi được nửa đường, tôi gặp một chiếc xe khác đi tới. Đúng là thằng Tom Sawyer rồi. Tôi dừng xe lại chờ cho nó đi tới. Tôi nói to:

- Dừng xe lại!

Tom há hốc miệng, lạng người đi, rồi nuốt nước bọt chừng vài lần và nói:

- Tao có làm gì hại mày đâu. Sao mày còn hiện về đây dọa tao?

Tôi nói:

- Tao có chết đâu mà hiện về.

Nghe tiếng nói của tôi, nó có vẻ đỡ sợ hơn, nhưng vẫn run. Nó nói

- Mày không đùa tao đấy chứ? Mày không phải là ma chứ?

- Tao không phải là ma đâu.

- Nhưng tao vẫn chưa hiểu. Thế không phải là mày bị giết rồi ư?

- Không, tao chưa bị giết bao giờ cả. Mày lại gần đây và nếu không tin thì cứ sờ vào tao mà xem.

Nó đến gần sờ tôi, thấy đúng thật, nó mừng rỡ quá nhưng nó chưa biết làm thế nào. Và nó muốn biết ngay tất cả mọi chuyện nhưng tôi bảo lát nữa sẽ nói, và bây giờ hãy bảo người đánh xe đợi đấy đã. Rồi tôi kéo nó ra một chỗ, tôi nói cho nó nghe chuyện khó xử của tôi và hỏi nó xem phải xử lý thế nào. Suy nghĩ một phút, nó nói:

- Được rồi, tao đã có cách. Lấy cái hòm của tao để sang xe mày và cứ coi như của mày, rồi mày quay lại đi chậm chậm, tính thế nào vừa đủ thì giờ về đến nhà. Còn tao quay lên tỉnh một lúc rồi lại bắt đầu đi trở lại, đến đó sau mày khoảng mười lăm phút hay nửa giờ, và lúc đầu mày phải làm như là không biết tao là ai mới được.

Tôi nói:

- Khoan đã. Còn một chuyện này nữa. Tức là có một tên da đen ở đây, tao đang cố cứu cho nó không bị làm nô lệ nữa, tên hần là Jim. Thằng Jim của cô Watson ấy mà

Nó ngạc nhiên:

- Sao? Thằng Jim à? Nó... nó....

Tôi nói ngay:

- Tao biết mày định nói gì. Mày sẽ bảo đây là việc xấu xa, hèn hạ: nhưng nếu như thế thì sao? Tao biết như thế là không hay gì nhưng tao sẽ đi đánh cắp nó. Mày phải giữ kín đừng cho ai

biết, nghe không?

Mắt nó sáng lên:

- Tao sẽ giúp mày đi cướp nó về!

Đó là nói ngạc nhiên nhất là tôi chưa từng nghe và tôi sẵn sàng có thể nói rằng thằng Tom đáng cho tôi kính phục rất nhiều. Nhưng có điều là tôi chưa thể tin nó được, Tom Sawyer mà lại là một thằng đi cướp người da đen ư?

Tôi bảo:

- Thôi đi, mày đừng đùa như vậy.

- Tao nói nghiêm chỉnh đấy.

Tôi nói:

- Thôi được, đùa hay không đùa cũng vậy, nếu mày nghe nói về một tên da đen chạy trốn thì mày phải nhớ rằng mày không biết gì về nó cả, và tao cũng không biết gì về hắn.

Nó đi lấy cái hòm bỏ vào xe tôi, rồi nó đi đằng nó, tôi đi đằng tôi. Nhưng thế nào tôi lại quên khuấy phải cho xe đi chậm, vì trong lòng mừng rỡ quá và đang nghĩ đến rất nhiều thứ. Thành ra tôi về đến nhà quá nhanh. Ông Phelps đang đứng trước cửa chờ tôi, thấy tôi đã về nói:

- Chà, không thể ngờ rằng cái con ngựa này lại chạy nhanh như thế. Thế mà nó không ra một tí mồ hôi nào, không ướt một cái lông nào đây này. Tuyệt thật. Bây giờ, ai mà trả đến một trăm đô la, mình cũng không bán nó nữa. Thế mà trước kia, mình định bán có mười lăm đồng, tưởng nó cũng chỉ đáng giá bấy nhiêu thôi.

Ông ta chỉ nói có thế. Tôi chưa thấy ông già nào lại tốt bụng và hiền lành như vậy. Ông vốn là một chủ điền và kiêm luôn chức mục sư nữa. Ông ta tự mình bỏ tiền ra xây một cái nhà thờ ở cuối đồn điền, và ông ta đi giảng đạo ở đó không phải lấy tiền. ở phương Nam, có rất nhiều người vừa là chủ điền, vừa là mục sư như vậy.

Khoảng nửa giờ sau, xe của thằng Tom đến trước cửa. Di Saly cũng nhìn thấy qua cửa sổ. Di nói:

- Có ai đến thế nhỉ? Có lẽ là một người lạ, Jimmy ạ (tên một đứa con). Con chạy ra bảo Lize dọn thêm một đĩa ăn nữa nhé.

Mọi người kéo ra cửa trước vì ở đây rất ít có người lạ đến thăm. Thằng Tom đã bước đến hàng rào và đang đi vào nhà, chiếc xe ngựa tiếp tục đi vào làng, và chúng tôi đều đã đứng cả ngoài cửa. Tom mặc quần áo may sẵn, dáng điệu đàng hoàng. Nó không phải là một đứa rụt rè như một con cừu. Lúc nó bước đến gần chúng tôi, nó bỏ mũ ra một cách duyên dáng, lịch sự, y như là nó cầm một cái nắp hộp có những con bướm đang đậu và ngủ trong đó mà nó không muốn khê động tới. Nó hỏi:

- Xin hỏi đây có phải là nhà Archibald Nichols không ạ?

Ông Phên trả lời:

- Không phải rồi. Rất tiếc người đánh xe ngựa đã lừa cậu. Nhà ông Nichols cách đây ba dặm nữa cơ. Vào đây đã.

Tom quay lại nhìn và nói:

- Muộn mất rồi, xe đã đi xa quá.
- Cậu cứ vào đây ăn tối với chúng tôi đã, rồi chúng tôi sẽ cho xe đưa cậu đến nhà ông Nichols.
- Ồ, cháu không dám làm phiền ông bà thế. Cháu đi bộ một lát là đến nơi thôi mà.
- Nhưng chúng tôi không để cậu đi bộ được. Người phương Nam rất hiếu khách. Hãy cứ vào đây đã.

Dì Saly nói:

- Xin mời vào, chúng tôi không thấy phiền đâu. Cậu phải nản lại đây đã. Đường đến đó xa những ba dặm mà bụi lấm, chúng tôi không thể để cậu đi bộ. Vả lại, chúng tôi đã cho người dọn thêm bát đĩa rồi. Cháu cứ tự nhiên Thompson.

Thế là Tom cảm ơn một cách rất nhiệt tình và rất khéo, làm ra vẻ miễn cưỡng bước vào nhà; rồi nó nói rằng nó là người vùng Ohio mới đến và nó tên là William Thompson.

Nó thao thao bất tuyệt về mọi chuyện nó bịa ra ở Ohio, tôi đã bắt đầu thấy khó chịu và lo lắng không biết nó định làm thế nào để giúp tôi thoát khỏi cái tình trạng đang khó khăn này. Sau cùng, đang nói chuyện bỗng nó đứng lên và hôn ngay vào miệng dì Saly, sau trở lại ngồi đằng hoàng trong ghế của nó, và lại tiếp tục nói chuyện. Dì Saly giật thót người, lấy mu bàn tay lau miệng và nói:

- Thằng bé này láo quá!

Nó có vẻ như bị xúc phạm nói:

- Thưa bà, sao lại thế ạ?
- Mà ý tưởng tao là ai? Mà hôn tao nghĩa là thế nào?

Nó lại làm ra vẻ rất lễ độ đáp:

- Thưa bà, không có nghĩa thế nào cả, cháu tưởng bà thích thế.

Mày điên hay sao? - Bà ta vớ lấy cái chày lăn bột định đập cho nó một nhát nhưng bà ta cũng kìm lại được - Sao mày lại nghĩ rằng tao thích thế?

- Cháu không biết nữa. Họ bảo rằng bà thích như thế.
- Đứa nào bảo mày thế là những đứa điên rồi. Tao chưa nghe thấy ai nói lạ thế. Họ là ai?
- Tất cả mọi người đều nói thế, thưa bà.

Đến lúc này thì bà Saly không chịu được nữa, mắt bà chớp chớp, mấy ngón tay cựa quậy như muốn cào nó, và hỏi:

- Tất cả mọi người là ai? Tên họ là gì? Nói mau, không thì đừng trách.

Thằng Tom đứng dậy, làm ra vẻ thất vọng, nhặt mũ lên rồi nói:

- Cháu xin lỗi. Cháu không ngờ mọi chuyện lại xảy ra như thế này. Họ đều bảo cháu phải hôn ba vì bà rất thích như vậy. Từ giờ cháu hứa sẽ không làm như vậy nữa, trừ khi bà yêu cầu mà thôi.

- Tao yêu cầu? Từ bé đến giờ, tao chưa khi nào thấy chuyện lạ như thế. Nhất là hạng người như mày.

Nó nhìn chung quanh, có vẻ như muốn tìm gặp một ánh mắt thân mật, rồi nhìn đèn ông Phelps và hỏi:

- Ông có nghĩ rằng bà ấy muốn cho cháu hôn bà ấy không, thưa ông?

- Không, tôi không nghĩ thế.

Rồi nó lại nhìn tôi cũng kiểu như vậy, và hỏi:

- Tom, mày có nghĩ rằng dì Saly sẽ dang hai tay ra và gọi: Sid Sawyer không?

- Lạy Chúa - Dì Saly kêu lên một tiếng và nhảy đến chỗ nó - cái thằng ranh này, mày đánh lừa dì thế à? Dì nó vừa sắp ôm lấy nó thì nó gạt ra nói:

- Không được, phải chờ dì yêu cầu đã!

Thế là bà ấy yêu cầu nó ngay, và ôm chặt lấy nó hôn liền mấy cái, rồi quay nó sang phía ông chồng, ông chồng cũng hôn nó một chập nữa. Lát sau, yên lặng cả rồi, dì ấy nói:

- Chưa bao giờ dì thấy bất ngờ như vậy. Dì chú tưởng chỉ có Tom đến thôi. Trong thư chỉ nói rằng thằng Tom sẽ đến.

Nó nói:

- Đó là vì dì chỉ muốn có thằng Tom đến thôi, còn ngoài ra không muốn ai đến nữa. Nhưng cháu cứ xin mãi, sau cùng, mẹ cháu mới cho cháu đi nữa. Xuống tàu rồi, Tom với cháu bàn nhau rằng phải làm cho dì ngạc nhiên, để nó đến trước rồi cháu giả vờ như đi qua tạt vào, làm như một người lạ.

- Suýt nữa thì cháu bị gãy răng đấy. Từ lâu lắm, dì không bị sốc quá như vậy. Ồ, nghĩ đến lúc cháu hôn cô một cái như thế dì ngạc nhiên đến chết khiếp.

Chúng tôi ăn bữa trưa ở ngoài hành lang rộng nối liền giữa nhà trên với nhà bếp. Trên bàn bày biện đủ thứ, đến bảy gia đình ăn mới hết, món nào cũng nóng sốt cả. Chú Silas quan tâm đến món ăn lắm, và không bao giờ để nguội cả.

Suốt cả buổi chiều hôm đó nói bao nhiêu thứ chuyện thằng Tom và tôi cứ phải luôn luôn đề phòng. Nhưng chẳng ai nói gì đến tên da đen chạy trốn cả, mà chúng tôi cũng sợ không nhắc đến. Đến bữa tối, có một đứa bé hỏi:

- Bố cho anh Tom, anh Sid và con đi xem hát được không?

- Không - Ông bố trả lời - có lẽ không diễn đâu, mà có thì các cháu cũng không đi được, vì tên da đen chạy trốn nói với ông Burton nói sẽ báo cho mọi người biết, lần này có lẽ họ sẽ tổng cổ mấy cái thằng ăn hại ấy ra khỏi đây.

Tôi không biết làm thế nào được. Tom và tôi cũng ngủ một buồng trên gác và chung một giường. Lấy cớ vì mệt quá, ăn xong chúng tôi xin đi ngủ ngay. Rồi chúng tôi trèo qua cửa sổ, ôm cột đèn tụt xuống đất rồi đi vào thị trấn. Vì tôi không tin rằng những người ở đây đã có ai mách cho nhà vua và quận công biết cho nên nếu tôi không ai đi báo cho họ biết thì họ sẽ bị nguy hiểm.

Trên đường đi, Tom kể lại cho tôi nghe tất cả các chuyện về việc mọi người tưởng tôi bị giết như thế nào, rồi bố tôi cũng biến mất không trở về nữa, rồi khi Jim trốn đi thì ở đó xôn xao như thế nào. Còn tôi thì kể cho nó nghe về hai tên khốn kiếp diễn ở kịch "Hoàng gia cổ kim có một", kể chuyện du lịch trên chiếc bè gỗ từ đó đến nay. Khoảng tám giờ rưỡi, chúng tôi đã vào đến giữa thị trấn, bỗng thấy một đám người tốt đốc đang kéo đi, gõ xoong chảo và thổi tù và. Chúng tôi vội nhảy tránh sang bên đường cho họ đi. Lúc họ đi qua, chúng tôi thấy họ dắt nhà vua với quận công đi, hai người bị kẹt vào một thanh sắt, khắp người họ đã bị bôi hắc ín và dính cả lông lá vào, không còn ra người nữa. Tôi thấy cảnh đó cũng động lòng và lấy làm tiếc cho hai cái tên khốn kiếp đáng thương ấy. Sao con người đối với con người lại có thể độc ác một cách ghê tởm như thế nhỉ?

Chúng tôi biết bao giờ đã quá muộn, chẳng làm thế nào được nữa. Khi hỏi một vài người, họ nói rằng mọi người ai cũng đến xem kịch, làm ra vẻ không biết gì. Chờ đến khi nhà vua đang múa máy trên sân khấu, rồi có một người ra hiệu, thế là tất cả rạp ủa lên bắt đi.

Chúng tôi trở về nhà, và không còn hăm hở như lúc đi nữa. Tôi thấy mình có một phần đáng trách mặc dù tôi chẳng liên quan gì đến vụ này. Dù mình làm điều phải hay điều trái, nếu con người không nhận thức ra được thì nó vẫn cấu xé mình như thường. Thằng Tom Sawyer cũng nói như thế.

Chương 34

Chúng tôi thôi không nói chuyện mà bắt đầu suy nghĩ. Lát sau, Tom nói:

- Này Huck, chúng mình ngốc quá. Có thể mà cũng không nghĩ ra. Tao biết Jim ở đâu rồi.
- Ở đâu?
- Ở trong cái lều phía dưới nhà đồ tro ấy. Mà không nhớ đến bữa ăn thấy có một anh da đen đi vào đó mang theo ít thức ăn là gì?
- Có.
- Mà nghĩ hần đem cho ai?
- Cho chó.
- Tao cũng tưởng thế. Nhưng mà không phải mang cho chó đâu.
- Tại sao?
- Vì có miếng dưa trong đó.
- Đúng vậy, tao cũng để ý cái đó. Nhưng mà tao nghĩ chó cũng có thể ăn dưa lắm chứ, thành ra chẳng nghĩ ngờ gì cả.
- Anh da đen lúc vào thì mở khóa, lúc ra lại khóa vào rồi đưa chìa cho chú Phelps. Có đưa nghĩ là có người. Có khóa tức là có người bị giam. Mà có lý nào ở trong một cái đồn điền nhỏ này lại có đến hai người bị giam, vì tao thấy mọi người đều tốt cả. Đúng là Jim bị giam rồi. Tao nhất định sẽ tìm ra Jim. Bây giờ máy tính một kế hoạch để cướp Jim ra, tao cũng nghĩ một kế nữa, rồi chúng mình xem cái nào hơn thì làm.

Thằng Tom quả là cừ. Nếu tôi cũng có một cái đầu như nó thì tôi đã chẳng bị nhà vua và quận công hành hạ bấy lâu nay. Tôi đang nghĩ kế, nhưng chỉ nghĩ loáng thoáng thôi. Một lát sau, Tom hỏi:

- Nghĩ xong chưa?
- Rồi. - Tôi đáp.
- Mà nói xem nào.

Tôi nói:

- Kế của tao là thế này. Chúng mình đi tìm Jim, việc này thì dễ thôi. Dem mai, tao đi vớt xuồng của tao giấu ở chỗ hòn đảo. Đến đêm, chúng mình ăn cắp chìa khóa của ông ấy sau khi ông ấy đi ngủ. Rồi chuồn thẳng ra sông, cho Jim lên bè, ngày thì trốn tránh, đêm lại đi, như là tao với Jim vẫn làm trước đây ấy. Như vậy có được không?

- Được không à? Tất nhiên là được nhưng giống như chuột cắn nhau vậy. Kế hoạch gì mà quá đơn giản, chẳng có gì là giết gân li kì. Nếu sau này người ra có bàn tán thì cũng qua loa thôi. Vậy thì chán lắm

Tôi không nói gì, vì tôi cũng không mong gì khác hơn, bởi kế hoạch của nó bao giờ cũng hay nhất. Thật thế. Nó nói về kế hoạch của nó. Nghe xong, tôi thấy phải mười lăm người như tôi mới nghĩ ra được và như thế mới làm cho Jim trở thành một người tự do như tôi. Tôi bằng lòng và chúng tôi lao vào thực hiện ngay. Tôi không cần phải nói ra đây cái kế hoạch đó thế nào, cái đó sẽ còn thay đổi trong khi tiến hành và phải làm thêm vào đó nhiều cái khác nữa.

Có một điều chắc chắn nhất là thằng Tom Sawyer rất hăng hái đi cướp anh da đen kia ra khỏi vòng nô lệ. Điều ấy đối với tôi đã là quá sức tưởng tượng. Đây là một thằng bé đáng kính trọng, được dạy dỗ tử tế, và có một tính khí đặc biệt. Nhưng người trong nhà nó cũng thế. Nó xuất sắc lắm chứ không mụ ốc, nó biết cái này cái khác chứ không ngu dốt; nó không tồi tệ, mà lại tốt bụng. Thế mà bây giờ đây nó lại không một chút kiêu ngạo cúi mình làm cái việc đó, một việc sẽ làm cho nó xấu hổ và gia đình nó xấu hổ trước mọi người. Như thế thật là mất thể diện quá, và tôi nghĩ phải bảo cho nó ngay như vậy. Vì là bạn thân của nó nên tôi phải khuyên nó bỏ cái ý nghĩ đó đi, để tự cứu lấy mình. Tôi vừa định nói thì nó đã chặn tôi lại và bảo:

- Mày tưởng tao không biết tao đang làm gì à?
- ừ.
- Tao đã nói là tao giúp mày cướp lại tên da đen đúng không?
- Đúng vậy.
- Thế mày còn định gì nữa?

Nó chỉ nói có thể và tôi cũng chỉ nói thế. Tôi biết nói thêm nữa cũng vô ích vì khi nào nó nói thì nhất định nó sẽ làm. Nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao nó lại muốn đâm đầu vào những việc như thế này. Tôi đành cứ để mặc, và chẳng buồn nghĩ ngợi đến cái đó làm gì nữa.

Lúc chúng tôi về đến nhà thì đã tối mịt và rất yên tĩnh. Chúng tôi lần ra cái lều ở phía dưới nhà đổ tro để dò la. Chúng tôi qua sân xem đàn chó có sửa ầm ĩ không. Nhưng lũ chó nhận ra chúng tôi, không sửa gì cả. Bước đến cái lều, nhìn kỹ đằng trước và cả hai bên, chúng tôi thấy một cái cửa sổ vuông nho nhỏ, bên ngoài có một miếng ván đóng chặt. Tôi nói:

- Chỗ này được đấy. Cái lỗ này vừa to vừa đủ để cho Jim chui lọt nếu mình tháo được mảnh ván kia ra.

Tom nói:

- Thế thì đơn giản như trở bàn tay. Tao nghĩ chúng mình có thể tìm cách nào khó hơn thế nữa cơ.
- ừ, vậy chúng mình cưa tấm ván đó.
- Như thế cũng tạm được, có vẻ bí mật, gay go. Nhưng tao nghĩ chúng mình có thể tìm cách nào lâu gấp đôi như thế, không việc gì mà vội, để đi xem quanh đây đã.

Giữa cái lều với hàng rào còn có một mái che dài bằng cả căn lều, nhưng nhỏ hẹp hơn, chỉ độ một thước. Cửa đi vào đã khóa chặt. Thằng Tom ra chỗ nhà kho tìm quanh quẩn, đem về một thanh sắt vẫn dùng để nậy nắp hòm. Nó lấy thanh sắt nậy bật một cửa ra. Dây xích rơi xuống. Chúng tôi mở cửa bước vào, rồi đóng cửa lại. Đánh một que diêm lên thấy mái che này chỉ là dựa lưng vào căn lều thôi chứ không có đường thông sang. Bên trong chỉ có mấy cái cuốc xẻng đã mòn. Hết que diêm, chúng tôi bước ra, ghép cái móc cửa sắt trở lại, cửa đóng lại như cũ. Thằng Tom mừng thầm. Nó nói:

- Thế là ổn. Chúng mình sẽ đào lỗ cho hấn ra. Phải mất đến một tuần lễ.

Rồi chúng tôi về buồng. Tôi vào bằng cửa sau, chỉ việc nhấc cái dây da lên là mở được cửa, vì họ không buộc. Nhưng thằng Tom Sawyer cho rằng như vậy là không được ly kỳ lắm, cho nên nó phải trèo cái cột đèn mà lên. Ba lần nó trèo đến nửa chừng lại tụt xuống. Lần thứ ba ngã một cái tường vỡ óc, nó định thôi, nhưng sau khi nghĩ một lát, nó lại trèo lần nữa. Lần này thì được.

Sáng hôm sau, chúng tôi dậy sớm đi, đi xuống nhà ở của người da đen để làm quen với anh da đen vẫn đem thức ăn cho Jim. Họ vừa ăn sáng xong xấp sửa ra đồng, còn anh da đen vẫn đến chỗ Jim thì đang xếp bánh thịt với những thứ khác vào một cái nồi sắt. Khi mọi người đã đi thì chìa khóa được mang xuống.

Anh da đen này trông mặt thật hiền lành. Quần áo thì lấy dây buộc túm từng chỗ. Cái đó là để trừ ma quỷ. Hấn nói rằng mấy đêm vừa rồi ma quỷ đến quấy nhiễu hấn tợn lắm, hấn trông thấy nhiều thứ kỳ lạ, nghe thấy đủ các thứ tiếng nói, tiếng động lạ lùng, và hấn không dám tin rằng trong đời hấn từ trước đến nay lại bị ma quỷ quấy nhiễu thế. Hấn nói rất sôi nổi và kể đi kể lại những cái đáng lo sợ ấy, mà quên hấn rằng bây giờ hấn sắp phải làm gì. Tom hỏi:

- Những thức ăn này để làm gì thế? Cho chó ăn ư?

Anh da đen dần dần hé một nụ cười, và đáp:

- Con chó lạ lắm. Cậu có muốn đi xem không?

- Có chứ

Tôi hích Tom một cái, nói thầm:

- Sao lại giữa ban ngày thế này? Kế hoạch có phải thế đâu?

- Trước không phải thế, nhưng bây giờ phải thế.

Chúng tôi đi ra, nhưng tôi không thích lắm. Lúc bước vào trong lều, chẳng nhìn thấy gì vì tối quá. Nhưng đúng là Jim ở trong đó rồi, Jim trông thấy chúng tôi, gọi ầm lên:

- Ôi, cậu Huck, lại cả cậu Tom đó nữa ư?

Tôi đã biết trước thế nào chuyện này cũng xảy ra. Biết làm sao bây giờ? Anh da đen thốt lên:

- Lạy Chúa, hấn ta biết các cậu ư?

Tom nhìn anh da đen này, vẻ như sững sốt ngạc nhiên hỏi lại:

- Ai biết chúng tôi?

- Tên da đen này ấy.
- Tôi không biết rõ nữa. Nhưng sao anh lại nghĩ thế?
- Thì vừa rồi hẳn gọi các cậu đấy thôi?

Tom có vẻ lúng túng nói:

- Lạ nhỉ? Ai gọi? Gọi bao giờ? Gọi thế nào?

Rồi nó bình tĩnh quay lại phía tôi, hỏi tiếp:

- Mà có nghe thấy ai gọi không?

Dĩ nhiên tôi không thể nào nói khác được và bảo:

- Không, tao chẳng thấy ai gọi cả.

Rồi nó quay lại Jim, tỏ vẻ như kẻ xa lạ, hỏi:

- Có phải anh vừa gọi chúng tôi không?

Jim đáp:

- Không, tôi không gọi gì cả.
- Anh đã gặp chúng tôi bao giờ chưa?
- Chưa ạ.

Tom quay lại, anh da đen lúc này sợ hãi và thất vọng nó nghiêm giọng nói:

- Tại sao anh lại nghĩ rằng có người gọi?
- Ôi, thưa cậu, lại bọn ma quỷ nó đang ám tôi đấy. Nó cứ quanh quẩn với tôi như thế này thì tôi sợ đến chết thôi. Xin cậu đừng nói cái đó cho ai biết cả, không thì ông Silas lại chửi mắng tôi, ông ấy bảo là không có ma quái gì cả.

Tom cho hẳn ta một hào, và bảo đừng sợ, hứa không nói cho ai biết. Lại bảo hẳn mua thêm dây mà buộc túm quần áo nữa. Rồi nó quay lại phía Jim nói:

- Không biết chứ Silas có định treo cổ tên da đen này lên không. Nếu tao mà bắt được tên da đen nào vô ơn chạy trốn thì tao phải treo cổ lên chứ không tha.

Và trong lúc anh da đen bước ra ngoài cửa để nhìn cho kỹ đồng hào, đưa lên rằng cần xem có tốt không thì Tom nói thầm vào tai Jim:

- Đừng lộ ra là biết chúng tôi. Đến đêm, nghe thấy tiếng đào đất thì đó là chúng tôi đào đấy. Chúng tôi sẽ đưa anh ra.

Jim chỉ kịp nắm lấy tay chúng tôi mà xiết chặt. Anh da đen kia quay lại, và chúng tôi bảo khi nào hẳn cần thì sẽ đến nữa. Hẳn nói là hẳn mong như thế lắm vì cứ tối đến là bọn ma quái hay tìm đến hẳn, cho nên có người ở bên cạnh thì càng đỡ sợ.

Chương 35

Gần một giờ nữa mới đến lúc ăn sáng, chúng tôi chạy vào rừng. Thằng Tom bảo phải có ánh sáng để đào đất, đèn thì lộ quá, nên chúng tôi phải đi gom những cành củi mục phát sáng mà người ta gọi là củi đom đóm. Chúng tôi nhặt về một ôm giấu trong bãi cỏ rậm. Khi ngồi nghỉ, Tom nói, vẻ như không vừa lòng:

- Mọi thứ dễ dàng quá và chán lăm. Tìm ra một kế hoạch khó khăn không phải là dễ. Chẳng có người nào canh gác tù nhân để mình bỏ thuộc mè. Còn Jim chỉ xích có một bên chân vào giường, thành ra mình chỉ có việc nhấc cái giường lên rồi rút cái xích ra. Còn chú Silas lại đưa chìa khóa cho cái anh da đen ngớ ngẩn kia. Jim cũng có thể chui ra đằng lỗ cửa sổ được, chỉ có điều là không thể kéo lê cái dây xích mà chạy đi xa được. Chán quá, tao thấy mọi xếp đặt có vẻ tầm thường quá, vì vậy, mình phải tạo ra đủ mọi thứ khó khăn. Cứu hấn ra khỏi đây mà phải trải qua nhiều khó khăn nguy hiểm thì mới oai chứ. Nếu như không có ai người ta gây ra những khó khăn ấy cho mình thì tự mình cũng phải nghĩ mà đặt ra những khó khăn ấy. à, tao nghĩ có thể dùng cả cái cửa nếu như có dịp.

- Dùng cửa làm gì?

- Cửa cái chân giường của Jim để mà tháo xích ra chứ.

- Thế mà y vừa nói là có thể nâng cái giường lên thì rút xích ra được ngay đây thôi?

- Mà y ngốc như con bò ấy. Mà chơi thế thì chẳng khác gì kiểu bọn trẻ con nó chơi cả. Thế mà y chưa đọc sách bao giờ ư? Baron Trenck, Cadanova. Benvenuto Challeey, Henry đệ tứ, tất cả những vị anh hùng ấy, mà y chưa đọc bao giờ ư? Có ai cứu thoát cho người bị giam bằng cách đàn bà như thế bao giờ? Phải cửa đứt cái chân giường ra làm đôi, rồi xóa bỏ hết dấu vết mìn cửa đi để không ai nhìn thấy, bôi một ít đất hay mỡ bắn gì đó vào chỗ cửa ấy để cho viên quản gia dù có tinh mắt đến đâu cũng không thể nhìn thấy vết cửa và tưởng rằng cái chân giường một cái cho nó sập xuống, rồi nhấc cái xích ra. Thế là xong. Chỉ còn việc bắc cái thang dây vào lỗ châu mai rồi leo ra tụt xuống một cái hào. Ở dưới đó đã có sẵn ngựa và những người hầu, họ mới đỡ mình ngồi lên trên yên ngựa, thế rồi đi; đi về quê hương languedoc hay Nava, hay nơi nào đó. Ôi, thật là tuyệt. Tao muốn có một con đường hào dẫn đến căn lều ấy. Nếu chúng mình có thì giờ thì sẽ đào một đường hào.

Tôi hỏi:

- Nhưng chúng mình định cho nó luôn ra ở chỗ chân tường buồng giam ấy cơ mà, cần gì phải đào đường hào nữa?

Nó không nghe tôi nói gì. Nó đã quên rằng có tôi ngồi đó, và quên hết cả. Nó tì tay vào cằm suy nghĩ. Lát sau, nó thở dài lắc đầu. Rồi lại thở dài nói:

- Không, không được, không cần lăm.

- Mà bảo không cần cái gì?

- à, chuyện của cái chân thằng Jim đi ấy mà.

- Trời! Sao lại thế? Thế mà định của chân Jim đi làm gì?

- Một số những người nổi tiếng làm thế đấy. Họ không tháo được dây xích, thế là họ chặt bằng ngay một cánh tay của họ đi. Thà còn một chân còn hơn. Nhưng có lẽ mình không nên làm thế. Trương hợp này cũng không cần lắm, vả lại Jim là một tên da đen, sẽ không hiểu nổi tại sao lại làm như vậy đâu. Nhưng mình có thể làm cho hắn chiếc thang dây. Chúng mình có thể xé cái khăn trải giường ra làm cho hắn chiếc thang dây được. Và chúng mình có thể nhét thang dây vào một cái bánh đưa cho hắn. Họ vẫn làm như vậy đấy. Mà phải có những chiếc bánh thật to.

- Mà nói thế nào ấy. Jim làm gì mà cần một cái thang dây?

- Làm gì à? Hắn có thể giấu vào trong giường ấy. Ai cũng làm thế cả nên Jim cũng phải làm thế chứ. Huck, hình như mà không muốn làm cái gì cho nó đúng quy tắc cả, mà cứ muốn lúc nào cũng làm cái gì mới mẻ. Thế mà không nghĩ rằng họ cần dấu vết lại à?

Tôi nói:

- Được, nếu như ai cũng làm vậy thì chúng mình cũng làm theo cho đúng với luật lệ. Nhưng Tom Sawyer này, nếu mà chúng mình đem xé nhỏ khăn trải giường ra để làm cho Jim cái thang dây thì chúng mình sẽ có chuyện rắc rối với dì Sally đấy. Bây giờ tao thấy thế này, làm một cái thang bằng vỏ cây thì cũng giấu kín được. Còn Jim, hắn chưa có kinh nghiệm gì nên bất cứ cái gì với hắn cũng là tốt.

- Huck Finn, nếu tao cũng dốt như mà thì thà tao im đi còn hơn. Có ai nghe nói một người bị giam mà lại trốn đi bằng một cái thang vỏ cây bao giờ? Như thế thì lỗ bịch hết sức.

- Thôi được, tùy mà. Hay là đi mượn một cái khăn trải giường ở ngoài dây phơi?

Nó bảo thế cũng được. Nhưng rồi nó lại nảy ra một ý nghĩ nữa:

- Mượn một cái áo sơ mi nữa.

- Để làm gì, Tom?

- Để cho Jim viết nhật ký vào đó

- Nhật ký cái khỉ gì, Jim có biết viết đâu.

- Không biết viết, nhưng hắn có thể nguệch ngoạc vài vạch cũng được. Chúng mình làm cho hắn một cái bút bằng thìa sắt hay bằng cái mảnh sắt đóng đai thùng.

- Mình dứt lông con ngỗng làm cho hắn một cái bút có hơn không? Lại nhanh nữa.

Những người bị giam có trông thấy ngỗng đâu mà lấy được lông ngỗng làm bút, sao mà ngu thế? Họ bao giờ cũng phải lấy những đồ thật cứng, thật sù sì, như cái chân đồng của cây đèn nến hoặc một cái gì khác mà họ vớ được ở trong tháp giam để làm bút. Rồi phải mất đến hàng tuần, hàng tháng mới làm thành cái bút, vì phải đem nó mài lên tường nhà giam. Mà có lông ngỗng họ cũng không dùng đâu. Vì như vậy nó không đúng quy tắc

- Thế thì lấy gì làm mực?

- Nhiều người dùng gỉ sắt với nước mắt làm mực, nhưng đó là kiểu tầm thường và đàn bà lắm. Những tay danh tiếng thì dùng máu của mình làm mực. Jim có thể làm được thế. Và khi nào hấn muốn gửi một cái thư nhỏ, bình thường mà bí mật, để cho mọi người biết là hấn bị giam ở đâu, hấn có thể viết cái đó lên đáy một đĩa sắt, rồi ném qua cửa sổ. Bọn Mặt nạ sắt thường vẫn làm như vậy, thật là tuyệt.
- Jim làm gì có đĩa sắt? Họ cho hấn ăn bằng cái xoong.
- Điều đó không quan trọng. Mình kiếm cho hấn vài cái đĩa.
- Nhưng ai mà đọc được chữ của hấn?
- Chẳng sao. Hấn chỉ việc viết lên đĩa rồi ném ra ngoài thôi. Có cần gì phải đọc đâu. Hầu hết mọi người không thể đọc nổi một người bị giam viết những gì ở đĩa sắt.
- Thế thì phí mất cái đĩa quá.
- Có phải đĩa của tù nhân đâu mà sợ phí.
- Thế là đĩa của người nào đó, phải không?
- ừ, cứ cho là của ai đó, nhưng tù nhân cần gì phải quan tâm.

Nó bỗng dừng lại không nói nữa, vì chúng tôi đã nghe thấy tiếng chuông gọi về ăn sáng. Chúng tôi chạy vội về nhà.

Sáng hôm đó, tôi mượn một cái khăn trải giường với một cái áo sơ mi ở ngoài dây phơi, tìm một cái bị cũ nhét những thứ đó vào, rồi xuống nhà dưới đi lấy những cây củi mục rồi cho tất cả vào bị. Tôi gọi là mượn, vì bố tôi thường vẫn gọi thế. Nhưng thằng Tom nó bảo đó không phải là mượn, đó là ăn cắp. Nó nói rằng hai đứa là đại diện cho những người bị giam; mà những người bị giam thì bất cứ cách nào làm cho họ có đồ dùng cũng đều được cả, mà cũng không ai vì thế mà trách họ. Đối với một người bị giam mà lấy cắp những thứ mình cần dùng để có thể trốn ra đó thì không phải là tội ác, đó là quyền của họ, thằng Tom bảo thế. Vậy thì nếu chúng tôi là đại diện cho những người bị giam, chúng tôi hoàn toàn có quyền thay mặt người đó ăn cắp bất cứ đồ vật gì, ít nhất có thể dùng được để mà trốn ra khỏi nhà giam. Nó lại bảo rằng nếu như mình không phải là những người bị bắt giam thì cái đó lại là chuyện khác, và nếu ai không phải là người bị bắt giam mà lại ăn cắp thì chỉ là người rất xấu xa. Vì thế, chúng tôi cho rằng có thể ăn cắp mọi vật gì lấy được. Thế mà, có một hôm, tôi lấy cắp một quả dưa trong vườn của anh da đen đem ra ăn, thì nó mắng tôi ghê lắm, rồi nó trả cho những người da đen một hào mà không nói rằng cho tiền để làm gì. Tom bảo rằng chỉ ăn cắp những thứ gì cần dùng mà thôi. Tôi bảo rằng tôi cần một quả dưa. Nó lại bảo rằng không cần đến quả dưa để ra khỏi nhà giam. Nó bảo nếu như tôi giấu đi được một con dao, rồi đưa cho Jim để hấn giết tên quản gia thì như thế sẽ là rất tốt. Tôi cũng đành chịu như vậy, mặc dầu tôi thấy chẳng tội gì mà viễn vông xa xôi, thà cứ chén ngay một quả dưa còn hơn.

Thế rồi, buổi sáng hôm đó, chờ cho mọi người đã đi ra đồng hết, thằng Tom mới mang cái bị vào sau lều, trong khi đó tôi dùng lại để canh gác. Lát sau nó đi ra, hai đứa chúng tôi ngồi xuống đóng củi nói chuyện. Nó bảo:

- Mọi thứ xong cả rồi, chỉ thiếu dụng cụ thôi, nhưng việc này không khó lắm.

- Dụng cụ gì? - Tôi hỏi.

- Dụng cụ để đào chứ còn để làm gì nữa? Chúng mình không định đào vào trong ấy để lôi hấn ra ư?

Nó quay nhìn tôi với một vẻ như thương hại mà làm cho người ra đến phát khóc, rồi nói:

- Huck Finn, mày có bao giờ nghe nói một người bị giam mà lại có cuộc xéng để mà đào bới không? Thế sao không đưa chìa khóa cho hấn cho rảnh chuyện?

Tôi nói:

- ừ, thế mình không cần cuộc xéng thì cần cái gì?

- Vài con dao.

- Dao mà đào được à?

- Phải

- Tao thấy chuyện này khủng quá.

- Tao có cần biết. Theo tao, đó là cách làm đúng quy tắc. Chẳng có cách nào khác. Tao chưa nghe thấy nói có cách nào khác cả. Tao đã đọc đủ các sách nói về những chuyện này. Bao giờ họ cũng đào đất bằng dao, mà mày nên nhớ rằng không phải là đào đất đâu nhé, mà thường là đào qua đã nửa cơ. Mà như vậy mất không biết bao nhiêu là tuần lễ ấy. Đấy, mày có biết một tù nhân đào lâu đài Deep ở Marseille trong thời gian bao lâu không?

- Tao không biết.

- Mày thử đoán xem.

- Một tháng rưỡi là cùng.

- Ba mươi bảy năm, rồi ông ta chui ra đến tận Trung Quốc. Như thế đấy. Giá mà cái nền nhà này cũng bằng đá cứng thì hay biết mấy.

- Jim có quen ai ở Trung Quốc đâu?

- Điều ấy thì liên quan gì. Người kia cũng thế thôi. Nhưng mà mày đi xa vấn đề rồi, quay về với chuyện chính đi thôi.

- Thôi được, tao không cần biết là hấn ra đến chỗ nào, miễn là ra đến bên ngoài. Chỉ có điều, Jim hấn già yếu quá nên đào bằng dao mà chui ra thì không thể làm được. Hấn sẽ không sống được đến lúc đó đâu!

- Có chứ, sống được. Chắc mày nghĩ rằng phải đến ba mươi bảy năm mới đào qua được cái móng đất này, có phải không?

- Thế mất bao nhiêu lâu?

- Mình không thể để kéo dài quá lâu được, vì nếu để lâu quá thì chú Silas ở tận dưới New

Orleans có thể nghe thấy là Jim không còn ở đấy nữa và sẽ làm ầm lên. Chính xác thì tụi mình phải cần đến mấy năm, nhưng chúng mình không thể làm thế được. Vì vậy, chúng mình đào thẳng ngay vào, đào thật nhanh, rồi sau chúng mình bỏ đó và cứ nghĩ rằng mình đã đào ba mươi bảy năm. Rồi chúng mình kéo hấn ra, khi có báo động là đẩy hấn đi ngay. Theo tao, đấy là cách tốt nhất.

- ừ, mày nói thế nghe còn được. Tưởng tượng thì cũng chẳng sao mà lại không gây rắc rối gì cả. Cứ tưởng tượng rằng mình đào đến một trăm năm mười năm cũng được. Được rồi, để tao chạy đi kiếm vài con dao đã.

Nó bảo:

- Lấy ba con về nhé, tao cần một con làm cưa.

Tôi nói:

- Tom này, nếu mày không cho tao là trái với quy tắc thì tao bảo mày là có một cái lưỡi cưa gỉ, giắt ở mái đằng sau nhà bếp kia kìa.

Nó có vẻ chán ngán, thất vọng, trả lời tôi:

- Tao chẳng còn biết dạy mày như thế nào nữa đây. Thôi chạy đi kiếm về đây ba con dao, nhớ là ba con đấy.

Thế là tôi chạy đi.

Chương 36

Đêm đó, chúng tôi chờ mọi người đã đi ngủ, mới leo cột đèn tụt xuống, rồi chạy đến mái hiên, lấy đồng lửa đom đóm ra, và bắt đầu vào việc. Chúng tôi dọn mọi thứ đồ đạc linh kính đi, để quang một chỗ khoảng hơn một thước ở giữa nền đất. Tom bảo chỗ đó là ngay ở phía sau giường nằm của Jim, và chúng tôi sẽ đào từ đó và trong buồng giam. Đến khi đào qua rồi thì vẫn không có ai ở bên kia có thể biết rằng chỗ đó có lỗ, vì cái chân phủ giường của Jim thò xuống gần mặt đất, phải nâng nó lên và cúi xuống nhìn thì mới thấy lỗ được. Thế là chúng tôi lấy dao găm đào, đào mãi đến gần nửa đêm. Sau rồi mệt quá, hai tay thì đã rộp cả lên, thế mà vẫn chưa thấy ăn thua gì mấy. Sau cùng tôi nói:

- Tom Sawyer, đây không phải là công việc ba mươi bảy năm, mà là ba mươi tám năm.

Nó không nói gì mà chỉ thở dài, rồi một chốc nó ngừng tay đào. Tôi biết rằng nó đang nghĩ gì. Nó nói:

- Vô ích, Huck ạ. Làm thế này chẳng ăn thua gì cả. Nếu chúng mình là tù nhân thì chúng mình làm bao nhiêu năm cũng được, chẳng việc gì mà vội, mỗi ngày chỉ bỏ ra mấy phút để đào thôi. Nhưng mà chúng mình không có nhiều thì giờ. Nếu chúng mình định làm một đêm nữa như thế này thì chúng mình phải nghỉ một tuần lễ cho tay đỡ đau rát đã, không thì chưa thể cầm dao mà đào được ngay đâu.

- Thế thì làm thế nào, Tom?

- Để tao nói cho mày nghe. Tao không muốn bỏ đâu, vì như vậy là không đúng và không có đạo đức. Nhưng chỉ còn một cách là chúng mình phải đào bằng cuốc mà bỏ dao đi.

Tôi bảo:

- Thấy chưa? Đầu óc mày tỉnh táo hơn rồi đấy, Tom Sawyer ạ. Đạo đức hay không đạo đức thì dùng cuốc vẫn là đúng. Khi tao bắt tay vào việc cướp một người da đen, hay một quả dưa, hay một quyển sách của trường nhà dòng thì tao không cần quan tâm việc đó có đạo đức hay không. Cái tao cần là anh da đen của tao, cái tao cần là quả dưa của tao, hoặc cái tao cần là quyển sách của trường nhà dòng, và nếu cái cuốc là tiện nhất thì tao dùng cái cuốc. Tao lấy cái cuốc để đào cho ra anh da đen, cho ra quả dưa hay quyển sách ấy, và tao không thèm đếm xỉa đến việc những nhà có danh tiếng nghĩ nó như thế nào!

Nó nói:

- Trong trường hợp này, dùng cuốc và bỏ dao cũng là được. Nếu không, thì tao cũng chẳng chịu chấp nhận điều ấy và nhất định không chịu đứng im mà nhìn những quy tắc bị làm sai đi. Đối với mày, mày có thể dùng cuốc thay da mà chẳng phải suy nghĩ gì cả vì mày không có cách nào khác. Nhưng tao thì khác vì tao biết không những cách hay hơn. Đưa tao con dao!

Nó đã cầm một con dao rồi, nhưng tôi vẫn cứ đưa con dao của tôi cho nó. Nó vút xuống nói:

- Đưa tao con dao cơ mà.

Tôi không biết nên làm như thế nào nhưng rồi tôi cũng nghĩ ra. Tôi bới trong đám đồ cũ, lấy ra một cái cuốc và đưa cho nó. Nó cầm lật và bắt đầu làm, không nói gì cả.

Nó vẫn thế, rất nguyên tắc.

Tôi nhặt lên một cái xẻng, cả hai hì hục hàng nửa giờ và đào được một lỗ khá to. Lúc lên gác, nhìn qua cửa sổ, tôi thấy Tom lại đang cố sức trèo cột đèn, song không sao trèo được, vì tay nó đã đau quá. Sau cùng, nó nói:

- Vô ích, chẳng trèo được. Mà có cách nào khác không?
- Có, nhưng chỉ sợ mày bảo không đúng quy tắc. Mày đi cầu thang mà lên.

Thế là nó làm theo lời tôi.

Hôm sau, Tom lấy cấp một cái thìa bằng thiếc, với một cái chân nến bằng đồng ở trong nhà để làm bút cho Jim, cùng với sáu cây nến mỡ bò. Còn tôi thì xuống buồng của người da đen để kiểm cơ hội lấy cấp ba cái đĩa sắt. Tom bảo như vậy không đủ. Nhưng tôi cho rằng sẽ không có ai nhìn thấy những cái đĩa Jim ném ra. Như vậy, chúng tôi có thể nhặt về và lại dùng được nữa. Tom đồng ý. Nó nói:

- Bây giờ, làm thế nào đưa những cái đó vào cho Jim được.

Tôi bảo:

- Bây giờ đào xong thì mình nhét vào lỗ ấy.

Nó có vẻ không chịu ý kiến của tôi và đắm chiều suy nghĩ. Lát sau, nó bảo là đã tìm ra hai, ba cách, nhưng chưa cần phải quyết định chọn cách nào cả. Trước hết, phải báo cho Jim đã.

Đêm ấy, khoảng mười giờ, chúng tôi lại đu cột đèn xuống, đem theo một cây nến, nghe ngóng ở dưới cái lỗ cửa sổ thấy Jim đang ngủ. Chúng tôi vút cây nến vào, Jim vẫn không tỉnh dậy. Chúng tôi lại bắt đầu vào cuốc đất, xúc đất, độ hai tiếng rưỡi sau thì xong hẳn. Chúng tôi chui qua găm giường Jim vào trong buồng giam, tìm thấy cây nến, thắp lên, đứng nhìn Jim một lúc. Hẳn vẫn hiền hậu, mạnh khỏe như thường. Chúng tôi khe khẽ lay hẳn dậy. Trông thấy chúng tôi, Jim mừng quýnh, suýt phát khóc, gọi chúng tôi với đủ các thứ tiếng thân mật mà hẳn có thể nghĩ được. Hẳn muốn chúng tôi tìm một mảnh sắt để cưa đứt cái xích ở chân hẳn rồi chạy trốn ngay, không chậm trễ. Nhưng Tom lại cho rằng như thế là không đúng quy tắc và ngồi nói cho Jim nghe một loạt kế hoạch. Jim vui vẻ đồng ý. Tom cũng hỏi Jim rất nhiều chuyện. Jim bảo rằng ông Silas cứ một vài ngày lại đến cầu nguyện cùng với hẳn, và dì Saly cũng vào xem hẳn ăn uống có được tươm tất đầy đủ không và bảo hai ông bà ấy cũng tỏ ra tốt với hẳn.

Tom nói:

- Thôi được, chúng tôi sẽ gửi cho anh các thứ qua ông bà ấy.

Tôi nói:

- Đừng làm như vậy, tao chưa thấy ai đại dột như thế bao giờ.

Nhưng Tom chẳng thềm nghe. Khi nó đã có ý định sẵn trong đầu thì bao giờ nó cũng làm cái

cách như vậy.

Nó bảo Jim rằng chúng tôi sẽ bí mật luồn chiếc thang dây và nhiều thứ khác vào một cái bánh do Nat, anh da đen vẫn đem thức ăn cho Jim, mang đến. Nó còn nhắc Jim đừng để cho Nat trông thấy mình mở những thứ đó. Nhưng đồ vật nhỏ nhỏ, chúng tôi sẽ bỏ trong túi áo của chú Silas và Jim phải lấy cắp ở đó; chúng tôi sẽ buộc những thứ lặt vặt vào dây áo làm bếp của dì Saly hoặc vào trong túi áo làm bếp ấy, nếu có cơ hội, và dặn Jim những cái đó dùng để làm gì. Rồi nó lại bảo Jim làm thế nào để lấy máu của hắn mà viết nhật ký vào chiếc áo sơ mi v... v... Mặc dù Jim chẳng hiểu gì cả, nhưng Tom bảo rằng người da trắng nên hiểu biết nhiều hơn Jim. Thế là Jim bằng lòng và nói là sẽ làm theo mọi điều Tom bảo hắn.

Jim có rất nhiều tàu thuốc bằng gỗ, và có cả thuốc. Thế là chúng tôi lại ngồi trò chuyện rất vui vẻ. Sau đó, chúng tôi lại bò qua lỗ ra ngoài và trở về buồng ngủ. Hai bàn tay nát bét nhưng Tom thì khoái lắm. Nó bảo đó là trò chơi thú vị nhất, thông minh nhất, và ao ước được tiếp tục cho đến suốt đời, thậm chí kéo dài tới tám mươi năm sau, tận đến đời con cháu chúng tôi. Và chắc chắn chúng tôi sẽ trở thành những nhân vật nổi tiếng.

Buổi sáng, chúng tôi ra đóng củi chặt cái chân nến bằng đồng ra làm mấy mảnh, rồi Tim bỏ vào túi cùng với mấy cái thìa. Chúng tôi xuống nhà của người da đen; trong khi tôi đánh lạc sự chú ý của Nat thì Tom nhét một mẩu chân nến vào giữa cái bánh ở trong nồi thức ăn đem cho Jim rồi đi theo Nat. Lúc Jim cắn vào miếng bánh thì tưởng như răng muốn gãy hết. Jim không kêu ca gì, chỉ bảo rằng đó là hạt sạn thường lẫn vào trong bánh thôi. Sau đó, Jim không cắn thẳng vào bánh nữa mà lấy đĩa chọc vào đó ba bốn chỗ xem trước đã.

Trong lúc chúng tôi đang đứng dưới ánh sáng lù mù thì bỗng hai con chó từ dưới gầm giường Jim chui lên, rồi các con khác cứ theo nhau chui cả ra, cả thấy đến mười một con chập cả cái buồng. Thôi chết rồi, chúng tôi quên không cài cửa. Anh da đen Nat chỉ kịp kêu lên một tiếng “Ma!”, rồi lao đảo ngã vật xuống nền nhà, miệng rên như sắp chết. Tom đẩy mạnh cánh cửa, quăng miếng thịt trong phần thực phẩm của Jim ra ngoài, thế là đàn chó xô nhau chạy ra. Tom chạy ra theo, rồi trở lại và không quên khép cửa. Tom dỗ dành ngon ngọt anh chàng da đen và hỏi hắn đã nhìn thấy những gì. Hắn ngồi dậy, chớp mắt một hồi và nói:

- Cậu Sid, chắc cậu sẽ bảo tôi là thằng điên, nhưng thực sự tôi vừa nhìn thấy một triệu con chó, hay ma quỷ, hay cái gì đấy. Tôi tưởng lúc đó là tôi có thể chết ngay đi được. Tôi thấy sợ quá, chúng nó nhảy xổ cả vào người tôi. Thế mà lúc đó tôi không làm sao được. Chỉ muốn chúng nó để cho tôi được yên.

Tom nói:

- à, đơn giản. Chúng nó lại kéo vào đây giữa lúc tên da đen chạy trốn này ăn sáng vì chúng nó đói, có thể thôi. Anh phải làm một cái bánh riêng cho ma quỷ.

- Ôi, cậu Sid ơi, tôi không biết thế nào bánh cho ma quỷ là gì. Tôi chưa nghe đến cái đó bao giờ.

- Thế thì để tôi làm.

- Thế thì quý hóa. Tôi xin quý xuống dưới chân cậu mà lạy.

- Vì anh đã có lòng tốt chỉ cho chúng tôi tên da đen chạy trốn. Nhưng anh phải rất cẩn thận. Khi chúng tôi bỏ vào trong nồi thì anh cũng không được nhìn vào đó. Lúc Jim lấy những thức ăn ở

trong nỗi ra, anh cũng không được nhìn, và nhất là không được sờ mó vào, nhỡ xảy ra chuyện gì tôi không biết đâu đấy.

- Không được sờ mó vào ư? Vậy thì có cho tôi hàng triệu đô la thì tôi cũng chẳng thèm mó tay.

Chương 37

Mọi thứ đều đã được sắp sẵn. Chúng tôi đi đến cái đồng rác ở sân sau, lục lọi tìm được cái chậu giặt cũ bằng thiếc, đem vá lại những chỗ thủng để lấy cắp ít bột mì cho đầy vào đấy. Sau đó, chúng tôi đi lên nhà, ăn sáng, lại nhặt được vài cái đinh đóng thuyền. Thằng Tom bảo cái đó rất tốt cho tù nhân dùng để viết tên mình và những điều đau khổ của mình lên giường nhà giam. Chúng tôi bỏ một cái đinh vào túi áo làm bếp của di Saly đang vắt trên ghế, còn cái đinh kia thì giắt vào băng mũ của chú Silas để trên bàn giấy, vì chúng tôi thấy bọn trẻ nó là sáng nay bố mẹ nó sẽ đến thăm tên da đen bỏ trốn. Tôi lại bỏ một cái thìa vào túi áo ngoài của chú Silas nữa. Di Saly vẫn chưa đến, chúng tôi phải ngồi chờ một lúc.

Một lúc sau, di Saly đến, mặt đỏ phùng phùng. Một tay rót cà phê, một tay cốc vào đầu đứa bé ngồi gần đó nhất, và nói:

- Tao lục lọi khắp nhà mà không tìm thấy một cái áo sơ mi đâu cả.

Tim tôi như rụng xuống, miếng bánh nướng vào cổ họng như tắc lại và làm bật ra tiếng ho, miếng bánh bắn ra, bay qua bàn, trúng ngay vào mắt đứa bé ngồi trước mặt, dính dính vào đấy. Nó hét lên một tiếng. Còn thằng Tom thì mặt tái xanh đi một lát, nhưng sau đó lại trở lại như thường. Rồi lại một sự kiện nữa làm chúng tôi lạnh toát cả người. Chú Silas nói:

- Lạ thật, tôi nhớ rõ ràng là đã cởi áo ra rồi, vì...

- Tôi biết ông đã cởi nó ra, vì hôm qua nó còn ở ngoài dây phơi, chính tôi trông thấy. Nhưng lại mất rồi. Thôi ông đi lấy cái áo khác mà mặc, rồi tôi may cho ông cái áo khác. Ông phải giữ gìn quần áo cho cẩn thận chứ.

- Tôi biết, Saly ạ, nhưng cái đó không hoàn toàn lỗi tại tôi. Tôi có trông thấy cái áo sơ mi ấy đâu trừ khi tôi mặc lên người, mà nếu tôi mặc vào người thì chả có lý gì lại mất được.

- Vâng, không phải lỗi tại ông nếu như ông không biết. Mà không phải chỉ mất có một cái áo thôi đâu. Như vậy cũng chưa hết. Mười cái thìa, bây giờ còn chín. Có thể con bé nó tha cái áo đi, nhưng chả bao giờ bé lại tha cái thìa đi được. Chắc chắn như vậy.

- Còn cái gì mất nữa, Saly?

- Mất sáu cây nến nữa, có thể là chuột tha nến đi. Nhưng tôi không hiểu tại sao nó lại vào được, vì ông vẫn luôn luôn bịt những lỗ hổng và nó không thể chui vào được. Nếu nó mà chui nữa thì nó còn chui cả vào trong tóc ông ngủ nữa ấy.

- Thôi, tôi biết là lỗi của tôi rồi. Đạo này tôi lo là quá, đến mai tôi sẽ không còn để một lỗ nào không bịt nữa

- Ồ, chả vội đâu, sang năm cũng được...

Tiếng tay đập một cái xuống bàn, đứa bé đang sục ngón tay vào bát đường vội rút ra. Vừa lúc đó một người đàn bà da đen bước vào nói:

- Thưa bà, một khăn trải giường cũng bị mất rồi.

- Mất khăn trải giường! Quái lạ chưa?

Chú Silas vẽ mặt buồn bã:

- Để hôm nay tôi sẽ đi bịt các lỗ ngay.

- Thôi đi ông. Chuột nào đi tha khăn trải giường? Mất ở đâu? Lize!

- Thưa bà, tôi không biết được ạ. Hôm qua, nó còn ở trên dây phơi, mà bây giờ đã thấy mất rồi, không còn nữa.

- Thế này thì loạn cả rồi. Tôi chưa hề thấy thế bao giờ, từ thuở bé đến nay, áo sơ mi rồi khăn trải giường; rồi thìa; rồi...

Một thằng bé ở đâu bước vào:

- Thưa bà, lại mất một chân nến bằng đồng nữa ạ.

- Cút ngay đi, đồ chết tiệt, không thì tao nện cho bây giờ.

Dì Saly giận sôi sùng sục. Tôi ngồi khấn thầm trong bụng, định lén ra ngoài để đi trong rừng chờ cho đến khi không khí dịu đi một chút. Mọi người đều im lặng, sợ sệt. Cuối cùng, chú Silas ngăn người ra vì thấy cái thìa ở trong túi áo mình. Dì Saly đứng sững lại, giơ tay lên, há cả miệng ra. Còn tôi thì chỉ muốn chui tọt xuống đất. Dì Saly nói:

- Tôi biết ngay mà. Thế là ông vẫn để nó trong túi áo. Không chừng cũng có cả những cái khác nữa trong túi ấy. Sao nó lại vào đấy được?

- Tôi thật sự không biết. Có lẽ ăn sáng vì mãi đọc kinh nên tôi bỏ chiếc thìa vào túi mà cứ ngỡ là quyển thánh kinh. Để tôi đi xem nào, nếu cuốn kinh có còn ở chỗ đó hay không. Có thể tôi đã bỏ cuốn kinh xuống và đã nhặt lên cái thìa, và...

- Ôi thôi, mọi người hãy đi đi, đừng có ai đến gần tôi trong khi tôi đang diên tiết đây.

Nếu như dì ấy chỉ nói nhỏ một mình thôi thì tôi cũng đã nghe thấy rồi, hướng hồ ở đây lại quát tháo lên thế nữa thì giá có chết rồi tôi cũng nhồm dậy mà nghe. Chúng tôi đi qua phòng ngủ, thấy ông chú cất mũ đi lên, cái đỉnh thuyền giắt ở mũ rơi xuống sàn nhà. Chú ấy chỉ lẳng lặng nhặt lên để vào cái thanh mắc áo, không nói gì và cứ thế bước ra. Tom thấy thế mới lại nhớ ra cái thìa. Nó nói:

- Thôi, có lẽ không thể tin cậy mà gửi đồ qua chú ấy được nữa đâu. Nhưng mà chú ấy lại làm ơn cho mình về chuyện cái thìa mà ông ta không biết, cho nên chúng ta cũng nên tạ ơn chú ấy bằng việc đi bịt đi các hang chuột.

ở dưới hầm có rất nhiều hang chuột nên chúng tôi phải mất đến một tiếng đồng hồ mới bịt hết, nhưng chúng tôi bịt rất cẩn thận. Bỗng có tiếng chân bước lên cầu thang chúng tôi vội tắt phụt đèn và nấp vào một chỗ. Chú Silas đến, tay cầm một cây nến, một tay cầm các thứ dụng cụ, mặt thần thờ. Chú ấy đi vòng từ hang chuột này đến hang chuột khác. Rồi chú ấy đứng dậy dừng lại mấy phút suy nghĩ. Chú ấy mê mẩn bước ra phía cầu thang, miệng lẩm bẩm:

- Mình không nhớ rằng mình đã bịt những lỗ này từ bao giờ. Mình phải đi nói với Saly ngay bây giờ, và như thế thì mình không có gì đáng trách về chuyện chuột cả. Nhưng thôi, có nói cũng chẳng ích gì.

Chú ấy vừa đi lên bậc thang thì chúng tôi chuồn theo ra. Chú ấy bao giờ cũng dễ thương.

Tom rất băn khoăn không biết làm thế nào để có cái thìa. Suy nghĩ một lúc, nó dặn tôi bây giờ phải làm như thế nào. Chúng tôi đi đến chờ ở chỗ để rỏ thìa cho tới khi đi Saly tới. Tom đếm thìa để ra một bên, rồi thì chuồn một cái vào tay áo. Rồi thằng Tom nói:

- Di Saly, chỉ có chín cái thìa thôi đây.

Dì ấy bảo:

- Thôi cháu đừng quấy rầy dì nữa. Dì biết rồi, chính dì đã đếm rồi.

- Dì ạ, cháu đã đếm lại hai lần mà vẫn chỉ thấy có chín cái thìa.

Dì ấy có vẻ sốt ruột không chịu được nữa, nhưng cũng đếm lại. Đếm xong, dì ấy bảo:

- Đúng là chỉ có chín cái - Quái lạ chưa, để đếm lại nữa xem nào.

Tôi khẽ thả tay bỏ trả lại cái thìa tôi đang cầm, rồi sau khi cô ấy đếm xong mới nói:

- Mười cái đây rồi!

Dì ấy vừa mừng rỡ lại vừa lo ngại. Nhưng rồi thằng Tom lại bảo:

- Không, dì ơi, làm gì có mười cái?

- Cháu không thấy dì vừa đếm hay sao?

- Cháu biết, nhưng mà...

- Được, dì đếm lại nhé.

Tôi lại thủ đi một cái, đếm xong lại chỉ thấy có chín cái như lúc nãy. Thế là dì ấy tức quá sắp điên thật. Nhưng dì ấy vẫn đếm đi đếm lại mãi, đếm trong rổ rồi lại đếm ngoài rổ, lúc thì đủ, lúc thì thiếu. Tức quá, dì ấy cầm cái rổ thìa quăng ra góc nhà, văng cả vào con mèo đang nằm đó rồi quát bon tôi rút đi để cho dì ấy được yên. Thế là chúng tôi được cái thìa và bỏ vào túi áo làm bếp của dì trong lúc dì đang quát tháo đuổi chúng tôi đi. Đến gần trưa thì Jim nhận được cả cái thìa lẫn cái đinh. Chúng tôi rất thú vị về chuyện ấy. Nó bảo rằng sau khi cô ấy đếm như vậy trong ba ngày nữa thì dì ấy sẽ đành chịu bỏ, và ai còn bảo cô ấy đếm nữa thì dì ấy giết cũng chưa biết chừng.

Đêm đó, chúng tôi lại vắt cái khăn trải giường lên dây thép như cũ và đánh cắp một chiếc khác trong tủ. Rồi bỏ lại, rồi lấy đi, cứ như vậy liên mấy ngày, cho đến lúc dì ấy không biết được là có bao nhiêu khăn nữa, rồi không buồn đếm xem có bao nhiêu cái nữa. Bây giờ là chúng tôi yên trí. Yên trí về cái áo, cái khăn và những cây nến, nhờ có chuyện con bé, chuyện chuột và chuyện đếm lẫn, còn cái chân nến bằng đồng thì không thấy nói gì. Nhưng rồi chắc cũng sẽ nổ ra.

Nhưng làm được cái bánh thật là cả một công trình. Chúng tôi gấp hết khó khăn này đến khó khăn khác mới làm xong cái bánh ấy. Chúng tôi đem vào rừng, nấu trong đó nấu xong rất thích chí. Nhưng không phải làm trong một ngày mà đã xong đâu. Chúng tôi phải dùng đến ba cái chậu đầy bột, bị bỏng khắp người, mắt cay xè. Sau cùng, chúng tôi nghĩ ra là phải nhét cả cái thang dây vào trong bánh đã. Đêm sau chúng tôi bò vào chỗ Jim, lấy cái khăn trải giường xé nhỏ ra hình nhiều sợi dây xe lại với nhau, cho đến gần sáng, chúng tôi làm được một cái dây thừng rất đẹp, có thể chịu được sức nặng của một người. Gần trưa, chúng tôi ra ngoài rừng, nhưng không nhét vào trong bánh được. Dây làm bằng cả cái khăn trải giường như thế thì đến bốn mươi cái bánh mới chứa nổi, mà vẫn còn thừa để mà cho vào súp, vào nước chấm nữa mới hết. Nhưng chúng tôi không cần cái đó. Tất cả điều cần thiết là chỉ cốt nhét cho đủ vào cái bánh, chỗ còn lại, chúng tôi vứt cả đi. Chúng tôi không đun nấu gì bằng chậu, vì sợ thiếc chảy. Nhưng chú Silas lại có một cái lồng ấp bằng đồng mà chúng tôi rất quý, vì đó là của tổ tiên để lại, có cán bằng gỗ, từ bên Anh gửi sang, chú ấy đem cất giấu ở tận trên khoang dưới mái nhà cùng với một lô những bình, lọ và nhiều thứ giá trị khác.

Thực ra nó cũng không đánh giá là mấy, nhưng vì nó là đồ cổ nên coi trọng như vậy thôi. Chúng tôi lấy đem ra ngoài rừng, nấu cái bánh thứ nhất thì bỏng, nhưng đến cái bánh sau thì được. Chúng tôi lấy ra lau chùi, lấy bột xát đi một lượt, cho lên bếp than, rồi chất những mẩu giấy vụn vào, để một cục bột ướt, đập nắp lại, cho than hồng lên trên nắp. Sau đứng xa hơn một thước, tay cầm cái cán dài, ngụi mát, và mười lăm phút sau đã có một cái bánh trông rất đẹp mắt. Nhưng người nào ăn chiếc bánh ấy sẽ bị đau dạ dày nằm liệt.

Lúc chúng tôi đặt cái bánh có ma quỷ ấy vào trong nồi để đem cho Jim thì Nat không dám nhìn. Rồi chúng tôi để ba cái đĩa sắt xuống đáy nồi, dưới các thức ăn khác. Thế là Jim có đủ các thứ rồi. Vừa nhận được những cái đó Jim bẻ ngay bánh ra lấy cái dây giấu xuống ổ rạ, rồi vạch một vài dấu hiệu lên đĩa sắt ném qua lỗ cửa sổ ra ngoài.

Chương 38

Jim bảo rằng việc khắc chữ là khó hơn cả. Nhưng Tom nhất định bắt Jim phải viết. Tù nhân phải để lại bút tích của mình lên tường để lưu lại về sau, cả huy hiệu của mình nữa.

Jim nói:

- Cậu Tom ơi, tôi chẳng có huy hiệu riêng gì cả mà chỉ có mỗi cái áo này của cậu đưa cho và tôi phải viết nhật ký lên đó thôi.

- Anh không hiểu gì cả, Jim ạ, huy hiệu khác cơ, không phải như thế đâu.

Tôi bảo:

- Jim nói đúng đấy. Anh ta không có huy hiệu nào đâu.

Tom đáp:

- Tao biết, nhưng Jim phải có một cái huy hiệu để lại trước khi ra khỏi nơi này.

Thế là thằng Tom ngồi bóp trán nghĩ ra một cái huy hiệu cho Jim. Lát sau, nó bảo là đã nghĩ ra rất nhiều nhưng không biết nên chọn lấy cái nào. Cuối cùng, nó chọn lấy một kiểu và bảo:

- Trên cáo huy hiệu ấy vẽ một vòng tròn xung quanh, phía trước là một hình chéo màu vàng, có con chó nằm, tỏ ra là nô lệ, dưới chân con chó là cái xích, rồi có chỗ để ghi công trạng màu xanh lá cây, có răng cưa xung quanh, một hình chữ V màu xanh lá cây ở phía trên cùng của huy hiệu, ba đường nghiêng trên nền màu xanh da trời với nhiều nét chấm. Một cái biểu tượng anh da đen chạy trốn vác một bọc hành lý, còn lại biểu tượng hai thằng đi theo giúp đỡ, tức là mày với tao.

Thế là nó giải quyết xong chuyện về cái huy hiệu, bây giờ nó làm nốt cái phần còn lại, tức là vạch ra một bài từ biệt, bảo rằng Jim phải có một bài viết như vậy, trong sách người ta đã nói thế. Nó viết sẵn trên mẫu giấy, rồi đọc to lên:

1) Nơi đây, một trái tim bị giam cầm đang tan vỡ.

2) Nơi đây, một tù nhân đáng thương, bị cuộc đời và bè bạn ruồng bỏ, phải sống héo hon, tàn tạ.

3) Nơi đây, một trái tim cô đơn tan vỡ, một tinh thần đã mệt mỏi sau ba mươi bảy năm bị giam cầm cô quạnh.

4) Nơi đây, con của Louis thứ mười bốn đã qua đời không nhà cửa, không bạn bè thân thuộc, sau ba mươi bảy năm tù đầy.

Khi đọc những câu đó, giọng thằng Tom run lên vì xúc động. Lúc đọc xong, nó không biết nên chọn câu nào để cho Jim viết lên tường vì câu nào thấy cũng hay cả; sau cùng nó bảo nên để cho Jim viết tất cả mấy câu đó lên. Jim nói là phải đến một năm anh ta mới viết xong từng đấy

chữ, cho nên Tom sẽ viết ra ngoài, và hấn chỉ việc nhìn theo đó mà vạch lên tường. Rồi nó nói:

- Viết lên gỗ thì không ổn rồi, vì trong tháp giam làm gì có tường bằng gỗ. Chúng mình phải khắc chữ vào đá mới đúng.

Jim bảo khắc trên đá còn khó hơn trên gỗ, như vậy còn lâu hấn mới khắc xong mà trốn ra được. Nhưng Tom bảo sẽ để tôi giúp. Rồi nó nhìn xem tôi và Jim viết đến đâu rồi. Làm cái này thật là một việc rất khó khăn và chậm chạp, đôi bàn tay tôi đã đau lại càng đau hơn mà công việc dường như không tiến thêm chút nào. Tom nói:

- Tao nghĩ ra một cách. Chúng mình phải đi kiếm một hòn đá để làm huy hiệu và viết chữ luôn. Ở dưới xuống có một hòn đá xay rất lớn, chúng mình sẽ đưa lên đây rồi viết các thứ vào đó, lại có thể dùng nó mà mài bút, mài cưa được.

Thật là một ý tưởng kì quái, nhưng chúng tôi nghĩ có thể làm được. Lúc đó chưa đến nửa đêm, chúng tôi ra ngoài và lần xuống xuống, chỉ còn để Jim ở lại làm việc của hấn. Chúng tôi khiêng hòn đá ra ngoài rồi lăn về nhà, nhưng nặng quá, mấy lần nó suýt rớt đập chân. Tom bảo thế nào cũng có đứa bị đá rơi vào chân trước khi khiêng về đến nơi. Được nửa đường, chúng tôi mệt quá, lão đảo, mồ hôi ra ướt đầm. Chúng tôi đành phải gọi Jim, Jim ngồi dậy và nhắc cái dây xích ra khỏi chân giường, bò ra khỏi lỗ đến chỗ để hòn đá, Jim và tôi nhắc hòn đá lên, đi nhẹ như không, còn thằng Tom thì chỉ huy. Nó có thể chỉ huy được bất cứ đứa trẻ nào khác. Nó có thể làm được đủ mọi thứ.

Cái lỗ chúng tôi đào cũng khá to, nhưng hòn đá vẫn không thể lọt qua được, Jim cầm lấy cuốc đào rộng thêm ra. Tom lấy đinh vạch lên tảng đá và bảo Jim đục theo những vết đã vạch. Nó bảo Jim làm đến khi nào nện tắt thì hãy đi ngủ, đem giấu hòn đá xuống dưới ổ rồi nằm lên đó mà ngủ. Chúng tôi giúp Jim mắc lại cái xích vào chân giường, rồi chúng tôi cũng sửa soạn đi ngủ. Nhưng bỗng nhiên, thằng Tom lại nói:

- Trong này có con nhện nào không, Jim?

- Không có, cậu ạ.

- Được, để tôi đi kiếm một ít cho.

- Ôi, tôi sợ lắm. Thà có rắn còn hơn là nhện.

Tom nghĩ một vài phút rồi nói:

- Một ý kiến hay đấy. Thế anh để nó ở đâu?

- Để cái gì cơ, cậu Tom?

- Con rắn chứ cái gì?

- Lạy chúa, nếu có con rắn bò vào đây thì tôi lập tức phải chui qua cái lỗ tường kia mà chạy thôi.

- Ôi, Jim, anh đừng có sợ thế. Anh có thể chinh phục được nó chứ?

- Chinh phục ư?

- Phải, dễ thôi. Bất cứ con vật nào mà anh yêu quý nó thì nó cũng biết ơn, và không bao giờ nó

làm hại anh. Anh cứ thử xem. Rồi nó có thể để anh quấn nó chung quanh cổ và rúc đầu nó vào miệng anh nữa cơ.

- Tôi xin cậu, tôi không dám nghe đâu! Nó sẽ để tôi đưa cái đầu nó vào mồm tôi ư? Không bao giờ. Mà hơn nữa, tôi không muốn cho nó ngủ chung với tôi.

- Jim, anh đừng có ngu dại như vậy. Một tù nhân phải có một con vật để làm bạn chứ. Từ trước đến nay, chưa có ai nuôi rắn cả, nên anh là người đầu tiên làm được việc đó thì càng vẻ vang chứ sao.

- Cậu Tom ơi, tôi không muốn cái vẻ vang ấy. Con rắn sẽ mổ vào tôi. Không, cậu ạ, tôi không muốn làm cái chuyện đó.

- Mẹ kiếp, thế anh không thử được ư? Tôi chỉ muốn anh thử thôi. Nếu anh không thích thì không cần phải giữ nó mãi cơ mà!

- Nhưng trong lúc tôi thử thì nó đã cắn tôi rồi còn gì. Cậu Tom ơi, tôi không muốn làm những cái đó đâu. Nếu cậu Huck mà đem một con rắn vào đây thì tôi bỏ đi ngay, nhất định thế.

- ừ, thì thôi vậy. Để chúng tôi kiếm cho anh vài ba con rắn không độc vậy.

- Tôi cũng không chịu được, cậu Tom ạ. Tôi nói thật với cậu, chưa bao giờ tôi thấy lo ngại và khổ như thế này.

- Thế ở đây có chuột không?

- Không, tôi chả thấy con nào.

- Thôi thế chúng tôi kiếm cho anh mấy con chuột...

- Tôi không cần chuột, cậu Tom ạ. Nó là con vật đáng ghét nhất cứ hay quấy nhiễu người ta, trèo cả lên người, cắn chân không cho người ta ngủ. Thà cậu đưa rắn thường vào đấy chứ, đừng đưa chuột vào đây. Tôi không cần dùng đến chuột làm gì.

- Nhưng mà anh phải có chuột chứ. Anh đừng lo ngại, họ đều làm như thế cả. Tù nhân không bao giờ có chuột, họ huấn luyện nó nhiều mưu mẹo, rồi những con chuột đó trở thành gần gũi như con ruồi vậy. Mà anh lại còn phải chơi âm nhạc cho chúng nghe nữa chứ. Anh có cái gì để chơi âm nhạc không?

- Tôi chỉ có cái lược gảy với một mảnh giấy, để làm cái đàn búng thôi. Nhưng tôi chắc chắn chúng nó không thích đàn búng.

- Có chứ. Chúng nó không phân biệt thứ âm nhạc nào. Đàn búng đối với chuột là tốt lắm rồi. Con vật nào cũng thích âm nhạc, mà trong nhà giam thì nó lại càng ưa nữa, nhất là nhạc buồn thảm. Chuột nó thích lắm. Nó sẽ bò ra xem anh có cái gì lạ thế. Ban đêm, trước khi đi ngủ và buổi sáng sớm ngủ dậy, anh phải ngồi trên giường một lúc và chơi cái đàn búng ấy. Anh chơi độ hai phút thì anh sẽ thấy đủ các thứ chuột, rắn, nhện v... v... nó cảm thấy buồn thay cho anh và sẽ kéo tới chung quanh anh.

-Vâng, tôi cũng nghĩ thế. Nhưng lúc này tôi chẳng hiểu gì cả, tôi sẽ cố gắng làm theo nếu như tôi phải làm. Tôi sẽ làm cho những con vật ấy bằng lòng và không có chuyện gì lôi thôi ở trong

nhà cả.

Tom nghĩ thêm một lúc nữa xem còn có gì khác nữa không, rồi nó nói:

- Còn một cái nữa tôi quên mất. Anh có thể trồng hoa ở đây không?
- Tôi không biết, nhưng có lẽ được. Nhưng trong này tối lắm, và tôi thì cũng chẳng cần hoa, chỉ rắc rối thêm.
- Anh cứ thử xem sao. Những tù nhân khác họ cũng trồng hoa mà.
- Ở đây chắc là trồng được hoa đuôi mèo, nhưng trồng nó chẳng bổ công.
- Anh đừng tưởng thế. Chúng tôi sẽ tìm cho anh một cây con, và anh trồng nó vào góc nhà kia kìa. Đừng gọi nó là hoa đuôi mèo, phải gọi nó là Pitchiola mới đúng. Và anh phải tưới cho nó bằng nước mắt.
- Sao thế? ở đây tôi có khối nước mưa.
- Không được tưới bằng nước mưa, anh phải tưới bằng nước mắt. Ai cũng làm như vậy mà.
- Cậu Tom ơi, thế thì cây hoa ấy sẽ chết mất thôi, vì chẳng mấy khi tôi khóc.

Tom lúng túng chẳng biết nói gì. Nhưng sau một hồi suy nghĩ, nó bảo Jim lấy củ hành bôi vào mắt để có nước mắt. Nó hứa rằng sẽ nhặt một củ hành rồi buổi sáng sẽ ngâm bỏ vào trong bình cà phê của Jim, Jim bảo như thế thì sẽ có mùi hành ở trong cà phê, rồi Jim kêu ca các kế hoạch của Tom, nào là trồng cây hoa đuôi mèo, đánh đàn cho chuột nghe, vuốt ve rắn, nhện, ngoài ra lại còn phải mài bút, rồi khắc chữ vào đá, rồi viết nhật ký v... v... thật là rắc rối, phiền nhiễu. Hắn nói một hồi khiến thằng Tom cũng nản chí. Tom bảo rằng nó đã nghĩ ra bao nhiêu thứ đó cũng chỉ muốn làm cho Jim được nổi danh, thế mà Jim còn kêu ca thật là uổng công. Nghe vậy, Jim hối hận và từ nay Jim sẽ không cư xử như vậy nữa. Sau đó, tôi và Tom trở về phòng đi ngủ.

Chương 39

Buổi sáng hôm sau, chúng tôi vào làng mua một cái bẫy chuột rồi đem xuống nhà. Chỉ trong độ một giờ, chúng tôi đã bắt được tới mười lăm con to bự. Rồi chúng tôi đem cất cẩn thận ở dưới gầm giường di Saly. Nhưng đến lúc chúng tôi đang đi tìm bắt nhện thì thằng bé Tomas Phelps trông thấy cái bẫy chuột để đó, nó mở ra xem. Cả lũ chuột chạy ra toán loạn, vừa lúc ấy, di Saly bước vào. Chúng tôi trở về thì thấy di ấy đang đứng trên đầu giường kêu la ầm ĩ, còn lũ chuột thì chạy thực mạng. Di lấy roi đánh hai đứa chúng tôi một trận.

Chúng tôi bắt được một lũ nhện, rệp, ếch nhái, sâu bọ, chúng tôi còn muốn lấy cả tổ ong bầu vẽ, nhưng không thành công. Cả gia đình ong còn đang ở trong tổ. Chúng tôi cứ đứng chờ mãi, định bụng làm cho chúng mệt lử rồi bắt. Nhưng ngược lại, chúng tôi bỏ đi tìm rắn, bắt được vài chục con rắn cỏ, bỏ vào một cái bị rồi đem về buồng. Vừa lúc ấy đến giờ ăn cơm tối. Nhưng cái bị không buộc chặt ở trên miệng thành ra rắn bò đi hết. Chốc chốc lại thấy một con từ trên trần nhà rơi xuống. Mà nó lại rơi vào đĩa thức ăn, vào lưng, vào gáy mình. Con nào trông cũng đẹp, nhưng đối với di Saly thì khác. Di ấy thấy rắn thì kinh tởm lắm. Mỗi khi có con rắn rơi xuống di ấy lại rú lên và chạy mất hút. Tôi chưa thấy người đàn bà nào mà sợ rắn như thế. Phải đến một tuần lễ sau khi cái đám rắn mới đi ra hết khỏi nhà. Di Saly vẫn còn sợ. Thật là lạ, nhưng thằng Tom nó bảo là đàn bà ai cũng thế cả.

Cứ mỗi khi có một con rắn bò qua chỗ di ấy thì chúng tôi lại bị ném một trận đòn. Tôi thì không sợ đòn, vì nó cũng chẳng đau đớn gì. Tôi chỉ ngại phải đi bắt lũ rắn khác. Chưa bao giờ thấy có cái buồng nào lại vui như cái buồng của Jim khi tắt cả những con ấy bò ra nghe âm nhạc và đến bên cạnh Jim. Jim không lúc nào được yên tâm mà chớp mắt, khi những con rắn ngủ thì chuột lại bò ra, khi chuột quay vào thì rắn lại ra gác cho nên lúc nào Jim cũng thấy có một bọn ở dưới chân, một bọn ở trên đầu; Jim định tìm một chỗ khác nằm thì lũ nhện lại bò tới. Hẳn bảo nếu mà hẳn được thoát ra lần này thì sẽ không bao giờ muôn làm tù nhân nữa, có trả tiền hẳn cũng không thiết.

Ba tuần lễ sau, mọi việc đều ổn cả. Chiếc áo đã được đưa vào trước, mỗi lần có một con chuột cắn thì Jim lại nhồm dậy viết một dòng nhật ký; khi mực còn ướt, bút đã làm xong, chữ và dấu hiệu đã khắc cả lên hòn đá xay; chân giường đã cưa đứt làm đôi, và chúng tôi đã phải ăn hết mùng cưa. Làm xong cái đó, chúng tôi bị đau bụng dữ dội tưởng như sắp chết. Chú Silas đã mấy lần viết thư về đồn điền ở dưới Orleans để báo cho người lên đem anh da đen ấy về, nhưng không thấy trả lời, vì ở dưới đó làm gì có đồn điền ấy. Sau cùng, chú ấy bảo rằng sẽ đăng tin Jim lên báo St Louis và Orleans. Khi chú ấy nhắc đến St Louis làm tôi giật mình lạnh toát cả người. Lúc đó thằng Tom quyết định viết thư nặc danh.

- Là cái gì? - Tôi hỏi.

- Là để báo cho người ta biết đang có chuyện gì. Khi trước, Louis thứ mười sáu định trốn khỏi ngục thì có một cô gái hầu cận làm việc đó. Thường thường là mẹ người bị giam đởm quần áo cho con, mẹ thì ở lại, còn người con thì cải trang mặc quần áo mẹ để trốn ra. Chúng mình cũng làm thế.

- Nhưng việc phải báo cho người ta. Người nào biết thì mặc họ.

- Tao biết rồi, nhưng nếu mình không báo cho họ biết thì không có ai và không có gì can thiệp đến chúng mình cả. Thành ra tất cả những việc vất vả khó khăn của cái giá trị gì, không nghĩa lý nào hết ư?

- Tao lại thích thế.

Nó nhìn tôi dè dặt.

- Mà đừng nói nữa cho tao nghe.

Tôi nói:

Tao không phản đối đâu, mà làm thế nào cũng được. Thế mà tìm đâu ra người hầu gái ấy?

- Mà sẽ là người hầu gái đó. Giữa nửa đêm, mà luồn vào và mặc áo vàng đó vào.

- Thế thì được, nhưng tao mặc quần áo của tao thế này thì cũng đưa được thư vào chứ sao?

- Như thế thì mà lại không ra người hầu gái cận nữa.

- Nhưng có ai nhìn tao đâu?

- Chẳng sao. Mình làm là vì nhiệm vụ, chứ việc gì phải lo nghĩ rằng có ai trông thấy mình không. Mà không hiểu gì cả ư?

- Được, tao là người hầu gái, thế còn ai là mẹ của Jim?

- Tao là mẹ Jim. Tao sẽ mặc một cái áo của dì Saly.

- Được, vậy lúc tao và Jim trốn đi, mà phải ở lại trong nhà giam đó.

- Không phải chỉ có thế. Tao sẽ nhét rom rạ vào đầy quần áo Jim và để trên giường giả làm mẹ hắn. Jim sẽ mặc quần áo của dì Saly tao đem đến, và cả ba chúng mình cùng trốn. Khi một người tù nhân vào loại nổi tiếng trốn đi, thì người ta gọi đó là vượt ngục.

Thế rồi Tom viết thư nặc danh, và đêm đó tôi mặc cái áo vàng của đàn bà vào, đem thư nặc danh đến nhét xuống dưới cửa, đúng như thằng Tom dặn.

Thư viết:

Chú ý: Sắp có chuyện lớn xảy ra. Phải để ý cho kỹ.

Người bạn vô danh.

Đêm sau, chúng tôi dán một cái tranh đo lường Tom vẽ, bằng máu có một cái sọ người với hai cái xương chéo rạn ở cửa trước. Và đêm tới nữa lại dán ở cửa sau với một cái tranh vẽ quan tài. Cả gia đình đều run sợ. Cánh cửa đóng mạnh cũng làm cho dì Saly giật mình. Dì ấy sợ không dám đi ngủ nhưng không nói ra. Thế là công việc tiến hành rất tốt. Sáng sớm hôm sau vừa lúc trời rạng thì chúng tôi đã viết xong bức thư nữa và tự lấy làm lạ rằng không hiểu tại sao mình lại tài thế. Đến bữa tối, họ nói rằng mấy anh da đen sẽ đứng gác suốt đêm ở cả hai cửa đằng trước, đằng sau nhà. Thằng Tom tụt xuống cột đèn dán cái thư đó vào gáy anh da đen rồi quay lên.

Thư viết thế này:

“Đừng phản bội lại tôi, tôi muốn là người bạn của ngài. Hiện nay, đang có một toán giết người rất nguy hiểm sẽ cướp tên da đen chạy trốn của ngài, và họ khuyên ngài đừng ngăn cản họ. Tôi là một người trong toán họ, nhưng tôi muốn từ bỏ chúng và sống một cuộc sống đời lương thiện, cho nên tôi muốn báo cho ngài biết. Họ sẽ từ phía Bắc đi xuống, qua hàng rào, vào đúng nửa đêm, mang theo một chìa khóa giả vào buồng tên da đen để cướp hắn ra. Tôi sẽ đứng gần đó, nếu thấy có gì nguy hiểm thì tôi thổi một tiếng còi. Khi nào chúng đến gần thì tôi sẽ không thổi còi mà kêu be be như một con cừu. Rồi trong khi họ tháo dây xích thì ngài hãy đến mà khóa chặn họ ở bên trong và có thể giết họ như thế nào là tùy ngài. Ngài đừng làm gì khác ngoài các cách tôi đã bảo ngài trên đây; nếu không thì họ sẽ nghi ngờ là có chuyện gì và sẽ hú lên gọi cả bọn đến giải thoát. Tôi không đòi hỏi một phần thưởng gì cả, mà chỉ biết rằng tôi đã làm một việc chân chính”.

Người bạn vô danh

chương xl

Sau khi ăn sáng, chúng tôi thấy khoan khoái bèn ra sông vớt cái xuống lên rồi đi câu cá, lại mang theo cả thức ăn buổi trưa. Mãi đến gần tối, chúng tôi mới về, thấy cả nhà đang rất lo sợ, Ăn tối xong, họ giục chúng tôi đi ngủ, nhưng đến lưng chừng cầu thang, thấy dì Saly đã quay lưng đi rồi, chúng tôi lén xuống tủ lấy một ít đồ ăn nguội đem về buồng và đi ngủ, cho đến một giờ rưỡi thì dậy. Thằng Tom mặc áo của dì Saly nó mới lấy cặp được và đem đồ ăn đi. Nó bảo tôi:

- Bơ đâu rồi?
- Tao bỏ một miếng to vào bánh mì rồi.
- Sao không có đấy?
- Không có bơ cũng được.
- Mày xuống nhà lấy đi. Tao đi nhét rơm rạ vào quần áo Jim để giả làm mẹ hắn, rồi tao sẵn sàng chờ ở đó kêu be như con cừu, hễ mày đến thì cứ vào ngay.

Rồi nó đi ra, và tôi xuống nhà hầm. Tôi lấy miếng bánh rồi tắt đèn, lén nhànch qua nhà dưới. Bỗng dì Saly tay cầm một cây nến ở đâu đi tới, tôi vội bỏ miếng bánh vào trong mũ rồi chụp lên đầu. Trông thấy tôi, dì ấy hỏi:

- Cháu ở dưới nhà hầm lên ư?
- Thưa... vâng.
- Cháu ở dưới đó làm gì?
- Không làm gì ạ.
- Đúng không?
- Đúng ạ.

- Thế thì đang đêm thế này xuống đó làm gì?
- Thưa... cháu không biết ạ.
- Không biết? Đừng trả lời dì như thế, Tom. Dì muốn biết cháu làm gì ở dưới đó?
- Cháu chẳng làm gì cả, dì Saly ạ, cháu thề đấy.

Tôi đã tưởng dì ấy để cho đi, vì mọi lần dì vẫn làm như vậy. Nhưng có lẽ dạo này có nhiều chuyện bất thường xảy ra trong nhà nên dì ấy để ý đến từng cái nhỏ nhỏ. Dì ấy nói rất cương quyết.

- Vào trong phòng và đừng chờ ở đó. Để dì xem thế nào đã, rồi sẽ nói chuyện.
- Dì ấy đi rồi, tôi mở cửa bước vào phòng khách. Thật ngạc nhiên, một đám đông đang ở trong phòng. Mười lăm người ngủ trại, người nào trong tay cũng cầm súng cả. Tôi ngồi phịch xuống. Họ đang thì thầm nói chuyện với nhau, trông ai cũng có vẻ bức mình, khó chịu, nhưng vẫn làm ra bộ như không có gì. Nhưng tôi biết, vì thấy họ cứ nhấc mũ ra lại đội mũ vào, đứng lên ngồi xuống, tay thì vờ về khuy áo. Chính tôi cũng sốt ruột, nhưng tôi không bỏ mũ ra như họ.

Tôi mong dì Saly đến đuổi tôi ra ngoài để tôi còn chạy ra bảo thằng Tom là hai đứa đã làm to chuyện quá và bây giờ phải cùng với Jim mà chạy trốn đi trước khi bọn người kia bức mình lên vớ được chúng tôi thì chết.

Rồi lát sau cô ấy đến hỏi tôi nhiều câu, nhưng tôi không thể nào trả lời ngay được mà tôi không biết trả lời như thế nào. Nhưng người kia thì đang nóng ruột muốn khởi sự ngay. Trông họ như đang điên lên cả. Họ bảo chỉ còn mấy phút nữa là đến nửa đêm. Vài ba người khác thì bảo hãy khoan, để chờ tiếng be của con cừu kêu lên làm hiệu đã. Còn dì Saly thì cứ hỏi dồn tôi mãi, tôi sợ quá run bắn người lên và như sắp ngã gục xuống. Trong phòng mỗi lúc một nóng nực. Miếng bơ để trong mũ tôi bắt đầu chảy, chảy ròn ròn xuống qua mang tai và chạy xuống gáy. Bỗng có một người nói:

- Để tôi đi đến đó trước đã, chờ chúng nó tới là bắt.

Tôi suýt nữa quy xuống, một vệt bơ chảy xuống giữa trán. Dì Saly trông thấy, tái bệch cả mặt và kêu lên:

- Trời ơi, thằng bé làm sao thế này? Đúng là nó bị đay màng não rồi đây, óc chạy cả ra đây này.

Mọi người chạy đến xem. Cô ấy nhấc cái mũ lên đầu tôi ra, miếng bánh cũng rơi xuống, chỗ bơ còn lại thì dính lên đầu; thế là cô ấy nắm lấy tôi lay một hồi nói:

- ồ, cháu làm cho dì sợ quá. Thật may là không đến nỗi quá tệ như dì tưởng. Sau cháu không nói ngay cho dì khỏi lo lắng. Thôi bây giờ cháu đi ngủ đi, đừng có lo mặt ở đây từ giờ đến sáng nữa nhé.

Chỉ một giây đồng hồ, tôi đã nhảy lên gác, tụt ngay xuống cột đèn và lẩn trong bóng tối đi ra phía hiên nhà. Tôi lo quá không nói gì được nữa. Nhưng tôi bảo thằng Tom thật nhanh là phải chuồn ngay đi, đừng chậm một phút, trong nhà đầy những người, họ mang cả súng.

Mặt nó sáng lên, nó hỏi:

- Ồ, thật thế hả? Huck này, nếu diễn lại cái trò này, tao tính có thể kéo được đến hai trăm người tới. Hay là mình hoãn đến...

Tôi ngắt lời nó:

- Phải đi ngay thôi. Jim đâu?

- Bên cạnh mày, cứ giơ tay ra với là sờ thấy. Jim mặc xong quần áo rồi. Bây giờ chúng mình chuồn ra ngoài và làm hiệu nhé.

Ngay lúc đó, chúng tôi nghe thấy tiếng chân rầm rập của mọi người, rồi tiếng mở khóa, một người nói:

- Tôi bảo là hãy còn sớm quá; chúng nó chưa đến, cửa còn khóa. Vài người vào sẵn bên trong phục ở chỗ tối, hễ chúng nó đến là giết luôn, còn những người kia đứng dàn ra một quãng và nghe ngóng.

Họ bước vào, nhưng trong đêm tối không nhìn thấy chúng tôi. Suýt nữa họ giẫm phải chúng tôi trong khi chúng tôi đang chui xuống gầm giường. Nhưng chúng tôi chui lọt và nhẹ nhàng chuồn ra ngoài. Jim ra trước, rồi đến tôi. Tom ra sau cùng. Đó là theo lệnh của Tom. Chúng tôi bò ra phía cửa, Tom bảo chúng tôi dừng lại nhìn qua khe cửa trước đã, nhưng tối quá chẳng thấy gì. Nó lấy khuỷu tay huých một cái ra hiệu cho Jim bò lên trước. Nó đi sau cùng. Nó lại ghé tai vào khe cửa nghe ngóng, vẫn thấy bước chân đi lạo xạo bên ngoài. Sau đó, nó huých chúng tôi, chúng tôi bò đi lom khom, nín thở, không có một tiếng động, và cứ thế ra đến hàng rào theo kiểu bọn người da đỏ. Tôi và Jim trèo qua rồi, nhưng thằng Tom lại móc quần áo vào đầu cọc cứ lúng túng ở đó mãi. Bỗng nghe thấy tiếng chân chạy đến, nó phải giằng mạnh làm gãy cả cọc kêu đánh rắc một cái. Nó vừa kịp chạy theo chúng tôi thì có tiếng người quát:

- Ai đấy? Trả lời mau, nếu không tao bắn bỏ!

Chúng tôi không trả lời, cứ cắm đầu cắm cổ chạy. Một đám người lao đến. Đoàn, đoàn, đoàn! Dạn hay vèo vèo xung quanh chúng tôi. Họ la lên:

- Chúng đây rồi! Chúng chạy ra bờ sông! Anh em ơi, đuổi theo đi. Thả cho ra mau lên!

Họ ủa đến. Chúng tôi nghe rất rõ vì họ đi giày ủng, miệng la hét, còn chúng tôi không đi giày ủng và cũng không la hét. Chúng tôi rẽ vào con đường nhỏ dẫn đến xuống. Lúc họ chạy gần tới sau lưng, chúng tôi tránh sang bên nấp vào bụi để cho họ đi qua, rồi lại bước ra chạy sau lưng họ. Lũ chó chạy đến, sủa vang cả lên nghe như có đến một triệu con. Chúng tôi đứng nguyên đó chờ cho lũ chó đến nơi. Toàn là chó nhà nên khi thấy chúng tôi, chúng quẫy đuôi mừng rồi lại kéo chạy lên phía trước theo bọn họ đang lục súc là hét. Rồi chúng tôi quay ngược lên phía trên sông, miệng huýt sáo đàn hoàng ở sau lưng họ; đi đến gần xuống rồi rẽ vào bụi cây chỗ buộc cái xuống của tôi. Chúng tôi nhảy cả vào xuống chèo ra giữa sông, và cố gắng không làm gì quá âm ỉ. Thế là chúng tôi chèo đi, nhẹ nhàng, thoải mái, nhằm phía hòn đảo tôi đã giấu chiếc bè. Chúng tôi vẫn còn nghe tiếng người la hét, tiếng chó sủa ở dọc bờ sông. Cho đến lúc đã đi xa, những tiếng đó mới mờ dần và mất hẳn. Bước lên bè rồi, tôi nói:

- Jim, bây giờ anh được tự do rồi, và chắc sẽ không bao giờ còn phải làm nô lệ nữa.

Chúng tôi đùa nào cũng khoái trá lắm. Nhưng thằng Tom nó khoái hơn cả, vì nó bị một viên

đạn vào bắp chân.

Tôi và Jim nghe thấy thì không còn vui được nữa. Vết thương làm nó đau lắm, máu chảy nhiều. Chúng tôi cho nó nằm vào trong lều rồi xé một cái áo của quận công còn để đó ra băng bó cho nó. Nhưng nó nói:

- Để tao làm lấy. Đừng dừng ở lại đây, như thế cuộc vượt ngục mới thành. Cho bè đi đi thôi! Minh làm rất tài, tài thật đấy. Tao nghĩ rằng mình có cái tài của Louis thứ mười sáu đấy, không, chúng mình còn vượt xa hơn thế nữa. Chúng mình làm dễ dàng như chơi. Thôi, lên đường đi, nhanh lên.

Jim và tôi nhìn nhau suy nghĩ. Một phút sau, tôi bảo

- Jim nói đi!

Jim ni:

- Tôi nghĩ thế này, cậu Huck ạ. Giả sử cậu là người được cứu thoát, và một trong những người cứu cậu bị thương thì liệu cậu có đang tâm để cho người bị thương đó nằm chờ chết không? Chắc là không! Và Jim cũng không làm như vậy đâu. Nếu không có bác sĩ thì nhất định Jim không đi khỏi nơi này cho dù phải chờ bốn mươi năm nữa.

Tôi, Jim nói rất thật lòng. Tôi bảo Tom là để tôi đi tìm bác sĩ. Nó nhất định khẳng khẳng không nghe; nhưng Jim và tôi cũng không chịu. Nó định bò ra ngoài từ tay tháo bè nhưng chúng tôi cũng không cho nó làm thế. Nó cần nhằn một hồi, xong rồi cũng thôi.

Thấy tôi chuẩn bị buông sẵn sàng, nó nói:

- Thôi được, nếu như mày nhất định đi thì tao bảo mày những việc cần làm khi vào trong làng, Mày đóng cửa vào, bịt mắt bác sĩ và trói chặt lại, bảo ông ta thế phải im không nói gì, rồi để một bọc vàng vào tay ông ta, đưa ông ta đi khắp các lối tắt và đường hẻm trong chỗ tối, rồi dắt ông ta xuống xuống, đi một lượt vòng quanh các hòn đảo. Mày phải lục lọi khắp các túi của ông ta, không để ông ta giữ một mẩu phấn nào, nếu không ông ta sẽ lấy phấn đánh dấu vào cái bè này để rồi sau lại tìm thấy được.

Tôi hứa sẽ làm đúng như vậy, còn Jim phảu nấp trong rừng cho đến khi nào thấy bác sĩ đến và đi khỏi bè thì mới trở lại.

chương xli

Bác sĩ là một người đã nhiều tuổi và có vẻ hiền lành. Tôi đánh thức ông ta dậy và bảo ông ấy rằng hai anh em tôi đang ở trên đảo Tây Ban Nha đi săn bắn từ chiều hôm qua trên một cái bè. Đến giữa đêm, chẳng may nằm mê bóp phải cò súng. Súng nổ trúng ngay vào chân. Cho nên mời bác sĩ đến đó chữa cho và đừng nói gì về chuyện này, đừng cho ai biết, vì đêm nay chúng tôi muốn trở về nhà làm cho người nhà phải ngạc nhiên. Ông ta hỏi:

- Người nhà của cháu là ai vậy?

- Nhà Phelps, ở dưới kia.

- à, ra vậy.

Lát sau, ông ấy lại hỏi:

- Cháu nói bạn cháu bị thương như thế nào nhỉ?
- Bạn ấy mơ ngủ, rồi bị trúng đạn.
- Lạ nhỉ!

Thế rồi ông bác sĩ thấp đèn, xách túi thuốc đi ra. Nhưng đến lúc trông thấy cái xuống, ông ta không thích bảo là xuống nhỏ quá chỉ đủ vừa một người, ngồi hai người thì không chắc chắn. Tôi nói:

- Ông đừng sợ, ba người chúng cháu vẫn ngồi tốt mà.
- Sao lại ba người?
- Cháu, Sid và... và... súng nữa là ba.
- à ra thế

Ông ta đặt chân lên mạn xuống, nhấn thử rồi lắc đầu bảo là để ông ấy phải tìm một cái xuống to hơn, song xuống nào cũng buộc dây xích và khóa cả. Thế là ông ta lại trèo xuống của tôi, bảo tôi chờ ông ta quay lại.

Tôi bỗng nảy ra một ý nghĩ. Tôi tự bảo: nhớ ông ta không chữa khỏi ngay được cái chân của Tom thì sao? Nhớ phải chữa đến ba bốn ngày thì sao? Chúng tôi làm thế nào? Phải chờ đó đến khi ông ta chữa xong ư? Tôi biết làm gì bao giờ? Tôi sẽ chờ, lúc nào ông ta quay lại, nếu ông ta bảo không đi nữa thì tôi sẽ xuống đó, nếu cần thì bơi xuống, chúng tôi sẽ bắt giữ ông ta trói lại, rồi đưa xuống dưới kia, và sau khi chữa xong cho Tom rồi sẽ trả cho ông ta xứng đáng bằng tất cả những gì chúng tôi có. Sau sẽ để ông ta lên bờ.

Thế rồi tôi nằm ngả lưng vào đồng củi gỗ gần đó để chớp mắt một lát. Đến lúc tỉnh dậy để thấy mặt trời lên đến đỉnh đầu. Tôi vùng dậy chạy ngay đến nhà bác sĩ thì họ bảo là bác sĩ đi từ đêm chưa về. Tôi nghĩ bụng thế này thì nguy cho Tom lắm. Tôi phải đi ra hòn đảo ngay. Tôi quay ra, đến chỗ rẽ ở góc đường thì đâm ngay đầu vào bụng chú Silas. Chú ấy hỏi:

- Ở kia Tom, cháu đi đâu từ lúc đó đến giờ?
- Cháu chẳng đi đâu cả, cháu và Sid đi đuổi tên da đen chạy trốn.
- Mà đi những đâu? Di chúng mày đang sốt cả ruột lên kia kia.

Tôi đáp”

- Di sốt ruột, chúng cháu có sao đâu. Chúng cháu chạy theo bọn người với lũ chó, nhưng họ chạy nhanh quá, chúng cháu bị lạc, sau chúng cháu tưởng nghe thấy họ ở dưới sông, chúng cháu lặn xuống đuổi theo và sang bên kia sông, nhưng vẫn chẳng thấy họ đâu cả. Rồi chúng cháu lên bờ ngồi nghỉ, mệt quá, mới buộc cái xuống lại và ngủ một giấc, vừa mới dậy cách đây một giờ thôi. Xong chúng cháu chèo xuống về đây để nghe tin tức xem thế nào. Sid chạy ra nhà bưu điện để nghe ngóng, còn cháu thì ra đây xem có gì ăn rồi chúng cháu mới về nhà.

Thế là cả hai người cùng ra nhà bưu điện để tìm Sid. Nhưng tôi biết tất nhiên là Sid không có ở

đấy. Ông chú lại nhận được một lá thư mới gửi tới. Chúng tôi ngồi đợi thêm một lát nữa không thấy Sid. Ông ấy bảo phải đi về thôi, đêr cho dì Saly biết là chúng tôi không sao, còn Sid sẽ tự tìm về. Về đến nhà, dì Saly mừng rỡ quá, nửa cười, nửa khóc, ôm chặt lấy tôi, cho tôi ăn một cái bánh thật ngon và dì ấy bảo chờ Sid về cũng cho ăn thế nữa.

Trong nhà đầy chật những người, họ ăn uống, nói chuyện ồn ào. Bà Hotchkiss cứ liên thoảng liên mồm.

- Chị Phelps này, tôi đã vào xem cái buồng giam đó rồi, và tôi thấy tên da đen thật là lạ. Tôi cũng bảo với chị Damrell như thế, có phải không chị Damrell? Chà, nó quái gở thật. Cứ xem hòn đá xay đó thì biết. Nào là tan nát trái tim, nào là sống mòn mỗi ba mươi bảy năm, rồi con đẻ của Louis... lăm thứ vô cùng. Cái tên da đen này thật là quái gở!

Bà Damrell nói:

- Mà cái thang làm toàn bằng gỗ rách ấy, không biết là nó dùng cái đó để làm gì chứ?

- Nhưng làm thế nào mà nó lại đem hòn đá xay vào đó được chứ? Đưa nào đào cái lỗ ấy chứ?

- Tôi cũng đang định hỏi thế đấy. Không biết thế nào mà nó đem được hòn đá xay vào đấy. Một mình nó mang được à? Nhất định là có đưa nào giúp nó, chà, mà nhiều đưa giúp nữa; phải có đến hơn một chục đưa giúp cái thằng da đen ấy. Tôi mà biết đưa nào thì tôi lột da tất cả bọn da đen ở vùng này đi! Chà!

- Hơn chục người ấy à? Có đến bốn chục người cũng chẳng làm hết được, bấy nhiêu thứ ấy. Đấy, cứ thử nhìn vào đồng dao, cưa, cuốc, xẻng ấy mà xem. một lăm chứ, rồi lại cái chân giường cưa đứt ấy là cũng phải sáu người làm hết một tuần lễ, cái tên da đen làm bằng rom rạ để trên giường ấy, rồi thì cái...

- Quái lạ, hần đêm nào cũng phải có một đám da đen vào đó mà làm đến bốn tuần lễ mới được bấy nhiêu thứ, chị Phelps ạ. Đấy, cứ xem cái áo đấy, cứ mỗi một tấc áo là có một dấu hiệu bí mật của dân châu Phi viết bằng máu! Chắc là phải có một bọn luôn luôn ở đó chứ không đâu. Tôi là cứ trả ngay hai đô la cho người nào đọc được cho tôi nghe những chữ bí mật ấy, mà cái tên da đen nào viết cho tôi cũng phải hỏi xem ra sao chứ...

- Có người giúp nó đấy, tôi chắc các vị đây cũng nghĩ thế cả nếu như các vị đứng lại trong cái buồng đó một lúc. Chúng nó có thể đánh cắp tất cả mọi thứ, dù cho mình đứng cạnh. Chúng nó đánh cắp cái áo ngay trên dây thép. Còn cái khăn trải giường mà chúng nó làm thang ấy, có ai mà không bảo là chúng nó đánh cắp được? Rồi bột mì, rồi nển, chân nển, thìa, cả cái lông ấp cũ, rồi đến một nghìn thứ mà tôi không nhớ hết nữa; rồi cái áo vải của tôi. Thế rồi tôi với Silas, với Sid, với Tom, suốt ngày đem canh gác. Đấy! Như tôi nói đấy, chả có người nào trong chúng tôi thấy động tĩnh gì cả. ấy thế mà dùng một cái, nó đi qua ngay dưới mũi mình và làm cho mình một mẻ; chẳng những thế mà lại còn cả đám cướp da đỏ nữa, thế rồi bây giờ nó cuỗm được cả tên da đen ấy đi mà cả mười sáu người với hai mươi con chó đuổi theo cũng không ăn thua gì! Đến ma quỷ cũng không thể làm ghê gớm hơn thế và nhanh chóng như thế được. Lũ chó của chúng tôi đấy, các vị đã biết, thế mà cả bây giờ cũng chẳng tìm được dấu vết gì cả...

- Ghê thật, tôi chưa bao giờ...

- Sợ thật đấy! Khiếp quá, tôi không dám đi ngủ, không dám nằm, không dám ngồi. Tôi cứ cầu

Chúa, mong sao nó đừng đánh cắp một người nào trong gai đình đi! Ban ngày, tôi cũng đến phát điên lên, trên gác có hai thằng cháu nó ngủ, tôi cứ phải đóng cửa khóa chặt lại. Ai mà không lo sợ cơ chứ. Cứ mỗi ngày ghé góm hơn, rồi ma quỷ lại ám ảnh nữa, đâm ra tôi làm lắm thứ đại dột. Thế rồi, tôi lại nghĩ nếu mình là đứa trẻ nằm trên đó, mà thấy cửa lại không khóa thì...

Đi ất dưng lại, nhìn quanh quẩn, lúc đôi mắt ấy trông thấy tôi, tôi đứng dậy bước ra ngoài ngay. Đi ấy kéo tôi lại, hôn tôi và vỗ vào đầu tôi, đang ngồi đó nghĩ miên man, bỗng đi ấy giật mình, giọng hốt hoảng:

- Đã gần tối rồi mà thằng Sid còn chưa về! Hay nó gặp chuyện gì rồi?

Tôi thấy may quá, vụt đứng dậy nói:

- Không, cháu đừng đi nữa. Một đứa mất tích còn chưa đủ hay sao? Đến giờ ăn mà nó không về thì để chú đi tìm.

Đến giờ ăn tối, nó vẫn chưa về. Thế là ăn xong, chú Silas đi ngay.

Đến mười giờ chú ấy quay về, mặt buồn bã, vì chẳng thấy tăm hơi thằng Tom đâu cả. Di Saly lo lắng; nhưng chú Silas bảo không sao đâu, rồi đến sáng mai nó sẽ về. Di Saly tạm yên tâm, nhưng vẫn còn cứ ngồi đấy chờ để đèn sáng cho thằng Tom trông thấy mà tìm về.

Lát sau tôi đi lên gác. Di ấy cũng đem cây nến lên theo, dắt tôi vào trong buồng, vỗ về tôi nhiều quá khiến tôi thấy xấu hổ, không dám nhìn thẳng vào mặt di ấy nữa. Rồi di ấy ngồi xuống bên giường nói chuyện với tôi một lúc lâu, và bảo thằng Sid thật là một đứa thông minh. Chốc chốc lại hỏi tôi rằng liệu nó có bị lạc ở đâu không, hay bị thương, hay chết đuối, hay là lúc này nó đang nằm ở đâu đấy. Rồi nước mắt di ấy lặng lẽ chảy xuống, tôi phải bảo với di ấy rằng thằng Sid vẫn vô sự, và sáng mai thế nào nó cũng về. Sau di ấy nắm chặt tay tôi, có lẽ hôn tôi nữa, bảo tôi nhắc lại cây ấy đi, cứ nói nữa như thế đi cho di ấy yên tâm vì di đang bối rối lắm. Rồi di ấy bước ra, quay lại nhìn tôi triu mến và nói:

- Di không khóa cửa đâu, Tom ạ. Chỗ kia có cửa sổ, gần cột đèn, nhưng cháu phải ngoan nghe không, đừng có đi đâu đấy. Phải thương di!

Tôi thì sốt ruột chỉ muốn đi xem thằng Tom thế nào. Đã sắp sửa bò dậy đi, xong thế nào lại thôi.

Nhưng tôi vẫn nghĩ đến di Saly, nghĩ đến thằng Tom trần trọc ngủ không yên. Hai lần tôi tụt cột đèn xuống lần ra phía ngoài, rồi quay lại nhìn ngọn nến ở cửa sổ và thấy đôi mắt di Saly nhìn ra ngoài đường, nước mắt chảy ròng, tôi lại nghĩ rằng mình phải làm cái gì cho di ấy, nhưng không làm gì được. Lần thứ ba, tôi dậy từ lúc tờ mờ sáng, xuống dưới nhà, thấy di Saly vẫn còn ngồi đó, di ấy đã ngủ gục trên bàn tay.

chương xlii

Chú Silas đi tìm thằng Tom từ trước lúc ăn sáng đã về, nhưng vẫn không thấy tăm tích thằng Tom đâu cả. Hai vợ chồng ngồi bên bàn nghĩ ngợi không nói một câu, trông rất buồn bã. Tách cà phê đã nguội lạnh mà họ vẫn không thiết ăn gì. Một lát ông nói:

- Tôi đã đưa thư cho bà chưa?
- Thư nào?
- Lá thư tôi nhận được ở bưu điện hôm qua.
- Không, ông có đưa thư nào cho tôi đâu.
- Có lẽ tôi quên đấy.

Ông lục soát trong túi không thấy, rồi đi đến chỗ nào đó để lấy cái thư đưa lại cho bà. Bà nói:

- Thư ở Peterburg gửi tới à, thư của chị ấy đây.

Tôi nghĩ bụng có lẽ nên đi ra ngoài chơi một lát thì hơn. Nhưng dì Saly chưa kịp mở thư ra thì bỗng rơi bức thư xuống và di chạy ra. Đó là thằng Tom đang nằm trên một cái cang có đệm, rồi ông bác sĩ, rồi Jim, mặc quần áo vải, hai tay bị trói ra đằng trước với một lô người theo sau. Tôi nhặt vội bức thư giấu đi. Dì Saly lao đến chỗ Tom vừa khóc vừa nói:

- Ôi, nó chết rồi, tôi biết mà...

Thằng Tom quay đầu lại nói nhỏ cái gì đó, thế là dì Saly lại giơ hai tay lên.

- Ôi, lạy Chúa, nó còn sống! Thế là may rồi.

Rồi dì hôn nó, chạy bay vào nhà sửa soạn giường, rồi rít ra lệnh làm cho đám người da đen cũng cuống cả lên. Tôi đi theo đám người để xem họ sẽ làm gì Jim còn ông bác sĩ kia và chú Silas theo Tom vào trong nhà. Bọn người kia có vẻ giận dữ, người thì muốn đem Jim treo cổ lên ngay để làm gương cho những người da đen khác, nhưng người khác lại nói không nên làm như thế vì hấn không phải là người da đen của vùng này, nhớ chủ hấn đến bắt đền thì sao. Nghe nói thế, họ bớt giận dữ đi một chút. Họ chửi Jim ghê lắm. Chốc chốc lại có người đá cho Jim một cái. Nhưng Jim không nói gì, và làm như không biết tôi là ai. Rồi họ lại đem nhốt Jim vào cái buồng giam cũ, cho Jim mặc quần áo cũ, lại xích hấn vào tấm ván to lát dưới nền nhà, lại xích cả hai tay, hai chân, và họ bảo rằng chỉ cho ăn bánh không với nước thôi, chờ lúc nào chủ hấn đến hoặc là đem bán đấu giá. Rồi họ bịt lại cái lỗ chúng tôi đào, và giao cho hai người đêm nào cũng phải cầm súng đứng canh; ban ngày thì buộc một con chó dữ ở trước cửa. Xong đâu đấy, họ sắp sửa ra về, từ biệt Jim bằng một câu chửi thì ông bác sĩ kia đến, ông bác sĩ nhìn qua một cái rồi nói:

- Bà con đừng đối đãi với hấn tệ bạc như vậy, vì hấn không phải là một tên da đen xấu đâu. Lúc tôi đến tìm cậu bé kia, tôi không có ai giúp đỡ để gấp được viên đạn ra. Mà tôi cũng không thể nào bỏ cậu bé này ở đó được, cậu bé thì mỗi lúc một nguy kịch. Cậu ta như điên lên, nhất định không cho tôi đến gần, và bảo tôi rằng nếu tôi mà vạch phấn vào cái bẻ thì cậu ta sẽ giết tôi. Tôi thấy không thể làm gì được với cậu ta. Bỗng lúc đó thấy anh da đen này ở đâu bò ra nói rằng sẽ giúp một tay. Cố nhiên, tôi đã nghĩ ngay rằng đó là tên da đen chạy trốn. Thế là tôi cứ phải ở lại đó suốt một ngày một đêm. Thật là bị kẹt đấy! ở nhà tôi có mấy bệnh nhân đang đợi, tôi muốn chạy về xem họ thế nào, nhưng không được, vì tôi cũng sợ anh da đen chạy trốn mất thì tôi sẽ bị người ta trách móc; và lúc ấy lại không có thuyền bè nào đi qua mà gọi cả. Thế là phải chờ cho đến tận sáng nay. Mà tôi chưa thấy có anh da đen nào lại khéo tay và trung thành hơn thế; anh ta lại hy sinh cái tự do của mình để làm việc đó. Anh ta cũng rất mệt mỏi nữa. Tôi

thấy rõ ràng là gần đây chắc anh ta làm việc nhiều lắm. Một người da đen như thế thì đáng giá một ngàn đô la lắm, và đáng đối đãi tử tế hơn nữa. Rồi thấy có mấy người đi thuyền tới, cũng may là anh da đen lúc đó đang ngồi trên tấm ván gục xuống hai đầu gối ngủ say, tôi ra hiệu cho chiếc thuyền lại gần, họ mới nhảy lên giữ chặt lấy anh da đen và trói lại, thành ra chúng tôi cũng chẳng khó khăn lắm. Còn cậu bé thì cũng nằm thiếp đi. Chúng tôi bỏ mái chèo sang cái bè chèo đi, rồi nhẹ nhàng đổ lại, buộc bè vào. Anh da đen này từ đầu đến cuối vẫn không có một tí gì tỏ ra là muốn nhúc nhích hoặc nói một câu gì. Anh ta không phải là một người da đen xấu đâu, tôi nghĩ như vậy đấy.

Có người nói:

- Phải, tôi cũng thấy thế.

Rồi những người khác cũng dụ đi đôi chút. Tôi thầm cảm ơn cái ông bác sĩ già ấy đã nói đỡ cho Jim, ông ta là người tốt bụng có một không hai. Mọi người đều đồng ý rằng Jim đã làm rất tốt, đáng được khen và được thưởng nữa. Thế là mọi người đều thành thật hứa rằng họ sẽ không chửi Jim nữa.

Rồi họ đi ra, nhốt Jim ở trong ấy và khóa cửa lại. Tôi mong có người nào nói rằng có thể bỏ bớt đi một vài cái xích cho Jim vì mấy cái xích kia nặng quá, cho Jim được ăn rau, ăn thịt với bánh, với nước. Nhưng chẳng có ai nghĩ đến điều đó cả. Dì Saly suốt ngày đêm thường trực trong phòng người ốm, hễ lúc nào thấy chú Silas quanh quẩn ở đó thì tôi lại tránh đi.

Sáng hôm sau, thấy Tom khá hơn, và dì Saly đi ngủ một lát, tôi lẻn vào phòng người ốm, nếu thấy nó thức thì sẽ cùng nhau bịa ra một câu chuyện sao cho hợp lý. Nhưng nó vẫn ngủ, mặt mũi xanh xao, chứ không hồng hào như hôm nó mới đến. Tôi ngồi xuống, chờ cho nó tỉnh dậy. Khoảng nửa giờ sau, dì Saly bước vào, tôi giật mình. Dì ấy bảo tôi lặng im, rồi ngồi xuống bên tôi. Dì tỏ vẻ mừng rỡ vì Tom đã trở lại bình thường. Rồi chúng tôi ngồi đó nhìn. Lát sau, nó cựa quậy, mở mắt ra rất tự nhiên. Nó nhìn một cái rồi nói:

- Sao mình lại ở nhà? Cái bè đâu rồi?

- Yên ổn cả rồi - Tôi đáp.

- Thế còn Jim?

- Cũng thế - Tôi trả lời, giọng không được bình tĩnh lắm. Nó lại nói:

- Thế thì tuyệt lắm! Mà có nói với dì không?

Tôi đang định trả lời thì dì Saly chen vào hỏi:

- Về cái gì, cháu?

- Về tất cả mọi chuyện đã diễn ra.

- Chuyện gì?

- Chuyện chúng cháu thả anh da đen ra...

- Sao? Thả tên da đen... Thằng bé này nó nói gì thế? Nó lại nói mê mất rồi.

- Không, cháu mê đâu. Chính Tom và cháu thả hấn ra đấy...

Thế là nó bắt đầu kể, còn dì Saly ngồi im nghe nó. Còn tôi, thấy mình nói chen vào cũng vô ích.

- Chúng cháu phải mất bao nhiêu công sức vào đó, hàng tuần lễ, hàng giờ, hàng đêm lúc cả nhà đi ngủ hết. Rồi chúng cháu ăn cắp cả nến, khăn trải giường, áo của dì, rồi thìa, đĩa sắt, dao găm, lồng ấp, đá xay, bột mì, đủ các thứ khác. Dì không thể nghĩ rằng những cái cua, cái bút những chữ hiệu ấy... để làm gì; và dì cũng không tưởng tượng được cái trò thú vị ấy. Rồi chúng cháu cũng vẽ cả những hình quan tài, viết thư nặc danh của bon cướp, chúng cháu vẫn cứ tụt lên tụt xuống ở cái cột đèn; rồi đào cái lỗ trong nhà giam, làm cái thang dây, rồi nấu cái bánh và nhét thang dây vào đó, rồi đưa thìa và những thứ khác vào cái túi áo làm bếp của dì.

- Lạy Chúa! - Dì Saly thốt lên.

-.... Rồi chúng cháu lại đem chuột và rắn vào đó để nó làm bạn với Jim; rồi dì giữ thằng Tom ở lại đây lâu quá đến nỗi chảy cả miếng bơ để trên mũ và suýt nữa thì dì làm hỏng cả công việc của chúng cháu. Rồi chúng cháu bị đuổi theo, cháu bị mắc lại nên mới trúng đạn. Chúng cháu tránh vào bên đường để cho họ đi qua, rồi lấy xuống chèo ra bè. Tất cả đều tốt đẹp, và Jim được tự do. Dì thấy có hấp dẫn không?

- Từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ, dì chưa từng nghe chuyện nào kì quái như vậy. Thì ra những thằng ranh, chúng mày đã gây ra tất cả cái chuyện rắc rối này làm cho mọi người cuống quýt lên và sợ chết khiếp. Chẳng lẽ chúng mày thích làm cho dì đêm nào cũng phải khổ sở thế ư. Chúng mày là những tên quỷ quái, dì sẽ cho chúng mày một trận để mà chữa kiểu đùa ma mãnh ấy đi.

Nhưng thằng Tom lại vui thích lắm. Nó thao thao luôn mồm. Dì Saly thì vừa bực buồn cười. Dì ấy nói:

- Bây giờ chúng mày đã được vui chơi thỏa thích rồi, dì mà bắt được chúng mày còn quan hệ với nó nữa thì...

- Quan hệ với ai? - Thằng Tom vừa cười vừa hỏi, vẻ rất ngạc nhiên.

- Với ai à? Tên da đen chạy trốn chứ ai? Mày tưởng ai nữa?

- Tom nhìn tôi rất nghiêm nghị và hỏi:

- Tom, sao mày vừa bảo với tao là ổn cả? Hấn đã trốn được chưa?

Dì Saly hỏi:

- Tên da đen chạy trốn ấy à? Tất nhiên là chưa được. Họ đã bắt nó về, và lại nhốt nó vào trong buồng ấy rồi, chỉ cho ăn bánh và nước không thôi, buộc dây xích cẩn thận, chờ đến bao giờ người ta đến xin hay đem bán đi.

Tom đang nằm trên giường bỗng ngồi nhồm ngay dậy, mắt đỏ ngầu, hai lỗ mũi phập phồng như mang cá, rồi nó nhìn tôi hét:

- Họ không có quyền bắt Jim. Mày chạy ngay đi, thả hấn ra! Hấn không phải là nô lệ, hấn cũng tự do như mọi người trên trái đất này!

-Thằng bé này nói lạ nhỉ?

- Di Saly, những gì cháu nói đều là sự thật cả đấy. Cháu và thằng Tom nữa đều biết rõ về hấn. Cô Watson đã chết từ hai tháng nay rồi, và cô ấy rất xấu hổ vì đã định đem bán hấn xuống miền Nam. Cô ấy bảo thế là cô ấy đã bằng lòng để hấn được tự do.

- Cháu biết rằng nó đã tự do rồi thì còn định trả lại tự do gì cho nó nữa?

- Đấy mới là vấn đề. Chẳng qua là cháu thích chuyện phiêu lưu, và cháu đã phải xông pha vào máu lửa để làm cái đó. Lạy Chúa! Di Polly!

Lúc đó, tôi thấy dường như di polly đứng bên trong khung cửa, hiền dịu và oai nghiêm như một bà tiên.

Di Saly chạy ra ôm chầm lấy gì Poly, suýt nữa thì va cả đầu vào bà ấy, rồi khóc lên, còn tôi thì chui tọt vào gầm giường. Tôi ghé mắt nhìn ra, trong chốc lát, di Polly của thằng Tom đi vào, nhìn nó chằm chằm qua đôi mục kính của bà ấy như sắp sửa nghiền nát nó. Rồi bà ấy nói:

- Tom, mày quay mặt đi còn hơn. Nếu là tao thì tao cũng làm như vậy.

Di Saly kêu lên:

- Ô hay, nó không phải là thằng Tom, nó là thằng Sid, Tom! Tom! Thằng Tom nó đã chạy đâu rồi, nó vừa mới có dây mà!

- Cô muốn nói là thằng Huck Finn ở đâu đấy à? Chẳng lẽ tôi nuôi thằng nhãi con ấy bao nhiêu năm nay mà không nhận ra nó hay sao? Huck Finn, ra khỏi gầm giường đi!

Tôi chui ra, nhưng không được tự nhiên như trước nữa.

Di Saly hoảng loạn đầu óc, còn chú Silas, khi nghe thấy mọi chuyện, chú ấy cũng hoảng loạn không kém. Đêm ấy, chú gọi cả nhà ra cầu nguyện để cho chú ấy tỉnh lại. Thế rồi di Polly của thằng Tom mới kể hết lại rằng tôi là ai, tôi là thế nào, và tôi phải đứng dậy nói đầu đuôi tại sao. Di Saly chen vào ngắt lời:

- Cháu cứ gọi cô là di Saly, cô đã quen rồi, không cần phải đổi nữa.

Bà Polly bảo là thằng Tom nói đúng, cô Watson đã để cho Jim được tự do. Như vậy. Thằng Tom tự trước vào mình tất cả những cái khổ sở vất vả để giải phóng cho anh da đen đã được tự do! Và đến mãi đến lúc này, tôi mới hiểu một người được giáo dục như thằng Tom lại cùng tôi đi giải phóng cho một ten da đen.

Rồi bà Polly kể di Saly viết thư cho bà ấy nói rằng Tom và Sid đã nói tới nơi yên ổn cả; thì bà ấy đã tự nhủ:

- Khi cho nó đi một mình không cần phải có ai đi kèm, mình không nghĩ lại xảy ra cơ sự này. Bây giờ mình lại phải vất vả lặn lội hơn một nghìn dặm xuống dưới đó, để mà xem còn thằng nào tên là Sid nữa. Mà hỏi thì không thấy cô ấy trả lời gì cả.

Di Saly nói:

- Em có nhận được tin gì của chị đâu?

- Tôi có viết thư cho cô hai lần hỏi rằng thằng Sid ở đấy nghĩa là thế nào?
- Em không hề nhận được lá thư nào của chị.
- Lại là mày, Tom!
- Sao cơ ạ? - Nó đáp, vẻ nghịch ngợm.
- Mày đừng hỏi tao cái gì nữa. Đưa thư ra đây!
- Thư nào ạ?
- Thư nào nữa. Tao bực mình rồi đấy, mày còn định nói dối nữa thì tao...
- Dạ, ở trong hòm ấy. Nó vẫn nguyên như lúc cháu lấy ở bưu điện về. Cháu không xem, mà cũng không sờ đến. Nhưng cháu đoán là sẽ có chuyện rắc rối, nên cháu...
- Tao nhất định phải lột da mày mới được. Tôi còn viết một cái thư nữa, báo tin cho cô là tôi đang sắp xuống đây, hay là nó cũng....
- Thư ấy mới đến hôm qua; em chưa đọc, nhưng em đã cắt nó rồi.

Tôi muốn đánh cược ngay hai đô la rằng hiện tại di Saly không có lá thư ấy, nhưng nghĩ lại thấy mình nên im lặng thì hay hơn. Thế là tôi không nói nửa lời

Chương Cuối

Ngay lúc gặp riêng được Tom, tôi liền hỏi nó nghĩ thế nào trong thời gian vượt ngục? Nó sẽ tính thế nào nếu như cuộc vượt ngục thành công và trả lại tự do cho Jim như thế nào? Nó bảo nếu chúng tôi cứu được Jim ra yên lành thì sẽ cho hắn ngồi bè trôi về dưới xuôi, và cùng đi mạo hiểm đến tận cửa sông, lúc đó bảo cho hắn biết là hắn đã được tự do rồi, sau đấy đưa hắn lên tàu thủy về nhà, trả công cho hắn, gọi tất cả những anh em da đen ở chung quanh đến nhảy múa rước hắn vào trong thị trấn, có kèn trống đi đầu cẩn thận; hắn sẽ trở thành một vị anh hùng, và hai đứa tôi cũng thế. Nhưng tôi nghĩ cũng đã làm được gần như vậy rồi.

Chúng tôi giúp Jim được thoát khỏi xiềng xích, Khi biết Jim đã giúp bác sĩ trông nom Tom như thế nào thì dì Polly, chú Silas và dì Saly đều cảm động lắm, khen ngợi hết lời, cho Jim ăn đủ các thứ mà Jim thích, nghỉ ngơi, và chẳng phải làm gì cả. Tom cho Jim bốn mươi đô la vì đã là một người bị giam rất kiên nhẫn và đóng cái vai trò đó rất khá. Jim sướng chết đi được, bật ra nói:

- Cậu Huck này, tôi nói có sai đâu? Tôi bảo cậu là ngục tôi có nhiều lông, đó là dấu hiệu may mắn; rồi tôi còn nói là trước kia tôi đã một lần giàu có, sau này sẽ còn giàu nữa. Thế là bây giờ đúng rồi nhé. Đây, tiền đây này. Tôi đã bảo mà, tôi biết chắc là có ngày tôi sẽ giàu nữa, đúng thật như chính tôi bây giờ đây này.

Rồi Tom nói chuyện mãi, nó bảo rằng để đêm nào ba người chúng tôi lại đi ra ngoài kia kiếm vài thứ dụng cụ và làm một chuyến phiêu lưu vài ba tuần lễ nữa vào tận lãnh thổ người da đỏ. Tôi bảo được, tôi cũng thích thế, nhưng tôi không có tiền mua dụng cụ, và tôi nghĩ rằng ở nhà cũng chẳng có đâu; vì có lẽ bố tôi đã trở về đó rồi và đã lấy hết tiền ở chỗ lão chánh án Thatcher mà đem đi uống rượu.

Tom nói:

- Không, chưa đâu. Tất cả hơn sáu nghìn đô la vẫn còn cả đó, và bố mày từ đó đến nay cũng không thấy trở về nữa.

Jim nói trịnh trọng:

- Ông ấy không về nữa đâu. cậu Huck ạ.

Tôi hỏi:

- Sao Jim lại nói thế?

- Tôi biết chắc điều đó mà, cậu đừng hỏi nữa.

Nhưng tôi gặng hỏi mãi, sau cùng hắn nói:

- Cậu có nhớ cái nhà trôi ở trên sông ấy không. Trong đó có một người chết, có chiếc khăn phủ mặt. Tôi vào lật lên xem rồi không cho cậu vào xem đấy ư? Cậu có thể lấy tiền của cậu về lúc nào tùy ý, vì người chết trong cái nhà đó chính là ông ấy đấy.

Bây giờ, thằng Tom đã gần khỏi hắn. Nó buộc viên đạn vào một cái dây đeo lên cổ để làm cái

đồng hồ và thỉnh thoảng lại giở ra xem giờ.

Tôi không biết viết gì thêm nữa cho cuốn sách này. Nếu như tôi biết là viết một cuốn sách sẽ khó khăn như thế nào thì tôi sẽ chẳng viết, mà cũng không có ý định viết nữa. Nhưng dù sao, tôi cũng phải đi ngay đến địa phận của những người da đỏ vì dì Saly định nuôi tôi và khai hóa cho tôi; mà tôi thì tôi không chịu được điều đó, tôi đã thừa biết về nó rồi.